BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Ministry of Planning and Invesment





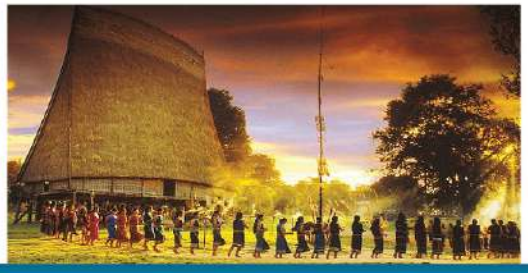
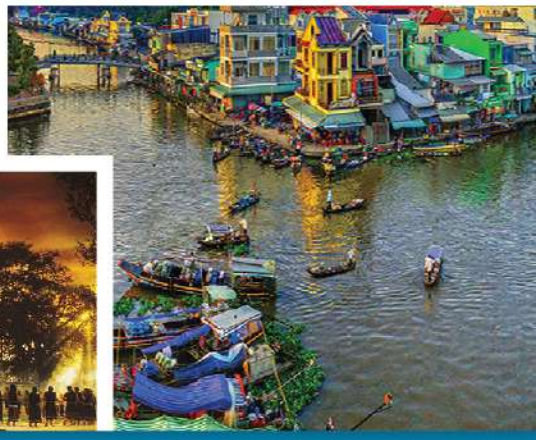

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

VỀ PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG, ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

Hà Nội, tháng 3 năm 2023

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
VỤ KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ LÃNH THỔ

NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

VỀ PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG, ĐỊA PHƯƠNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Tải xuống

Hà Nội, năm 2023



NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIII CỦA ĐẢNG

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

"Khai thác tốt hơn và phát huy tốt nhất lợi thế của mỗi vùng về kết cấu hạ tầng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa kinh tế - chính trị , nguồn nhân lực và tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng để tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tạo không gian phát triển mới..."

CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN CÁC VÙNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

NGHỊ QUYẾT 11-NQ/TW

NGÀY 10/02/2022, VỀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

NGHỊ QUYẾT 13-NQ/TW

NGÀY 02/04/2022, VỀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

NGHỊ QUYẾT 23-NQ/TW

NGÀY 06/10/2022, VỀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG TÂY NGUYÊN ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

BỘ CHÍNH TRỊ

NGHỊ QUYẾT 24-NQ/TW

NGÀY 07/10/2022, VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG ĐÔNG NAM BỘ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

NGHỊ QUYẾT 26-NQ/TW

NGÀY 03/11/2022, VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI TRUNG BỘ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

NGHỊ QUYẾT 30-NQ/TW

NGÀY 23/11/2022, VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

DANH MỤC TÀI LIỆU

Số TT	Tài liệu	Cơ quan ban hành	Trang
I	**Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**		
1.	Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/2/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	01
2.	Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01/8/2022 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế- xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	10
3.	Quyết định số 1616/QĐ-BKHĐT ngày 29/9/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	31
II	**Vùng Đồng bằng sông Hồng**		
1.	Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế- xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	35

Số TT	Tài liệu	Cơ quan ban hành	Trang
2.	Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	51
3.	Quyết định số 182/QĐ-BKHĐT ngày 27/02/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	81
III	**Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ**		
1.	Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	90
2.	Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29/12/2022 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	102

Số TT	Tài liệu	Cơ quan ban hành	Trang
3.	Quyết định số 126/QĐ-BKHĐT ngày 15/02/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	123
IV	**Vùng Tây Nguyên**		
1.	Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	128
2.	Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	142
3.	Quyết định số 2354/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	162

Số TT	Tài liệu	Cơ quan ban hành	Trang
V	**Vùng Đông Nam Bộ**		
1.	Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	167
2.	Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	181
3.	Quyết định số 2353/QĐ-BKHĐT ngày 30/12/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	206
VI	**Vùng đồng bằng sông Cửu Long**		
1.	Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	210

Số TT	Tài liệu	Cơ quan ban hành	Trang
2.	Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	222
3.	Quyết định số 1409/QĐ-BKHĐT ngày 11/8/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	241
VII	**Thành phố Hà Nội**		
1	Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Ban chấp hành Trung ương của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	245
2	Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 07/2/2023 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của chính phủ thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	257
VIII	**Thành phố Hải Phòng**		
1	Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	282

Số TT	Tài liệu	Cơ quan ban hành	Trang
2	Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26/11/2019 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	291
3	Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/01/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng	Quốc hội	320
IX	**Tỉnh Thanh Hóa**		
1	Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	324
2	Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 3/2/2021 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	335
3	Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/01/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa	Quốc hội	360
X	**Tỉnh Nghệ An**		
1	Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020	Bộ Chính trị	364
2	Nghị quyết số 36/2021/QH11 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An	Quốc hội	371
XI	**Tỉnh Thừa Thiên Huế**		
1	Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	374

Số TT	Tài liệu	Cơ quan ban hành	Trang
2	Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 24/5/2020 của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	385
3	Nghị quyết số 38/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế	Quốc hội	411
XII	**Thành phố Đà Nẵng**		
1	Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	414
2	Nghị quyết số 119/2020/QH14 về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng	Quốc hội	424
XIII	**Tỉnh Khánh Hòa**		
1	Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 28/01/2022 về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	433
2	Nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ ngày 21/3/2022: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	443
3	Nghị quyết số 55/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa	Quốc hội	469

Số TT	Tài liệu	Cơ quan ban hành	Trang
XIV	**Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk**		
1	Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Chính trị	480
2	Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 09/7/2020: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Chính phủ	487
3	Nghị quyết số 72/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Quốc hội	511
XV	**Thành phố Hồ Chí Minh**		
1	Nghị quyết số 31-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 30/12/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Bộ Chính trị	514
XVI	**Thành phố Cần Thơ**		
1	Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Bộ Chính trị	525
2	Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30/8/2021: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Chính phủ	536
3	Nghị quyết số 45/2022/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ	Quốc hội	555









VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Tiềm năng - Cơ hội - Hợp tác phát triển



Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ bao gồm 14 tỉnh, có diện tích khoảng 95.221,9 km2, chiếm hơn 28,75% diện tích tự nhiên của cả nước và lớn thứ 2 sau vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ, với nhiều tài nguyên, khoáng sản quý hiếm; có hơn 30 dân tộc anh em đang sinh sống, với dân số toàn Vùng gần 13 triệu người, chiếm khoảng 13% dân số cả nước; cửa ngõ phía Tây và phía Bắc của cả nước. Đây cũng là vùng có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển bền vững với nhiều loại tài nguyên, khoáng sản quý hiếm, diện tích rừng rộng lớn, cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, tươi đẹp và nhiều di sản văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số để phát triển du lịch và bảo vệ môi trường sinh thái của cả vùng phía Bắc.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện, trên cơ sở tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết nội vùng và với vùng đồng bằng Sông Hồng; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản; kinh tế cửa khẩu, du lịch; bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn; đẩy mạnh trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; bảo vệ an ninh nguồn nước. Tầm nhìn đến năm 2045, là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện; hình mẫu phát triển xanh của cả nước,...

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 11-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH

Sau 17 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 26-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, các địa phương trong vùng đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng và khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của vùng. Một số địa phương đã có sự phát triển bứt phá, tạo nên những điểm sáng trong vùng và cả nước. Kinh tế vùng tăng trưởng khá, đạt mức bình quân trên 10%/năm trong giai đoạn 2005 - 2010 và 8,15%/năm trong giai đoạn 2011 - 2020, cao hơn mức trung bình cả nước. Quy mô kinh tế được mở rộng, đạt 688,9 nghìn tỉ đồng vào năm 2020, chiếm 8,54% GDP cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt 54,14 triệu đồng/người. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, trong đó thuỷ điện, kinh tế cửa khẩu và du lịch trở thành những ngành kinh tế quan trọng; cơ cấu lao động chuyển dịch tương đối nhanh, tạo ra nhiều việc làm mới, tỉ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm ở mức thấp. Phát triển văn hoá, xã hội, giáo dục và đào tạo, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số đạt được nhiều tiến bộ. Công tác dân tộc, tôn giáo và chính sách xã hội, chính sách đối với người có công được thực hiện tốt; tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh; công bằng xã hội được bảo đảm. Công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được chú trọng; tỉ lệ che phủ rừng đạt mức cao. Phát triển kinh tế - xã hội được kết hợp chặt chẽ với tăng cường quốc phòng, an ninh, nhất là an ninh biên giới và các địa bàn trọng yếu. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được đẩy mạnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao... Diện mạo của vùng đã có nhiều thay đổi, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số. Những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh khẳng định Nghị quyết đã thực sự đi vào cuộc sống.

Tuy nhiên, tiềm năng, lợi thế của vùng vẫn chưa được khai thác hợp lý và phát huy hiệu quả. Trung du và miền núi Bắc Bộ vẫn là "vùng trũng" trong

phát triển và là "lõi nghèo" của cả nước, liên kết vùng còn yếu. Khoảng cách về trình độ phát triển và thu nhập bình quân đầu người trong nội vùng so với bình quân cả nước tiếp tục gia tăng. Quy mô kinh tế còn khá nhỏ; tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, chất lượng chưa cao. Cơ cấu nội ngành và giữa các ngành kinh tế chuyển dịch chậm. Các địa phương trong vùng đều chưa cân đối được ngân sách. Hoạt động hợp tác với các địa phương ngoài vùng với các tỉnh của Lào và Trung Quốc còn khá khiêm tốn. Phát triển văn hoá - xã hội vẫn còn nhiều bất cập. Một số phong tục, tập quán lạc hậu còn tồn tại. Chất lượng giáo dục và đào tạo ở một số địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu. Tỉ lệ lao động qua đào tạo thấp hơn mức trung bình toàn quốc. Một số chỉ số về chăm sóc sức khoẻ người dân còn ở mức thấp. Tỉ lệ hộ nghèo cao, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kết quả giảm nghèo chưa bền vững. Tình hình an ninh, trật tự trên một số lĩnh vực, tại một số địa bàn chưa thực sự vững chắc…

Hạn chế, yếu kém trên chủ yếu là do: Tư duy về phát triển chậm đổi mới, nhất là về liên kết vùng. Còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào ngân sách nhà nước. Cơ chế, chính sách và việc thực thi chính sách cho phát triển vùng còn bất cập, hạn chế, chưa theo kịp đòi hỏi của thực tế, còn chồng chéo, chủ yếu mang tính hỗ trợ, chưa chú trọng kích thích phát triển. Quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương trong vùng chất lượng thấp, thiếu sự liên kết, đồng bộ, thống nhất, thậm chí xung đột, mâu thuẫn, chồng chéo giữa các quy hoạch. Việc phân chia các tiểu vùng chưa thống nhất. Đầu tư và hỗ trợ của Trung ương chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tương xứng với vị trí, vai trò của vùng, chưa tạo ra sự đột phá. Vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông còn thấp; cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, dàn trải, hiệu quả sử dụng chưa cao. Quản trị phát triển vùng còn nhiều bất cập. Năng lực của bộ máy quản lý nhà nước ở một số nơi còn hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực chưa cao. Chỉ đạo, điều hành ở một số nơi còn sai sót, vi phạm. Phân cấp, phân quyền cho các địa phương chưa thực sự triệt để. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành với các tỉnh trong vùng chưa thường xuyên và chặt chẽ. Thiếu thể chế điều phối và kết nối phát triển vùng, nhất là trong việc quản lý và xử lý những vấn đề mang tính toàn vùng.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội; môi trường sinh thái; quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Phát triển nhanh và bền vững vùng, từng bước thu hẹp trình độ phát triển và mức sống của nhân dân trong vùng so với các vùng khác trong cả nước là nhiệm vụ hết sức quan trọng, có ý nghĩa không chỉ về kinh tế - xã hội mà trước hết là về chính trị, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của các địa phương trong vùng và cả nước.

- Phát triển vùng trung du và miền núi Bắc Bộ phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, bảo đảm thống nhất với hệ thống

quy hoạch quốc gia; phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia. Phát triển và khai thác tối đa kết cấu hạ tầng hiện có nhằm phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế toàn vùng, từng tiểu vùng và từng địa phương trong vùng. Hình thành các hành lang kinh tế, một số vùng động lực, các cực tăng trưởng. Phát triển các chuỗi ngành kinh tế, vùng đô thị và công nghiệp nhằm tạo sự bứt phá cho toàn vùng. Xây dựng cơ chế liên kết và điều phối phát triển vùng hiệu lực, hiệu quả. Mở rộng quan hệ đối ngoại, nhất là với các địa phương của các nước có chung đường biên giới.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp với điều kiện cụ thể của vùng; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư và kinh doanh để thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân cho phát triển những ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế. Tập trung nguồn vốn đầu tư nhà nước cho hạ tầng giao thông và những địa bàn xa xôi, đặc biệt khó khăn, đóng vai trò trọng yếu trong bảo đảm quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trong đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ mới phù hợp với điều kiện thực tế của vùng, từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc; phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung bảo vệ môi trường đi đôi với khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên rừng, khoáng sản, đất, nước; tăng cường đa dạng sinh học; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc biên giới của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng, sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân các dân tộc trong vùng.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện, trên cơ sở tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết nội vùng và với vùng đồng bằng Sông Hồng, Thủ đô Hà Nội; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản; kinh tế cửa khẩu, du lịch; bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn; đẩy mạnh trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; khai thác và sử dụng

hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ môi trường, an ninh sinh thái và an ninh nguồn nước. Một số tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá của cả nước; bản sắc văn hoá các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Trong giai đoạn 2021 - 2030, tăng trưởng GRDP đạt 8,0 - 9,0%/năm; đến năm 2030, quy mô kinh tế vùng đạt khoảng 2.100 nghìn tỉ đồng (giá hiện hành), trong đó nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm khoảng 12 - 13%, công nghiệp - xây dựng chiếm 45 - 46%, dịch vụ chiếm 37 - 38%; GRDP bình quân đầu người đạt 140 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành); tổng thu ngân sách nhà nước đạt khoảng 190 nghìn tỉ đồng. Tỉ lệ đô thị hoá đạt khoảng 40%; có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; mỗi tỉnh có ít nhất 3 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 65 - 70%; có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; tỉ lệ nghèo đa chiều giảm 2 - 3%/năm. Đạt 32 giường bệnh viện/vạn dân; 11 bác sĩ/vạn dân; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm. Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỉ lệ che phủ rừng đạt khoảng 54 - 55%. Tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị đạt 95 - 100%, ở nông thôn là 93 - 95%. Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế đạt 90%; chất thải rắn đô thị đạt 100%. 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện; hình mẫu phát triển xanh của cả nước, trong đó có khoảng 50% số tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá trong cả nước; bản sắc văn hoá các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển và liên kết vùng

- Tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng. Đổi mới tư duy phát triển, nhất là về liên

kết vùng; về cơ chế, chính sách đặc thù; về phân bổ nguồn lực; về nguồn nhân lực và tiềm năng, lợi thế nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng; giải quyết các vấn đề trọng điểm quốc gia tại vùng; các vấn đề liên ngành, liên vùng.

- Xây dựng quy hoạch phát triển vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo hướng xanh, bền vững và toàn diện; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia; bảo đảm tích hợp, đa ngành, gắn kết giữa phát triển nông nghiệp với phát triển công nghiệp và dịch vụ; giữa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới; giữa phát triển kinh tế với quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu; hình thành được các chuỗi giá trị ngành, sản phẩm của vùng; là định hướng cho quy hoạch phát triển các địa phương nhằm khai thác hiệu quả và phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trong tổng thể thống nhất vùng.

- Phát triển hệ thống đô thị trong vùng có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, bản sắc, thông minh, thân thiện với môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu; kết nối nội vùng và với các đô thị lớn vùng đồng bằng Sông Hồng thông qua các trục giao thông, hành lang kinh tế. Xây dựng các thành phố Thái Nguyên, Bắc Giang, Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn trở thành các cực tăng trưởng, hạt nhân quan trọng trong phát triển kinh tế vùng. Chú trọng phát triển đô thị gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh tại nơi có các khu kinh tế cửa khẩu.

- Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, ha tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại và thông minh, gắn với phát triển các hành lang kinh tế; coi đây là một trong những khâu đột phá, tạo nền tảng cho phát triển nhanh, bền vững; thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển và thu nhập bình quân đầu người trong vùng với cả nước. Phát triển chuỗi liên kết khu vực động lực của vùng tại vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ gắn với vùng Thủ đô; các chuỗi liên kết trung tâm kinh tế - đô thị vùng gắn với các đô thị vùng biên giới; các cụm liên kết, trung tâm sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo trình độ cao tại Thái Nguyên, Bắc Giang; chuỗi liên kết phát triển các sản phẩm nông nghiệp, trong đó đưa Sơn La trở thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp; Tuyên Quang trở thành trung tâm sản xuất và chế biến gỗ; chuỗi liên kết phát triển du lịch, trong đó đưa Lào Cai trở thành trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc. Thí điểm xây dựng một số khu kinh tế qua biên giới

Đến năm 2030, hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc, tiền cao tốc: Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La, Trà Lĩnh - Đồng Đăng, Chợ Mới - Bắc Kạn, cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Lạng Sơn), tuyến nối Hà Giang với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; Tuyên Quang - Phú Thọ, tuyến Đoan Hùng - Chợ Bến và đường Vành đai 5 (qua Bắc Giang, Thái Nguyên), giai đoạn 2 tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai...; tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các tuyến đường bộ nối các địa phương với đường

cao tốc, các đường vành đai biên giới, các tuyến đường quốc lộ quan trọng kết nối các địa phương trong vùng. Nghiên cứu đầu tư và nâng cấp một số cảng hàng không trong vùng (Lai Châu, Điện Biên, Nà Sản, Sa Pa). Hoàn thành dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với thành phố Lai Châu; nghiên cứu đầu tư một số tuyến đường thuỷ trong vùng. Quy hoạch và nghiên cứu huy động nguồn lực đầu tư các tuyến đường sắt điện khí hoá Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Đồng Đăng. Phát triển các hành lang kinh tế như Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn - Cao Bằng; Hà Nội - Hoà Bình - Sơn La - Điện Biên; Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn; Hà Nội - Tuyên Quang - Hà Giang; Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng; Hà Nội - Phú Thọ - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Cao Bằng.

2. Phát triển nhanh và bền vững kinh tế vùng

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng đạt mức cao hơn bình quân chung cả nước; từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số; thúc đẩy đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của vùng.

- Phát triển công nghiệp vùng theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, trọng tâm là công nghiệp chế biến. Phát triển nông nghiệp vùng theo hướng nông nghiệp hàng hoá, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch, đặc sản; hình thành các vùng chuyên canh với quy mô thích hợp. Phát triển các ngành dịch vụ của vùng theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hoá. Phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo; nâng cao chất lượng các tuyến du lịch, đẩy mạnh liên kết hoạt động du lịch giữa các tỉnh trong vùng.

- Cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính, thu hút nguồn lực đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân và chọn lọc các dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước, kết hợp với huy động các nguồn lực trong xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ đầu tư theo hình thức đối tác công tư cho các công trình trọng điểm có sức lan toả, giải quyết các vấn đề phát triển vùng và liên vùng. Sửa đổi, bổ sung chính sách tài chính, chính sách thuế đối với các dự án thuỷ điện quan trọng và hoạt động xuất, nhập khẩu tại các cửa khẩu theo hướng tăng tỉ trọng nguồn thu được phân bổ cho các địa phương trong vùng. Phấn đấu sớm có địa phương có số thu điều tiết về ngân sách trung ương.

- Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, coi đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là trung tâm trong các quyết định phát triển vùng. Xây dựng thí điểm một số mô hình quản lý rừng bền vững dựa vào cộng

đồng. Bảo vệ nghiêm ngặt nước đầu nguồn; thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ nguồn nước giữa các ngành trong vùng, giữa vùng với vùng đồng bằng Sông Hồng. Đầu tư đổi mới hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thuỷ văn, thiên tai và biến đổi khí hậu vùng.

3. Phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trong đồng bào dân tộc thiểu số, coi đây là một trong những khâu đột phá cho phát triển nhanh và bền vững vùng. Quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông trung học bán trú, trường phổ thông trung học nội trú và trường dự bị đại học. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học cho các trường đại học trong vùng; tập trung đầu tư phát triển một số viện/trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, nhất là trong nông nghiệp theo mô hình tiên tiến của thế giới. Sắp xếp lại và đổi mới cơ chế hoạt động các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong vùng. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc.

- Tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo nhanh và bền vững, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số thông qua các cơ chế, chính sách, chương trình hỗ trợ sản xuất, sinh kế, hỗ trợ nhà ở. Tăng cường chăm lo người có công, công tác bảo trợ xã hội và giảm nghèo; khuyến khích xã hội hoá; gắn công tác giảm nghèo với đô thị hoá, xây dựng nông thôn mới, phát triển các mô hình sinh kế mới, phát triển giáo dục, dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, miền núi. Kiện toàn hệ thống tổ chức y tế địa phương; xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở. Tăng cường năng lực y tế dự phòng và phòng, chống dịch.

- Ưu tiên bảo tồn và phát huy giá trị các di sản thế giới, di tích cấp quốc gia (đặc biệt), di tích lịch sử cách mạng, các di sản văn hoá tiêu biểu đặc trưng vùng và đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, phổ biến giáo dục pháp luật, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ các quy định của Nhà nước trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo. Kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân.

4. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ

với bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Phát huy hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng; tăng cường đầu tư xây dựng các công trình lưỡng dụng. Tiếp tục đầu tư và triển khai việc sắp xếp, bố trí dân cư trên tuyến biên giới; đầu tư xây dựng các đường tuần tra biên giới. Hợp tác chặt chẽ với các nước láng giềng về quốc phòng, an ninh, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định và phát triển bền vững.

- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Tăng cường lực lượng hỗ trợ cơ sở, củng cố hệ thống chính trị; xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thế trận quốc phòng toàn dân. Phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo trong giải quyết các vấn đề phức tạp, nảy sinh; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn xã hội và các loại tội phạm.

5. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền. Kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan trong hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW. Phấn đấu các thôn, bản ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đều có đảng viên và chi bộ đảng. Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyển giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể nhân dân; phát huy hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng ở các cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng; sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng. Xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân vùng giáp biên của nước ta và các nước bạn.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân các tỉnh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ nghiên cứu, quán triệt triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: Ban hành Chương trình hành động triển khai Nghị quyết và xây dựng Quy hoạch phát triển vùng, địa phương. Nghiên cứu, bảo đảm tính thống nhất về phân chia các tiểu vùng trong vùng. Nghiên cứu xây dựng đề án phát triển một số cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế vùng như Thái Nguyên, Bắc Giang, Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn. Sớm hoàn thành việc xây dựng và thể chế hoá cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù đối với vùng.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, phối hợp với các tỉnh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ để thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 96 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các Tờ trình số 4124/TTr-BKHĐT ngày 20 tháng 6 năm 2022 và số 5031/TTr-BKHĐT ngày 22 tháng 7 năm 2022;

Trên cơ sở ý kiến biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương, các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH. 110

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Phạm Bình Minh

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Nghị quyết số 96 /NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ)

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 11-NQ/TW) đã đề ra các mục tiêu:

Đến năm 2030, vùng trung du và miền núi phía Bắc là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện, trên cơ sở tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng liên kết nội vùng và với vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ, đặc sản; kinh tế cửa khẩu, du lịch; bảo vệ, khôi phục rừng, nhất là rừng đầu nguồn; đẩy mạnh trồng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản; bảo vệ môi trường, an ninh sinh thái và an ninh nguồn nước. Một số tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá của cả nước; bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện và nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường.

Tầm nhìn đến năm 2045, vùng trung du và miền núi phía Bắc là vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện; hình mẫu phát triển xanh của cả nước, trong đó có khoảng 50% số tỉnh nằm trong nhóm các tỉnh phát triển khá trong cả nước; bản sắc văn hóa các dân tộc được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ ban hành Chương trình hành động với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị phải được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 11-NQ/TW nhằm xây dựng và phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc trở thành vùng phát triển xanh, bền vững và toàn diện phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, môi trường sinh thái, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

2. Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 11-NQ/TW bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của Chính phủ gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết. Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng chương trình hành động của từng bộ, cơ quan và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu cao nhất đạt được các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 11-NQ/TW.

3. Chương trình hành động nhằm thể hiện được vai trò kiến tạo, chỉ đạo của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc, đồng thời xác định rõ vai trò, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, Thủ đô Hà Nội tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng, mở rộng hợp tác quốc tế, đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng trung du và miền núi phía Bắc với nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Trong giai đoạn 2021 - 2030, tăng trưởng GRDP vùng đạt 8,0 - 9,0%/năm; đến năm 2030, quy mô kinh tế vùng đạt khoảng 2.100 nghìn tỷ đồng (giá hiện hành), trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 12 - 13%, công nghiệp - xây dựng chiếm 45 - 46%, dịch vụ chiếm 37 - 38%; GRDP bình quân đầu người đạt 140 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành); tổng thu ngân sách nhà nước đạt khoảng 190 nghìn tỷ đồng. Tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%; có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 30% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; mỗi tỉnh có ít nhất 3 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 65 - 70%; có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; tỉ lệ nghèo đa chiều giảm 2 - 3%/năm. Đạt 32 giường bệnh viện/vạn dân; 11 bác sĩ/vạn dân; 100% trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm. Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỉ lệ che chủ rừng đạt khoảng 54 - 55%. Tỉ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 95 - 100%, tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn là 93 - 95%. Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế đạt 90%; chất thải rắn đô thị đạt 100%. 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nêu trên, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng tập trung chỉ đạo thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW.

- Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng trung du và miền núi phía Bắc.

- Đổi mới tư duy phát triển và đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là về liên kết vùng, về quan hệ đối ngoại, về cơ chế chính sách đặc thù, về phân bổ nguồn lực, về nguồn nhân lực nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, giải quyết các vấn đề trọng điểm quốc gia tại vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

- Chủ động phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thách thức, cũng như yếu tố tiềm năng, vị thế của vùng để tiếp tục tạo sự bứt phá của vùng trung du và miền núi phía Bắc trong giai đoạn tiếp theo.

2. Hoàn thiện thể chế phát triển và liên kết vùng

- Hoàn thành lập và phê duyệt quy hoạch phát triển vùng trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch các địa phương trong vùng trung du và miền núi phía Bắc, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững, trong đó: Phát triển hệ thống đô thị trong vùng kết nối nội vùng và với các đô thị lớn vùng đồng bằng sông Hồng; các chuỗi liên kết, trung tâm kinh tế - đô thị vùng gắn với các đô thị vùng biên giới; hình thành một số cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế của vùng như Thái Nguyên, Bắc Giang, Lào Cai, Sơn La, Lạng Sơn; phát triển các hành lang kinh tế gắn với thành phố Hà Nội và vùng đồng bằng sông Hồng như Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn - Cao Bằng, Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên, Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Thái Nguyên - Bắc Kạn, Hà Nội - Tuyên Quang - Hà Giang, Phú Thọ - Vĩnh Phúc - Hà Nội - Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng, Hà Nội - Phú Thọ - Tuyên Quang - Bắc Kạn - Cao Bằng; hình thành chuỗi liên kết khu vực động lực của vùng tại vành đai Bắc Giang - Thái Nguyên - Phú Thọ gắn với vùng Thủ đô; hình thành các chuỗi giá trị ngành, sản phẩm của vùng như trung tâm sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo trình độ cao tại Thái Nguyên và Bắc Giang, trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp tại Sơn La, trung tâm sản xuất và chế biến gỗ tại Tuyên Quang, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc tại Lào Cai.

- Thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng trung du và miền núi phía Bắc. Rà soát, sớm điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hiện hành để đáp ứng tốt hơn các điều kiện đặc thù trong phát triển vùng.

- Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số, trung tâm sản xuất điện, điện tử, công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại và thông minh, gắn với phát triển các hành lang kinh tế. Thí điểm xây dựng một số khu kinh tế qua biên giới.

- Đến năm 2030, hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc, tiền cao tốc; tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh các tuyến đường bộ nối các địa phương với đường cao tốc, các đường vành đai biên giới, các tuyến đường quốc lộ quan trọng kết nối các địa phương trong vùng, cụ thể:

Giai đoạn 2021 - 2025:

+ Về đường bộ, hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc, tiền cao tốc, gồm: Hữu Nghị - Chi Lăng, Tuyên Quang - Phú Thọ, Chợ Mới - Bắc Kạn, Tuyên Quang - Hà Giang và tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; tập

trung đầu tư nâng cấp một số đoạn ưu tiên trên các đường vành đai 1 (Quốc lộ 4), vành đai 2 (Quốc lộ 279) và vành đai 3 (Quốc lộ 37) và một số tuyến như Quốc lộ 2, Quốc lộ 2C, Quốc lộ 3B, Quốc lộ 6, Quốc lộ 12, Quốc lộ 15, Quốc lộ 31, Quốc lộ 32C...

+ Về hàng không, đầu tư cảng hàng không Sa Pa theo hình thức đối tác công tư (PPP); đầu tư nâng cấp cảng hàng không Điện Biên.

+ Về đường sắt, cải tạo, nâng cấp các ga hàng hoá để khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có; đầu tư kết nối tại cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

+ Về đường thủy, đầu tư nâng cấp tĩnh không cầu Đuống, nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên sông Hồng để kết nối thuận lợi về Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh; thu hút đầu tư ngoài ngân sách vào các cảng cạn tại Lào Cai, Phú Thọ, Lạng Sơn, Cao Bằng; nâng cao hiệu quả khai thác vận tải thủy trên các lòng hồ thuỷ điện trong vùng.

Giai đoạn 2026 - 2030

+ Về đường bộ, hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc, tiền cao tốc, gồm: Đồng Đăng - Trà Lĩnh; Hoà Bình - Mộc Châu - Sơn La, Đoan Hùng - Chợ Bến; vành đai 5 qua địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Bắc Giang; tuyến nối Hà Giang với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; mở rộng theo quy hoạch một số tuyến cao tốc phân kỳ đầu tư (Yên Bái - Lào Cai, Hòa Lạc - Hòa Bình...).

+ Về hàng không, nghiên cứu, kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) hoặc các hình thức đầu tư khác đối với các cảng hàng không trong vùng như: Nà Sản, Lai Châu với phương châm đẩy mạnh phân cấp cho các địa phương là cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Về đường sắt, đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng.

+ Về đường thủy nội địa, đầu tư nâng cấp tuyến vận tải thủy Việt Trì - Yên Bái - Lào Cai; tiếp tục nâng cao hiệu quả khai thác vận tải thủy trên các lòng hồ thuỷ điện trong vùng.

3. Phát triển nhanh và bền vững kinh tế vùng

- Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số. Triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp, phát huy vai trò hệ thống các điểm không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tế của vùng. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển công nghiệp vùng theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng. Phát triển nông nghiệp vùng theo hướng nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch, đặc sản; hình thành các vùng chuyên canh với quy mô thích hợp.

- Phát triển các ngành dịch vụ và thương mại của vùng theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa, đẩy mạnh liên kết hoạt động du lịch giữa các tỉnh trong vùng. Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc. Thực hiện Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững giá trị di sản văn hoá Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2030.

- Cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính, thu hút nguồn lực đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân và chọn lọc các dự án có vốn đầu tư nước ngoài phù hợp với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của vùng; ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước, kết hợp với huy động các nguồn lực trong xã hội, thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công tư cho các công trình trọng điểm có sức lan tỏa của vùng.

- Thực hiện đổi mới cơ chế phân cấp quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và chủ động của ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan. Sửa đổi, bổ sung chính sách tài chính, chính sách thuế đối với các dự án thủy điện quan trọng và hoạt động xuất, nhập khẩu tại các cửa khẩu theo hướng tăng tỉ trọng nguồn thu được phân bổ cho các địa phương trong vùng.

- Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, đất đai, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo vệ nghiêm ngặt nước đầu nguồn, thực hiện thí điểm cơ chế chia sẻ nguồn nước giữa các ngành trong vùng, giữa vùng với vùng đồng bằng sông Hồng; nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường cho các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc từ nay đến năm 2030. Đầu tư đổi mới hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, thiên tai và biến đổi khí hậu vùng.

- Xây dựng thí điểm một số mô hình quản lý rừng bền vững dựa vào cộng đồng. Nghiên cứu cơ chế phân bổ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng.

4. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Quy hoạch lại mạng lưới trường, lớp; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú và trường dự bị đại học. Xây dựng đề án kiên cố hóa trường, lớp học tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học cho các trường đại học trong vùng; tập trung đầu tư phát triển một số viện/trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Rà soát, sắp xếp và đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, từng bước tiến tới tự chủ tài chính theo lộ trình. Phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hình thức xã hội hoá và khuyến khích hình thức đối tác công tư. Tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc, Đề án xây dựng mô hình thư viện cơ sở phục vụ nhân dân miền núi, biên giới vùng trung du và miền núi phía Bắc giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tập trung nguồn lực và khuyến khích xã hội hóa thực hiện các cơ chế, chính sách trợ giúp xã hội, chương trình hỗ trợ sinh kế, dịch vụ, hỗ trợ nhà ở gắn với thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Tăng cường chăm lo người có công, công tác bảo trợ xã hội; phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, miền núi. Kiện toàn hệ thống tổ chức y tế địa phương; phát triển mạng lưới y tế cơ sở; tăng cường năng lực y tế dự phòng và phòng chống dịch.

- Thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030 gắn với đẩy mạnh thông tin thị trường lao động. Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chính sách quản lý lao động và bảo hiểm thất nghiệp.

- Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; tiếp tục thực hiện đầy đủ các cam kết với UNESCO đối với các di sản văn hóa được công nhận; bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa; giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số. Kiện toàn, đổi mới hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa nhằm xây dựng môi trường văn hóa cơ sở, tạo ra các không gian văn hóa đa dạng phục vụ người dân giải trí, hưởng thụ, sáng tạo và làm chủ.

- Tăng cường công tác thông tin truyền thông, tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ các quy định của Nhà nước trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo; phổ biến giáo dục pháp luật, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc, tiêu cực, sai sự thật trên các nền tảng số. Kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân.

5. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

- Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Tuyên truyền vận động người dân tuân thủ các quy định của Nhà nước trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo. Tăng cường giáo dục quốc phòng, an ninh, xây dựng cơ sở vững mạnh, toàn diện, góp phần xây dựng thế trận lòng dân vững chắc.

- Tiếp tục đầu tư và xây dựng hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng; tăng cường đầu tư các công trình lưỡng dụng. Hoàn chỉnh Đề án "cơ cấu, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp quân đội" đến năm 2025 và Đề án "Quân đội tham gia lao động sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng trong tình hình mới".

- Đầu tư xây dựng các đường tuần tra biên giới, kè bảo vệ mốc quốc giới, kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới; đầu tư xây dựng các tuyến giao thông kết nối từ các xã biên giới vào các đồn biên phòng, đường từ đồn, trạm biên phòng ra các mốc quốc giới và đường tuần tra biên giới. Tiếp tục đầu tư và triển khai việc sắp xếp, bố trí dân cư trên tuyến biên giới. Thực hiện hiệu quả các văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển bền vững.

- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa mọi âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ, kích động biểu tình, "ly khai, tự trị" của các thế lực thù địch, phản động; kiên quyết xử lý theo quy định pháp luật các đối tượng cầm đầu, cốt cán, chống đối cực đoan; không để các đối tượng có điều kiện hoạt động; không để các thế lực bên ngoài có điều kiện can thiệp. Tập trung đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm xuyên quốc gia, xuyên biên giới, tội phạm hình sự, tội phạm trên lĩnh vực kinh tế, ma túy, tội phạm mua bán người...Tăng cường đầu tư, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác, chiến đấu, góp phần xây dựng lực lượng Công an vùng trung du và miền núi phía Bắc chính quy, tinh nhuệ, hiện đại có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Bộ Chính trị. Phát huy vai trò người có uy tín trong dân tộc thiểu số, chức sắc tôn giáo trong giải quyết các vấn đề phức tạp, nảy sinh; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn xã hội và các loại tội phạm. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân kết hợp chặt chẽ với thế trận quốc phòng toàn dân.

6. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của Chính phủ và các cấp chính quyền. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan trong hệ thống chính trị theo tinh thần Nghị quyết số 18 và 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, đặc biệt là hoàn thành kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy bên trong các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tiếp tục thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Phấn đấu các thôn, bản ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đều có đảng viên và chi bộ đảng. Thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và thế hệ trẻ.

Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyển giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số; xây dựng và thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong các cơ quan hành chính các cấp; thực hiện tốt văn hóa, đạo đức công vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm khi có sai phạm. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể nhân dân; phát huy hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng ở các cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hóa, cách mạng; sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng. Xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân vùng giáp biên của nước ta với các nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 30 tháng 9 năm 2022, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp chặt chẽ, quyết liệt với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này.

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	VỀ KINH TẾ			
1	Tăng trưởng GRDP bình quân vùng	%	8,0 - 9,0	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Quy mô kinh tế vùng đến năm 2030 (giá hiện hành)	nghìn tỉ đồng	2.100	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	12 - 13	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Công nghiệp - xây dựng	%	45 - 46	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Dịch vụ	%	37 - 38	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3	GRDP bình quân đầu người đến năm 2030	triệu đồng	140	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Tổng thu ngân sách nhà nước đến năm 2030	nghìn tỉ đồng	190	Bộ Tài chính
5	Tỉ lệ đô thị hóa đến năm 2030	%	Khoảng 40	Bộ Xây dựng
6	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước vùng trung du miền núi Bắc bộ	%	20 - 30	Bộ Thông tin và Truyền thông
	VỀ XÃ HỘI			
7	Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	Khoảng 80	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Trong đó: Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	Khoảng 30	
8	Số huyện đạt chuẩn nông thôn mới ít nhất mỗi tỉnh	Huyện/tỉnh	3	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo	%	65 - 70	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	Trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ	%	*35 - 40*	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
10	Tỉ lệ nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm	Điểm %	2 - 3	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
11	Số giường bệnh trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường bệnh	32	Bộ Y tế
12	Số bác sỹ trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Bác sỹ	11	
13	Tỉ lệ trạm y tế xã, phường, thị trấn thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm	%	100	
14	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	trên 95	
	VỀ MÔI TRƯỜNG			
15	Tỉ lệ che phủ rừng	%	khoảng 54 - 55	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	Tỉ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	95 - 100	Bộ Xây dựng
17	Tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	93 - 95	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	90	Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì (Bộ Công Thương, Bộ Y tế phối hợp)
19	Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị	%	100	Bộ Tài nguyên và Môi trường
20	Tỉ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn	%	100	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
21	Tỉ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Bộ Công Thương

Ghi chú: Kỳ đánh giá hàng năm, 5 năm và cuối kỳ.

Phụ lục II

NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW

(Kèm theo Nghị quyết số 96 /NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ)

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
I	**HOÀN THIỆN THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN VÀ LIÊN KẾT VÙNG**				
1	Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	Quý III/2023	Thủ tướng Chính phủ
2	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	14 địa phương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
3	Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng trung du và miền núi phía Bắc	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022	Thủ tướng Chính phủ
4	Báo cáo rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng trung du và miền núi phía Bắc	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	Quý II/2023	Thủ tướng Chính phủ
5	Đề án phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm vùng trung du miền núi phía Bắc	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
6	Đề án thí điểm khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng các cơ quan liên quan và địa phương	2025	Ban cán sự Đảng Chính phủ

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
7	Đề án xây dựng Sơn La trở thành trung tâm chế biến sản phẩm nông nghiệp	Sơn La	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2023	Thủ tướng Chính phủ
8	Đề án xây dựng Tuyên Quang trở thành khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao và trung tâm sản xuất và chế biến gỗ	Tuyên Quang	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2022 - 2023	Thủ tướng Chính phủ
9	Đề án đưa Lào Cai trở thành trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam Trung Quốc	Lào Cai	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Ngoại giao	2023	Thủ tướng Chính phủ
10	Đề án "Phát triển hạ tầng thương mại vùng trung du miền núi phía Bắc đến năm 2030"	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
II	**PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG KINH TẾ VÙNG**				
1	Xây dựng và triển khai Đề án nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường cho các tỉnh vùng trung du miền núi phía Bắc từ nay đến 2030	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
2	Đề án thí điểm cơ chế chia sẻ nguồn nước giữa các ngành trong vùng, giữa vùng trung du miền núi phía Bắc với vùng đồng bằng sông Hồng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2023	Thủ tướng Chính phủ
3	Đề án tái cơ cấu công nghiệp, thương mại các địa phương vùng trung du miền núi phía Bắc đến năm 2030	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
4	Đề án nghiên cứu xây dựng cụm liên kết sản xuất điện, điện tử, cơ khí chế tạo tại thành phố Thái Nguyên và Bắc Giang theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân với môi trường	Bộ Công Thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
5	Đề án phát triển bền vững thị trường trong nước vùng trung du miền núi phía Bắc đến năm 2030	Bộ Công Thương	Bộ Công Thương	2023	Thủ tướng Chính phủ
6	Sửa đổi, bổ sung chính sách tài chính, chính sách thuế đối với các dự án thuỷ điện quan trọng và hoạt động xuất, nhập khẩu tại các cửa khẩu theo hướng tăng tỉ trọng nguồn thu được phân bổ cho các địa phương trong vùng trung du miền núi phía Bắc	Bộ Tài chính	Bộ Công Thương và các địa phương	2025	Thủ tướng Chính phủ/ Quốc hội
III	**PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN**				
1	Đề án xây dựng mô hình thư viện cơ sở phục vụ nhân dân miền núi, biên giới vùng trung du miền núi phía Bắc giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN HẠ TẦNG GIAO THÔNG KẾT NỐI HOÀN THÀNH TRƯỚC NĂM 2030 CỦA VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

(Kèm theo Nghị quyết số 96 /NQ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ)

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN
I	**CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC, TIỀN CAO TỐC**			
1	Chợ Mới - Bắc Kạn	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
2	Tuyến nối Hà Giang với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
3	Đoan Hùng - Chợ Bến	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
4	Dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với thành phố Lai Châu	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước 2024
5	Giai đoạn 2 tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
6	Tập trung đầu tư nâng cấp một số đoạn ưu tiên trên các đường vành đai 1 (Quốc lộ 4), vành đai 2 (Quốc lộ 279), và vành đai 3 (Quốc lộ 37) và một số tuyến Quốc lộ quan trọng khác	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
7	Đầu tư xây dựng các đường tuần tra biên giới, kè bảo vệ mốc quốc giới, kè bảo vệ bờ sông, suối biên giới; đầu tư xây dựng các tuyến giao thông kết nối từ các xã biên giới vào các đồn biên phòng, đường từ đồn, trạm biên phòng ra các mốc quốc giới và đường tuần tra biên giới	Bộ Quốc phòng	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN
8	Tuyến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình - Sơn La	Các địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
9	Tuyến đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (CT.15)	Tuyên Quang, Hà Giang	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030 (giai đoạn I 2021 - 2025)
10	Tuyến cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Cao Bằng	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	2020 - 2024 (giai đoạn 1)
11	Tuyến cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Lạng Sơn)	Lạng Sơn	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
12	Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Tuyên Quang	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
13	Đường vành đai 5 - qua tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
14	Đường vành đai 5 - qua tỉnh Thái Nguyên	Thái Nguyên	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
II	**CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ NỐI VỚI ĐƯỜNG CAO TỐC, ĐƯỜNG VÀNH ĐAI BIÊN GIỚI, QUỐC LỘ QUAN TRỌNG KẾT NỐI**			
1	Cải tạo, nâng cấp đường Bắc Quang - Xín Mần (ĐT 177)	Hà Giang	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
2	Hỗ trợ dự án BOT cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Lạng Sơn	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
3	Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Yên Bái	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
4	Tuyên đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc	Thái Nguyên	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN
5	Xây dựng tuyến đường thành phố Bắc Kạn - Hồ Ba Bể kết nối sang Na Hang, Tuyên Quang	Bắc Kạn	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
6	Dự án giao thông liên vùng kết nối đường Hồ Chí Minh với Quốc lộ 70B, Quốc lộ 32C tỉnh Phú Thọ đi Yên Bái	Phú Thọ	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
7	Cầu biên giới qua sông Hồng tại xã Bản Vược	Lào Cai	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
8	Đường nối Quốc lộ 37 - Quốc lộ 17 - Võ Nhai (Thái Nguyên), tỉnh Bắc Giang	Bắc Giang	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
9	Đường liên kết vùng Hòa Bình với Hà Nội và cao tốc Sơn La (Hòa Bình - Mộc Châu)	Hòa Bình	Ngân sách nhà nước	2022 - 2027
10	Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua đèo Hoàng Liên	Lai Châu	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
11	Dự án đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên	Điện Biên	Ngân sách nhà nước	2021 - 2025
12	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Sơn La	Ngân sách nhà nước	2022 - 2026
III	**ĐẦU TƯ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT ĐIỆN KHÍ HÓA**			
1	Nghiên cứu đầu tư tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
2	Nghiên cứu đầu tư tuyến Hà Nội - Đồng Đăng	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030
IV	**CẢNG HÀNG KHÔNG**			

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN
1	Nghiên cứu đầu tư cảng hàng không Lai Châu	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
2	Đầu tư nâng cấp cảng hàng không Điện Biên	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước 2025
3	Nghiên cứu đầu tư cảng hàng không Nà Sản	Bộ Giao thông vận tải/địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
4	Đầu tư cảng hàng không Sa Pa	Lào Cai	Ngân sách nhà nước và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030
V	**ĐƯỜNG THỦY**			
1	Nâng cấp tuyến Việt Trì - Yên Bái - Lào Cai	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước	Trước năm 2030

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1616/QĐ-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

- Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Căn cứ Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kinh tế địa phương và Lãnh thổ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- Các đ/c Lãnh đạo Bộ (để c/đ);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, KTĐPLT (Tr3).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1616/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhằm cụ thể hóa các nội dung công việc, xác định, thời hạn, tiến độ, kết quả đầu ra, trách nhiệm và cơ chế phối hợp của các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 96/NQ-CP ngày ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết 96/NQ-CP).

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong Nghị quyết 96/NQ-CP; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tổ chức quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, bảo đảm thực hiện kịp thời và hiệu quả những nội dung của Kế hoạch hành động (Phụ lục kèm theo).

2. Giao Tổng cục Thống kê chủ trì theo dõi đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế về: Tăng trưởng GRDP bình quân vùng; quy mô kinh tế vùng; cơ cấu GRDP của vùng; GRDP bình quân đầu người; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu tại Phụ lục I của Nghị quyết 96/NQ-CP.

3. Giao Vụ Quản lý các khu kinh tế chủ trì theo dõi đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu tỉ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn tại Phụ lục I của Nghị quyết 96/NQ-CP.

4. Giao Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Bộ và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, định kỳ tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Bộ kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp cần thiết đảm bảo thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết của Chính phủ.

5. Giao các đơn vị: Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị, Quốc phòng, an ninh và Kinh tế Địa phương và Lãnh thổ phối hợp với các cơ quan trung ương và địa phương trong vùng đôn đốc tình hình triển khai và báo cáo kết quả thực hiện các dự án hạ tầng giao thông kết nối của vùng trung du và miền núi phía Bắc theo phụ lục III của Nghị quyết 96/NQ-CP.

6. Giao Văn phòng Bộ:

a) Phối hợp với các đơn vị trong Bộ xây dựng phương án bố trí kinh phí từ nguồn dự toán được giao hàng năm để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ của Bộ tại Nghị quyết 96/NQ-CP, báo cáo lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

b) Tổng hợp, đưa các nhiệm vụ của các đơn vị nêu trên vào Chương trình công tác của Bộ hàng năm để làm cơ sở đôn đốc, báo cáo Lãnh đạo Bộ./.

PHỤ LỤC

NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 96/NQ-CP NGÀY 01 THÁNG 08 NĂM 2022 CỦA CHÍNH PHỦ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 11-NQ/TW NGÀY 10 THÁNG 02 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số: 1616/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

	NHIỆM VỤ	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO DÕI/THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP THEO DÕI/ THỰC HIỆN	THỜI GIAN BÁO CÁO/TRÌNH	CẤP BÁO CÁO/TRÌNH
1	**HOÀN THIỆN THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN VÀ LIÊN KẾT VÙNG**				
1	Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Vụ Quản lý Quy hoạch	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý III/2023	TTgCP
2	Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng trung du và miền núi phía Bắc.	Vụ Kinh tế địa phương và Lãnh thổ	Các đơn vị thuộc Bộ	2022	TTgCP
3	Báo cáo rà soát các cơ chế, chính sách đặc thù cho vùng trung du và miền núi phía Bắc.	Vụ Kinh tế địa phương và Lãnh thổ	Các đơn vị thuộc Bộ	Quý II/2023	TTgCP
II	**PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG KINH TẾ VÙNG**				
4	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, chính sách về phát triển công nghiệp vùng theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo và năng lượng.	Vụ Kinh tế công nghiệp	Các đơn vị thuộc Bộ	2023-2025	Bộ trưởng Bộ KHĐT
5	Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp, chính sách về phát triển các ngành dịch vụ và thương mại của vùng theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa, đẩy mạnh liên kết hoạt động du lịch giữa các tỉnh trong vùng. Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc.	Vụ Kinh tế dịch vụ	Vụ Lao động, văn hóa và xã hội và Các đơn vị thuộc Bộ	2022-2025	Bộ trưởng Bộ KHĐT



VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Phát triển đột phá - Đổi mới sáng tạo - Xanh và Bền vững



Vùng đồng bằng sông Hồng bao gồm thủ đô Hà Nội và 10 tỉnh, thành phố với diện tích tự nhiên là 14.806 km2. Đây là một trong hai vùng năng động bậc nhất với Thủ đô Hà Nội, là trái tim của cả nước; là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; nơi lưu trữ nhiều giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc của dân tộc; là cầu nối giao thương, cửa chính ra biển của các tỉnh phía Bắc; nơi kết nối phát triển kinh tế, thương mại với Trung Quốc - thị trường rộng lớn nhất thế giới và cũng là trung tâm hàng đầu về y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ với đội ngũ trí thức giỏi và đông đảo lực lượng lao động có chất lương cao; là cái nôi sản sinh, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực cho cả nước với nhiều trường đại học, trung tâm nghiên cứu có uy tín. Hệ thống hạ tầng giao thông kết nối đồng bộ và tốt nhất cả nước về cả đường bộ, đường biển, đường sông, đường hàng không, đường sắt.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, là vùng phát triển nhanh, bền vững, có cơ cấu kinh tế hợp lý, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc; tập trung phát triển công nghiệp, dịch vụ hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn có giá trị kinh tế cao; trở thành trung tâm giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao của cả nước; đi đầu về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số. Tầm nhìn đến năm 2045, là vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới,... Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố kết nối toàn cầu, ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG * Số 30-NQ/TW	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 13-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng, các cấp, các ngành, nhất là các địa phương trong vùng đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng; khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, tiếp tục khẳng định vai trò là vùng kinh tế động lực, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của cả nước. Một số địa phương phát triển bứt phá, trở thành điểm sáng của vùng và cả nước. Kinh tế vùng tăng trưởng bình quân giai đoạn 2005 - 2020 đạt 7,94%/năm, cao hơn mức bình quân cả nước; quy mô kinh tế tăng nhanh, năm 2020 đạt 2,37 triệu tỉ đồng, chiếm 29,4% GDP cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt 103,6 triệu đồng/năm, gấp 1,3 lần bình quân cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ giữ vai trò trụ cột. Thu hút đầu tư nước ngoài tăng mạnh. Đô thị phát triển nhanh, tỉ lệ đô thị hoá trên 41%. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt thành tựu nổi bật, 99,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Kinh tế biển phát triển khá, đặc biệt thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh dần trở thành trung tâm kinh tế biển lớn. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ phát triển mạnh mẽ, đi đầu trong thực hiện các đột phá chiến lược và đổi mới mô hình tăng trưởng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư và phát triển khá đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông; phát huy tốt vai trò của các hành lang, vành đai kinh tế. Quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường được chú trọng; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Văn hoá - xã hội được quan tâm phát triển; các giá trị văn hoá được bảo tồn và phát huy; quy mô, chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế được nâng lên rõ rệt, dẫn đầu cả nước. Nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng nhanh. Khoa học - công

nghệ được ứng dụng mạnh mẽ. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên rõ rệt, tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của vùng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế còn chậm; các địa phương phát triển không đồng đều, tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào vốn và lao động. Cơ cấu thu ngân sách ở một số địa phương chưa bền vững. Công tác quy hoạch còn nhiều bất cập, nhất là quy hoạch đô thị; tình trạng quy hoạch "treo", dự án "treo" còn khá phổ biến. Hệ thống đô thị phát triển chưa hợp lý, thiếu bền vững; phát triển nhà ở xã hội chưa đáp ứng yêu cầu; các khu công nghiệp thiếu liên kết, chưa hình thành được các cụm liên kết ngành. Đầu tư công còn dàn trải, hiệu quả chưa cao, một số dự án chậm tiến độ, thua lỗ. Quản lý đất đai, tài nguyên còn nhiều hạn chế; ô nhiễm môi trường ngày càng phức tạp, nhất là nước thải, chất thải nguy hại. Phát triển văn hoá - xã hội nhiều mặt còn bất cập; đào tạo nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; chất lượng y tế cơ sở, y tế dự phòng yếu, chưa được chú trọng, tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến cuối chưa được khắc phục. Liên kết, hợp tác giữa các địa phương trong vùng chưa chặt chẽ, hiệu quả thấp. Nhiệm vụ phát triển thành phố Nam Định thành đô thị hạt nhân của tiểu vùng Nam đồng bằng Sông Hồng và xây dựng Khu kinh tế tổng hợp Vân Đồn (Quảng Ninh) chưa hoàn thành. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, năng lực quản lý nhà nước ở một số địa phương còn hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém trên chủ yếu là do: Nhận thức về vị trí, vai trò của vùng và phát triển vùng chưa đầy đủ; thể chế, liên kết vùng chậm được đổi mới. Thiếu cơ chế, chính sách gắn kết giữa mục tiêu phát triển của địa phương với mục tiêu chung của vùng. Chất lượng quy hoạch vùng và địa phương trong vùng thấp, thiếu liên kết; tình trạng tuỳ tiện trong điều chỉnh quy hoạch diễn ra khá phổ biến. Nguồn lực bố trí thực hiện các công trình, dự án có tính liên kết vùng gặp khó khăn. Phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương có lúc, có nơi chưa kịp thời, thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Năng lực, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm người đứng đầu ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Vùng đồng bằng Sông Hồng là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hoá, lịch sử đặc sắc của dân tộc. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế vượt trội để phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bằng Sông Hồng thực sự là vùng động lực phát triển hàng đầu, có vai trò định hướng, dẫn dắt quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của đất nước.

- Phát triển vùng phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hệ thống quy hoạch quốc gia. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết và phát triển vùng đủ mạnh, thiết thực, hiệu quả; thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới; tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng; phát huy vai trò và khai thác hiệu quả các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, hệ thống đô thị để tạo đột phá phát triển vùng.

- Khai thác và phát huy các thế mạnh của vùng về địa chính trị, địa kinh tế, điều kiện tự nhiên, các giá trị văn hoá, lịch sử; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là đất đai, nhân lực chất lượng cao; phát triển nhanh mạng lưới đô thị với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đi đầu trong ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số; cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thu hút nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế để tập trung phát triển các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn, bảo đảm đồng bằng Sông Hồng trở thành vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái dẫn đầu cả nước.

- Phát triển kinh tế hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá, giá trị lịch sử, nhất là văn hoá đồng bằng Bắc Bộ. Phát triển hệ thống y tế, giáo dục - đào tạo chất lượng cao, hiện đại, tương đương với các quốc gia phát triển trong khu vực. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị. Chú trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; đẩy mạnh phân công, phối hợp và phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tăng cường, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Đồng bằng Sông Hồng là vùng phát triển nhanh, bền vững, có cơ cấu kinh tế hợp lý, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc; tập trung phát triển công nghiệp, dịch vụ hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn có giá trị kinh tế cao; trở thành trung tâm giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao của cả nước; đi đầu về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số; có hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đô thị thông minh, có tính kết nối cao. Tình trạng ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông và ngập úng cơ bản được giải quyết. Tổ chức đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường; quốc phòng, an ninh được giữ vững; quan hệ đối ngoại mở rộng, hội nhập quốc tế hiệu quả. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao, dẫn đầu cả nước. Xây dựng Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại", trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng và cả nước, phấn đấu ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giai đoạn 2021 - 2030, tăng trưởng GRDP đạt bình quân khoảng 9%/năm. Đến năm 2030, GRDP vùng tăng khoảng 3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó nông, lâm và thuỷ sản chiếm khoảng 3,5%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 47%; dịch vụ chiếm khoảng 41%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 8,5%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 274 triệu đồng/người/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt trên 7%. Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2030 đạt 55%. Kinh tế số đạt khoảng 35% GRDP. Tỉ lệ đô thị hoá đạt trên 55%; có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 76%, tiểu học đạt 95%, trung học cơ sở đạt 90%, trung học phổ thông đạt 68%. Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 48 - 52%, tỉ lệ thất nghiệp duy trì ở mức

dưới 3%. Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm khoảng 1,5%/năm. Đạt 32 giường bệnh và 11 bác sĩ/vạn dân. Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỉ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 85%; 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Đồng bằng Sông Hồng là vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới; trung tâm hàng đầu của cả nước về văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, y tế và chăm sóc sức khoẻ Nhân dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới, thông minh, xanh, bền vững. Người dân có thu nhập cao, cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc. Các tổ chức đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường. Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố kết nối toàn cầu, ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Quán triệt, thống nhất cao về nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương về vai trò, vị trí và tầm quan trọng đặc biệt của vùng và liên kết vùng; coi liên kết phát triển vùng là xu thế tất yếu, là động lực kết nối và dẫn dắt sự phát triển của các địa phương trong vùng.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng mang tính đột phá; xây dựng thể chế liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề môi trường nội vùng và liên vùng, phát triển các cụm liên kết ngành. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách, đầu tư để khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu, tạo nguồn lực, động lực phát triển mới cho Thủ đô, vùng Thủ đô và toàn vùng; cho phép

các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng.

- Khẩn trương hoàn thiện, phê duyệt quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương trong vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tổ chức không gian phát triển vùng bảo đảm cân bằng, bền vững, kết nối hiệu quả các hành lang, vành đai kinh tế, các cực tăng trưởng và hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông. Quy hoạch các địa phương bảo đảm phù hợp với quy hoạch vùng; xây dựng và triển khai hiệu quả các chuỗi giá trị ngành, sản phẩm. Quy hoạch các địa phương có biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia và Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, bảo đảm tính liên kết giữa vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội. Công khai, thực hiện nghiêm và hiệu quả các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, thành phố; giữ nghiêm kỷ cương quy hoạch, tăng cường giám sát, kiểm tra, xử lý kịp thời các vi phạm về quy hoạch. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ đất.

- Tiếp tục phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng; phát triển công nghiệp chế tạo, chế biến có giá trị gia tăng cao, công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, tài chính, ngân hàng, du lịch và đô thị thông minh. Vùng Nam đồng bằng Sông Hồng phát triển các ngành nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn; công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; phát triển các khu kinh tế ven biển, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hoá, tâm linh gắn với bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng và tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tập trung đầu tư phát triển các hành lang kinh tế, tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng, quốc tế gồm: Hành lang kinh tế Bắc - Nam; Hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình.

2. Phát triển kinh tế vùng

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp dựa trên nền tảng ứng

dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát huy vai trò đầu tàu, động lực của các tỉnh, thành phố trong vùng như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh. Hình thành, phát triển và nâng cao hiệu quả các trung tâm đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các mô hình kinh tế mới. Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, phấn đấu ngang tầm với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ít phát thải khí nhà kính, có khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng cao, tham gia sâu, toàn diện vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp hiện đại, có lợi thế như công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm, trí tuệ nhân tạo, ô tô, công nghiệp hỗ trợ; thúc đẩy phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mới như chíp, bán dẫn, robot, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới. Thúc đẩy phát triển các vành đai công nghiệp, hình thành các cụm liên kết ngành và khu công nghiệp chuyên biệt.

- Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, sinh thái theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh. Phát huy lợi thế nông nghiệp nhiệt đới, sản xuất sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đa dạng theo chuỗi giá trị; phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn. Tập trung phát triển các vùng sản xuất hàng hoá chuyên canh quy mô lớn, chất lượng cao như lúa, rau, hoa, quả đặc sản, cây cảnh; phát triển mạnh chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao với các sản phẩm chủ lực như lợn, bò, gia cầm; đẩy mạnh nuôi trồng thuỷ sản, khai thác hải sản gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu. Thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp; hình thành các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã. Nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hoá. Bảo vệ, giữ gìn môi trường, không gian cảnh quan, gắn phát triển các làng nghề truyền thống với phát triển du lịch.

- Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ hiện đại của khu vực Đông Nam Á; trong đó Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch mang tầm khu vực và quốc tế; thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm logistics quốc tế hiện đại. Tập trung phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, theo chuẩn mực quốc tế và đa dạng loại hình dịch vụ; cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường tài chính, tiền tệ, bảo đảm minh bạch, bền vững, hội nhập, an toàn hệ thống. Chuyển đổi số toàn diện hệ thống ngân hàng, phát triển các mô hình ngân hàng số, gia tăng tiện ích. Đầu tư phát triển hệ thống logistics, chợ đầu mối hiện đại, thông minh, bền vững; đẩy mạnh thương mại điện tử; hình thành các sàn giao dịch hàng hoá và các cụm, khu vực hội chợ triển lãm. Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chủ động các biện pháp phòng vệ phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế, bảo đảm cân bằng cán cân xuất nhập khẩu.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với sản phẩm đa dạng, độc đáo, gắn với phát huy giá trị của nền văn minh Sông Hồng; chú trọng liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị sản phẩm du lịch; tiếp tục đầu tư phát triển các khu du lịch quốc gia trong vùng, phấn đấu đến năm 2030 thu hút trên 120 triệu lượt khách. Tỉnh Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và thế giới.

- Phát triển bền vững kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi để xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á, là cửa ngõ, động lực phát triển của vùng; chú trọng phát triển kinh tế biển khu vực Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình. Đẩy nhanh xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, phát huy vai trò động lực của các khu kinh tế ven biển gắn với các khu đô thị ven biển. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và đào tạo nhân lực biển; xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển. Hoàn thiện Trung tâm nghề cá lớn tại Hải Phòng.

3. Phát triển hệ thống đô thị bền vững và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại

- Phát triển hệ thống đô thị trong vùng theo mạng lưới, phân bố hợp lý, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; lấy định hướng phát triển giao thông công cộng (theo mô hình TOD) làm cơ sở quy hoạch đô thị. Chú trọng phát triển các đô thị hai bên bờ Sông Hồng và các sông lớn trong vùng,

đáp ứng yêu cầu thoát lũ, phòng, chống thiên tai, khai thác, sử dụng hiệu quả không gian, quỹ đất. Triển khai hiệu quả xây dựng Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; phát huy vai trò hạt nhân, động lực của các đô thị trong vùng. Phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị phía Bắc, cả nước và hội nhập vào mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, Châu Á; thành phố Hải Phòng xanh, thông minh, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng với các chỉ tiêu y tế, giáo dục, đào tạo đạt mức bình quân của đô thị thuộc 4 nước dẫn đầu ASEAN.

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, phát triển các trung tâm hành chính tỉnh, thành phố để tăng cường liên kết và hình thành các chuỗi đô thị, trong đó, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ; chuỗi đô thị tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình gắn với phát triển kinh tế biển, liên kết chặt chẽ thông qua vành đai kinh tế ven biển. Tiếp tục thực hiện di dời các trường đại học, bệnh viện ra khỏi trung tâm Thủ đô Hà Nội. Tập trung cải tạo, chỉnh trang các chung cư hết niên hạn sử dụng, chung cư xuống cấp, mất an toàn, đặc biệt là ở các đô thị. Có chính sách đủ mạnh thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội, xây dựng các thiết chế văn hoá, nhất là tại các địa phương có công nghiệp phát triển nhanh, thu hút nhiều lao động.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đa dạng hoá các nguồn lực và hình thức đầu tư, chú trọng hình thức đối tác công - tư. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình động lực, có tính lan toả, kết nối vùng. Tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn, nhất là hạ tầng viễn thông băng rộng, điện toán đám mây, IoT... Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư các công trình văn hoá, thể thao, du lịch. Chú trọng đầu tư các công trình thu gom, xử lý rác thải, nước thải, chống ngập, nhất là tại Hà Nội, các đô thị lớn. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; cải tạo, nâng cấp hệ thống thuỷ lợi, đê sông, đê biển, nhất là các tuyến đê cấp III, cấp đặc biệt thuộc hệ thống Sông Hồng, sông Thái Bình; chú trọng đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; phát triển vận tải đa phương thức, phát huy lợi thế về cảng biển, cảng hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa và các hành lang kết nối của vùng. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dứt điểm một số công trình

hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia có tính liên kết vùng, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, các dự án giao thông đô thị, các tuyến vành đai, các trục hướng tâm, hệ thống giao thông tĩnh; khẩn trương hoàn thành các tuyến Metro tại Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc...

- Đến năm 2030, hoàn chỉnh các tuyến đường bộ cao tốc hướng tâm và các tuyến vành đai vùng Thủ đô (ưu tiên vành đai 4, vành đai 5). Nâng cấp hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ đạt cấp III, mở rộng tối thiểu 4 - 6 làn xe đối với đoạn qua đô thị; các tuyến tỉnh lộ cơ bản đạt cấp III, IV. Đầu tư hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc (đoạn qua vùng) theo quy hoạch; mở rộng một số đoạn ưu tiên trên một số tuyến quốc lộ trong vùng theo quy hoạch và đường bộ ven biển qua Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Cải tạo, nâng cấp, khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có, kết nối thông suốt tuyến đường sắt liên vận đạt tiêu chuẩn quốc tế; hoàn thành tuyến đường sắt Yên Viên - Phà Lại - Hạ Long - Cái Lân; nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (xây dựng đoạn Hà Nội - Vinh), tuyến Hà Nội - Hải Phòng, tuyến vành đai phía Đông Hà Nội (đoạn Ngọc Hồi - Thạch Lỗi).

- Cải tạo các tuyến đường thuỷ nội địa từ Hải Phòng, Quảng Ninh đi Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và tuyến ven biển Vạn Gia - Ka Long; nâng cấp tĩnh không cầu Đuống, nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên Sông Hồng. Đầu tư các bến mới tại càng biển Hải Phòng, Quảng Ninh; khai thác hiệu quả càng quốc tế Lạch Huyện. Nâng cấp, mở rộng các càng hàng không quốc tế Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn theo quy hoạch.

4. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Tập trung phát triển vùng trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng đầu của cả nước. Chú trọng nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi, công nghệ số. Triển khai hiệu quả, đồng bộ các chương trình khoa học - công nghệ quốc gia và của vùng. Tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ ở một số lĩnh vực có thế mạnh đạt trình độ quốc tế. Xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ cho vùng. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia, thành lập, mở rộng quy mô các quỹ phát triển khoa học - công nghệ; thành lập và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường, cơ sở nghiên cứu; phát triển thị trường khoa học - công nghệ hiệu quả, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về khoa học - công nghệ và đổi

mới sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam và thông lệ quốc tế. Tăng đầu tư, đa dạng hoá và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học - công nghệ, trong đó bảo đảm tỉ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu 2% cho khoa học - công nghệ. Tiếp tục hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế của các địa phương.

- Phát triển nhanh doanh nghiệp công nghệ số; tăng nhanh tỉ trọng kinh tế số trong GDP. Khẩn trương phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, hướng đến công nghệ 6G. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số; tạo lập dữ liệu mở, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh.

- Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng, phát triển mạnh các công nghệ mới và kết nối hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ vùng, cả nước và quốc tế. Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam..., trong đó Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học; Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, tự động hoá, công nghệ sinh học. Phấn đấu số doanh nghiệp khoa học - công nghệ tăng gấp 2 lần so với năm 2020; tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo chiếm 50% tổng số doanh nghiệp hoạt động; tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 50%.

5. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Phát huy vai trò là trung tâm của cả nước trong đào tạo nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng tập trung phát triển năng lực, kỹ năng, phẩm chất cho người học, hài hoà đức, trí, thể, mỹ. Đổi mới giáo dục mầm non theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ em. Chuẩn hoá và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cả trí tuệ, thể chất; hình thành phẩm chất, năng lực người học, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông. Tăng cường đầu tư, phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, một số trường đại học lớn, đa ngành trong vùng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo, tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao cho vùng và cả nước. Đẩy mạnh hợp tác

quốc tế, xã hội hoá và tự chủ đại học; tập trung đầu tư xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn đạt trình độ khu vực, thế giới, chú trọng các chương trình đào tạo cử nhân tài năng, chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến và các chương trình đào tạo quốc tế.

- Tập trung đầu tư, thu hút mọi nguồn lực xã hội cho phát triển nhân lực, trọng tâm là đào tạo nghề. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, tăng nhanh tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, nhân lực phục vụ phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có thế mạnh của vùng. Phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt và hội nhập, có sự kiểm soát, quản lý, điều tiết của Nhà nước để chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, giảm tỉ lệ lao động khu vực phi chính thức; nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động. Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, tiến bộ, hội nhập quốc tế; thúc đẩy chuyển dịch và phân bổ hợp lý lao động; hình thành cơ sở dữ liệu quản lý lao động, kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

6. Phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

- Phát triển văn hoá ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, hướng tới chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, tạo sức mạnh nội sinh to lớn của vùng; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức sáng tạo, tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh của Nhân dân trong vùng. Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hoá với phát triển du lịch; gìn giữ, phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể, không gian, kiến trúc văn hoá làng, xã nông thôn truyền thống; tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hoá mới. Phát triển mạng lưới thiết chế văn hoá đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ của Nhân dân. Xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hoá đặc trưng của nền văn minh Sông Hồng. Nâng cấp, hiện đại hoá một số bảo tàng lớn, trung tâm điện ảnh, nhà hát tại Hà Nội và các đô thị lớn trong vùng. Bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, di sản văn hoá như: Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Cố đô Hoa Lư, các khu di tích quốc gia, đền, chùa, dân ca Quan họ, Ca trù, hát Chèo, Chầu văn, các lễ hội văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống... Rà soát, phục dựng, trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị, di tích lịch sử, di sản văn hoá của các địa phương: Phố Hiến (Hưng Yên), Tràng An (Ninh Bình), Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), Yên Tử (Quảng Ninh)... Phát triển Thủ đô

xứng tầm với truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội, thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hoá, kinh tế thể thao. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, phổ cập và hiện đại; hỗ trợ người dân ứng phó hiệu quả trước các rủi ro về kinh tế - xã hội và môi trường. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách về ưu đãi người có công, giảm nghèo bền vững, trợ giúp xã hội; quan tâm, tạo điều kiện để các đối tượng yếu thế tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên hoà nhập cộng đồng. Làm tốt công tác chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tiếp tục ưu tiên nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Phát triển đồng bộ hệ thống y tế vùng theo quy hoạch; bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận bình đẳng dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khoẻ và bảo hiểm y tế toàn dân. Đầu tư các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới; gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng. Nâng cấp bệnh viện đa khoa cấp tỉnh hạng I để đảm nhận vai trò bệnh viện tuyến cuối. Tăng cường quản lý dược phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch, khám, chữa bệnh và phòng, chống tiêu cực. Duy trì tỉ lệ sinh, khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính. Thực hiện tốt chính sách tôn giáo.

7. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, ít phát thải khí nhà kính, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết quốc tế của Việt Nam. Tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững đất đai; bảo đảm cân đối quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Nâng cấp, hiện đại hoá cơ sở dữ liệu địa chính toàn vùng. Đánh giá đúng hiện trạng đất chưa sử dụng trong vùng. Khẩn trương rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất của các dự án chậm đưa vào sử dụng; kiên quyết xử lý, thu hồi đúng pháp luật, không để tái diễn tình trạng dự án "treo", sử dụng không đúng quy hoạch, sai mục đích, phòng, chống lợi ích nhóm, tiêu cực; lành mạnh hoá thị trường bất động sản.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước. Hoàn thành việc lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực Sông Hồng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh nguồn nước lưu vực Sông Hồng, Sông Đà, Sông Lô. Có biện pháp để cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường nước tại lưu vực các sông Nhuệ, Đáy, Bắc Hưng Hải... Tăng nhanh tỉ lệ dân cư được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các đô thị khác, nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm nước các sông trong nội đô, đặc biệt là sông Tô Lịch; khẩn trương khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn, nhất là các làng nghề; kiên quyết di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thành, khu vực đông dân cư. Xây dựng, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia để định hướng vị trí, quy mô các khu xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tập trung cấp vùng; đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải và phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt.

- Phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển, bảo vệ nguồn lợi thuỷ hải sản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học của các khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên cấp quốc gia (Bái Tử Long, Vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Cúc Phương, Vườn Quốc gia Cát Bà, Vườn Quốc gia Xuân Thuỷ, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mông trắng Kim Bảng...); ứng phó, giải quyết các sự cố, phục hồi môi trường vùng ven biển. Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học khu vực tiếp giáp các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc, vùng cửa Sông Hồng, sông Thái Bình, các vùng ngập nước ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình.

8. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận lòng dân vững chắc, nhất là khu vực phòng thủ của vùng và các địa phương trong vùng. Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với củng cố quốc phòng, an ninh. Triển khai hiệu quả các quy hoạch quốc phòng; đầu tư xây dựng các khu kinh tế quốc phòng theo quy hoạch, phù hợp với các chiến lược, đề án về quân sự, quốc phòng.

- Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, không bị động, bất ngờ. Chủ động phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hoá mọi âm mưu, hoạt

động chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch, phản động. Bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực; bảo đảm an ninh trật tự trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao; bảo vệ bí mật nhà nước. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự; ứng phó có hiệu quả các tình huống, các mối đe doạ an ninh truyền thống, phi truyền thống; phòng ngừa, trấn áp và xử lý hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

- Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, chủ động tham gia các sáng kiến liên kết, kết nối với các nước trong khu vực, quốc tế. Tăng cường thu hút FDI, ODA; phát triển quan hệ thương mại ổn định, bền vững với thị trường Trung Quốc, phát huy vị trí cửa ngõ kết nối của ASEAN, đa dạng hoá đối tác thương mại, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do. Xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Quảng Ninh). Làm tốt công tác đối ngoại nhân dân, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác.

9. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng các địa phương trong vùng tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền các cấp, phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, môi trường và tổ chức bộ máy gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Đổi mới công tác dân vận, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động, hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân cả nước, nhất là các địa phương trong vùng đồng bằng Sông Hồng nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và xây dựng quy hoạch vùng, địa phương; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng; điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, chủ động phối hợp với các địa phương vùng đồng bằng Sông Hồng để thực hiện hiệu quả Nghị quyết.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Phú Trọng

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 14/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 531/TTr-BKHĐT ngày 19 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Trần Hồng Hà

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
_____	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 30-NQ/TW), Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 30-NQ/TW nhằm xây dựng đồng bằng Sông Hồng là vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới; trung tâm hàng đầu của cả nước về văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số, y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đồng bộ, hiện đại, thông minh; hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới, thông minh xanh, bền vững phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố kết nối toàn cầu, phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

2. Chương trình hành động phải cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 30-NQ/TW bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của Chính phủ gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết số 30-NQ/TW; là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của từng bộ, cơ quan và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu cao nhất đạt được các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW.

3. Chương trình hành động phải thể hiện được vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng quyết tâm phấn đấu để sớm đạt được các mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đồng thời, xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng tập trung chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các chương trình, đề án và dự án quan trọng; mở rộng hợp tác quốc tế; đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bằng Sông Hồng với nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 9%/năm. Đến năm 2030, GRDP vùng tăng khoảng 3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó nông, lâm và thủy sản chiếm khoảng 3,5%, công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 47%, dịch vụ chiếm khoảng 41%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 8,5%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 274 triệu đồng/người/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt trên 7%. Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021-2030 đạt 55%. Kinh tế số đạt khoảng 35% GRDP. Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 55%. 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 76%, tiểu học đạt 95%, trung học cơ sở đạt 90%, trung học phổ thông đạt 68%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 48 - 52%, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 3%. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm khoảng 1,5%/năm. Đạt 32 giường bệnh/vạn dân và 11 bác sỹ/vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 85%; 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Giảm ít nhất 9% lượng phát thải khí nhà kính.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu cụ thể nêu trên, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng Sông Hồng tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết

- Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết của Chính phủ và các Chương trình, kế hoạch hành động triển khai thực hiện để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí chiến lược và tầm quan trọng đặc biệt về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng đồng bằng Sông Hồng đối với cả nước.

- Đổi mới tư duy phát triển và đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là liên kết vùng, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ thống đô thị thông minh, hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phân bổ nguồn lực và quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, giải quyết các vấn đề quốc gia tại vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

- Công tác tuyên truyền về Nghị quyết số 30-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ cần được tiến hành với quy mô sâu rộng, với nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như tiềm năng, lợi thế của vùng để tạo đột phá phát triển vùng.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Hoàn thành lập và phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng Sông Hồng và quy hoạch tỉnh của các địa phương trong vùng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, phát triển nhanh, bền vững phù hợp với vị trí địa kinh tế - chính trị. Tổ chức không gian phát triển vùng bảo đảm cân bằng, bền vững gắn với việc phát triển các hành lang kinh tế, gồm: Hành lang kinh tế Bắc - Nam; Hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; phát triển các chuỗi đô thị hiện đại và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, giao thông đồng bộ, kết nối giữa các cực tăng trưởng trong vùng (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), nội vùng, liên vùng, các đầu mối trung tâm kinh tế trên toàn tuyến, hành lang kinh tế.

- Quy hoạch của các tỉnh, thành phố trong vùng bảo đảm phù hợp với quy hoạch vùng; xây dựng và triển khai hiệu quả các chuỗi giá trị ngành, sản phẩm. Quy hoạch các địa phương có biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia, giữa vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

- Hình thành các vùng động lực và các khu vực phát triển công nghiệp, thương mại, tài chính, ngân hàng, dịch vụ, nông nghiệp hiệu quả cao, hữu cơ, tuần hoàn; phát triển dịch vụ, logistics. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao, công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, tài chính, ngân hàng, du lịch và đô thị thông minh. Vùng Nam đồng bằng Sông Hồng, phát triển ngành nông nghiệp hiệu quả cao dựa trên công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn; công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; phát triển các khu kinh tế ven biển, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, tâm linh gắn với bảo vệ môi trường.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có sử dụng đất phù hợp với không gian phát triển; lựa chọn ngành nghề, lĩnh vực ưu tiên phát triển, dự án đầu tư phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ. Quản lý, khai thác có hiệu quả quỹ đất, nhất là quỹ đất được hình thành từ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

- Rà soát, sớm điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hiện hành để đáp ứng tốt hơn các điều kiện đặc thù cho vùng phát triển đột phá. Nghiên cứu, xây dựng thể chế điều phối vùng đủ mạnh để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả điều phối, liên kết vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề về môi trường liên tỉnh, phát triển các cụm liên kết ngành về môi trường… Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng.

- Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách, đầu tư nhằm khuyến khích các địa phương tạo nguồn thu; xây dựng tỷ lệ điều tiết ngân sách phù hợp cho các tỉnh, thành phố tạo động lực phát triển mới cho Thủ đô, vùng Thủ đô và toàn vùng; cho phép các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương chủ động tham gia các hoạt động liên kết và đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng; ngân sách cấp này được thực hiện nhiệm vụ chi của ngân sách cấp khác đối với các dự án vùng, liên vùng vì lợi ích chung của địa phương, vùng và cả nước.

- Nghiên cứu, xây dựng thí điểm các mô hình, cơ chế, chính sách mới, đặc thù cho vùng, trong đó có các cơ chế, chính sách tạo đột phá để tiếp tục phát triển Thủ đô Hà Nội, tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Khẩn trương sửa đổi, bổ sung Luật Thủ đô để có cơ chế, chính sách vượt trội cho Hà Nội phát huy vai trò là đầu tàu, động lực phát triển của vùng và cả nước.

3. Phát triển kinh tế vùng

Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, xã hội số thích ứng biến đổi khí hậu; lấy công nghiệp, dịch vụ hiện đại tiếp tục và nông nghiệp hiệu

quả cao dựa trên ứng dụng công nghệ cao tiếp tục là trụ cột của nền kinh tế. Phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp.

a) Phát triển công nghiệp:

- Phát triển công nghiệp vùng theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ứng dụng nền tảng số, thân thiện với môi trường, ít phát thải khí nhà kính, có giá trị gia tăng cao, có khả năng cạnh tranh, tham gia sâu, toàn diện vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu, trọng tâm phát triển là công nghiệp hiện đại có lợi thế như công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ số (gồm: công nghiệp phần mềm, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp điện tử và các ngành công nghiệp mới sản xuất chíp, bán dẫn), ô tô, công nghiệp hỗ trợ; thúc đẩy phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh.

- Huy động có hiệu quả các nguồn vốn để đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu kinh tế theo hướng hiện đại, đồng bộ, nâng cao tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp hiện có, gắn với các hành lang, vành đai kinh tế. Có cơ chế, chính sách đủ mạnh để hình thành và phát triển các ngành công nghiệp mới như sản xuất chíp, bán dẫn, sản xuất rô-bốt, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới.

- Thúc đẩy phát triển các hành lang công nghiệp Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Nội Bài - Hạ Long, Hà Nội - Việt Trì qua thành phố Vĩnh Yên, Hà Nội - Lạng Sơn và vành đai kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình. Phát triển tỉnh Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, là trung tâm công nghiệp động lực của vùng. Hình thành khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ gắn với phát triển khu công nghiệp, khu đô thị - dịch vụ nhằm cung ứng dịch vụ, tiện ích công cộng cho khu công nghiệp; tăng cường liên kết hình thành các cụm liên kết ngành và khu công nghiệp chuyên biệt.

b) Phát triển nông nghiệp:

- Phát triển nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp dựa trên ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn, hữu cơ, sản xuất sản phẩm có giá trị cao theo chuỗi giá trị, tuần hoàn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh. Tập trung phát triển các vùng chuyên canh hàng hóa lớn, chất lượng cao như: lúa, rau, hoa, quả đặc sản, cây cảnh; chú trọng xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông sản đặc hữu cho vùng, địa phương; tăng cường ứng dụng công nghệ cao vào trong chăn nuôi công nghiệp, theo mô hình trang trại, trong đó tập trung vào các sản phẩm chủ lực như lợn, bò, gia cầm; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, khai thác hải sản gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu. Tập trung đầu tư hoàn thành Trung tâm hậu cần nghề cá lớn tại thành phố Hải Phòng. Phát triển kinh tế lâm nghiệp kết hợp với bảo vệ chặt chẽ, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển và khu bảo tồn thiên nhiên.

- Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng nền tảng số và dữ liệu số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển mạnh các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp như công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp, công nghệ chế biến, bảo quản nông sản. Hình thành các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã để phát triển theo chuỗi giá trị như: Cụm liên kết trồng lúa, rau, hoa, quả đặc sản, nuôi trồng thủy hải sản, gắn với cơ sở chế biến, bảo quản, phân phối tại các tỉnh trong vùng; cụm liên kết sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ gắn với các làng nghề truyền thống của các địa phương; liên kết ngoại vùng trong sản xuất, chế biến sản phẩm nông nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hóa, bảo vệ, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo tồn không gian kiến trúc văn hóa làng, xã truyền thống nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ; bảo vệ môi trường, không gian cảnh quan, gắn phát triển làng nghề truyền thống với phát triển du lịch.

c) Phát triển dịch vụ, thương mại, du lịch:

- Phát triển các ngành dịch vụ và thương mại của vùng theo hướng hiện đại, đa dạng với trọng tâm là phát triển thương mại, logistics, du lịch, tài chính - ngân hàng. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hóa thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng tiềm năng, có thế mạnh của vùng đồng bằng Sông Hồng như các sản phẩm chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao, các sản phẩm nông nghiệp hiệu quả cao, hữu cơ, tuần hoàn. Tăng cường kết nối giữa các địa phương trong vùng và liên kết vùng theo hướng trao đổi hàng hóa, gắn với liên kết các hoạt động xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm, quảng bá, giao lưu quốc tế. Chú trọng phát triển thương mại biên giới ổn định gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Đầu tư phát triển hệ thống logistics, chợ đầu mối, trung tâm trung chuyển và kho vận, hệ thống kho bãi hiện đại, thông minh, bền vững theo chuẩn quốc tế gắn với các tuyến cao tốc, quốc lộ, đường ven biển, cửa khẩu và hệ thống cảng biển; hình thành các sàn giao dịch hàng hóa, các cụm, khu vực hội chợ triển lãm, đẩy mạnh thương mại điện tử. Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ hiện đại khu vực Đông Nam Á; trong đó thành phố Hà Nội trở thành trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ du lịch mang tầm khu vực và quốc tế; Hải Phòng là trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại, là cửa ngõ ra biển, kết nối các tuyến hành lang, vành đai kinh tế.

- Phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, theo chuẩn mực quốc tế và đa dạng loại hình dịch vụ; cơ cấu lại hoạt động của thị trường chứng khoán, tài chính, tiền tệ; chuyển đổi số toàn diện hệ thống ngân hàng, phát triển mô hình ngân hàng số, gia tăng tiện ích, thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến trong quản trị điều hành và cung ứng sản phẩm, dịch vụ.

- Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, bền vững, hội nhập quốc tế và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của vùng với các sản phẩm du lịch đa dạng, độc đáo, có thương hiệu, sức cạnh tranh cao gắn với phát huy giá trị của nền văn minh Sông Hồng; trọng tâm là du lịch văn hóa, kết nối các Di sản tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường quảng bá các sản phẩm du lịch, xúc tiến đầu tư để thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch; tập trung ưu tiên đầu tư các khu du lịch quốc gia trong vùng, như: Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, Khu du lịch Ba Vì - Suối Hai, Khu du lịch Tam Đảo, Khu du lịch Tam Chúc; Khu du lịch Tràng An; Khu du lịch Côn Sơn - Kiếp Bạc, Khu du lịch Hạ Long - Cát Bà; Khu du lịch Vân Đồn; Khu du lịch Trà Cổ. Tăng cường liên kết giữa ngành du lịch với các ngành khác theo chuỗi giá trị sản phẩm, liên kết nội vùng, liên vùng để phát triển các sản phẩm du lịch của vùng hợp tác trao đổi thông tin quản lý nhà nước về du lịch giữa các vùng, xây dựng cơ chế chính sách, quy hoạch, kế hoạch dài hạn để phát triển sản phẩm du lịch. Phát triển tỉnh Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và thế giới.

d) Phát triển kinh tế biển:

Phát triển kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái biển. Chú trọng phát triển kinh tế biển khu vực Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; tập trung mọi nguồn lực để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển và phát huy vai trò động lực các khu kinh tế ven biển gắn với đô thị ven biển, trung tâm du lịch, dịch vụ logistics; hoàn thành tuyến đường bộ ven biển kết nối liên vùng, các tuyến giao thông kết nối với cảng biển, cảng hàng không, các tỉnh Bắc Trung Bộ và cả nước. Tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ vào nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy hải sản; đào tạo nhân lực biển. Đầu tư, xây dựng Trường Đại học Hàng Hải là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, đào tạo nhân lực đạt trình độ ngang bằng các nước phát triển trong khu vực để phục vụ phát triển kinh tế biển.

- Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi để xây dựng và phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại mang tầm quốc tế, hàng đầu Đông Nam Á, là cửa ngõ, động lực phát triển của vùng. Xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc tại Quảng Ninh.

4. Phát triển hệ thống đô thị (theo mô hình TOD) bền vững và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại

- Tập trung phát triển hệ thống đô thị trong vùng hiện đại, thông minh, bền vững, theo mạng lưới và thích ứng với biến đổi khí hậu; phân bổ hợp lý, bảo đảm đồng bộ, thống nhất để đồng bằng Sông Hồng trở thành vùng đô thị lớn, có tỷ lệ đô thị hóa cao và chất lượng sống tốt. Lấy định hướng phát triển giao thông công cộng làm cơ sở quy hoạch đô thị (theo mô hình TOD). Chú trọng phát triển các đô thị hai bên bờ Sông Hồng và các sông lớn trong vùng, đáp ứng yêu cầu thoát lũ, phòng, chống thiên tai, khai thác, sử dụng hiệu quả không gian, quỹ đất.

Tiếp tục thực hiện Quy hoạch chung xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; phát huy vai trò hạt nhân động lực các đô thị trong vùng. Xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị phía Bắc, cả nước và hội nhập vào mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, Châu Á; thành phố Hải Phòng phấn đấu trở thành đô thị loại đặc biệt, xanh, thông minh, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng với các chỉ tiêu y tế, giáo dục, đào tạo đạt mức bình quân của đô thị thuộc 4 nước dẫn đầu ASEAN.

- Phát triển các trung tâm hành chính tỉnh, thành phố để tăng cường liên kết, hình thành các chuỗi đô thị, đẩy mạnh tốc độ đô thị hóa, trong đó, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ; chuỗi đô thị tại các tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Ninh Bình và Nam Định gắn với phát triển kinh tế biển; chuỗi đô thị tại tỉnh Hưng Yên và Hà Nam gắn với hạ tầng y tế - giáo dục cấp vùng và giảm tải cho các đô thị lớn; chuỗi đô thị thuộc các hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, logistics.

- Thực hiện đồng bộ các chính sách giảm tải cho các đô thị lớn, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh; tiếp tục thực hiện di dời trường đại học, bệnh viện ra khỏi trung tâm Thủ đô Hà Nội. Tập trung cải tạo, chỉnh trang các chung cư hết niên hạn sử dụng, chung cư xuống cấp, mất an toàn, đặc biệt là các đô thị lớn. Có chính sách đủ mạnh, đẩy nhanh tiến độ phát triển nhà xã hội cho người có thu nhập thấp, nhà ở trong khu công nghiệp cho người lao động và xây dựng các thiết chế văn hóa, nhất là cho công nhân, người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

- Sớm hoàn thiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông nghiệp, nông thôn; cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê sông, đê biển, nhất là các tuyến đê cấp III, cấp đặc biệt thuộc hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình; ưu tiên đầu tư các công trình phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Ưu tiên huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, nhất là phương thức đối tác công tư (PPP), trong đó vốn nhà nước đóng vai trò dẫn dắt nguồn lực khu vực tư nhân để đầu tư các công trình trọng điểm, động lực, có tính lan tỏa, kết nối vùng, kết nối các phương thức vận tải khác nhau. Tập trung hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; phát triển vận tải đa phương thức, phát huy lợi thế về cảng biển, hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và các hành lang kết nối của vùng. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dứt điểm các dự án giao thông đô thị, các tuyến vành đai hướng tâm, hệ thống giao thông tĩnh, nhất là sớm hoàn thành các tuyến Metro tại Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc,…cụ thể:

(i) Về đường bộ: Đến năm 2027, hoàn thành tuyến đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội, mở rộng quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai, tuyến đường bộ ven biển đoạn qua các tỉnh Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Phấn đấu đến năm 2030, đầu tư hoàn chỉnh theo quy hoạch tuyến đường vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội, đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây, đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đường cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long và các đường song hành với các tuyến đường vành đai 4, vành đai 5 tại Hà Nam và các địa phương trong vùng phù hợp với quy hoạch và khả năng cân đối nguồn vốn; Mở rộng các tuyến cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ - Ninh Bình, Hà Nội - Bắc Giang, Hòa Lạc - Hòa Bình,…; Nâng cấp hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ đạt cấp III, mở rộng tối thiểu 4 - 6 làn xe đối với đoạn qua đô thị, đường tỉnh cơ bản đạt cấp III, IV; Cải tạo, nâng cấp và mở rộng một số đoạn ưu tiên trên một số quốc lộ như: Quốc lộ 6 đoạn Yên Nghĩa - Xuân Mai, Quốc lộ 21C đoạn Mỹ Đình - Ba Sao - Bái Đính, Quốc lộ 38C, Quốc lộ 4B đoạn qua tỉnh Quảng Ninh, đường bộ ven biển qua Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, đường vành đai 5 đoạn qua tỉnh Vĩnh Phúc,…

(ii) Về đường sắt: Tập trung cải tạo, nâng cấp, khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có, kết nối thông suốt tuyến đường sắt liên vận đạt tiêu chuẩn quốc tế; hoàn thành tuyến Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân; nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (xây dựng đoạn Hà Nội - Vinh), tuyến Hà Nội - Hải Phòng (thuộc tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng), tuyến vành đai phía Đông - Hà Nội (đoạn Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Bắc Hồng - Thạch Lỗi). Xây dựng lộ trình nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc,... và tuyến Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (bao gồm cả đoạn Nam Hải Phòng - Hạ Long).

(iii) Về đường thủy nội địa: Cải tạo các tuyến đường thủy nội địa Hải Phòng, Quảng Ninh về Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và tuyến ven biển Vạn Gia - Ka Long; nâng cấp tĩnh không cầu Đuống, nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên Sông Hồng.

(iv) Về cảng biển: Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các bến mới tại khu bến cảng Lạch Huyện (bến số: 3, 4, 5, 6, 7, 8) thuộc cảng biển Hải Phòng để khai thác hiệu quả cảng quốc tế Lạch Huyện. Nghiên cứu đầu tư các bến cảng mới tại cảng biển Quảng Ninh theo quy hoạch.

(v) Về cảng hàng không: Hoàn thành việc nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn theo quy mô quy hoạch. Nghiên cứu, xác định vị trí và các chỉ tiêu quy hoạch Cảng hàng không quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển vùng Thủ đô và khu vực phía Bắc.

- Tiếp tục tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội khác. Đa dạng hóa nguồn lực và hình thức đầu tư để phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là hệ thống thủy lợi, phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; hệ thống công trình thoát nước, chống ngập tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng và các địa phương trong vùng. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư các công trình văn hóa, thể thao, du lịch để phát huy thế mạnh của vùng, của từng địa phương. Chú trọng đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và nông thôn, nhất là tại Hà Nội và các đô thị lớn; rà soát, hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải, rác thải tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu đô thị, khu dân cư tập trung; ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số vào quan trắc, dự báo khí tượng thủy văn, chống biến đổi khí hậu. Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng viễn thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn, trong đó ưu tiên tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông băng rộng, điện toán đám mây, internet vạn vật (IoT)… đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của các địa phương trong vùng, nhất là Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Quảng Ninh; triển khai thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Phát triển vùng trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hàng đầu của cả nước; xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng. Chú trọng nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi, công nghệ số; tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ có trình độ tiên tiến ở một số lĩnh vực có thế mạnh đạt trình độ quốc tế, thực sự trở thành động lực để đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh. Xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ cho vùng; có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài làm việc trong vùng; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nâng cao năng lực quản lý các cấp tại địa phương.

- Tăng cường các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, phát triển, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, trong đó chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất

nông nghiệp, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch, xử lý rác thải, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác trực tiếp lợi thế của các địa phương trong vùng; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng dữ liệu phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, hướng đến công nghệ 6G. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số; tạo lập dữ liệu mở, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh. Phát triển nhanh doanh nghiệp công nghệ số; tăng nhanh tỉ trọng kinh tế số trong GRDP. Phấn đấu số doanh nghiệp khoa học - công nghệ tăng gấp 2 lần so với năm 2020; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo chiếm 50% tổng số doanh nghiệp hoạt động; tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 50%.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ. Tiếp tục hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế của địa phương. Củng cố, xây dựng nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của các tổ chức trong vùng, hình thành mạng lưới các tổ chức có khả năng tiếp nhận, hỗ trợ, chuyển giao các công nghệ tiên tiến, kỹ thuật hiện đại, gắn kết chặt chẽ với giáo dục - đào tạo, sản xuất, kinh doanh. Có cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp trích lập, sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường đại học, cơ sở nghiên cứu trong vùng.

- Xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng gắn với phát triển mạnh các công nghệ mới và kết nối hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ vùng, cả nước và quốc tế. Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam…, trong đó Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học; Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, điện tử - bán dẫn, tự động hóa, công nghệ sinh học và y dược, công nghệ vật liệu mới; hình thành các khu nông nghiệp hiệu quả cao dựa trên ứng dụng công nghệ cao theo quy hoạch tại các tỉnh, thành phố trong vùng, như: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Nam Định.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vùng, thúc đẩy kết nối chuỗi giá trị trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, trong đó các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp công nghệ số giữ vai trò trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò kiến tạo môi trường thể chế. Hình thành và phát triển hệ sinh thái khoa học công nghệ cho nghiên cứu, phát triển và sản xuất thuốc, trang thiết bị y tế thiết yếu. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội gắn với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Thành phố Hà Nội và quốc gia.

- Bảo đảm chi cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm. Xây dựng cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ, thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới, phát triển các sản phẩm chủ lực. Hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư theo phương thức đối tác công - tư, huy động vốn đầu tư, các nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển và ứng dụng công nghệ số, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn. Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện hành lang pháp lý để khuyến khích sử dụng kết quả khoa học - công nghệ, tài sản sở hữu trí tuệ góp vốn thành lập doanh nghiệp.

6. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng là trung tâm hàng đầu cả nước về giáo dục, đào tạo, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao theo hướng đổi mới toàn diện cả về năng lực, kỹ năng, phẩm chất, hài hòa đức, trí, thể, mỹ; phát huy tốt nhất tiềm năng nguồn nhân lực của vùng đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tập trung đổi mới giáo dục mầm non theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ em.

- Tập trung đầu tư và thu hút mọi nguồn lực xã hội để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là đào tạo nghề. Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho một số ngành, nghề mũi nhọn đạt trình độ khu vực, thế giới để đáp ứng nhu cầu của thị trường như công nghiệp phụ trợ, sản xuất ô tô, điện tử, chế biến, chế tạo, logistics, du lịch, kinh tế biển, y tế, nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản,…Chuẩn hóa và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cả trí tuệ, thể chất; phân luồng, định hướng tiếp cận nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên, góp phần hình thành đội ngũ nhân lực theo quy mô, cơ cấu nghề nghiệp, trình độ đào tạo.

- Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo hướng chuẩn hóa, tăng quy mô tuyển sinh và nâng cao chất lượng đào tạo. Tăng cường hợp tác, liên kết với doanh nghiệp. Tập trung ưu tiên đầu tư 02-03 trường trọng điểm để thực hiện chức năng trung tâm quốc gia đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao; 02-03 trường để thực hiện chức năng trung tâm vùng đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu với các trường, viện nghiên cứu quốc tế chất lượng cao; đẩy mạnh xã hội hóa và tự chủ đại học; củng cố, phát huy liên kết vùng trong giáo dục đại học, tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển. Tăng cường đầu tư, phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách Khoa Hà Nội và một số trường đại học lớn, đa ngành trong vùng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm để trở thành những trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng và cả nước.

- Phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt và hội nhập, tăng cường kết nối cung - cầu lao động nội vùng và liên vùng, có sự kiểm soát, quản lý, điều tiết của Nhà nước để chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

- Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, cơ sở dữ liệu quản lý lao động đồng bộ, hiện đại, kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan như bảo hiểm xã hội, dân cư, thuế. Chú trọng xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

7. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

- Phát triển văn hóa ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, hướng tới chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, tạo sức mạnh nội sinh to lớn của vùng; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức sáng tạo, tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển phồn vinh của Nhân dân trong vùng.

- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa của vùng, gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc sinh sống ở vùng đồng bằng Sông Hồng và mang đặc trưng nền văn minh Sông Hồng. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hóa với phát triển du lịch; gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, không gian kiến trúc văn hóa làng, xã nông thôn truyền thống; tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số, làm cho văn hóa thích nghi với sự phát triển bền vững của vùng và cả nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Ưu tiên đầu tư cho phát triển văn hóa, phân bổ mức đầu tư hợp lý từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời khơi thông các nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa, công nghiệp văn hóa. Số hóa dữ liệu văn hóa nghệ thuật và di sản văn hóa; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin cơ sở; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở. Hoàn thành xây dựng, nâng cấp, hiện đại hóa một số bảo tàng lớn (Bảo tàng quân sự Việt Nam, Bảo tàng thiên nhiên, Bảo tàng lịch sử quốc gia, Bảo tàng thiên nhiên Việt Nam, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Hà Nội,…), các trung tâm điện ảnh, nhà hát tại Hà Nội và các đô thị lớn trong vùng, trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các nhà hát nghệ thuật truyền thống của các tỉnh, thành phố trong vùng.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình bảo tồn và phát huy bền vững di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021-2025, Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021-2030. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh như: Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Cố đô Hoa Lư, các Khu di tích quốc gia, đền, chùa, dân ca quan họ, ca trù, hát chèo, trầu văn, các lễ hội văn hóa,

tín ngưỡng thờ Mẫu, tôn giáo truyền thống,… Rà soát, phục dựng trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy giá trị, các di tích lịch sử, di sản văn hóa, các khu văn hóa tín ngưỡng lớn của các địa phương trong vùng: Phố Hiến (Hưng Yên); Tràng An, Cố đô Hoa Lư (Ninh Bình); Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương); Yên Tử (Quảng Ninh); Tam Chúc - Ba Sao (Hà Nam); chuỗi di tích lịch sử, văn hóa mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc (Bắc Ninh);... Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, di sản văn hóa, tín ngưỡng đặc trưng của vùng. Xây dựng, phát triển Thủ đô Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hóa của cả nước, xứng tầm với truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội.

- Hình thành một số khu liên hợp thể thao, trung tâm huấn luyện thể thao đạt tiêu chuẩn quốc tế. Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế thể thao, tạo nguồn thu cho ngân sách và tái đầu tư phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục, thể thao.

- Kết hợp phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nhất là giảm nghèo đô thị, tạo việc làm. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia; các chính sách về ưu đãi người có công, trợ giúp xã hội; các chính sách dân tộc, tôn giáo; làm tốt công tác chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Xây dựng hệ thống y tế của vùng hiệu quả và hội nhập, có dịch vụ chuyên sâu chất lượng cao dẫn đầu cả nước, đổi mới phong cách, thái độ phục vụ; bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận bình đẳng dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân. Phát huy thế mạnh về nguồn nhân lực y tế của vùng, tăng cường đầu tư các cơ sở đào tạo đại học và cao đẳng về y tế để đào tạo đội ngũ cán bộ y tế đủ về số lượng, chất lượng cung cấp nhân lực cho ngành y tế; rà soát, ban hành các cơ chế nhằm thu hút, đào tạo, đãi ngộ hợp lý đội ngũ thầy thuốc, chuyên gia giỏi.

- Hoàn thành quy hoạch mạng lưới y tế cơ sở thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có tích hợp các cơ sở y tế mang tính liên vùng, liên tỉnh của vùng đồng bằng Sông Hồng. Ưu tiên đầu tư nâng cấp một số bệnh viện đa khoa, chuyên khoa trung ương hạng đặc biệt tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới. Đầu tư, nâng cấp bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh hạng I, các bệnh viện vệ tinh để đảm nhận vai trò bệnh viện tuyến cuối nhằm giảm tải cho các tỉnh, thành phố lớn, người dân có thể tiếp cận các dịch vụ y tế chất lượng, toàn diện. Hoàn thành đầu tư xây dựng các cơ sở 2 của Bệnh viện Việt Đức và Bạch Mai tại Hà Nam. Gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng. Nghiên cứu thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực để đảm nhận vai trò hỗ trợ Trung tâm kiểm soát bệnh tật cho các tỉnh lân cận và có khả năng liên kết quốc tế.

8. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Phát triển kinh tế đi đôi với tăng cường quản lý, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là đất đai, nước. Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, ít phát thải khí nhà kính, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết quốc tế của Việt Nam.

- Tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học của các khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên cấp quốc gia như Bái Tử Long, Vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Cát Bà, Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Khu bảo tồn loài sinh cảnh Voọc mông trắng Kim Bảng, Hà Nam,… Áp dụng các giải pháp tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học nhằm dựa vào thiên nhiên để phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu; giải quyết các sự cố, phục hồi và bảo tồn hệ sinh thái biển, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, chủ động thích ứng với tình trạng nước biển dâng. Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học khu vực tiếp giáp các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc, vùng cửa sông Hồng, sông Thái Bình, các vùng ngập nước ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên để bảo đảm an ninh lương thực, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững theo quy định của pháp luật. Nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở dữ liệu địa chính toàn vùng. Đánh giá đúng hiện trạng đất chưa sử dụng trong vùng. Khẩn trương rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất của các dự án chậm đưa vào sử dụng; kiên quyết xử lý, thu hồi đúng pháp luật, không để tái diễn tình trạng dự án "treo", sử dụng không đúng quy hoạch, sai mục đích, phòng, chống lợi ích nhóm, tiêu cực; lành mạnh hóa thị trường bất động sản.

- Bảo đảm an ninh, an toàn nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh nguồn nước lưu vực sông Hồng, sông Đà, sông Lô và cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường nước tại lưu vực các công Nhuệ, Đáy, Bắc Hưng Hải,…. Hoàn thành việc lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Hồng giai đoạn 2021-2030. Huy động nguồn lực quốc tế hỗ trợ vùng đồng bằng Sông Hồng chuyển đổi năng lượng và thích ứng biến đổi khí hậu, trong đó có bảo đảm khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, với chi phí phù hợp và đánh giá chính xác tiềm năng điện gió, điện mặt trời nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng.

- Tập trung giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các đô thị khác, nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm nước các sông trong nội đô, đặc biệt là sông Tô lịch và các làng nghề khu vực nông thôn. Kiên quyết di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thành, đông dân cư.

- Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, chất thải, nước thải đạt quy chuẩn gắn với các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Từng bước hiện đại hóa cơ sở dữ liệu địa chính của toàn vùng. Xây dựng, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia để định hướng vị trí, quy mô khu xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tập trung cấp vùng; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải và phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt.

9. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với củng cố quốc phòng, an ninh. Tập trung thực hiện có hiệu quả các quy hoạch trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh; đầu tư xây dựng các khu kinh tế quốc phòng theo quy hoạch, phù hợp với các chiến lược, đề án về quân sự, quốc phòng. Quản lý bảo vệ chặt chẽ các công trình quốc phòng và khu quân sự, điểm cao, khu vực địa hình có giá trị về quốc phòng; quan tâm đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ. Xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc trên nền tảng thế trận toàn dân.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh nhằm vô hiệu hoá âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm, bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự; ứng phó có hiệu quả các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

- Xây dựng lực lượng vũ trang Thủ đô và các tỉnh, thành phố đồng bằng Sông Hồng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, triển khai ứng dụng và tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin để nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm.

- Phát huy tối đa vị thế, lợi thế về vị trí địa chính trị là cửa ngõ kết nối của ASEAN trong công tác đối ngoại để đa dạng hóa đối tác thương mại, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do để nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế, hiệu quả thực thi cam kết trong các Hiệp định tự do thương mại thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên. Gắn kết các hoạt động đối ngoại với việc thực hiện các định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Xây dựng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; phát huy hiệu quả liên kết phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững trong khuôn khổ hợp tác hành lang, vành đai.

- Chủ động, tích cực tham gia các sáng kiến liên kết, kết nối với nước láng giềng, các nước trong khu vực và quốc tế. Tăng cường giao lưu nhân dân, thúc đẩy, triển khai hiệu quả các thỏa thuận hợp tác đã ký kết với địa phương của các nước.

Tăng cường vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững các địa phương trong vùng.

10. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị của các địa phương vùng đồng bằng Sông Hồng thực sự trong sạch, vững mạnh. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu; triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Thực hiện có hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền; nâng cao đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong một số lĩnh vực, đề cao trách nhiệm người đứng đầu gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện mô hình chính quyền các cấp, phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, môi trường và tổ chức bộ máy gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, trong sạch, tận tụy, năng động, sáng tạo, có tư duy đổi mới, có tầm nhìn chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng, ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng Sông Hồng:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương triển khai thực hiện có hiệu quả, thực chất, toàn diện các nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương

mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 28 tháng 2 năm 2023, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ, giải pháp và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo Trung ương, các bộ, ngành và địa phương chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí, hệ thống thông tin cơ sở phổ biến rộng rãi Nghị quyết này.

Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân (giai đoạn 2021 - 2030)	%	9	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu GRDP của Vùng			Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Trong đó:			
-	*Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản*	*%*	*3,5*	
-	*Công nghiệp - xây dựng*	*%*	*47,0*	
-	*Dịch vụ*	*%*	*41,0*	
-	*Thuế sản phẩm trừ trợ cấp*	*%*	*8,5*	
3	GRDP bình quân đầu người	triệu đồng	274	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Tỉ trọng kinh tế số trong GRDP	%	35	Bộ Thông tin và Truyền thông
5	Tỉ lệ đô thị hóa	%	>55	Bộ Xây dựng
6	Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Trong đó:			
-	*Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao*	*%*	*50*	
-	*Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu*	*%*	*20*	
7	Tốc độ tăng năng suất lao động (giai đoạn 2021 - 2030)	%	7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (giai đoạn 2021 - 2030)	%	55	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	48-52	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
10	Tỉ lệ thất nghiệp	%	<3	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
11	Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân hằng năm (giai đoạn 2021-2030)	%	1,5	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Tỉ lệ trường đạt chuẩn quốc gia của Vùng			Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
-	*Mầm non*	*%*	*76,0*	
-	*Tiểu học*	*%*	*95,0*	
-	*Trung học cơ sở*	*%*	*90,0*	
-	*Trung học phổ thông*	*%*	*68,0*	
13	Số giường bệnh trên 10.000 dân	giường bệnh	32	Bộ Y tế
14	Số bác sỹ trên 10.000 dân	bác sỹ	11	Bộ Y tế
15	Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	>95	Bộ Y tế
16	Tỷ lệ dân số đô thị đang sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung	%	100	Bộ Xây dựng
17	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.	%	85	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Bộ Tài nguyên và Môi trường
19	Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	95	Bộ Tài nguyên và Môi trường
20	Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định	%	98	Bộ Tài nguyên và Môi trường
21	Giảm ít nhất lượng phát thải khí nhà kính	%	9	Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục II

NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30-NQ/TW NGÀY 23 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
I	**HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ LIÊN KẾT VÙNG**					
1	Quy hoạch vùng đồng bằng Sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
2	Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	UBND các địa phương trong vùng	Các bộ, cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
3	Báo cáo rà soát cơ chế, chính sách hiện hành để điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2024	Thủ tướng Chính phủ	
4	Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
5	Xây dựng cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách để khuyến khích nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu; cho phép địa phương được sử dụng ngân sách địa phương để đầu tư các dự án vùng, liên vùng; phân cấp, phân quyền mạnh hơn trong lĩnh vực tài chính gắn với quá trình đánh giá tổng kết, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	
6	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Quảng Ninh)	UBND tỉnh Quảng Ninh	Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
7	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm phát triển Khu kinh tế Vân Đồn	UBND tỉnh Quảng Ninh	Các bộ, cơ quan liên quan và UBND tỉnh Quảng Ninh	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
8	Tổng kết, xây dựng dự án Luật Thủ đô (sửa đổi)	Bộ Tư pháp	UBND thành phố Hà Nội, các bộ, cơ quan có liên quan	2023 - 2025	Chính phủ	
II	**PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG**					
1	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp mới (như: sản xuất chíp, bán dẫn, sản xuất rô-bốt, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới,…) cho vùng đồng bằng sông Hồng	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
2	Đề án phát triển cụm liên kết ngành công nghiệp sản xuất - chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông, lâm sản, thủy hải sản và thực phẩm vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Công Thương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
3	Đề án phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch mang tầm khu vực và quốc tế	UBND thành phố Hà Nội	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2024	Thủ tướng Chính phủ	
4	Đề án xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trở thành Trung tâm logistics quốc tế hiện đại, gắn với cảng biển Quốc tế kết nối với các tuyến hành lang, vành đai kinh tế	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Công Thương, các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
5	Đầu tư, xây dựng Trường Đại học Hàng Hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển.	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
6	Đề án phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á và là động lực phát triển của vùng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, cơ quan và UBND thành phố Hải Phòng, UBND tỉnh Quảng Ninh	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
7	Đề án điều chỉnh ranh giới vùng đệm di sản Vịnh Hạ Long	UBND tỉnh Quảng Ninh	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan và UBND thành phố Hải Phòng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
III	**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ BỀN VỮNG VÀ KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI HIỆN ĐẠI**					
1	Hoàn thiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn	Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
2	Đề án Phát triển thành phố Hải Phòng trở thành đô thị loại đặc biệt, xanh thông minh, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
IV	**PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ**					
1	Xây dựng Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng sông Hồng, tại thành phố Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
2	Đề án xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam	Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố liên quan	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
3	Đề án xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
4	Đề án đầu tư phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, điện tử - bán dẫn tự động hóa, công nghệ sinh học, y dược, công nghệ vật liệu mới.	UBND tỉnh Hà Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
5	Chương trình nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, xử lý môi trường, phát triển kinh tế biển, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai và đảm bảo quốc phòng an ninh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
6	Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực khu vực nông thôn, miền núi	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2026	Thủ tướng Chính phủ	
7	Đề án xây dựng cơ chế, chính sách trong xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
V	**PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC**					
1	Đề án phát triển Đại học Bách Khoa Hà Nội thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Châu Á	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
2	Đề án Phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu Châu Á	Đại học Quốc gia Hà Nội	Bộ Giao dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan và các địa phương trong vùng	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
VI	**PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG CỦA NHÂN DÂN**					
1	Đề án xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đặc trưng của nền văn minh sông Hồng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
2	Đế án phát triển du lịch cho vùng, trọng tâm là du lịch văn hóa, kết nối các di sản tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
3	Xây dựng cơ chế, chính sách riêng cho các tỉnh, thành phố có Di sản Thế giới và tiếp tục đầu tư 09 Khu du lịch quốc gia trong vùng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
4	Hoàn thành quy hoạch mạng lưới y tế cơ sở Quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó có tích hợp các cơ sở y tế mang tính liên vùng, liên tỉnh của vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
5	Nghiên cứu xây dựng Đề án thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
6	Xây dựng cơ chế, chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - lịch sử vùng đất cố đô Hoa Lư	UBND tỉnh Ninh Bình	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
VII	**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**					

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
1	Đề án tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên, di sản thiên nhiên vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
2	Xây dựng mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực đa dạng sinh hoạc cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu vùng đồng bằng Sông Hồng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
VIII	**BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI**					
1	Hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2022 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
2	Tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả các khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn vùng đồng bằng sông Hồng theo quy hoạch	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan và các địa phương có liên quan trong vùng	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30-NQ/TW NGÀY 23 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN
I	**Đường bộ**			
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 Vùng Thủ đô Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội và UBND tỉnh Hưng Yên, tỉnh Bắc Ninh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2027
2	Đầu tư tuyến đường Vành đai 5 Vùng Thủ đô Hà Nội	Bộ Giao thông vận tải/các địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
3	Đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền/địa phương	Đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP), ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
4	Đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, đoạn trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Bộ Giao thông vận tải/các địa phương	Ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023-2030
5	Đầu tư hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long	Bộ Giao thông vận tải/ địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023-2030
6	Đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây (đoạn qua địa bàn vùng)	Bộ Giao thông vận tải/các địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
7	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 4B Quảng Ninh - Lạng Sơn, đoạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Bộ Giao thông vận tải/UBND tỉnh Quảng Ninh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
II	**Cảng hàng không**			
1	Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn	Bộ Giao thông vận tải/Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp/địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
III	**Đường sắt**			
1	Dự án đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (xây dựng đoạn Hà Nội - Vinh)	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2032

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN
2	Dự án đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đoạn Hà Nội - Hải Phòng	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
3	Dự án đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đoạn Hà Nội - Lào Cai	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo quy hoạch (sau năm 2030)
4	Dự án đầu tư tuyến đường sắt vành đai phía Đông Hà Nội (đoạn Ngọc Hồi - Lạc Đạo - Bắc Hồng - Thạch Lỗi)	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo quy hoạch (sau năm 2030)
5	Hoàn thành đầu tư xây dựng tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân	Bộ Giao thông vận tải/các địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
6	Hoàn thành các tuyến Metro tại Thủ đô Hà Nội	UBND thành phố Hà Nội	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2035
7	Tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc,...	Bộ Giao thông vận tải/ địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo quy hoạch (sau năm 2030)
8	Tuyến đường sắt Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (bao gồm cả đoạn Nam Hải Phòng - Hạ Long dài khoảng 37 km).	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Theo quy hoạch (sau năm 2030)
IV	**Đường thủy nội địa**			
1	Cải tạo các tuyến đường thủy nội địa từ Hải Phòng, Quảng Ninh đi Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và tuyến ven biển Vạn Gia - Ka Long; nâng cấp tĩnh không cầu Đuống, nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên sông Hồng	Bộ Giao thông vận tải/ địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
IV	**Cảng biển**			
1	Đầu tư bến cảng mới tại cảng biển Hải Phòng (các bến số: 3, 4, 5, 6, 7, 8 khu bến cảng Lạch Huyện)	UBND tỉnh, thành phố Hải Phòng	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
2	Đầu tư các bến cảng mới tại cảng biển Quảng Ninh theo quy hoạch.	UBND tỉnh Quảng Ninh	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030
V	**Công trình, dự án khác**			
1	Hoàn thành đầu tư xây dựng Trung tâm nghề cá lớn tại thành phố Hải Phòng	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ UBND thành phố Hải Phòng	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	2023 - 2030

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 182 /QĐ-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- Các đ/c Lãnh đạo Bộ (để c/đ);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, KTĐPLT (Ngt 3).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

(Ban hành kèm theo Quyết định số 182/QĐ-BKHĐT ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhằm cụ thể hóa các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ, kết quả đầu ra, trách nhiệm, cơ chế phối hợp của các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ:

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ đến từng cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị nhằm đổi mới tư duy và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong tháng 03 năm 2023.

b) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ, nhất là về lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch Vùng; xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về

Quy hoạch vùng tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về Quy hoạch; xây dựng cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng; cơ chế chính sách đặc thù, phân bổ nguồn lực, đào tạo nguồn nhân lực; quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của Vùng, giải quyết các vấn đề trọng điểm tại Vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

c) Thường xuyên trao đổi với các cơ quan, đơn vị liên quan, địa phương trong vùng đồng bằng Sông Hồng để nắm bắt nhu cầu, khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng và khiển khai thực hiện các vấn đề: liên kết vùng; lập, trình thẩm định quy hoạch vùng, tỉnh; huy động nguồn lực cho phát triển hạ tầng; triển khai thực hiện các dự án quan trọng, liên vùng để đề xuất các giải pháp hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời.

d) Định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này và gửi Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, trình Lãnh đạo bộ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục kèm theo).

2. Giao Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trong Bộ triển khai các nhiệm vụ, được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng. Kịp thời báo cáo, đề xuất Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các giải pháp tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này.

b) Trước ngày 25 tháng 12 hằng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, đề án của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh vùng đồng bằng Sông Hồng nêu tại Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ, trình Lãnh đạo Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Giao Tổng cục Thống kê chủ trì theo dõi đánh giá các chỉ tiêu kinh tế về: Tăng trưởng GRDP bình quân vùng; quy mô kinh tế vùng; cơ cấu GRDP của vùng; GRDP bình quân đầu người; tốc độ tăng năng suất lao động; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng; Chủ trì, phối hợp với các Bộ, địa phương liên quan có Báo cáo đánh giá các chỉ tiêu tại Phụ lục I của Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08/02/2023 của Chính phủ.

4. Giao Vụ Quản lý các khu kinh tế phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường theo dõi đánh giá chỉ tiêu: Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường tại các báo cáo hằng năm, sơ kết, tổng kết và các báo cáo đột xuất khác.

5. Giao Vụ Quản lý quy hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan:

a) Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về quy hoạch vùng đồng bằng Sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về Quy hoạch; Lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch vùng đồng bằng Sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b) Đôn đốc các địa phương trong vùng đồng bằng Sông Hồng đẩy nhanh tiến độ, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; giám sát việc thực hiện lập quy hoạch tỉnh theo tiến độ tại Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ và Quyết định này. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Giao Văn phòng Bộ:

a) Phối hợp với các đơn vị trong Bộ xây dựng phương án bố trí nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ của Bộ tại Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị, báo cáo lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

b) Tổng hợp, đưa các đề án, nhiệm vụ phù hợp của các đơn vị nêu trên vào Chương trình công tác của Bộ hằng năm để làm cơ sở đôn đốc, báo cáo Lãnh đạo Bộ tiến độ và kết quả thực hiện./.

Phụ lục

NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 14/NQ-CP NGÀY 08 THÁNG 02 NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 30-NQ/TW NGÀY 23 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ BẢO ĐẢM QUỐC PHÒNG, AN NINH VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

(Kèm theo Quyết định số: 182/QĐ-BKHĐT ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO DÕI/THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP THEO DÕI/ THỰC HIỆN	THỜI GIAN BÁO CÁO/ TRÌNH	CẤP BÁO CÁO/ TRÌNH	GHI CHÚ
I	**HOÀN THIỆN THỂ CHẾ PHÁT TRIỂN VÀ LIÊN KẾT VÙNG**					
1	Quy hoạch vùng đồng bằng Sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, phát triển nhanh, bền vững phù hợp với vị trí địa kinh tế - chính trị. Tổ chức không gian phát triển vùng bảo đảm cân bằng, bền vững gắn với việc phát triển các hành lang kinh tế; phát triển các chuỗi đô thị hiện đại và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, giao thông đồng bộ, kết nối giữa các cực tăng trưởng trong vùng (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), nội vùng, liên vùng, các đầu mối trung tâm kinh tế trên toàn tuyến, hành lang kinh tế.	Vụ Quản lý quy hoạch	Các đơn vị thuộc Bộ	2023	Thủ tướng Chính phủ	

	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO DÕI/THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP THEO DÕI/ THỰC HIỆN	THỜI GIAN BÁO CÁO/ TRÌNH	CẤP BÁO CÁO/ TRÌNH	GHI CHÚ
2	Thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng đồng bằng Sông Hồng	Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ	Các đơn vị thuộc Bộ	2023	Thủ tướng Chính phủ	
3	Báo cáo rà soát cơ chế, chính sách hiện hành để điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng	Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ	Các đơn vị thuộc Bộ	2024	Chính phủ	
II	**PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG**					
4	Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế tuần hoàn (KTTH)					*Phạm vi các nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 Phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam*
4.1	*Nghị định về cơ chế thử nghiệm phát triển kinh tế tuần hoàn*	*Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương*	*Các đơn vị thuộc Bộ*	*Quý II/2023*	*Chính phủ*	
4.2	*Hỗ trợ các địa phương trong Vùng trong việc tích hợp các nội dung phát triển KTTH trong quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các địa phương*	*Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương*	*Các đơn vị thuộc Bộ*	2023-2025	*Bộ trưởng Bộ KH&ĐT*	

	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO DÕI/THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP THEO DÕI/ THỰC HIỆN	THỜI GIAN BÁO CÁO/ TRÌNH	CẤP BÁO CÁO/ TRÌNH	GHI CHÚ
4.3	*Xúc tiến các dự án đầu tư nước ngoài đáp ứng các tiêu chí KTTH, trong đó chú trọng các dự án có tính chất liên kết vùng gắn với chống biến đổi khí hậu*	*Cục Đầu tư nước ngoài*	*Các đơn vị thuộc Bộ*	2023-2025	*Bộ trưởng Bộ KH&ĐT*	
4.4	*Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn triển khai khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái để thúc đẩy kinh tế toàn hoàn ở Việt Nam*	*Vụ Quản lý các khu kinh tế*	*Các đơn vị thuộc Bộ*	2023-2025	*Thủ tướng Chính phủ*	Phạm vi các nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 Phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030
5	Phát triển kinh tế số, đẩy mạnh ứng dụng khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhất là thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Báo cáo định kỳ hằng năm theo dõi, đánh giá tình hình và kết quả triển khai Chiến lược về cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 của các địa phương trong vùng	Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương	Các đơn vị thuộc Bộ	2023-2025	Bộ trưởng Bộ KH&ĐT	Phạm vi các nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 183/QĐ-BKHĐT ngày 22/02/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Chiến lược quốc gia về cách mạng, công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030

	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ THEO DÕI/THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ PHỐI HỢP THEO DÕI/ THỰC HIỆN	THỜI GIAN BÁO CÁO/ TRÌNH	CẤP BÁO CÁO/ TRÌNH	GHI CHÚ
6	Phối hợp với UBND thành phố Hà Nội xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng với thể chế thử nghiệm vượt trội, gắn với Quỹ Đầu tư Đổi mới sáng tạo và phát triển mạnh các công nghệ mới, kết nối hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ vùng, cả nước và quốc tế.	Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia		2023-2025	Bộ trưởng Bộ KH&ĐT	Phạm vi các nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 183/QĐ-BKHĐT ngày 22/02/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Chiến lược quốc gia về cách mạng, công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030









VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI TRUNG BỘ

Liên kết - Đột phá từ kinh tế biển - Phát triển nhanh và bền vững



Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ gồm 14 tỉnh, thành phố với diện tích tự nhiên 95.860 km2. Vùng có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường, đối ngoại và quốc phòng, an ninh biển đảo của tổ quốc; bờ biển dài gần 2.000 km, chiếm khoảng 60% chiều dài bờ biển cả nước, là cầu nối quan trọng trong giao lưu kinh tế, văn hóa với quốc tế; có 5 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới và 06 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh; 35 di tích quốc gia đặc biệt; 49 bảo vật quốc gia; 691 di tích quốc gia; 175 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; có nhiều bãi biển đẹp, có 11 khu kinh tế ven biển, chiếm tỷ lệ 61% cả nước gắn với nhiều cảng biển lớn, có tiềm năng rất lớn trong phát triển kinh tế biển, du lịch, dịch vụ. Có truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng hào hùng, nơi sinh ra nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, chính trị nổi tiếng; người dân thân thiện, hiền hòa, cần cù, yêu lao động.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, là vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển; Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; Có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn của cả nước với các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực. Tầm nhìn đến năm 2045, vùng phát triển nhanh, bền vững, mạnh về kinh tế biển; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn ngang tầm khu vực Châu Á với các khu kinh tế ven biển hiện đại...

Bộ Chính trị
10-11-2022 09:09:26 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 26-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 25-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, những năm qua, các cấp, các ngành, nhất là các địa phương trong vùng đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng; sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị được huy động; nhiều điểm nghẽn đối với phát triển được khơi thông, tiềm năng, lợi thế của vùng và từng địa phương trong vùng từng bước được phát huy; đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực. Kinh tế tăng trưởng bình quân 7,3%/năm giai đoạn 2005 - 2020, cao hơn mức trung bình cả nước. Quy mô kinh tế của vùng năm 2020 (theo giá hiện hành) tăng gấp 9,1 lần so với năm 2004, chiếm 14,5% GDP cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt mức 56,9 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ và công nghiệp là chủ đạo; một số ngành kinh tế cơ bản, nhất là các ngành kinh tế biển, các ngành có giá trị gia tăng cao được hình thành và phát triển; du lịch dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Thu ngân sách tăng khá, một số địa phương đã cân đối được ngân sách và có điều tiết về Trung ương. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch đạt được nhiều kết quả tích cực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông và đô thị được cải thiện. Công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên được chú trọng; bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường. Hợp tác giữa các địa phương trong vùng, của vùng với các địa phương khác và với các tỉnh của nước bạn Lào có chung đường biên giới với Việt Nam đạt được một số kết quả ban đầu. Văn hoá, xã hội có bước phát triển; chất lượng giáo dục - đào tạo và các chỉ tiêu y tế cơ bản được cải thiện. An sinh xã hội được bảo đảm, tỉ lệ hộ nghèo giảm khá nhanh. Đời sống vật chất và tinh thần

của nhân dân, nhất là của đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được nâng lên rõ rệt. Công tác dân tộc và tôn giáo được quan tâm, đạt kết quả quan trọng. Trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững, nhất là an ninh chính trị, an ninh biên giới, bảo vệ vững chắc vùng đất, vùng trời, vùng biển của Tổ quốc. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao. Những kết quả đạt được trong thời gian qua khẳng định Nghị quyết số 39-NQ/TW đã thực sự đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả tích cực.

Tuy nhiên, Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ vẫn là vùng có chỉ số phát triển ở nhiều lĩnh vực thấp hơn mức trung bình cả nước. Tiềm năng, lợi thế của vùng, nhất là kinh tế biển chưa được khai thác hợp lý và phát huy hiệu quả. Quy mô kinh tế vùng còn nhỏ, GRDP bình quân đầu người thấp. Tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bền vững, chất lượng và năng lực cạnh tranh chưa cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm, chưa có đột phá. Hiệu quả hoạt động các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cụm công nghiệp chưa cao, tỉ lệ lấp đầy còn thấp. Các khu kinh tế ven biển, cảng biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Thiếu dự án đầu tư quy mô lớn, có tính động lực. Quy mô sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún. Ngành dịch vụ phát triển chưa đa dạng, chất lượng chưa cao. Du lịch phát triển chưa bền vững, thiếu đa dạng, sức cạnh tranh quốc tế còn thấp. Cơ cấu thu ngân sách chưa bền vững. Doanh nghiệp chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ, tỉ suất lợi nhuận thấp. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, tính kết nối chưa cao, tỉ lệ đường cao tốc thấp. Liên kết phát triển vùng còn lỏng lẻo, lúng túng, bị động. Tốc độ đô thị hoá và chất lượng đô thị còn thấp. Các đô thị trung tâm vùng chưa phát huy được vai trò đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển vùng. Văn hoá - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Một số chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo chưa đạt mục tiêu đặt ra. Thị trường lao động chậm phát triển, thiếu linh hoạt, tỉ lệ thiếu việc làm còn cao; chất lượng lao động và việc làm còn thấp. Tỉ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỉ lệ giảm nghèo chưa đạt mục tiêu đặt ra. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội có lúc, có nơi còn bị động; công tác dân tộc, tôn giáo còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu.

Hạn chế và yếu kém trên chủ yếu là do: Nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng; tư duy về liên kết vùng chậm được đổi mới; hoạt động của Hội đồng điều phối vùng chưa hiệu quả; cơ chế điều phối, kết nối vùng còn nhiều bất cập; phân chia các tiểu vùng chưa thống nhất; thiếu hệ thống

các chỉ tiêu kinh tế - xã hội để quản lý, điều tiết vùng. Chưa có chính sách đủ mạnh để tạo đột phá cần thiết cho vùng và một số địa phương trọng điểm. Chất lượng quy hoạch còn thấp, thiếu liên kết, đồng bộ. Phân cấp, phân quyền cho các địa phương chưa triệt để, thiếu sự phối hợp và kiểm tra, giám sát. Nguồn lực đầu tư cho vùng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông; cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, còn dàn trải, hiệu quả sử dụng chưa cao. Phối hợp giữa các bộ, ngành Trung ương với các địa phương chưa chặt chẽ. Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, có mặt còn hạn chế, tính năng động chưa cao. Vùng bị tác động mạnh bởi thiên tai, nhất là biến đổi khí hậu.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, nhất là về kinh tế biển và quốc phòng, an ninh biển, đảo của Tổ quốc. Đổi mới tư duy phát triển, tạo đồng thuận, thống nhất cao trong nhận thức và hành động; phát triển nhanh, bền vững tương xứng với tiềm năng, lợi thế của vùng và các địa phương trong vùng; nâng cao trình độ và thu nhập của người dân trong vùng là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa chiến lược của các địa phương trong vùng và cả nước.

- Phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ phải phù hợp với các chiến lược phát triển quốc gia, nhất là Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, tập trung phát triển các ngành kinh tế biển trở thành vùng mạnh về biển, giàu từ biển; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả kết cấu hạ tầng hiện có, các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, hệ thống đô thị ven biển, các hành lang kinh tế, các cực tăng trưởng, các trung tâm vùng và vùng động lực.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển kinh tế biển xanh, kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện thực tế của vùng. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phù hợp với điều kiện thực tế của vùng. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; thực hiện thí điểm các mô hình, cơ chế, chính sách đột phá nhằm thu hút và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển vùng và các tiểu vùng. Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên rừng và biển; chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, truyền thống, văn hoá của vùng. Phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo bền vững, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, bãi ngang, hải đảo. Đẩy mạnh liên kết nội vùng, giữa vùng với các vùng khác trong nước. Mở rộng quan hệ đối ngoại, nhất là với nước bạn Lào, các nước tiểu vùng sông Mê Công. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong vùng, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ là vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn của cả nước với các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực; là cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên và nước bạn Lào; là nơi các giá trị văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 7 - 7,5%/năm. Đến năm 2030, GRDP vùng tăng từ 2,5 - 3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm khoảng 11,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 40,7%, dịch vụ chiếm khoảng 37,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 10,3%. Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 30%; kinh tế số trong GRDP vùng đạt khoảng 30%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 156 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành). Thu ngân sách nhà nước chiếm khoảng 20 - 25% cả nước; tốc độ tăng thu nội địa cao hơn 2 - 3 điểm% so với bình quân của cả nước. Phấn đấu tỉ lệ

đô thị hoá đạt khoảng 47 - 48%. Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu khoảng 30%.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) cao hơn trung bình cả nước. Thu nhập bình quân đầu người gấp 1,2 lần trở lên so với trung bình cả nước. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 75%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 35 - 40%. Tỉ lệ hộ nghèo giảm 1 - 1,5%/năm, trong đó tỉ lệ trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm. Đạt 32 giường bệnh viện/vạn dân; 11 bác sĩ/vạn dân. Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỉ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 54%. 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Tỉ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt khoảng 90%. 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ là vùng phát triển nhanh, bền vững, mạnh về kinh tế biển; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn ngang tầm khu vực Châu Á với các khu kinh tế ven biển hiện đại, hệ thống đô thị ven biển thông minh, bền vững, có bản sắc riêng, thân thiện với môi trường, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; là nơi các giá trị văn hoá, lịch sử, hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đạt mức cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Thống nhất cao ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng và liên kết phát triển vùng; coi liên kết phát triển vùng là xu thế tất yếu, là động lực kết nối và dẫn dắt sự phát triển các địa phương trong vùng.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện Quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương trong vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, tạo cơ sở pháp lý để các địa phương trong vùng liên kết, hợp tác; là công cụ điều phối, quản lý thống nhất vùng và các tiểu vùng; phân công rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ

trên cơ sở chuyên môn hoá cao phù hợp với lợi thế so sánh của các địa phương và các tiểu vùng. Quy hoạch vùng và quy hoạch các địa phương phải có tầm nhìn tổng thể, dài hạn cùng với các giải pháp đột phá, mở rộng không gian và nguồn lực cho phát triển; bảo đảm gắn kết giữa phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp với các khu du lịch và dịch vụ; giữa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới; giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng; phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế cửa khẩu…

- Nghiên cứu tổ chức không gian phát triển vùng theo các tiểu vùng: Tiểu vùng Bắc Trung Bộ, tiểu vùng Trung Trung Bộ và tiểu vùng Nam Trung Bộ. Trong đó, tiểu vùng Trung Trung Bộ có vai trò động lực, có tác động lan toả, lôi kéo và thúc đẩy sự phát triển của toàn vùng. Phát triển bền vững khu vực phía Tây trên cơ sở phát huy cao nhất các tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về kinh tế cửa khẩu, rừng và lịch sử, văn hoá; tăng cường khả năng chống chịu thiên tai; tăng cường kết nối hữu cơ với các tiểu vùng khác trong vùng, với vùng Tây Nguyên, đồng bằng Sông Hồng và Đông Nam Bộ; liên kết các ngành, doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu khoa học và trường đại học.

- Xây dựng thể chế liên kết vùng để điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng, liên vùng; phù hợp với định hướng và đặc thù phát triển vùng; bảo đảm các quy định pháp lý, cơ chế, chính sách liên kết vùng được thực hiện đồng bộ, nhất quán, hiệu quả và có kỷ luật, kỷ cương.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích phát triển doanh nghiệp và thu hút nguồn lực nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, nhất là các ngành kinh tế biển. Hình thành các cụm liên kết ngành ở phạm vi liên tỉnh, liên vùng gắn với các trung tâm kinh tế biển mạnh có tầm quốc gia, quốc tế theo hướng tăng cường phân cấp, nâng cao vai trò, phát huy tính chủ động, năng động, sáng tạo của các địa phương trong quản lý, phát triển kinh tế. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật về tài chính cho phép các địa phương huy động, phân bổ và chia sẻ nguồn lực để thực hiện các mục tiêu chung của vùng. Trong đó, có hệ thống hạ tầng kết nối nội vùng, liên vùng, các dự án có quy mô và sức lan toả trong vùng và liên vùng.

- Rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư để nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển các quy hoạch liên tỉnh như Nam Thanh Hoá - Bắc

Nghệ An, Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh; Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình; Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hoà. Nghiên cứu quy hoạch phát triển các khu vực liên tỉnh như Bắc Quảng Nam - Nam thành phố Đà Nẵng; Bắc Phú Yên - Nam Bình Định. Tiếp tục đầu tư, phát triển các hành lang kinh tế như Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng; La Lay - Mỹ Thuỷ; Cầu Treo - Vũng Áng; Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn; Vân Phong - Buôn Ma Thuột; Phú Yên - Đắk Lắk.

- Tập trung đầu tư tăng cường hệ thống hạ tầng trọng yếu bảo đảm liên kết vùng và các tiểu vùng, nhất là trong các lĩnh vực giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, kinh tế số, đô thị, đào tạo nguồn nhân lực, du lịch và dịch vụ, logistics, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Sớm xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, dữ liệu, trao đổi thông tin kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong vùng.

2. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế biển

- Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, nhất là các ngành như du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió ven bờ và năng lượng gió ngoài khơi; các ngành kinh tế biển mới…

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển công nghiệp vùng theo hướng hiện đại với những sản phẩm có thế mạnh, có thương hiệu và tham gia hiệu quả vào chuỗi sản xuất của khu vực và toàn cầu. Cơ cấu lại ngành công nghiệp, ưu tiên, khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế. Mở rộng và xây dựng trung tâm lọc, hoá dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo lớn, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi; nghiên cứu và định hướng phát triển khai thác năng lượng hydrogen. Triển khai công tác thẩm lượng, thẩm định, phê duyệt trữ lượng đối với mỏ Báo Vàng, Kèn Bầu; tích cực triển khai chuỗi dự án Cá Voi Xanh. Phân bố không gian công nghiệp theo các hành lang kinh tế ven biển gắn với các cảng biển, các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, các đường quốc lộ kết nối Tây Nguyên với vùng. Tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả các khu kinh tế ven biển; rà soát, điều chỉnh, phân chia chức năng các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không trong vùng để tăng cường liên kết, hạn chế cạnh tranh trong phân bổ, thu hút các nguồn lực.

- Cơ cấu lại và đổi mới mô hình phát triển nông nghiệp vùng; tăng cường đầu tư cho ứng dụng khoa học - công nghệ và hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

Phát triển nông nghiệp vùng theo hướng sinh thái, đặc hữu có khả năng chống chịu cao với thời tiết cực đoan, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; liên kết theo chuỗi giá trị và có giá trị gia tăng cao; gắn với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch... Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thuỷ, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao. Phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với quốc phòng, an ninh. Phát triển kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, gắn với đô thị hoá.

- Cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại hình dịch vụ mới. Phát triển vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước với các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế. Phát triển các trung tâm logistics gắn với các cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu.

3. Tập trung phát triển mạnh hệ thống đô thị, nhất là hệ thống đô thị ven biển; đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng, nhất là hạ tầng giao thông

- Phát triển hệ thống đô thị vùng có kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, sinh thái, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu; kết nối trong nước và quốc tế, coi đây là một trong những khâu đột phá cho phát triển vùng. Phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, các trung tâm thương mại, dịch vụ theo hướng đa trung tâm tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng; hình thành ba tiểu vùng đô thị hoá tại Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Phát triển các đô thị trung tâm, đô thị hạt nhân cấp vùng và tiểu vùng như xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng. Phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi trở thành trung tâm du lịch biển - đảo.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vùng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi nội vùng và liên vùng. Kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu công nghệ cao Đà Nẵng và các cảng hàng không, cảng biển. Tập trung đầu tư phát triển hệ thống đường bộ cao tốc, đặc biệt là các đoạn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông để kết nối toàn bộ các địa phương trong vùng. Xây dựng đường cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột; kêu gọi và thúc đẩy đầu tư tuyến đường cao tốc Hà Nội - Viêng Chăn

(đoạn qua Nghệ An), đường cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo; đường cao tốc Đà Nẵng - Thạch Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y. Đến năm 2030, toàn vùng có khoảng 1.554 km đường bộ cao tốc. Hoàn thành tuyến đường bộ ven biển tại các địa phương trong vùng. Nghiên cứu đầu tư, nâng cấp các tuyến đường cao tốc trục ngang kết nối cửa khẩu quốc tế với các cảng biển. Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác 9 cảng hàng không hiện có trong vùng. Đầu tư xây dựng mới cảng hàng không Phan Thiết, cảng hàng không Quảng Trị. Tập trung nguồn lực phát triển các cảng biển có tiềm năng thành cảng biển đặc biệt, nhất là các cảng biển ở Thanh Hoá, Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hoà. Nâng cấp, từng bước hiện đại hoá tuyến đường sắt Bắc - Nam qua vùng. Nghiên cứu kêu gọi đầu tư các tuyến đường sắt kết nối vùng với khu vực Tây Nguyên và các cửa khẩu quốc tế trong khu vực.

- Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo. Nâng cấp, hiện đại hoá các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa cấp thành phố và quận, huyện. Đầu tư một số trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm khoa học - công nghệ, đào tạo, chăm sóc sức khoẻ… theo quy hoạch. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, đầu tư, nâng cấp đồng bộ các thiết chế văn hoá, nhất là một số công trình văn hoá tiêu biểu của vùng.

4. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên biển, đảo và rừng; bảo vệ môi trường, nhất là môi trường biển; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Đây là nhiệm vụ quan trọng, quyết định sự phát triển bền vững của vùng. Kiểm soát an toàn, xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh; hoàn thành việc xử lý khu vực bị nhiễm chất độc dioxin. Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ và hải đảo.

Quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai; phát triển mạng lưới quan trắc môi trường tự động. Tăng cường dự báo, đánh giá tác động để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và đầu tư phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

5. Phát triển toàn diện văn hoá - xã hội vùng

- Tạo chuyển biến về chất lượng trong giáo dục và đào tạo; đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với thế mạnh và định hướng phát triển vùng, coi đây là một trong những khâu đột phá cho phát triển vùng. Đầu tư xây dựng cơ sở vật

chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số trường đại học lớn ở Vinh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Nha Trang trở thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, trong đó Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới giáo dục nghề nghiệp. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện đồng bộ 3 chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo nhanh và bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện hiệu quả các chính sách ưu đãi người có công và trợ giúp xã hội. Hoàn thiện mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, đặc biệt tuyến cơ sở. Phát triển thành phố Đà Nẵng, thành phố Vinh và thành phố Huế thành hạt nhân của trung tâm y tế chuyên sâu; Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế.

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản lịch sử, văn hoá vật thể và phi vật thể, danh lam thắng cảnh và di sản thiên nhiên, nhất là các di sản văn hoá được UNESCO vinh danh. Đầu tư và nâng cấp mạng lưới thiết chế văn hoá và thể dục, thể thao. Phát triển thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế trở thành trung tâm văn hoá, nghệ thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực văn hoá, nghệ thuật của vùng; thành phố Vinh trở thành trung tâm văn hoá phía Bắc của vùng; thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hoá phía Nam của vùng.

6. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ theo hướng hiện đại, ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng thực thi pháp luật trên biển; không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển, đảo; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển. Tiếp tục xây dựng các hải đoàn mạnh để vừa làm kinh tế, hỗ trợ ngư dân, vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, đảo. Xây dựng huyện đảo Trường Sa thành khu vực phòng thủ vững chắc, chú trọng nâng cao năng lực phòng thủ đảo Phú Quý, đảo Cồn Cỏ. Thực hiện tốt công tác quản lý biên giới theo các văn kiện đã được ký kết với nước bạn Lào.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh và trật tự, an toàn xã hội; chủ động phát hiện và xử lý kịp thời, không để xảy ra bị động,

bất ngờ, hình thành "điểm nóng", phức tạp về an ninh, trật tự. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối về kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, đối ngoại. Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng trong giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh; phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, ngăn chặn kịp thời hành vi lợi dụng dân tộc, tôn giáo xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Đấu tranh ngăn chặn, xử lý nghiêm các hoạt động truyền đạo trái phép, các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

- Đẩy mạnh hợp tác kinh tế, vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư, viện trợ phát triển chính thức, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân và các đối tác phát triển của hợp tác tiểu vùng sông Mê Công cho phát triển vùng, nhất là phát triển kinh tế biển và ứng phó với biến đổi khí hậu, các hiện tượng thời tiết cực đoan.

- Chủ động khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các khung khổ hội nhập để cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của vùng theo hướng xanh, bền vững. Tăng cường hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các nước trên thế giới, nhất là các nước tiểu vùng sông Mê Công, ASEAN; chủ động triển khai các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế qua các cửa khẩu trong vùng gắn với hành lang kinh tế Đông - Tây. Nghiên cứu thí điểm mô hình khu kinh tế cửa khẩu qua biên giới trên hành lang kinh tế Đông - Tây.

7. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong vùng

- Thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ ở các cấp. Triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận; quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; chất lượng, hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền,

uỷ quyền. Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng thiết thực, hướng mạnh về cơ sở, đi sâu vào từng đối tượng, đa dạng các hình thức tập hợp nhân dân. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân cả nước, nhất là các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và xây dựng Quy hoạch vùng, địa phương; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng; điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, chủ động phối hợp với các địa phương vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ để thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 168 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2).110

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Vũ Đức Đam

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
Hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Nghị quyết số 168 /NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 26-NQ/TW) đã đề ra các mục tiêu:

Đến năm 2030, Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ là vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn của cả nước với các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực; là cửa ngõ ra biển của vùng Tây Nguyên và nước bạn Lào; là nơi các giá trị văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

Tầm nhìn đến năm 2045, Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ là vùng phát triển nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn ngang tầm khu vực châu Á với các khu kinh tế ven biển hiện đại, hệ thống đô thị ven biển thông minh, bền vững, có bản sắc riêng, thân thiện với môi trường, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; là nơi các giá trị văn hoá, lịch sử, hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đạt mức cao; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ ban hành Chương trình hành động với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 26-NQ/TW nhằm xây dựng và phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ thành vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển, tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của vùng và các địa phương trong vùng; phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế; các giá trị văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao trình độ và thu nhập của người dân, sử dụng có hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

2. Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 26-NQ/TW bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của Chính phủ gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể để khơi thông nguồn lực, tháo gỡ các điểm nghẽn nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết. Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của từng bộ, cơ quan và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu đạt được các mục tiêu cao nhất đã đề ra tại Nghị quyết số 26-NQ/TW.

3. Phát huy vai trò kiến tạo, chỉ đạo tập trung của Chính phủ, sự phối hợp đồng bộ, có trách nhiệm của từng bộ, cơ quan trung ương, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các địa phương vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ theo nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng, tập trung, dân chủ để xây dựng quy hoạch vùng, quy hoạch ngành, quy hoạch địa phương; xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng và liên vùng; sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách, đặc thù về phát triển vùng; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng đảm bảo xây dựng và phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đạt các mục tiêu đã đề ra.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt khoảng 7 - 7,5%/năm. Đến năm 2030, GRDP vùng tăng từ 2,5 - 3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm khoảng 11,5%, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 40,7%, dịch vụ chiếm khoảng 37,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 10,3%. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 30%; kinh tế số trong GRDP vùng đạt khoảng 30%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 156 triệu đồng/người/năm (giá

hiện hành). Thu ngân sách nhà nước chiếm khoảng 20 - 25% cả nước; tốc độ tăng thu nội địa cao hơn 2 - 3 điểm% so với bình quân của cả nước. Phấn đấu tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 47 - 48%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%; tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu khoảng 30%.

- Chỉ số phát triển con người (HDI) cao hơn trung bình cả nước. Thu nhập bình quân đầu người gấp 1,2 lần trở lên so với trung bình cả nước. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 75%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 35 - 40%. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm 1 - 1,5%/năm, trong đó tỷ lệ trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm. Đạt 32 giường bệnh viện/vạn dân; 11 bác sĩ/vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 54%. 100% hộ gia đình ở thành thị và 80% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt khoảng 90%. 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nêu trên, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng tập trung chỉ đạo thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW

- Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và xây dựng Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết để tạo sự thống nhất trong nhận thức, đồng thuận, quyết tâm cao ở tất cả các cấp, các ngành về vị trí, vai trò, mục tiêu và các giải pháp chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là về liên kết vùng, cơ chế chính sách đặc thù, phân bổ nguồn lực, nguồn nhân lực, quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng, giải quyết các vấn đề trọng điểm tại vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

- Các bộ, ngành và địa phương vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ chủ động phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Chính phủ một cách sâu rộng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng các nền tảng mạng xã hội và các phương thức truyền thông để tuyên truyền đạt hiệu quả cao nhất.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Xây dựng thể chế liên kết vùng để điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng, liên vùng; phù hợp với định hướng và đặc thù phát triển vùng, tiểu vùng; rà soát, đảm bảo các quy định pháp lý, cơ chế, chính sách liên kết vùng được thực hiện đồng bộ, nhất quán, hiệu quả và có kỷ luật, kỷ cương.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương trong vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 để điều phối, quản lý thống nhất vùng và các tiểu vùng, tạo cơ sở pháp lý để các địa phương trong vùng liên kết, hợp tác; quy hoạch vùng và quy hoạch các địa phương phải thể hiện tầm nhìn dài hạn, tổng thể cùng với các giải pháp đồng bộ, đột phá để mở rộng không gian và huy động tối đa nguồn lực cho phát triển; bảo đảm gắn kết và phát huy hiệu quả liên kết kinh tế vùng, giữa phát triển các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp với các khu du lịch và dịch vụ, giữa phát triển đô thị với xây dựng nông thôn mới, giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển các trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hậu cần đạt chuẩn quốc gia và khu vực; đưa vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước; bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng; phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cảng biển, cảng hàng không, khu kinh tế cửa khẩu,…

- Rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách và nguồn lực đầu tư để tăng cường và nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển các quy hoạch như Nam Thanh Hóa - Bắc Nghệ An, Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh; Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình; Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hòa. Nghiên cứu quy hoạch phát triển các khu vực liên tỉnh như Bắc Quảng Nam - Nam thành phố Đà Nẵng; Bắc Phú Yên - Nam Bình Định. Tiếp tục đầu tư, phát triển các hành lang kinh tế như Lao Bảo - Đông Hà - Đà Nẵng; La Lay - Mỹ Thuỷ; Cầu Treo - Vũng Áng; Bờ Y - Pleiku - Quy Nhơn; Vân Phong - Buôn Ma Thuột; Phú Yên - Đắk Lắk.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để tạo động lực khuyến khích phát triển doanh nghiệp và thu hút nguồn lực nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của vùng, trong đó tập trung phát triển các ngành kinh tế gắn với biển.

- Tổ chức không gian phát triển vùng theo các tiểu vùng: Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ; tăng cường kết nối hữu cơ giữa các tiểu vùng, với vùng Tây Nguyên, đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ; liên kết các ngành, doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu khoa học và trường đại học.

- Hình thành các cụm liên kết ngành ở phạm vi liên tỉnh, liên vùng gắn với các trung tâm kinh tế biển mạnh. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, pháp luật về tài chính cho phép các địa phương huy động, phân bổ và chia sẻ nguồn lực để thực hiện các mục tiêu chung của vùng. Trong đó, có hệ thống hạ tầng kết nối nội vùng, liên vùng, các dự án có quy mô và sức lan toả trong vùng và liên vùng.

- Tập trung đầu tư tăng cường hệ thống hạ tầng trọng yếu bảo đảm liên kết vùng và các tiểu vùng, nhất là trong các lĩnh vực giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, công nghệ số, kinh tế số, đô thị, đào tạo nguồn nhân lực, du lịch và dịch vụ, logistics, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Sớm xây dựng và phát triển hệ thống thông tin, dữ liệu, trao đổi thông tin kinh tế - xã hội giữa các địa phương trong vùng.

3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế biển

- Xây dựng kế hoạch cụ thể và phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành để tập trung phát triển các ngành kinh tế biển kết hợp với bảo đảm quốc phòng an ninh trên biển, nhất là các ngành như du lịch và dịch vụ biển; kinh tế hàng hải; khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác; nuôi trồng và khai thác hải sản; công nghiệp ven biển; năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió ven bờ và năng lượng gió ngoài khơi; các ngành kinh tế biển mới,...

- Xây dựng đề án cơ cấu lại ngành công nghiệp trên địa bàn vùng. Mở rộng và xây dựng Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; hình thành một số trung tâm năng lượng tái tạo lớn, đặc biệt là điện gió và điện gió ngoài khơi; nghiên cứu và định hướng phát triển khai thác năng lượng hydrogen. Triển khai công tác thẩm lượng, thẩm định để phê duyệt trữ lượng đối với mỏ Báo Vàng, Kèn Bầu; tích cực triển khai chuỗi dự án Cá Voi Xanh. Xây dựng quy hoạch hợp lý để phân bố không gian công nghiệp theo các hành lang kinh tế ven biển gắn với các cảng biển, các tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây, các đường quốc lộ kết nối Tây Nguyên với vùng. Tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế ven biển; rà soát, điều chỉnh, phân chia chức năng các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, cảng biển, cảng hàng không trong vùng.

- Xây dựng đề án cơ cấu lại và đổi mới mô hình phát triển nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp vùng theo hướng sinh thái, đặc hữu có khả năng chống chịu cao với thời tiết cực đoan, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; liên kết

theo chuỗi giá trị và có giá trị gia tăng cao; gắn với phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới và phát triển du lịch... Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao (như: nuôi yến, khai thác yến sào, khai thác cá ngừ). Xây dựng thương hiệu, phát triển các thị trường tiêu thụ, hình thành các trung tâm đấu giá sản phẩm; phát triển các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá kết hợp với quốc phòng, an ninh. Phát triển kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã; xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, gắn với đô thị hoá.

- Xây dựng đề án cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại hình dịch vụ mới. Phát triển vùng trở thành khu vực trọng điểm du lịch của cả nước với các trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái mang tầm khu vực và quốc tế. Phát triển các trung tâm logistics gắn với các cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu.

4. Phát triển mạnh hệ thống đô thị, nhất là hệ thống đô thị ven biển; đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng, nhất là hạ tầng giao thông

- Quy hoạch phát triển hệ thống đô thị vùng có kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, sinh thái, thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, các trung tâm thương mại, dịch vụ theo hướng đa trung tâm tạo mạng lưới liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng; hình thành ba tiểu vùng đô thị hóa tại Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Phát triển các đô thị trung tâm, đô thị hạt nhân cấp vùng và tiểu vùng như xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế và tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc trung ương. Xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm tài chính quốc tế cấp vùng. Phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi trở thành trung tâm du lịch biển - đảo.

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông vùng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi nội vùng và liên vùng. Kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế ven biển, khu công nghiệp, khu công nghệ cao Đà Nẵng và các cảng hàng không, cảng biển. Tập trung đầu tư phát triển hệ thống đường bộ cao tốc, đặc biệt là các đoạn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông để kết nối toàn bộ các địa phương trong vùng. Xây dựng đường cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; kêu gọi và thúc đẩy đầu tư tuyến đường cao tốc Hà Nội - Viêng Chăn (đoạn qua Nghệ An), đường cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo; đường cao tốc Đà Nẵng - Thạch Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y. Đến năm 2030, toàn vùng có khoảng 1.554 km đường bộ cao tốc. Hoàn thành tuyến đường bộ ven biển tại các địa phương trong vùng. Nghiên cứu đầu tư, nâng cấp các tuyến đường cao tốc trục ngang kết nối cửa khẩu quốc tế với các cảng biển. Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác 09 cảng hàng không hiện có trong vùng. Đầu tư xây dựng mới

cảng hàng không Phan Thiết, cảng hàng không Quảng Trị. Tập trung nguồn lực phát triển các cảng biển có tiềm năng thành cảng biển đặc biệt, nhất là các cảng biển ở Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hòa. Nâng cấp, từng bước hiện đại hóa tuyến đường sắt Bắc - Nam qua vùng. Nghiên cứu kêu gọi đầu tư các tuyến đường sắt kết nối vùng với khu vực Tây Nguyên và các cửa khẩu quốc tế trong khu vực.

- Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục, đào tạo. Nâng cấp, hiện đại hóa các bệnh viện tuyến tỉnh, bệnh viện đa khoa cấp thành phố và quận, huyện. Đầu tư một số trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo (trong đó có Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia tại thành phố Đà Nẵng), trung tâm khoa học - công nghệ, đào tạo, chăm sóc sức khỏe... theo quy hoạch. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, đầu tư, nâng cấp đồng bộ các thiết chế văn hóa, nhất là một số công trình văn hóa tiêu biểu của vùng.

5. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên biển, đảo và rừng; bảo vệ môi trường, nhất là môi trường biển; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Kiểm soát an toàn, xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh; hoàn thành việc xử lý khu vực bị nhiễm chất độc dioxin. Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo, giảm thiểu rác thải nhựa đại dương; thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển, quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ và hải đảo.

- Quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng, tăng cường chất lượng rừng nhằm tăng cường khả năng hấp thụ các-bon, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học, các hệ sinh thái tự nhiên. Đầu tư xây dựng các kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai; phát triển mạng lưới quan trắc môi trường tự động. Tăng cường dự báo, đánh giá tác động để triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng, chống thiên tai và đầu tư phát triển hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

6. Phát triển toàn diện văn hoá - xã hội vùng

- Tập trung đầu tư cho giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực số, đổi mới giáo dục nghề nghiệp gắn với thế mạnh và định hướng phát triển vùng, coi đây là một trong những khâu đột phá cho phát triển vùng. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số trường đại học lớn ở Vinh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Nha Trang trở thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, trong đó Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia. Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới giáo dục nghề nghiệp. Tập trung ưu tiên đầu tư cho 01 - 02 trường giáo dục nghề nghiệp trong vùng để thực hiện chức năng trung tâm của quốc gia, vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tiếp tục phát triển mạnh hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp, phát huy vai trò hệ thống các điểm không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các điểm kết nối cung - cầu nhằm nâng cao chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh, tạo lập và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của từng địa phương trong vùng. Tăng cường tìm kiếm công nghệ tiên tiến, thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho từng địa phương và toàn vùng. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030; các chương trình khoa học và công nghệ quốc gia giai đoạn 2021 - 2030: hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đổi mới công nghệ quốc gia; phát triển tài sản trí tuệ; phát triển công nghệ cao.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, lồng ghép có hiệu quả 3 chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững; Xây dựng nông thôn mới; Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tập trung nguồn lực phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo nhanh và bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nhất là các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, chăm sóc và bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Hoàn thiện mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, đặc biệt tuyến cơ sở. Phát triển thành phố Đà Nẵng, thành phố Vinh và thành phố Huế thành hạt nhân của trung tâm y tế chuyên sâu; Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế.

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa (di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, các di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh đã xếp hạng các cấp, di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu), nhất là các di sản văn hóa được tổ chức UNESCO ghi danh. Đầu tư và nâng cấp mạng lưới thiết chế văn hoá và thể dục thể thao. Phát triển thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế trở thành trung tâm văn hóa, nghệ thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực văn hóa, nghệ thuật của vùng; thành phố Vinh trở thành trung tâm văn hóa phía Bắc của vùng; thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng.

7. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ theo hướng hiện đại. Xây dựng kế hoạch củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển, đảo; bảo đảm năng lực xử lý

tốt các tình huống trên biển. Tiếp tục xây dựng các hải đoàn mạnh để vừa làm kinh tế, hỗ trợ ngư dân, vừa đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trên biển, đảo. Xây dựng huyện đảo Trường Sa thành khu vực phòng thủ vững chắc, chú trọng nâng cao năng lực phòng thủ đảo Phú Quý, đảo Côn Cỏ. Thực hiện tốt công tác quản lý biên giới theo các văn kiện đã được ký kết với nước bạn Lào.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự, an toàn xã hội; chủ động phát hiện và xử lý kịp thời những vấn đề về an ninh, trật tự, mâu thuẫn nội bộ tại cơ sở không để xảy ra bị động, bất ngờ, hình thành "điểm nóng", phức tạp về an ninh, trật tự. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối về kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại. Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng trong giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh; phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, ngăn chặn kịp thời hành vi lợi dụng dân tộc, tôn giáo xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hoạt động truyền đạo trái phép, các hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, lợi dụng tôn giáo để chống phá chính quyền, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, gây chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

- Đẩy mạnh hợp tác kinh tế, vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư, viện trợ phát triển chính thức, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân và các đối tác phát triển, đặc biệt là các đối tác của các cơ chế hợp tác tiểu vùng sông Mê Công cho phát triển vùng. Tăng cường hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các nước trên thế giới, nhất là các nước tiểu vùng sông Mê Công, ASEAN, các đối tác quốc tế, đặc biệt trong phát triển kinh tế biển như: kinh tế hàng hải, dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển, công nghiệp ven biển, các ngành kinh tế biển mới..., bảo vệ tài nguyên, môi trường biển. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế qua các cửa khẩu trong vùng gắn với hành lang kinh tế Đông - Tây. Nghiên cứu thí điểm mô hình khu kinh tế cửa khẩu qua biên giới trên hành lang kinh tế Đông - Tây.

8. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trong vùng

- Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

- Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ ở các cấp theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 21-KL/TW ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Kế hoạch số 03-KH/TW ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 21-KL/TW gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "Đẩy mạnh học tập và

làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và các Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW (Khóa XII) nhằm thực hiện hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Triển khai thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận; quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; chất lượng, hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền. Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 15 tháng 02 năm 2023, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan trong công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.



Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
	VỀ KINH TẾ			
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm	%	7 - 7,5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu GRDP của vùng			Bộ Kế hoạch và Đầu tư
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%	11,5	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	40,7	
	Trong đó: riêng công nghiệp chế biến, chế tạo	*%*	*30,0*	
-	Dịch vụ	%	37,5	
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	10,3	
3	GRDP bình quân đầu người/năm (giá hiện hành)	triệu đồng	156	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	30	Bộ Thông tin và Truyền thông
5	Đóng góp thu ngân sách nhà nước của vùng với cả nước	%	20 - 25	Bộ Tài chính
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%	47 - 48	Bộ Xây dựng
7	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	90	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Trong đó: Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	*%*	*30*	
	VỀ XÃ HỘI			
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

	Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	35 - 40	
9	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm	%	*1 - 1,5*	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	Trong đó: Tỷ lệ giảm hộ nghèo trong đồng bào dân tốc thiểu số	%	*3*	
10	Tỷ lệ trên 10.000 dân đến năm cuối kỳ			Bộ Y tế
	Số giường bệnh	*Giường bệnh*	32	
	Số bác sỹ	*Bác sỹ*	11	
11	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	Bộ Y tế
	VỀ MÔI TRƯỜNG			
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%	54	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Tỷ lệ sử dụng nước sạch khu vực thành thị	%	100	Bộ Xây dựng
14	Tỷ lệ sử dụng nước sạch khu vực nông thôn	%	80	Bộ Xây dựng
15	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	90	Bộ Tài nguyên và Môi trường
16	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung	%	100	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
17	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để	%	100	Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục II

CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ PHÂN CÔNG CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 168 /NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
I	**TẬP TRUNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT VÙNG**				
1	Lập quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
2	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các địa phương trong vùng	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
3	Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ/ Chính phủ
4	Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ
5	Xây dựng thể chế, cơ chế điều phối, liên kết phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
6	Đề án về liên kết ngành trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, năng lượng vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Công Thương	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ

7	Đề án về liên kết ngành dịch vụ khoa học công nghệ với doanh nghiệp vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
8	Tiếp tục nghiên cứu ban hành định mức phân bổ ngân sách (bao gồm định mức chi đầu tư và chi thường xuyên) cho các giai đoạn ổn định ngân sách, theo hướng ưu tiên phân bổ nguồn lực cho các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
II	**CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÙNG VÀ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN**				
9	Mở rộng và xây dựng Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất	Các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
10	Đề án phát triển huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành trung tâm du lịch biển - đảo	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
11	Đề án phát triển du lịch và dịch vụ biển, đảo vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan và địa phương liên quan	2025	Thủ tướng Chính phủ
12	Đề án phát triển các trung tâm logistics gắn với cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số	Bộ Công Thương	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ
13	Đề án cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, bền vững trên cơ sở áp dụng quy trình sản xuất an toàn; sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ

14	Đề án xây dựng đảo Phú Quý thành trung tâm khai thác, dịch vụ hậu cần nghề cá, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
III	**HOÀN THIỆN KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI, PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ**				
15	Lập Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 trong đó làm rõ phương án phát triển đô thị và nông thôn vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; các đô thị trung tâm, hạt nhân cấp vùng và tiểu vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
16	Tiếp tục xây dựng, phát triển các khu kinh tế quốc phòng để tăng cường tiềm lực quân sự quốc phòng, nâng cao sức mạnh tổng hợp, bảo vệ tổ quốc	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2021 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
IV	**QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, NÂNG CAO KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**				
17	Kiểm soát an toàn, xử lý dứt điểm ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh; hoàn thành việc xử lý khu vực bị nhiễm chất độc dioxin	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
18	Đề án tăng cường dự báo, đánh giá tác động và các giải pháp phòng, chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
19	Đề án phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả, bền vững, ít phát thải theo hướng kinh tế tuần hoàn, thông minh thích ứng với khí hậu vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ

V	**PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN**				
20	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng hoạt động một số trường đại học lớn ở Vinh, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn trở thành những trung tâm đào tạo uy tín trong khu vực và thế giới, trong đó Đại học Đà Nẵng và Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan	2023 - 2030	Chính phủ/ Thủ tướng Chính phủ
21	Đề án phát triển thành phố Đà Nẵng, thành phố Vinh và thành phố Huế thành Trung tâm y tế chuyên sâu	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Nghệ An, Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
22	Đề án phát triển Bệnh viện Trung ương Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế	Bộ Y tế	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
23	Đề án phát triển Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế thuộc Trường Đại học Y - Dược Huế, Đại học Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế	Bộ Giáo dục và Đào tạo (Trường Đại học Y - Dược Huế)	Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế	2023	Thủ tướng Chính phủ
24	Đề án phát triển thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế trở thành trung tâm văn hóa, nghệ thuật, nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực văn hóa, nghệ thuật của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Thừa Thiên Huế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các cơ quan và địa phương liên quan	2024	Thủ tướng Chính phủ
25	Đề án phát triển thành phố Vinh trở thành trung tâm văn hóa phía Bắc của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ	Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
26	Đề án phát triển thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hóa phía Nam của vùng.	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ

VI	**BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI**				
27	Tiếp tục củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển, đảo; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
28	Đề án khai thác có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các khung khổ hội nhập để cơ cấu lại các ngành kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của vùng theo hướng xanh, bền vững	Bộ Công Thương	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
29	Đề án thí điểm mô hình khu kinh tế cửa khẩu qua biên giới trên hành lang kinh tế Đông - Tây (Đề án Khu KTTM xuyên biên giới chung Lao Bảo - Đensavan)	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
30	Tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ký ngày 16 tháng 3 năm 2016	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan và địa phương liên quan	2026 - 2030	Chính phủ
VII	**TẬP TRUNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**				
31	Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn vùng	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
32	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
33	Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
34	Tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo, có tầm nhìn chiến lược	Bộ Nội vụ	Các cơ quan và địa phương liên quan	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ KẾT CẤU HẠ TẦNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 26-NQ/TW NGÀY 03 THÁNG 11 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ DO CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN	Ghi chú
I	**CÁC TUYẾN ĐƯỜNG BỘ**				
1	Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông để kết nối toàn bộ các địa phương trong vùng	Bộ Giao thông vận tải	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
2	Tuyến cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột	Bộ Giao thông vận tải/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
3	Tuyến đường cao tốc Hà Nội - Viêng Chăn (đoạn qua Nghệ An)	Bộ Giao thông vận tải/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Theo nhu cầu vận tải và khả năng cân đối nguồn vốn
4	Tuyến cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo	Bộ Giao thông vận tải/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Theo nhu cầu vận tải và khả năng cân đối nguồn vốn
5	Nghiên cứu, kêu gọi đầu tư tuyến cao tốc Đà Nẵng - Thạch Mỹ - Ngọc Hồi - Bờ Y	Bộ Giao thông vận tải/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
6	Hoàn thành tuyến đường bộ ven biển tại các địa phương trong vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
7	Nghiên cứu đầu tư, nâng cấp các tuyến đường cao tốc trục ngang kết nối cửa khẩu quốc tế với cảng biển	Bộ Giao thông vận tải/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
II	**CẢNG HÀNG KHÔNG**				
1	Nâng cấp, cải tạo và nâng cao hiệu quả khai thác 09 cảng hàng không hiện có trong vùng	Bộ Giao thông vận tải/Địa phương/Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	

2	Đầu tư xây dựng mới cảng hàng không Phan Thiết, cảng hàng không Quảng Trị	Bộ Quốc phòng/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
III	**CẢNG BIỂN**				
1	Tập trung nguồn lực phát triển các cảng biển ở Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng và Khánh Hòa	Bộ Giao thông vận tải/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	
IV	**ĐƯỜNG SẮT**				
1	Đầu tư tuyến đường sắt Vũng Áng - Tân Ấp - Mụ Giạ và nghiên cứu kêu gọi đầu tư các tuyến đường sắt Mỹ Thủy - Đông Hà - Lao Bảo và Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước (Tây Nguyên)	Bộ Giao thông vận tải/ Địa phương	Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác	Trước năm 2030	Theo nhu cầu vận tải và khả năng cân đối nguồn vốn

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 126 /QĐ-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ, Tổng cục trưởng Tổng cục thống kê, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Quản lý Quy hoạch, Vụ trưởng Vụ Quản lý các khu kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- Các đ/c Lãnh đạo Bộ (để c/đ);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ KTĐPLT (MT6).

BỘ TRƯỞNG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-BKHĐT ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhằm xác định rõ các nội dung công việc cụ thể, thời hạn, tiến độ hoàn thành, kết quả đầu ra, trách nhiệm, cơ chế phối hợp của các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể thực hiện Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ:

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ đến từng cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị nhằm đổi mới tư duy và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong tháng 03 năm 2023.

b) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, nhất là về lập, thẩm định và phê duyệt Quy hoạch Vùng; xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về Quy hoạch Vùng tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về Quy hoạch; xây dựng cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng; cơ chế chính sách đặc thù, phân bổ nguồn lực, đào tạo nguồn nhân lực; quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của Vùng, giải quyết các vấn đề trọng điểm tại Vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

c) Thường xuyên trao đổi với các cơ quan, đơn vị liên quan, địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ để nắm bắt nhu cầu, khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện các vấn đề: liên kết vùng; lập, trình thẩm định quy hoạch vùng, tỉnh; huy động nguồn lực cho phát triển hạ tầng; triển khai thực hiện các dự án quan trọng, liên vùng để đề xuất các giải pháp hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời.

d) Định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này và gửi Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Giao Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ:

a) Là đầu mối đôn đốc các đơn vị trong Bộ triển khai các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng. Kịp thời báo cáo, đề xuất Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các giải pháp tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này.

b) Trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, đề án của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ nêu tại Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ, trình Lãnh đạo Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Trình dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thành lập và ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng điều phối vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ trong tháng 3 năm 2023.

d) Xây dựng đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, thời gian trình trước quý III năm 2024.

3. Giao Tổng cục Thống kê chủ trì theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu kinh tế - xã hội về: Tốc độ tăng trưởng bình quân, GRDP bình quân đầu người, cơ cấu GRDP của Vùng, Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP, Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP; Tốc độ tăng năng suất lao động tại các báo cáo: hằng năm, sơ kết, tổng kết và các báo cáo đột xuất khác. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, địa phương trong Vùng và các đơn vị thuộc Bộ có Báo cáo đánh giá các chỉ tiêu phản ánh tình hình xã hội như tỷ lệ hộ nghèo đa chiều; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng, chứng chỉ; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động đang làm việc; tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi trên địa bàn vùng và các chỉ tiêu tại Phụ lục I của Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022.

4. Giao Vụ Quản lý các khu kinh tế chủ trì theo dõi, đánh giá chỉ tiêu: Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường tại các báo cáo hằng năm, sơ kết, tổng kết và các báo cáo đột xuất khác.

5. Giao Vụ Quản lý quy hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan:

a) Xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về Quy hoạch; Lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đáp ứng tiến độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại văn bản số 760/TTg-CN ngày 31 tháng 8 năm 2022 về Kế hoạch và tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch thời kỳ 2021-2030 và Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023.

b) Đôn đốc các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; giám sát việc thực hiện lập quy hoạch tỉnh theo tiến độ tại Nghị quyết số 108/NQ-CP, ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ và Quyết định này. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Giao Văn phòng Bộ:

a) Tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước hằng năm trên cơ sở xây dựng dự toán của các đơn vị để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ của Bộ tại Nghị quyết số 168/NQ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03 tháng 11 năm 2022 của Bộ Chính trị, có phương án báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

b) Tổng hợp, đưa các đề án, nhiệm vụ phù hợp của các đơn vị nêu trên vào Chương trình công tác của Bộ hằng năm để làm cơ sở đôn đốc, báo cáo Lãnh đạo Bộ./.

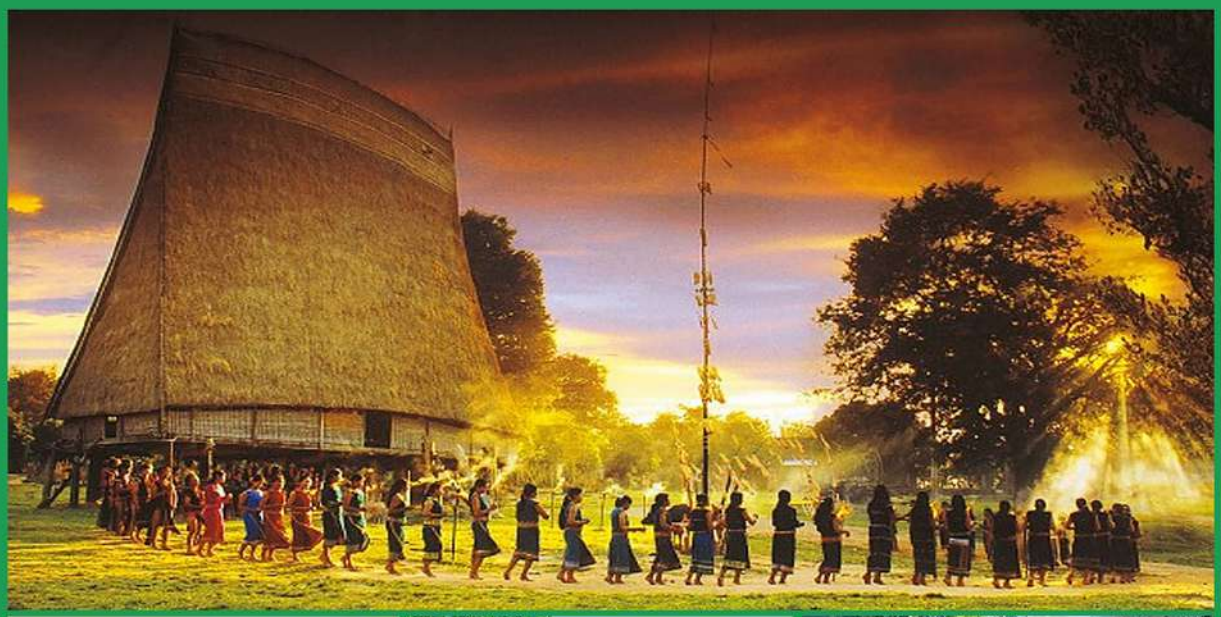

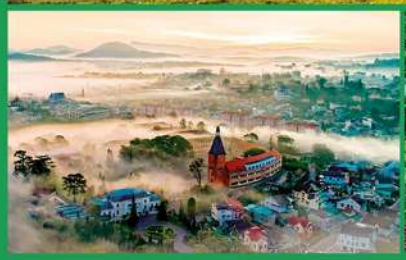







VÙNG TÂY NGUYÊN

Tây Nguyên Xanh - Hài Hòa - Bền vững

Tây Nguyên bao gồm 05 tỉnh với diện tích tự nhiên là 54.548,3 km2, là vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; nằm ở ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Campuchia, tiếp giáp các vùng Duyên hải Trung Bộ, Đông Nam Bộ; dân số gần 6 triệu người; có 54/54 dân tộc cùng sinh sống; Đất đai màu mỡ, khí hậu ôn hòa; Tài nguyên thiên nhiên phong phú, tiềm năng phát triển năng lượng tái tạo.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 là vùng phát triển nhanh, bền vững dựa trên kinh tế xanh, tuần hoàn; giàu bản sắc văn hóa dân tộc, điểm đến đặc sắc, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế. Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao; hình thành một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn có thương hiệu quốc tế gắn với các trung tâm chế biến. Cơ bản hình thành hạ tầng giao thông quan trọng, hạ tầng số. Tầm nhìn đến năm 2045, trở thành vùng phát triển bền vững, có nền kinh tế xanh, tuần hoàn; một số tỉnh trong vùng thuộc nhóm phát triển khá của cả nước; Hệ sinh thái rừng được bảo tồn và phát triển;...

Bộ Chính trị
10-10-2022 13:48:08 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 23-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 12-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên, những năm qua các cấp, các ngành, nhất là các địa phương trong vùng, đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của vùng, phát huy những tiềm năng, lợi thế để phát triển nhanh và bền vững, đạt được nhiều kết quả to lớn, rất quan trọng. Quy mô kinh tế của vùng tăng nhanh, năm 2020 gấp hơn 14 lần năm 2002 và 3,1 lần năm 2010. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2002 - 2020 đạt gần 8%/năm, tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế đều cao nhất so với các vùng. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 48 triệu đồng, gấp 10,6 lần năm 2002. Tây Nguyên trở thành vùng sản xuất một số sản phẩm nông sản chủ lực quy mô lớn, chiếm tỉ trọng cao, nhất là cây công nghiệp, cây ăn quả. Du lịch có bước phát triển khá, hình thành các chuỗi phát triển du lịch liên vùng, đang trở thành vùng du lịch sinh thái - văn hoá có sức hấp dẫn. Giá trị văn hoá các dân tộc được bảo tồn, kế thừa và phát huy, một số di tích văn hoá lịch sử được tu bổ, tôn tạo. Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại. Hệ thống giáo dục, đào tạo được quan tâm đầu tư, mạng lưới y tế được củng cố. Bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn nước được chú trọng. Tỉ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh vượt mục tiêu đề ra. Các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Chính sách dân tộc, tôn giáo được thực hiện tốt, khơi dậy và nâng cao ý thức đoàn kết, tính tự lực

trong việc phát triển sản xuất, giảm nghèo. Thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, thế trận lòng dân được củng cố và tăng cường, nhất là trên tuyến biên giới và các địa bản xung yếu; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng và đảng viên được nâng lên; cơ bàn xây dựng được tổ chức đảng ở các buôn, làng. Việc xây dựng chính quyền các cấp được đẩy mạnh; chất lượng hoạt động của các tổ chức đàng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được nâng cao; phát huy tốt vai trò của già làng, người có uy tín; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố; niềm tin của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đối với Đảng, Nhà nước được củng cố, tăng cường.

Tuy nhiên, Tây Nguyên còn những hạn chế, yếu kém, phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Tăng trưởng kinh tế thiếu bền vững, có xu hướng chậm lại; GRDP bình quân đầu người vẫn ở mức thấp nhất trong 6 vùng kinh tế - xã hội. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài rất thấp. Giảm nghèo chưa bền vững, số hộ nghèo, cận nghèo lớn, nguy cơ tái nghèo còn cao; khoảng cách giàu - nghèo giữa các nhóm dân tộc chậm được thu hẹp; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới còn thấp. Tình trạng di dân tự do vào Tây Nguyên ngày càng phức tạp; đất sàn xuất, đất ở của đồng bào dân tộc thiểu số chậm được giải quyết. Công tác xử lý đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường còn nhiều bất cập. Tỉ lệ che phủ rừng giảm mạnh và không đạt mục tiêu đề ra; rừng tự nhiên suy giảm về cả diện tích và chất lượng. Nguồn nước có nguy cơ cạn kiệt, tình trạng khô hạn diễn biến thất thường. Nhiều di sản văn hoá dân tộc đang đứng trước nguy cơ bị mai một, chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp chưa được chú trọng. Chỉ số phát triển con người (HDI) thấp nhất cả nước. Giáo dục, đào tạo chuyển biến chậm; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động thấp. Công tác chăm sóc sức khoẻ, dịch vụ y tế cơ bản còn thấp so với mức trung bình cả nước. Liên kết nội vùng và liên vùng chưa chặt chẽ, còn hình thức. Mạng lưới kết cấu hạ tầng vùng, liên vùng thiếu và yếu, nhất là hạ tầng chiến lược (giao thông, y tế, giáo dục, hạ tầng số) chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, vấn đề tôn giáo, dân tộc, tình hình khiếu kiện, tranh chấp đất đai vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp; công tác đàm phán, phân giới cắm mốc biên giới chưa hoàn thành. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị ở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu.

Hạn chế và yếu kém trên chủ yếu là do: Một số cấp uỷ, chính quyền nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng; tư duy về liên kết

vùng chậm được đổi mới. Chất lượng các quy hoạch còn thấp, thiếu liên kết, đồng bộ. Nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chưa được quan tâm đúng mức, nhất là hạ tầng giao thông liên vùng. Quản lý đất đai, di dân, bảo vệ rừng chưa hiệu quả. Các cơ chế, chính sách cho vùng chưa có trọng tâm, trọng điểm và chưa sát với thực tiễn. Thể chế liên kết vùng chưa đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả. Các địa phương chưa phát huy hết tiềm năng, cơ hội, lợi thế cạnh tranh của mình và của vùng. Thiếu cơ chế, chính sách đặc thù để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và huy động nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước, nhất là nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Phân cấp, phân quyền chưa thực sự gắn với năng lực và điều kiện thực tiễn của từng địa phương, thiếu phối hợp và kiểm tra, giám sát. Chưa phát huy, khai thác tốt giá trị văn hoá, lịch sử truyền thống và con người vùng đất Tây Nguyên thành nguồn lực phát triển. Năng lực cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước ở một số nơi còn hạn chế, công tác chỉ đạo, điều hành chưa hiệu quả. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành với các địa phương chưa thường xuyên, chặt chẽ và chưa được quan tâm đúng mức.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Vùng Tây Nguyên có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Phát triển Tây Nguyên nhanh, bền vững là chủ trương lớn của Đảng, Nhà nước và là nhiệm vụ xuyên suốt, trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của các địa phương trong vùng và cả nước. Xây dựng và phát triển vùng Tây Nguyên phải kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn chặt với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

- Phát triển vùng Tây Nguyên phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, bảo đảm thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia, phù hợp với chiến lược quốc gia về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm; chuyển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, dựa trên ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số. Chú trọng bảo vệ, khôi phục, phát triển rừng, nâng cao đời sống, sinh kế của người dân gắn với rừng. Ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông sản; phát triển công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, nhôm;

phát triển các trung tâm du lịch lớn, hình thành các tuyến du lịch, sản phẩm du lịch gắn với bản sắc văn hoá các dân tộc Tây Nguyên.

- Phát triển vùng Tây Nguyên theo hướng đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng; lấy quy hoạch làm cơ sở quản lý phát triển vùng; liên kết chặt chẽ với vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ; đẩy nhanh kết nối với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước, với các nước trong khu vực Tiểu vùng sông Mê Công, nhất là trong khuôn khổ Hợp tác tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia và các nước ASEAN. Lấy phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số làm động lực, tạo dư địa cho phát triển vùng. Nghiên cứu xây dựng cơ chế và tổ chức điều phối liên kết phát triển vùng hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp, gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền. Có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của vùng.

- Xây dựng nền văn hoá Tây Nguyên tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng, tôn trọng các giá trị văn hoá khác biệt giữa các dân tộc, coi đây là động lực, nền tảng cho phát triển và hội nhập quốc tế của vùng. Ưu tiên bảo vệ, phát huy giá trị di sản văn hoá, giá trị truyền thống, bàn sắc văn hoá của các dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới; giảm tỉ lệ hộ nghèo, ổn định dân cư, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; bào đảm mọi người dân đều được chăm sóc sức khoẻ, tiếp cận giáo dục, dịch vụ y tế cơ bản có chất lượng. Nâng cao trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển. Tập trung bảo vệ, phục hồi môi trường đi đôi với sử dụng hiệu quả, tiết kiệm đất đai, tài nguyên khoáng sản.

- Chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu số. Tăng cường xây dựng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy cao độ giá trị văn hoá, truyền thống cách mạng, khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường; bảo đảm xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh để phát triển bền vững vùng Tây Nguyên.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Tây Nguyên là vùng phát triển nhanh, bền vững dựa trên kinh tế xanh, tuần hoàn; giàu bản sắc văn hoá dân tộc, điểm đến đặc sắc, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế. Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, dựa trên

nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hình thành một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn có thương hiệu quốc tế gắn với các trung tâm chế biến. Cơ bản hình thành hạ tầng giao thông quan trọng, hạ tầng số. Hệ thống thiết chế văn hoá được nâng cấp. Giải quyết căn bản vấn đề đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện. Hệ sinh thái rừng, nhất là rừng đầu nguồn và đa dạng sinh học được bảo tồn và phát triển; an ninh nguồn nước được bảo đảm. Quốc phòng, an ninh khu vực biên giới được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, duy trì ổn định. Tổ chức đảng, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố, tăng cường.

3. Một số chỉ tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 7 - 7,5%. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương 5.000 USD; tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm khoảng 29,5% trong GRDP; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 26,9%; khu vực dịch vụ chiếm khoảng 38%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng 5,6%; tỉ trọng kinh tế số khoảng 25 - 30% GRDP. Tỉ lệ đô thị hoá đạt khoảng 37,2 - 40,7%; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới khoảng 85%, trong đó tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao khoảng 50%.

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt khoảng 6,5%; đóng góp của TFP vào tăng trưởng GRDP khoảng 39%. Đến năm 2030, tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25 - 30%. Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì giảm 1,0 - 1,5%/năm. Tỉ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm. Tỉ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia với giáo dục mầm non khoảng 60%; tiểu học khoảng 65%, trung học cơ sở khoảng 75% và trung học phổ thông khoảng 60%. Đạt 32 giường bệnh viện, 11 bác sĩ trên 10.000 dân. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90%.

- Đến năm 2030, tỉ lệ che phủ rừng đạt trên 47%. Tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư đô thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 98%. Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Đạt 100% đối với các chỉ tiêu: Tỉ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom xử lý; tỉ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Đạt 95% tỉ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Tây Nguyên trở thành vùng phát triển bền vững, có nền kinh tế xanh, tuần hoàn; một số tỉnh trong vùng thuộc nhóm phát triển khá của cả nước. Hệ sinh thái rừng được bảo tồn và phát triển; hình thành một số khu du lịch chất lượng cao, điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước. Hình thành các vùng sản xuất lớn về cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa và trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước. Hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bản sắc văn hoá được phát huy và trở thành nền tảng để phát triển. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế vùng nhanh và bền vững

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng, lấy phát triển nông, lâm nghiệp là trọng tâm, trụ đỡ; phát triển công nghiệp chế biến là động lực; phát triển du lịch là đột phá. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, quy mô lớn gắn với vùng chuyên canh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển các cây ăn quả chủ lực (sầu riêng, bơ, chanh leo, chôm chôm, mít,…), cây công nghiệp (cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè), cây dược liệu, rau, hoa, chăn nuôi gia súc bảo đảm môi trường và gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển thuỷ sản nước lạnh (cá hồi, cá tầm) có giá trị kinh tế cao và nuôi lồng bè ở vùng lòng hồ các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện trên lưu vực Sông Sêsan, Sông Srêpốk, Sông Ba và hệ thống sông Đồng Nai.

Phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng. Ổn định dân cư và tạo việc làm tại chỗ cho người dân gắn bó với quê hương. Chú trọng phục hồi, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có, đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; tiến hành khoanh nuôi tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp với trồng bổ

sung làm giàu rừng; cải tạo trồng rừng thay thế đối với các diện tích rừng nghèo kiệt, kém chất lượng. Có chính sách phù hợp phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ bán tín chỉ cácbon; thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu và các loại lâm sản ngoài gỗ, tạo việc làm cho người dân, tăng nguồn thu nhằm tái đầu tư bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Huy động nguồn lực ngoài nhà nước cho phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. Phát triển rừng trồng, rừng sản xuất ở những nơi có điều kiện phù hợp nhằm phát triển kinh tế lâm nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất và chế biến lâm sản. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp cho các lực lượng, hộ gia đình, người dân, cộng đồng trong quản lý, bảo vệ rừng; chính sách tái định canh, định cư, tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số sống trong rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

- Ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm và các sản phẩm từ nhôm; phát triển ngành cơ khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Duy trì phát triển ổn định, bền vững thuỷ điện; tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo; nghiên cứu khả năng cung cấp điện tại chỗ để phát triển ngành luyện kim nhôm.

- Phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, logistics của vùng dựa trên nền tảng số theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ với trọng tâm là du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, gắn với phát triển nông nghiệp, hệ thống logistics thông minh và kinh tế cửa khẩu, nhất là các cửa khẩu quốc tế. Hình thành và phát triển các hình thức tổ chức thị trường hiện đại như sàn giao dịch hàng hoá cho các sản phẩm chủ lực của vùng; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. Tập trung xây dựng một số thương hiệu sản phẩm quốc gia như cà phê, cao su, sầu riêng, bơ, hồ tiêu,…

- Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới công nghệ; chủ động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học, giống cây trồng vật nuôi, các mô hình nông nghiệp hiệu quả cao, sản xuất sạch và an toàn vào sản xuất. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; xây dựng dữ liệu vùng phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

- Tiếp tục giải quyết có hiệu quả đất ở, đất sản xuất cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện, tranh chấp đất đai

đang tồn đọng, nhất là tranh chấp đất giữa người dân với các nông, lâm trường, các đơn vị thuộc doanh nghiệp nhà nước; chủ động phát hiện, xử lý sớm các nguy cơ dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện đông người.

- Tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước; tăng khả năng trữ và lưu giữ nước của các công trình hồ chứa, bảo đảm an ninh nguồn nước cho vùng và cho một số địa phương khu vực duyên hải Trung Bộ; cơ cấu lại cây trồng cho phù hợp, nhất là đối với vùng thiếu nước; triển khai các giải pháp, công nghệ tưới tiết kiệm. Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, chia sẻ lợi ích từ tài nguyên nước.

- Tiểu vùng Bắc Tây Nguyên (tỉnh Gia Lai và Kon Tum) duy trì công nghiệp thuỷ điện, phát triển năng lượng tái tạo, cây dược liệu; hình thành các khu du lịch sinh thái, các khu du lịch gắn với vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ theo hành lang giao thông quốc lộ 14, 19, 24 và hành lang biên giới Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia. Tiểu vùng Trung Tây Nguyên (tỉnh Đắk Lắk) tập trung phát triển năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, đặc biệt là sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê; phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại, trung chuyển hàng hoá. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với các tỉnh Khánh Hoà, Phú Yên theo hành lang quốc lộ 26, 29 và cao tốc Buôn Ma Thuột - Khánh Hoà. Tiểu vùng Nam Tây Nguyên (tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông) tập trung phát triển ngành dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao; nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với vùng Đông Nam Bộ theo hành lang quốc lộ 20 và các tuyến cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, Chơn Thành - Gia Nghĩa.

- Phát triển đô thị và bố trí dân cư phù hợp với các điều kiện đặc trưng về sinh thái, bản sắc văn hoá Tây Nguyên; có không gian xanh, cảnh quan đặc trưng, kết cấu hạ tầng hiện đại, thông minh và thân thiện với môi trường. Tổ chức mạng lưới đô thị dựa trên ba trung tâm đô thị động lực: Thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm vùng; thành phố Đà Lạt là trung tâm tiểu vùng Nam Tây Nguyên; thành phố Pleiku là trung tâm tiểu vùng Bắc Tây Nguyên. Thúc đẩy liên kết đô thị, chú trọng hình thành các đô thị vệ tinh hỗ trợ các chức năng phát triển với đô thị trung tâm. Từng bước hình thành một số đô thị biên

giới với chức năng thương mại, dịch vụ gắn với lợi thế về cửa khẩu, kết nối giao thông quốc tế. Ưu tiên bố trí nguồn lực để ổn định các điểm dân cư đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với tập quán sinh hoạt, sản xuất của đồng bào dân tộc.

2. Phát triển văn hoá - xã hội và nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

- Nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất và tinh thần của người dân; hình thành nếp sống văn minh, gia đình văn hoá trong đồng bào các dân tộc. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống tốt đẹp, các di tích lịch sử, văn hoá tiêu biểu các dân tộc Tây Nguyên; duy trì và xây dựng không gian công cộng trong buôn, làng dành cho hoạt động văn hoá cộng đồng gắn với nhà Rông, nhà dài, lễ hội Cồng chiêng; chú trọng bảo tồn và phát huy các di sản thế giới, di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, các di sản văn hoá tiêu biểu đặc trưng của vùng và di sản văn hoá đồng bảo dân tộc thiểu số. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cấp vùng. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng và duy trì tốt hoạt động của các trung tâm văn hoá, sinh hoạt cộng đồng từ cấp tỉnh tới buôn, làng; huy động nguồn lực xã hội hoá để đẩy nhanh tốc độ hiện đại hoá, mở rộng mạng lưới các trung tâm văn hoá ở thành phố, khu đô thị, khu du lịch trọng điểm.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, coi đây là một trong những khâu đột phá cho sự phát triển nhanh và bền vững của vùng. Xây dựng các trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột, thành phố Đà Lạt; mở rộng quy mô các trường đại học, cao đẳng, trong đó ưu tiên phát triển Trường Đại học Tây Nguyên. Phát triển thị trường lao động, kết nối thông tin thị trường lao động trong vùng với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ. Tăng cường liên kết, hợp tác để đào tạo nhân lực trình độ cao, các ngành nghề đáp ứng cho yêu cầu phát triển vùng. Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, nhất là cho đồng bào dân tộc Tây Nguyên. Có chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số học nội trú, bán trú. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số. Tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện tốt công tác giảm nghèo.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Tăng cường đào tạo, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ

trong khám, chữa bệnh. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh; ứng phó kịp thời các tình huống khẩn cấp về y tế, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm hoạ. Xây dựng một bệnh viện đa khoa trung ương, trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp vùng; củng cố hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng của vùng.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, tổ chức thực hiện di dời dân cư, bảo đảm sinh kế bền vững và an toàn cho người dân tại vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu. Quan tâm giải quyết nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin và dịch vụ xã hội khác cho người nghèo, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi toàn vùng tới các cảng biển, cảng hàng không nội địa và quốc tế. Đến năm 2030, phấn đấu hoàn thành một số hạ tầng giao thông quan trọng: Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột, Gia Nghĩa - Chơn Thành, Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương; mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương lên cấp 4E và Cảng hàng không Pleiku lên cấp 4C; mở rộng Cảng hàng không Buôn Ma Thuột; khôi phục, cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt phục vụ khách du lịch. Nghiên cứu đầu tư tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (Ngọc Hồi - Pleiku, Pleiku - Buôn Ma Thuột, Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa), tuyến đường sắt kết nối Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước).

- Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm gắn với sinh thái và bảo vệ môi trường, hình thành các khu du lịch tầm cỡ quốc gia và khu vực, tạo thương hiệu cho du lịch vùng. Tập trung thu hút đầu tư phát triển các khu, tuyến du lịch đặc thù và sản phẩm du lịch đặc sắc gắn với bản sắc văn hoá của vùng. Xây dựng các trung tâm dịch vụ du lịch lớn: Thành phố Đà Lạt gắn với hồ Tuyền Lâm, hồ Đan Kia - Suối Vàng; Đắk Lắk, Đắk Nông gắn với vườn quốc gia Yokđôn và không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên; Gia Lai - Kon Tum gắn với cửa khẩu quốc tế Bờ Y, khu du lịch Măng Đen, điểm du lịch hồ Yaly, công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông. Phát triển du lịch sinh thái gắn với cộng đồng, các buôn làng dân tộc, vườn quốc gia, các khu bảo tồn. Phát triển thị trường du lịch liên vùng gắn với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ; du lịch nội vùng gắn với các sản phẩm có thế mạnh: Du lịch tham quan, nghiên cứu văn hoá, địa chất, nghỉ dưỡng núi, thám hiểm rừng, sinh

thái nông nghiệp, nông thôn, thể thao mạo hiểm. Xây dựng trung tâm chăm sóc sức khoẻ cấp quốc tế, từng bước hình thành sản phẩm du lịch chăm sóc sức khoẻ, du lịch chữa bệnh tại thành phố Đà Lạt.

4. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết vùng

- Thống nhất cao ở tất cả các cấp, các ngành về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của vùng và liên kết vùng, liên vùng để tạo không gian kinh tế thống nhất, khắc phục các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng. Nghiên cứu xây dựng và thể chế hoá cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng và với vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ. Đẩy mạnh hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia; tham gia tích cực các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN với các đối tác, các nước trong khu vực và các định chế quốc tế khác. Hoàn thiện thể chế, tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các thoả thuận hợp tác trong khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng Tây Nguyên và quy hoạch từng địa phương trong vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững theo hướng xanh, tuần hoàn, giàu bản sắc dựa trên yếu tố đặc trưng là con người, văn hoá, thiên nhiên và truyền thống lịch sử gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh của vùng. Tổ chức không gian hợp lý cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc; phục hồi, bảo vệ, phát triển rừng, phát triển nông nghiệp hiệu quả cao và bảo vệ nguồn nước.

- Có cơ chế, chính sách phù hợp về bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng; phát triển một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn; huy động, phân bổ, lồng ghép các nguồn lực đầu tư những chương trình, dự án, công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, quan trọng, trọng điểm làm nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững. Nghiên cứu chính sách tài chính, thuế đối với các dự án thuỷ điện có quy mô lớn và hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phù hợp, bảo đảm hài hoà giữa nguồn thu ngân sách nhà nước với ổn định, phát triển của địa phương. Ưu tiên sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi để phát triển hạ tầng kinh tế, xã hội vùng. Khuyến khích thu hút đầu tư trực tiếp

nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, năng lượng tái tạo và dịch vụ du lịch, phù hợp với quy hoạch vùng, địa phương. Xây dựng tiêu chí xác định đô thị phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng theo hướng đô thị xanh, bền vững.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi phục vụ doanh nghiệp và người dân. Khai thác hiệu quả quỹ đất hình thành từ hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để tái đầu tư phát triển. Phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các công trình giao thông để phát huy tính chủ động của các địa phương, huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

5. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh công tác đối ngoại; kiên quyết bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; làm sâu sắc hơn các quan hệ đối ngoại, hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Phát huy hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần tăng cường thế trận quốc phòng - an ninh và thế trận lòng dân vững chắc ở địa bàn biên giới, địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc. Đầu tư xây dựng một số công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân và nhiệm vụ quốc phòng. Tiếp tục xây dựng đường tuần tra biên giới kết hợp làm đường dân sinh. Phối hợp với Cam-pu-chia phấn đấu hoàn thành khung pháp lý song phương về quản lý biên giới, quản lý cửa khẩu biên giới và phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền. Hợp tác chặt chẽ về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và chủ động triển khai các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn.

- Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc bảo đảm đồng bộ, toàn diện; tập trung có trọng điểm các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu 5 và vùng Tây Nguyên vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; đầu tư nâng cao

năng lực của lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự cấp cơ sở. Đẩy mạnh và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục bảo đảm phù hợp với từng đối tượng, với đặc thù văn hoá, xã hội vùng Tây Nguyên. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo thế chủ động trong phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Nắm chắc và làm chủ tình hình, ngăn chặn, triệt phá kịp thời hoạt động gây rối, biểu tình, tấn công không gian mạng để giữ vững quốc phòng, an ninh toàn vùng và cả nước.

6. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh tạo chuyển biến thực sự trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Thực hiện hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị, tiên phong, gương mẫu về đạo đức và lối sống.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyển giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân và vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng; đẩy mạnh hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng ở các cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hoá cách mạng, sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng. Xác định buôn làng là một bộ phận rất quan trọng và là địa bàn chủ yếu ở cấp cơ sở ở Tây Nguyên.

uỷ quyền. Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng thiết thực, hướng mạnh về cơ sở, đi sâu vào từng đối tượng, đa dạng các hình thức tập hợp nhân dân. Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân cả nước, nhất là các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và xây dựng Quy hoạch vùng, địa phương; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng; điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, chủ động phối hợp với các địa phương vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ để thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 152 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại các văn bản số 7988/TTr-BKHĐT ngày 04 tháng 11 năm 2022 và văn bản số 8161/TTr-BKHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2022;

Trên cơ sở kết quả Phiếu lấy ý kiến của các thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương, các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH. 40

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Bình Minh

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 23-NQ/TW) đã đề ra các mục tiêu:

Đến năm 2030, Tây Nguyên là vùng phát triển nhanh, bền vững dựa trên kinh tế xanh, tuần hoàn; giàu bản sắc văn hoá dân tộc, điểm đến đặc sắc, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế. Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hình thành một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn có thương hiệu quốc tế gắn với các trung tâm chế biến. Cơ bản hình thành hạ tầng giao thông quan trọng, hạ tầng số. Hệ thống thiết chế văn hoá được nâng cấp. Giải quyết căn bản vấn đề đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện. Hệ sinh thái rừng, nhất là rừng đầu nguồn và đa dạng sinh học được bảo tồn và phát triển; an ninh nguồn nước được bảo đảm. Quốc phòng, an ninh khu vực biên giới được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, duy trì ổn định. Tổ chức đảng, hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết các dân tộc được củng cố, tăng cường.

Tầm nhìn đến năm 2045, Tây Nguyên trở thành vùng phát triển bền vững, có nền kinh tế xanh, tuần hoàn; một số tỉnh trong vùng thuộc nhóm phát triển khá của cả nước. Hệ sinh thái rừng được bảo tồn và phát triển; hình thành một số khu du lịch chất lượng cao, điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước. Hình thành các vùng sản xuất lớn về cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa và trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước. Hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bản sắc văn hoá được phát huy và trở thành nền tảng để phát triển. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ ban hành Chương trình hành động với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Nghị quyết về Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị phải được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 23-NQ/TW nhằm xây dựng và phát triển Tây Nguyên là vùng phát triển nhanh, bền vững dựa trên kinh tế xanh, tuần hoàn; giàu bản sắc văn hoá dân tộc, điểm đến đặc sắc, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế.

2. Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 23-NQ/TW bằng những nhiệm vụ, giải pháp thiết thực của Chính phủ gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết. Chương trình hành động của Chính phủ là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch hành động của từng bộ, cơ quan và địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu cao nhất đạt được các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 23-NQ/TW.

3. Chương trình hành động nhằm thể hiện được định hướng chỉ đạo của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng các tỉnh vùng Tây Nguyên; đồng thời xác định rõ vai trò, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và khu vực duyên hải Trung Bộ tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng; điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách, đặc thù về phát triển vùng Tây Nguyên; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng đảm bảo xây dựng và phát triển vùng Tây Nguyên hài hoà giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường gắn chặt với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 7 - 7,5%. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương 5.000 USD; tỉ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm khoảng 29,5% trong GRDP; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 26,9%; khu vực dịch vụ chiếm khoảng 38%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng

5,6%; tỉ trọng kinh tế số khoảng 25 - 30% GRDP. Tỉ lệ đô thị hoá đạt khoảng 37,2 - 40,7%; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới khoảng 85%, trong đó tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao khoảng 50%.

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt khoảng 6,5%; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP khoảng 39%. Đến năm 2030, tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25 - 30%. Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều duy trì giảm 1,0 - 1,5%/năm. Tỉ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm. Tỉ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia với giáo dục mầm non khoảng 60%; tiểu học khoảng 65%, trung học cơ sở khoảng 75% và trung học phổ thông khoảng 60%. Đạt 32 giường bệnh viện, 11 bác sĩ trên 10.000 dân. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 90%.

- Đến năm 2030, tỉ lệ che phủ rừng đạt trên 47%. Tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư đô thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 98%. Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Đạt 100% đối với các chỉ tiêu: Tỉ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom xử lý; tỉ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường. Đạt 95% tỉ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nêu trên, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh trong vùng tập trung chỉ đạo thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW

- Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và xây dựng Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết để tạo sự thống nhất trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng Tây Nguyên.

- Đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng, nhất là về liên kết vùng, cơ chế chính sách đặc thù, phân bổ nguồn lực, nguồn nhân lực, quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của Vùng, giải quyết các vấn đề trọng điểm tại Vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

2. Phát triển kinh tế vùng nhanh và bền vững

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng, lấy phát triển nông, lâm nghiệp là trọng tâm, trụ đỡ; phát triển công nghiệp chế biến là động lực; phát triển

du lịch là đột phá. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao.

- Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, quy mô lớn gắn với vùng chuyên canh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển các cây ăn quả chủ lực (sầu riêng, bơ, chanh leo, chôm chôm, mít,...), cây công nghiệp (cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè), cây dược liệu, rau, hoa, chăn nuôi gia súc bảo đảm môi trường và gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển thuỷ sản nước lạnh (cá hồi, cá tầm) có giá trị kinh tế cao và nuôi lồng bè ở vùng lòng hồ các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện trên lưu vực Sông Sêsan, Sông Srêpốk, Sông Ba và hệ thống sông Đồng Nai.

Phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng. Ổn định dân cư và tạo việc làm tại chỗ cho người dân gắn bó với quê hương. Chú trọng phục hồi, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có, đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; tiến hành khoanh nuôi tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh kết hợp với trồng bổ sung làm giàu rừng; cải tạo trồng rừng thay thế đối với các diện tích rừng nghèo kiệt, kém chất lượng. Có chính sách phù hợp phát triển kinh tế rừng, kinh tế dưới tán rừng. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, dịch vụ bán tín chỉ cácbon; thí điểm cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu và các loại lâm sản ngoài gỗ, tạo việc làm cho người dân, tăng nguồn thu nhằm tái đầu tư bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Huy động nguồn lực ngoài nhà nước cho phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. Phát triển rừng trồng, rừng sản xuất ở những nơi có điều kiện phù hợp nhằm phát triển kinh tế lâm nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy sản xuất và chế biến lâm sản. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp cho các lực lượng, hộ gia đình, người dân, cộng đồng trong quản lý, bảo vệ rừng; chính sách tái định canh, định cư, tạo việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số sống trong rừng phòng hộ, rừng đặc dụng.

- Ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm và các sản phẩm từ nhôm; phát triển ngành cơ khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm sản. Duy trì phát triển ổn định, bền vững thuỷ điện trên cơ sở đảm bảo môi trường và sinh kế của người dân; tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo; nghiên cứu khả năng cung cấp điện tại chỗ để phát triển ngành luyện kim nhôm.

- Phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, logistics của vùng dựa trên nền tảng số theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ với trọng tâm là du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, gắn với phát triển nông nghiệp, hệ thống

logistics thông minh và kinh tế cửa khẩu, nhất là các cửa khẩu quốc tế. Hình thành và phát triển các hình thức tổ chức thị trường hiện đại như sàn giao dịch hàng hoá cho các sản phẩm chủ lực của vùng; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử. Tập trung xây dựng một số thương hiệu sản phẩm quốc gia như cà phê, cao su, sầu riêng, bơ, hồ tiêu,...

- Tăng cường tiềm lực cho phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh cho từng địa phương và vùng trong đó chú trọng nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, du lịch, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác trực tiếp lợi thế của các địa phương trong vùng; phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu vùng phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

- Tiếp tục giải quyết có hiệu quả đất ở, đất sản xuất cho người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số; xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện, tranh chấp đất đai đang tồn đọng, nhất là tranh chấp đất giữa người dân với các nông, lâm trường, các đơn vị thuộc doanh nghiệp nhà nước; chủ động phát hiện, xử lý sớm các nguy cơ dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện đông người.

- Tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước; tăng khả năng trữ và lưu giữ nước của các công trình hồ chứa, bảo đảm an ninh nguồn nước cho vùng và cho một số địa phương khu vực duyên hải Trung Bộ; cơ cấu lại cây trồng cho phù hợp, nhất là đối với vùng thiếu nước; triển khai các giải pháp, công nghệ tưới tiết kiệm. Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý, chia sẻ lợi ích từ tài nguyên nước.

- Tiểu vùng Bắc Tây Nguyên (tỉnh Gia Lai và Kon Tum) duy trì công nghiệp thuỷ điện, phát triển năng lượng tái tạo, cây dược liệu; hình thành các khu du lịch sinh thái, các khu du lịch gắn với vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ theo hành lang giao thông quốc lộ 14, 19, 24 và hành lang biên giới Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia. Tiểu vùng Trung Tây Nguyên (tỉnh Đắk Lắk) tập trung phát triển năng lượng tái tạo; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, đặc biệt là sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê; phát triển các trung tâm dịch vụ thương mại, trung chuyển hàng hoá. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với các tỉnh Khánh Hoà, Phú Yên theo hành lang quốc lộ 26, 29 và cao tốc Buôn Ma

Thuột - Khánh Hoà. Tiểu vùng Nam Tây Nguyên (tỉnh Lâm Đồng, Đắk Nông) tập trung phát triển ngành dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao; nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm. Không gian phát triển kinh tế của tiểu vùng gắn với vùng Đông Nam Bộ theo hành lang quốc lộ 20 và các tuyến cao tốc Dầu Giây - Liên Khương, Chơn Thành - Gia Nghĩa.

- Phát triển đô thị và bố trí dân cư phù hợp với các điều kiện đặc trưng về sinh thái, bản sắc văn hoá Tây Nguyên; có không gian xanh, cảnh quan đặc trưng, kết cấu hạ tầng hiện đại, thông minh và thân thiện với môi trường. Tổ chức mạng lưới đô thị dựa trên ba trung tâm đô thị động lực: Thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm vùng; thành phố Đà Lạt là trung tâm tiểu vùng Nam Tây Nguyên; thành phố Pleiku là trung tâm tiểu vùng Bắc Tây Nguyên. Thúc đẩy liên kết đô thị, chú trọng hình thành các đô thị vệ tinh hỗ trợ các chức năng phát triển với đô thị trung tâm. Từng bước hình thành một số đô thị biên giới với chức năng thương mại, dịch vụ gắn với lợi thế về cửa khẩu, kết nối giao thông quốc tế. Ưu tiên bố trí nguồn lực để ổn định các điểm dân cư đồng bào dân tộc thiểu số, phù hợp với tập quán sinh hoạt, sản xuất của đồng bào dân tộc.

3. Phát triển văn hoá - xã hội và nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

- Nâng cao trình độ dân trí, đời sống vật chất và tinh thần của người dân; hình thành nếp sống văn minh, gia đình văn hoá trong đồng bào các dân tộc. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống tốt đẹp, các di tích lịch sử, văn hoá tiêu biểu các dân tộc Tây Nguyên; duy trì và xây dựng không gian công cộng trong buôn, làng dành cho hoạt động văn hoá cộng đồng gắn với nhà Rông, nhà dài, lễ hội Cồng chiêng; chú trọng bảo tồn và phát huy các di sản thế giới, di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, các di sản văn hoá tiêu biểu đặc trưng của vùng và di sản văn hoá đồng bào dân tộc thiểu số. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cấp vùng. Cải tạo, nâng cấp, xây dựng và duy trì tốt hoạt động của các trung tâm văn hoá, sinh hoạt cộng đồng từ cấp tỉnh tới buôn, làng; huy động nguồn lực xã hội hoá để đẩy nhanh tốc độ hiện đại hoá, mở rộng mạng lưới các trung tâm văn hoá ở thành phố, khu đô thị, khu du lịch trọng điểm.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, coi đây là một trong những khâu đột phá cho sự phát triển nhanh và bền vững của vùng. Xây dựng các trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột, thành phố Đà Lạt; mở rộng quy mô các trường đại học, cao đẳng, trong đó ưu tiên phát triển Trường Đại học Tây Nguyên. Phát triển thị trường lao động, kết nối thông

tin thị trường lao động trong vùng với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ. Tăng cường liên kết, hợp tác để đào tạo nhân lực trình độ cao, các ngành nghề đáp ứng cho yêu cầu phát triển vùng. Phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp, nhất là cho đồng bào dân tộc Tây Nguyên. Có chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số học nội trú, bán trú. Nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số. Tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện tốt công tác giảm nghèo.

- Tăng cường chất lượng dịch vụ y tế; bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Tăng cường đào tạo, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong khám, chữa bệnh. Nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh; ứng phó kịp thời các tình huống khẩn cấp về y tế, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm hoạ. Xây dựng một bệnh viện đa khoa trung ương, trung tâm kiểm soát bệnh tật khu vực; củng cố hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng của vùng.

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch, tổ chức thực hiện di dời dân cư, bảo đảm sinh kế bền vững và an toàn cho người dân tại vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu. Quan tâm giải quyết nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường, thông tin và dịch vụ xã hội khác cho người nghèo, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc

- Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi toàn vùng tới các cảng biển, cảng hàng không nội địa và quốc tế. Đến năm 2030, phấn đấu hoàn thành một số hạ tầng giao thông quan trọng: Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku, Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột, Gia Nghĩa - Chơn Thành, Tân Phú - Bảo Lộc, Bảo Lộc - Liên Khương; mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương lên cấp 4E và Cảng hàng không Pleiku lên cấp 4C; mở rộng Cảng hàng không Buôn Ma Thuột; khôi phục, cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt phục vụ khách du lịch. Nghiên cứu đầu tư tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Tây (Ngọc Hồi - Pleiku, Pleiku - Buôn Ma Thuột, Buôn Ma Thuột - Gia Nghĩa), tuyến đường sắt kết nối Tây Nguyên (Đà Nẵng - Kon Tum - Gia Lai - Đắk Lắk - Đắk Nông - Bình Phước).

- Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm gắn với sinh thái và bảo vệ môi trường, hình thành các khu du lịch tầm cỡ quốc gia và khu vực, tạo thương hiệu cho du lịch vùng. Tập trung thu hút đầu tư phát triển các khu, tuyến du lịch đặc thù và sản phẩm du lịch đặc sắc gắn với bản sắc văn hoá của vùng. Xây dựng các trung tâm dịch vụ du lịch lớn: Thành phố Đà Lạt gắn với hồ Tuyền Lâm, hồ Đan Kia - Suối Vàng; Đắk Lắk, Đắk Nông gắn với vườn quốc gia Yokđôn và không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên; Gia Lai - Kon Tum gắn với cửa khẩu

quốc tế Bờ Y, khu du lịch Măng Đen, điểm du lịch hồ Yaly; công viên địa chất toàn cầu Đắk Nông. Phát triển du lịch sinh thái gắn với cộng đồng, các buôn làng dân tộc, vườn quốc gia, các khu bảo tồn. Phát triển thị trường du lịch liên vùng gắn với các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ; du lịch nội vùng gắn với các sản phẩm có thế mạnh: Du lịch tham quan, nghiên cứu văn hoá, địa chất, nghỉ dưỡng núi, thám hiểm rừng, sinh thái nông nghiệp, nông thôn, thể thao mạo hiểm. Xây dựng trung tâm chăm sóc sức khoẻ cấp quốc tế, từng bước hình thành sản phẩm du lịch chăm sóc sức khoẻ, du lịch chữa bệnh tại thành phố Đà Lạt.

5. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết vùng

- Thống nhất cao ở tất cả các cấp, các ngành về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của vùng và liên kết vùng, liên vùng để tạo không gian kinh tế thống nhất, khắc phục các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng. Nghiên cứu xây dựng và thể chế hoá cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng và với vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ. Hoàn thiện thể chế, tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, tạo thuận lợi triển khai kế hoạch thực hiện các thoả thuận hợp tác trong khu vực, tiểu vùng Mê Công, nhất là đẩy mạnh hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, hợp tác khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia; tham gia tích cực các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN với các đối tác, các nước trong khu vực và các định chế quốc tế khác.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng Tây Nguyên và quy hoạch từng địa phương trong vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững theo hướng xanh, tuần hoàn, giàu bản sắc dựa trên yếu tố đặc trưng là con người, văn hoá, thiên nhiên và truyền thống lịch sử gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh của vùng. Tổ chức không gian hợp lý cho phát triển kết cấu hạ tầng giao thông quan trọng, du lịch đặc sắc; phục hồi, bảo vệ, phát triển rừng, phát triển nông nghiệp hiệu quả cao và bảo vệ nguồn nước.

- Có cơ chế, chính sách phù hợp về bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng; phát triển một số sản phẩm nông nghiệp quy mô lớn; huy động, phân bổ, lồng ghép các nguồn lực đầu tư những chương trình, dự án, công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu, quan trọng, trọng điểm làm nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững. Nghiên cứu chính sách tài chính, thuế đối với các dự án thuỷ điện có quy mô lớn và hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phù hợp, bảo đảm hài hoà giữa nguồn thu ngân sách nhà nước với ổn định, phát triển của địa phương. Ưu tiên sử dụng các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay ưu đãi để phát triển

hạ tầng kinh tế, xã hội vùng. Khuyến khích thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, năng lượng tái tạo và dịch vụ du lịch, phù hợp với quy hoạch vùng, địa phương. Xây dựng tiêu chí xác định đô thị phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng theo hướng đô thị xanh, bền vững.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi phục vụ doanh nghiệp và người dân. Khai thác hiệu quả quỹ đất hình thành từ hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để tái đầu tư phát triển. Phân cấp, phân quyền cho các địa phương đầu tư kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các công trình giao thông để phát huy tính chủ động của các địa phương, huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

6. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh công tác đối ngoại; kiên quyết bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; làm sâu sắc hơn các quan hệ đối ngoại, đặc biệt là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực, và trong các khuôn khổ hợp tác tiểu vùng Mê Công như hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển đất nước. Phát huy hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng, góp phần tăng cường thế trận quốc phòng - an ninh và thế trận lòng dân vững chắc ở địa bàn biên giới, địa bàn có nhiều đồng bào dân tộc. Đầu tư xây dựng một số công trình lưỡng dụng phục vụ phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân và nhiệm vụ quốc phòng. Tiếp tục xây dựng đường tuần tra biên giới kết hợp làm đường dân sinh. Phối hợp với Cam-pu-chia phấn đấu hoàn thành khung pháp lý song phương về quản lý biên giới, quản lý cửa khẩu biên giới và phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền. Hợp tác chặt chẽ về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và chủ động triển khai các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn.

- Tập trung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc bảo đảm đồng bộ, toàn diện; tập trung có trọng điểm các mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, các vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào các tôn giáo. Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu 5 và vùng Tây Nguyên vững mạnh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới; đầu tư nâng cao năng lực của lực lượng bảo đảm an ninh, trật tự cấp cơ sở. Đẩy mạnh và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục bảo đảm phù hợp với từng đối tượng, với đặc thù văn hoá, xã hội vùng Tây Nguyên. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo thế chủ động trong phòng ngừa và đấu tranh, kiên

quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Nắm chắc và làm chủ tình hình, ngăn chặn, triệt phá kịp thời hoạt động gây rối, biểu tình, tấn công không gian mạng để giữ vững quốc phòng, an ninh toàn vùng và cả nước. Giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng Đề án bảo đảm an ninh, trật tự vùng Tây Nguyên và phụ cận trong tình hình hiện nay.

7. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh tạo chuyển biến thực sự trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Thực hiện hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị, tiên phong, gương mẫu về đạo đức và lối sống.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo; bảo đảm chất lượng, số lượng, cơ cấu hợp lý, có sự chuyển giao, kế thừa chặt chẽ giữa các thế hệ. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện lớp cán bộ kế cận, cán bộ nữ, cán bộ là người dân tộc thiểu số. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể nhân dân và vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng; đẩy mạnh hoạt động của các mô hình tự quản tại cộng đồng ở các cơ sở, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Đặc biệt quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị; phát huy cao độ truyền thống văn hoá cách mạng, sự cần cù và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng. Xác định buôn làng là một bộ phận rất quan trọng và là địa bàn chủ yếu ở cấp cơ sở ở Tây Nguyên.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Tây Nguyên:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề

phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của Bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 31 tháng 12 năm 2022, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp chặt chẽ, quyết liệt với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này.



PHỤ LỤC I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	VỀ KINH TẾ			
1	Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2030 của Vùng	%	Khoảng 7 -7,5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	GRDP bình quân đầu người/năm	triệu đồng	Khoảng 130	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3	Cơ cấu GRDP của Vùng			Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	29,5	
	Công nghiệp - xây dựng	%	26,9	
	Dịch vụ	%	38	
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	5,6	
4	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân giai đoạn 2021-2030	%	Khoảng 6,5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	Đóng góp của TFP vào tăng trưởng	%	Khoảng 39	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
6	Tỉ lệ đô thị hóa	%	37,2 - 40,7	Bộ Xây dựng
7	Tỉ trọng kinh tế số so với GRDP	%	25-30	Bộ Thông tin và Truyền thông
8	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	Khoảng 85	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Trong đó, tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	50	
	VỀ XÃ HỘI			
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	25-30	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội
10	Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm bình quân trên năm	Điểm %	1,0-1,5	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội
	Tỉ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm	*Điểm %*	*>3*	
11	Tỉ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia			Bộ Giáo dục và Đào tạo
	Giáo dục mầm non	%	*60*	
	Tiểu học	%	*65*	
	Trung học cơ sở	%	*75*	
	Trung học phổ thông	%	*60*	
12	Số giường bệnh trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường bệnh	32	Bộ Y tế
13	Số bác sỹ trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Bác sỹ	11	
14	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	90	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đến năm 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
	VỀ MÔI TRƯỜNG			
15	Tỉ lệ che phủ rừng	%	>47	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
16	Tỉ lệ sử dụng nước sạch của dân cư đô thị	%	100	Bộ Xây dựng
17	Tỉ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn	%	98	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
18	Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định	%	98	Bộ Tài nguyên và Môi trường
	Tỉ lệ chất thải rắn nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ, cơ sở y tế được thu gom xử lý	%	100	
19	Tỉ lệ rác thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý theo quy định	%	95	Bộ Tài nguyên và Môi trường
20	Tỉ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	Bộ Kế hoạch và Đầu tư



PHỤ LỤC II

NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT VÙNG TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
I	**NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG NHANH VÀ BỀN VỮNG**					
1	Quyết định phê duyệt Quy hoạch Vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND các tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
2	Quyết định phê duyệt Quy hoạch Tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Các địa phương	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
3	Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc Hội ban hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Vùng Tây Nguyên	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND các tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2024	Chính phủ	
4	Quyết định về Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam; Bộ Tài chính và các địa phương vùng Tây Nguyên	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
5	Quyết định về Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính	Năm 2026	Thủ tướng Chính phủ	

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
6	Quyết định về Chương trình công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản và cơ giới hóa nông nghiệp giai đoạn đến năm 2030	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
7	Đề án thí điểm về cho thuê môi trường rừng để nuôi trồng, phát triển cây dược liệu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các tỉnh	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
8	Đề án Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng hỗ trợ các địa phương ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tỉnh	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
9	Chương trình phát triển Sâm Ngọc Linh	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tỉnh	Năm 2022	Thủ tướng Chính phủ	
10	Đề án phát triển chăn nuôi gia súc bảo đảm môi trường và gắn với công nghiệp chế biến	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các tỉnh vùng TN	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
11	Đề án "Tăng cường thu hút đầu tư, chuyển giao công nghệ phát triển và lưu trữ năng lượng tái tạo vùng Tây Nguyên"	Bộ Công thương	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
12	Báo cáo rà soát tình trạng tranh chấp đất đai trên địa bàn Tây nguyên. Đề xuất phương án xử lý dứt điểm các vụ khiếu kiện, tranh chấp đất đai đang tồn đọng; chủ động phát hiện, xử lý sớm các nguy cơ dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện đông người	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
13	Đề án phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên đến năm 2030	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
II	**NHÓM GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ - XÃ HỘI VÀ NGUỒN NHÂN LỰC; NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT, TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN**					
14	Đề án "Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên giai đoạn 2021-2030"	Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
15	Đề án "Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
16	Đề án xây dựng trung tâm đào tạo chất lượng cao tại thành phố Buôn Ma Thuột, thành phố Đà Lạt	Bộ Giáo dục và đào tạo	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2024	Thủ tướng Chính phủ	
17	Đề án nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo cho đồng bào dân tộc Tây Nguyên	Bộ Giáo dục và đào tạo	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2024	Thủ tướng Chính phủ	
18	Đề án xây dựng Bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nguyên	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
III	**NHÓM GIẢI PHÁP TẬP TRUNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH LIÊN KẾT VÙNG**					
19	Đề án xây dựng thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND các tỉnh và các Bộ, ngành có liên quan	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	
20	Nghiên cứu sửa đổi chính sách tài chính, thuế đối với các dự án thủy điện có quy mô lớn và hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu phù hợp, bảo đảm hài hòa giữa nguồn thu NSNN với ổn định, phát triển của địa phương	Bộ Tài chính	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2025	Thủ tướng Chính phủ	
IV	**NHÓM GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI**					
21	Thúc đẩy sớm đàm phán, tiến tới ký kết Hiệp định về quản lý biên giới và Hiệp định cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam - Campuchia thay thế cho Hiệp định về Quy chế biên giới giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa nhân dân Campuchia ký ngày 20/7/1983	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2023-2025	Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ	

STT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
22	Phối hợp với Lào tổ chức kiểm tra liên hợp đường biên giới, tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 16/3/2016	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành và địa phương liên quan	2026	Chính phủ	
23	Đề án tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội trên hướng chiến lược trọng điểm của Tổ quốc	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương	Năm 2023	Thủ tướng Chính phủ	



PHỤ LỤC III

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ HẠ TẦNG GIAO THÔNG KẾT NỐI PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH TRƯỚC NĂM 2030 VÙNG TÂY NGUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: 152 /NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

Số TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	NGUỒN VỐN DỰ KIẾN	THỜI GIAN THỰC HIỆN DỰ KIẾN	Ghi chú
I	**Các tuyến đường bộ**				
1	Tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
2	Tuyến cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột	Bộ Giao thông vận tải / Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
3	Tuyến cao tốc Gia Nghĩa - Chơn Thành	Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
4	Tuyến cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc	Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
5	Tuyến cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương	Địa phương	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
II	**Cảng hàng không**				
1	Mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Liên Khương lên cấp 4E	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
2	Mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Pleiku lên cấp 4C	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
3	Mở rộng Cảng hàng không Buôn Ma Thuột	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	
III	**Đường sắt**				
1	Khôi phục, cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn huy động khác	Trước năm 2030	

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 2354 /QĐ-BKHĐT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về

phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ, Tổng cục trưởng Tổng cục thống kê, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Quản lý Quy hoạch, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- Các đ/c Lãnh đạo Bộ (để c/đ);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ KTĐPLT (105).

BỘ TRƯỞNG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
Thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Quyết định số 2354/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhằm xác định rõ các nội dung công việc cụ thể, thời hạn, tiến độ hoàn thành, kết quả đầu ra, trách nhiệm, cơ chế phối hợp của các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể thực hiện Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ:

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ đến từng cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị nhằm đổi mới tư duy và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong tháng 01 năm 2023.

b) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ, nhất là về xây dựng và phê duyệt Quy hoạch Vùng, xây dựng cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, cơ chế chính sách đặc thù, phân bổ nguồn lực, đào tạo nguồn nhân lực, quan hệ đối ngoại nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của Vùng, giải quyết các vấn đề trọng điểm tại Vùng, các vấn đề liên ngành, liên vùng.

c) Thường xuyên trao đổi với các cơ quan, đơn vị liên quan, địa phương trong vùng Tây Nguyên để nắm bắt nhu cầu, khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện các vấn đề: liên kết vùng; lập quy hoạch vùng, tỉnh; huy động nguồn lực cho phát triển hạ tầng; triển khai thực hiện các dự án quan trọng, liên vùng để đề xuất các giải pháp hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời.

d) Định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định này và gửi Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, trình Lãnh đạo Bộ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Giao Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ:

a) Là đầu mối đôn đốc các đơn vị trong Bộ triển khai các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng. Kịp thời báo cáo, đề xuất Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các giải pháp tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quyết định này.

b) Trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, đề án của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các tỉnh vùng Tây Nguyên nêu tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ trình Lãnh đạo Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

c) Xây dựng Đề án thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng, thời gian trình quý I năm 2023.

d) Xây dựng đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc Hội ban hành Nghị quyết về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Vùng Tây Nguyên, thời gian trình trước quý II năm 2024

3. Giao Tổng cục Thống kê chủ trì theo dõi đánh giá các chỉ tiêu kinh tế - xã hội về: Tốc độ tăng trưởng bình quân; GRDP bình quân đầu người, cơ cấu GRDP của Vùng; Tốc độ tăng năng suất lao động; Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng; Tỉ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường tại các báo cáo hằng năm, sơ kết, tổng kết và các báo cáo đột xuất khác. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, địa phương trong Vùng và các đơn vị thuộc Bộ có Báo cáo đánh giá các chỉ tiêu tại Phụ lục I của Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022.

4. Giao Vụ Quản lý quy hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ và các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan:

a) Lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 760/TTg-CN ngày 31 tháng 8 năm 2022.

b) Đôn đốc các địa phương trong vùng Tây Nguyên đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

giám sát việc thực hiện lập quy hoạch tỉnh theo tiến độ tại Nghị quyết số 108/NQ-CP, ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ và Quyết định này. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Giao Văn phòng Bộ:

a) Tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước hằng năm trên cơ sở xây dựng dự toán của các đơn vị để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ của Bộ tại Nghị quyết số 152/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị, có phương án báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

b) Tổng hợp, đưa các đề án, nhiệm vụ phù hợp của các đơn vị nêu trên vào Chương trình công tác của Bộ hằng năm để làm cơ sở đôn đốc, báo cáo Lãnh đạo Bộ./.









VÙNG ĐÔNG NAM BỘ

Tư duy mới - Đột phá mới - Giá trị mới



Vùng Đông Nam Bộ bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và 5 tỉnh, có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại của đất nước, có diện tích tự nhiên khoảng 23.551 km2, chiếm 9,2% diện tích của cả nước. Với những tiềm năng, lợi thế vượt trội, Vùng luôn là trung tâm đổi mới, năng động, sáng tạo hàng đầu của cả nước; là đầu tàu kinh tế và trung tâm phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ lớn nhất cả nước; đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, thu ngân sách nhà nước và giải quyết việc làm của cả nước; luôn đi đầu trong đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số với hạt nhân là đô thị đặc biệt Thành phố Hồ Chí Minh "rực rỡ tên Vàng" - trung tâm lớn nhất về kinh tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ; đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế; động lực, có sức hút và sức lan tỏa lớn của Vùng.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, trở thành vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước; trung tâm khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh cao trong khu vực. Đi đầu trong đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển nhanh hệ thống đô thị thông minh và hiện đại. Tầm nhìn đến năm 2045, trở thành vùng phát triển, có tiềm lực kinh tế mạnh, cơ cấu kinh tế hiện đại với trung tâm khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế thuộc nhóm đầu của khu vực và thế giới; kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ...

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 24-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 53-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 27-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, những năm qua, các cấp, các ngành, nhất là các địa phương trong vùng đã nhận thức ngày càng rõ hơn vị trí, vai trò, tầm quan trọng của vùng và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Đông Nam Bộ là vùng kinh tế năng động, sáng tạo, đi đầu trong đổi mới và phát triển, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu, thu ngân sách nhà nước và giải quyết việc làm của cả nước. Năm 2020, quy mô tổng sản phẩm toàn vùng (GRDP) theo giá hiện hành gấp 4,9 lần so với năm 2005 và 2,6 lần so với năm 2010, vượt mục tiêu đề ra; đóng góp 32% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), 44,7% tổng thu ngân sách nhà nước. GRDP bình quân đầu người năm 2020 cao nhất cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo tăng nhanh, tỉ trọng khu vực dịch vụ tăng cao; tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ đạt mức cao nhất cả nước. Đông Nam Bộ có khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh, năng động với số lượng doanh nghiệp đứng đầu cả nước; là địa bàn thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn nhất, chiếm 41,1% tổng vốn FDI. Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo của vùng và cả nước. Tỉ lệ đô thị hoá của vùng đạt 67%, diện mạo đô thị ngày càng hiện đại; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 79,5%, đứng thứ hai trong các vùng của cả nước. Lĩnh vực văn hoá, xã hội đạt một số kết quả quan trọng. Nhiều giá trị di sản văn hoá được bảo tồn, phát huy. Công tác giảm nghèo bền vững, thực hiện chính sách an sinh xã hội, đổi mới giáo dục và đào tạo đạt nhiều kết quả tích cực; tỉ lệ hộ nghèo thấp nhất cả nước; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên. Tỉ lệ lao động qua đào tạo cao nhất cả nước. Lĩnh vực y tế chuyên sâu có những thành tựu ngang tầm khu vực và thế giới. Công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được

quan tâm. Cải cách hành chính được đẩy mạnh; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được tăng cường; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị được chú trọng.

Tuy nhiên, vùng Đông Nam Bộ còn nhiều hạn chế, yếu kém và khó khăn, thách thức lớn: Phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; một số chỉ tiêu quan trọng chưa đạt như đề ra. Tăng trưởng kinh tế có xu hướng chậm lại và thấp hơn cả nước; đóng góp vào tổng thu ngân sách nhà nước giảm, tốc độ tăng năng suất lao động thấp, công tác quy hoạch và triển khai thực hiện các quy hoạch còn chậm. Mạng lưới kết cấu hạ tầng cấp vùng, liên vùng, nhất là hạ tầng giao thông kết nối nội vùng và liên vùng còn thiếu, yếu, chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến sự phát triển và sức lan toả của vùng. Một số công trình trọng điểm chậm tiến độ. Tình trạng tắc nghẽn giao thông, ngập úng nghiêm trọng tại Thành phố Hồ Chí Minh chậm được khắc phục và ngày càng nghiêm trọng. Khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo chưa đóng góp nhiều vào đổi mới mô hình tăng trưởng; chưa làm chủ được công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn trong những ngành chủ lực. Công nghiệp phát triển thiếu bền vững, chủ yếu là gia công, lắp ráp, giá trị gia tăng thấp; công nghiệp hỗ trợ phát triển chậm; phân bố khu chế xuất, khu công nghiệp chưa hợp lý. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Tình trạng quá tải ở các trường học, cơ sở đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, cơ sở khám, chữa bệnh công lập chậm được khắc phục; năng lực y tế dự phòng và y tế cơ sở còn yếu, chưa đáp ứng các tình huống dịch bệnh bất thường. Phát triển nhà ở xã hội, nhất là nhà ở cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng ô nhiễm nguồn nước, không khí, rác thải chậm được cải thiện. Khoảng cách giàu - nghèo chậm được thu hẹp. Liên kết nội vùng và liên vùng chưa hiệu quả. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị ở một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu.

Những hạn chế, yếu kém trên chủ yếu là do: Nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng và liên kết vùng chưa đầy đủ; một số mục tiêu đề ra khá cao trong khi huy động và sử dụng nguồn lực còn hạn chế; phân bổ nguồn lực còn thiếu trọng tâm, trọng điểm. Thể chế liên kết vùng chưa đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả; thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kết nối vùng quan trọng, quy mô lớn và cho

khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Phân cấp, phân quyền chưa tạo được sự chủ động cho các địa phương. Các quy hoạch chất lượng chưa cao, thiếu liên kết, không đồng bộ, thậm chí xung đột, chồng chéo; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, khả năng hấp thụ, làm chủ công nghệ cao còn thấp. Năng lực quản lý của bộ máy còn hạn chế; năng lực cán bộ các cấp, nhất là cấp cơ sở về quản trị xã hội, xử lý tình huống bất thường chưa đáp ứng được yêu cầu; chỉ đạo, điều hành ở một số nơi còn sai sót, vi phạm.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Vùng Đông Nam Bộ có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Đông Nam Bộ phải là vùng phát triển năng động, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ, giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số hàng đầu cả nước và khu vực Đông Nam Á, giữ vai trò quan trọng trong liên kết phát triển với các vùng kinh tế khác.

- Phát triển vùng Đông Nam Bộ phải phù hợp với các chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, bảo đảm thống nhất với quy hoạch quốc gia, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng hiện đại, lấy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm và động lực phát triển. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ chất lượng cao. Tập trung xây dựng các vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics gắn với các hành lang giao thông. Huy động tối đa nguồn nội lực cho phát triển, kết hợp hài hoà với ngoại lực để phát triển nhanh, bền vững, tự chủ và hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Đổi mới tư duy, tầm nhìn, phát huy sự năng động, sáng tạo của các địa phương trong quy hoạch và quản lý phát triển vùng. Tăng cường đổi mới liên kết vùng trên cơ sở xây dựng cơ chế liên kết và điều phối vùng hiệu lực, hiệu quả, thúc đẩy liên kết giữa các địa phương trong vùng, giữa vùng với các vùng khác và các nước tiểu vùng sông Mê Công, ASEAN và thế giới. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp với năng lực, điều kiện thực tế của từng địa phương và tổ chức điều phối vùng. Thực hiện thí điểm những mô hình, cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao, tạo đột phá nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng.

- Xây dựng Đông Nam Bộ trở thành vùng văn minh, hiện đại, hội nhập quốc tế. Phát triển nhanh, bền vững, hài hoà giữa các tiểu vùng, các địa phương trong vùng; các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Nâng cao sức khoẻ, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đặc biệt là người có thu nhập thấp. Thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa các địa phương trong vùng. Phát huy mạnh mẽ truyền thống lịch sử cách mạng, văn hoá, tinh thần tự lực, tự cường của "Miền Đông gian lao mà anh dũng" trong xây dựng và phát triển vùng. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, mở rộng đối ngoại và hợp tác quốc tế.

- Coi trọng công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nhất là công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, trong sạch, tận tuỵ, năng động, sáng tạo, có tư duy đổi mới và có tầm nhìn chiến lược. Tăng cường đoàn kết, thống nhất, thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm nêu gương, trách nhiệm giải trình của người đứng đầu. Triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng, kiện toàn bộ máy quản lý ở các cấp.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, động lực tăng trưởng lớn nhất cả nước; trung tâm khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế có tính cạnh tranh cao trong khu vực. Đi đầu trong đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Phát triển nhanh hệ thống đô thị thông minh và hiện đại. Cơ bản hoàn thành hệ thống giao thông kết nối nội vùng, liên vùng và khu vực; đầu mối giao thương, hội nhập khu vực và thế giới. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế phát triển đứng đầu cả nước. Tình trạng ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn giao thông và ngập úng cơ bản được giải quyết. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện rõ nét và dẫn đầu cả nước. Thành phố Hồ Chí Minh phải là thành phố văn minh, hiện đại, năng động, sáng tạo, là nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân lực

chất lượng cao đến sinh sống và làm việc; trung tâm tài chính quốc tế, phát triển ngang tầm các thành phố lớn trong khu vực Châu Á, đóng vai trò là cực tăng trưởng của vùng; nơi tập trung của các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 8 - 8,5%.

- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 380 triệu đồng, tương đương 14.500 USD; tỉ trọng khu vực dịch vụ chiếm 41,7% trong GRDP, khu vực công nghiệp và xây dựng 45,3% (riêng công nghiệp chế biến, chế tạo 33%), khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm 2,3%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp 10,7%; tỉ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 30 - 35%; tỉ lệ đô thị hoá đạt khoảng 70 - 75%; 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng năng suất lao động đạt khoảng 7%; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 56%.

- Đến năm 2030, tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 40 - 45%; tỉ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 3%; đạt 32 giường bệnh và 11 bác sĩ trên 10.000 dân; tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

- Đến năm 2030, tỉ lệ che phủ rừng đạt khoảng 19,6%; tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 100%, nông thôn là 95%; 100% khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; 95% chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; 98% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Đông Nam Bộ trở thành vùng phát triển, có tiềm lực kinh tế mạnh, cơ cấu kinh tế hiện đại; trung tâm khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao, logistics và trung tâm tài chính quốc tế thuộc nhóm đầu của khu vực và thế giới; kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng, an ninh; có chất lượng cuộc sống cao, có trình độ y tế, giáo dục thuộc nhóm dẫn đầu Đông Nam Á. Thành phố Hồ Chí Minh là hạt nhân, cực tăng trưởng của vùng; nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, nhất là nguồn nhân

lực chất lượng cao, trí thức trẻ đến sinh sống và làm việc; nơi tập trung các định chế tài chính quốc tế, các tập đoàn kinh tế lớn của thế giới. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc; đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường, củng cố vững chắc.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan toả trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng hiện đại, lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm. Đi đầu trong phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ cao cấp, chất lượng cao. Tập trung cơ cấu lại ngành công nghiệp theo chiều sâu, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển mạnh một số ngành công nghiệp: Cơ khí chế tạo, hoá dầu, sản phẩm hạ nguồn của ngành công nghiệp hoá dầu, chế biến sản phẩm từ dầu, hoá chất. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao: Điện tử - viễn thông, công nghiệp sản xuất rô-bốt, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin, công nghiệp hoá phẩm, dược phẩm, chế phẩm sinh học, sản xuất thuốc, vắcxin, công nghiệp vật liệu mới, công nghiệp môi trường và các ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Tăng cường kết nối các khu công nghiệp, khu chế xuất để hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp. Tập trung thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, có khả năng tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển các khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị hiện đại và các khu công nghiệp công nghệ cao. Xây dựng mới một số khu công nghệ thông tin tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh và hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo tại tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu. Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo gắn với bảo vệ môi trường; chuyển dịch nhanh những lĩnh vực công nghiệp, sản xuất sử dụng nhiều tài nguyên, ít hàm lượng giá trị gia tăng sang sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, có hàm lượng giá trị gia tăng cao.

- Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ của khu vực Đông Nam Á về tài chính, thương mại, du lịch, giao lưu quốc tế. Phát triển dịch vụ có chất lượng và giá trị gia tăng cao trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; công nghệ thông tin - viễn thông; khoa học - công nghệ; du lịch; logistics… Phát triển mạnh, đồng bộ hệ thống logistics cấp quốc gia, quốc tế gắn với cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, các trục hành lang kinh tế trọng điểm và tuyến thương mại liên vùng tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, Long Thành, Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai), thị xã Phú Mỹ (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), tỉnh Tây Ninh. Tập trung xây dựng trung tâm logistics hàng không gắn với Cảng hàng không quốc tế Long Thành, đầu tư phát triển hệ thống logistics cảng và cảng trung chuyển quốc tế tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế cửa khẩu quốc tế tại các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, phát triển khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo hướng công nghiệp - đô thị - thương mại - dịch vụ gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Hình thành trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, bền vững, áp dụng quy trình sản xuất an toàn; sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường; sản xuất theo chuỗi từ khâu nuôi trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mã số vùng nuôi trồng sản phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc, gắn với phát triển công nghiệp, du lịch, bảo tồn đa dạng sinh học. Đổi mới phương thức quản trị, tăng cường liên kết, đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có. Phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển, rừng đặc dụng. Tăng cường bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học trong các khu dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, vườn quốc gia Cần Giờ, Bù Gia Mập, Côn Đảo, Cát Tiên, Lò Gò - Xa Mát.

- Phát triển mạnh kinh tế biển, dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp hỗ trợ và các dịch vụ ngành dầu khí và du lịch biển. Phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành trung tâm kinh tế biển quốc gia, bao gồm cả cảng biển du lịch và các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hoá, thể thao, các dịch vụ vui chơi giải trí chất lượng cao. Tiểu vùng trung tâm gồm Thành phố Hồ Chí Minh, khu vực phía Nam tỉnh Bình Dương và Tây Nam tỉnh Đồng Nai là trung tâm phát triển của toàn vùng; nổi bật với các thế mạnh về công nghiệp công nghệ cao và chuyên sâu, dịch vụ chất lượng cao, giáo dục - đào tạo, y tế và đầu mối giao thương với quốc tế. Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị hạt nhân, tập trung chuyển nhanh sang dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ tài chính quốc tế. Tiểu vùng ven biển gồm khu vực Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh) và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là khu vực

phát triển mạnh các ngành kinh tế biển: Cảng biển, logistics, khai thác dầu khí, hoá dầu, du lịch biển, đảo, khai thác, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản. Hình thành khu thương mại tự do gắn với cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ. Phát triển thành phố Vũng Tàu thành trung tâm du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế. Tiểu vùng phía Bắc gồm các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước và khu vực phía Bắc của các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương là khu phát triển kinh tế cửa khẩu, kho vận, mở rộng không gian phát triển công nghiệp của vùng; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, trồng cây công nghiệp, có vai trò quan trọng trong bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học.

2. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Tạo sự thống nhất cao ở tất cả các cấp, các ngành về yêu cầu cấp bách phải đẩy mạnh hợp tác, liên kết nội vùng, liên vùng, tạo không gian kinh tế thống nhất, khắc phục các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng.

- Nghiên cứu xây dựng, thể chế hoá cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng và với đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, duyên hải Trung Bộ. Tham gia tích cực các hoạt động hợp tác quốc tế trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN với các đối tác, các nước trong khu vực và các định chế quốc tế khác, nhằm thu hút nguồn lực vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển của vùng.

- Thực hiện thí điểm phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường và tổ chức bộ máy, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng. Thí điểm một số cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế. Dành phần thích đáng ngân sách nhà nước cùng với nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, quan trọng, trọng điểm, có sức lan toả, làm nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững. Đẩy mạnh khai thác quỹ đất hình thành từ hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để tái đầu tư phát triển.

- Phân cấp, phân quyền cho các địa phương trong vùng đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, thành phố, đặc biệt là các công trình giao thông đường bộ, đường sắt, hàng không để phát huy tính chủ động của các địa phương trong huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Xây dựng quy hoạch vùng và địa phương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số, đô thị thông minh. Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, cạnh tranh vượt trội, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hoàn thiện thể chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án; nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian xử lý tranh chấp, thi hành án trong lĩnh vực dân sự, hành chính, đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng.

3. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị

- Phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế vùng. Chủ động, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, sinh học, tự động hoá, vật liệu mới. Nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học - công nghệ, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành.

- Hình thành trung tâm nghiên cứu đạt tiêu chuẩn quốc tế ở một số trường đại học; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học thành lập doanh nghiệp khoa học - công nghệ hợp tác với doanh nghiệp để sớm chuyển giao công nghệ và kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn. Có cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ, từng bước nắm bắt và làm chủ công nghệ, phát triển các sản phẩm chủ lực. Phát triển và ứng dụng công nghệ số, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin; hình thành và đẩy mạnh phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai. Tập trung phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, thông minh; xây dựng hạ tầng số và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin. Kết nối hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương trong vùng và cả nước.

- Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông. Tập trung hoàn thiện mạng lưới giao thông vận tải theo quy hoạch, trong đó tập trung phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc, đường vành đai Thành phố Hồ Chí Minh; đầu tư, nâng cấp các cảng hàng không, đặc biệt là cảng hàng không đầu mối của khu vực; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đường thuỷ nội địa, chú trọng kết nối các trung tâm đầu mối với hành lang vận tải thuỷ chính của vùng; nâng cao năng lực của hệ thống cảng biển; quan tâm phát triển giao thông đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến đường sắt đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển. Tập trung xử lý căn bản ô nhiễm môi trường, quá tải hạ tầng xã hội, y tế, giáo dục, nhất là tắc nghẽn giao thông, ngập úng ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đến năm 2026 hoàn thành đường vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh và mở rộng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất. Phấn đấu đến năm 2030: Hoàn thành đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình giao thông theo quy hoạch đã được duyệt như Biên Hoà - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành, Dầu Giây - Liên Khương, Gò Dầu - Xa Mát, Chơn Thành - Đức Hoà, Chơn Thành - Gia Nghĩa; nâng cấp, mở rộng hệ thống cao tốc, quốc lộ: Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, tuyến kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành (Quốc lộ 20B). Đầu tư hoàn thiện hệ thống đường ven biển qua tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy nhanh, hoàn thành các tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt đô thị kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành; nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt vận tải hàng hoá Biên Hoà - Vũng Tàu kết nối với Cảng biển Cái Mép - Thị Vải; Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ. Cải tạo cơ bản đạt cấp kỹ thuật các tuyến luồng đường thuỷ nội địa; hình thành các cụm cảng phục vụ nhu cầu thu gom, giải toả hàng hoá cho các cảng biển lớn trong vùng; tiếp tục phát triển, hiện đại hoá Cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải thành cảng quốc tế trung chuyển lớn, có tầm cỡ khu vực Châu Á và quốc tế; xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn thành di dời các cảng trên sông Sài Gòn, phát triển hệ thống cảng cạn theo quy hoạch; đưa vào khai thác Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1; đầu tư mở rộng Cảng hàng không Côn Đảo; sớm khôi phục, nâng cấp Cảng hàng không Biên Hoà thành lưỡng dụng cấp 4E.

- Nâng cao chất lượng đô thị, bảo đảm hiện đại, thông minh, kết nối với các đô thị lớn trong khu vực và trên thế giới; thực hiện đồng bộ các chính sách giảm tải cho các đô thị lớn, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh; thực hiện hiệu quả mô hình thành phố trực thuộc thành phố; phát triển các khu kinh tế gắn với các đô thị trọng điểm và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở khu vực đô thị động lực. Nghiên cứu chuyển đổi chức năng các khu công nghiệp, khu chế xuất khi hết thời hạn sử dụng đất, không phù hợp với quy hoạch. Tập trung xây dựng nhà ở cho người lao động có thu nhập thấp và lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Hình thành vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics dọc hành lang vành đai 3, vành đai 4 và các tuyến cao tốc của vùng. Phát triển chuỗi công nghiệp - đô thị Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Cảng Cái Mép - Thị Vải gắn với hành lang kinh tế Xuyên Á. Hạn chế tăng thêm khu công nghiệp tại các khu vực đô thị trung tâm của vùng. Phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - dịch vụ - đô thị tại thành phố mới Phú Mỹ, thành phố sân bay cửa ngõ quốc tế Long Thành và Khu liên hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bình Dương.

4. Phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá - xã hội tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Đầu tư thích đáng cho phát triển văn hoá, thể dục, thể thao, bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hoá đặc trưng của Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ gắn với phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch và phát triển các trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí chất lượng cao mang tầm khu vực và quốc tế; góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Kết hợp phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách dân tộc, tôn giáo.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đi đầu trong thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục - đào tạo, đặc biệt là thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông và giáo dục đại học; phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Việt - Đức và một số trường đại học lớn theo hướng trọng tâm, trọng điểm đạt trình độ tiên tiến, thuộc nhóm hàng đầu Châu Á.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường. Có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài làm việc trong vùng. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của khu vực ASEAN trong một số ngành, lĩnh vực có thế mạnh; các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp vùng và quốc gia.

- Tăng cường chăm sóc sức khoẻ nhân dân với hệ thống y tế chất lượng, tiếp cận được dịch vụ kỹ thuật cao, mở rộng tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế. Quan tâm đầu tư hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng. Tăng cường đầu tư phát triển các bệnh viện tuyến Trung ương đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, các bệnh viện đa khoa cấp vùng, các bệnh viện, trung tâm y tế chuyên sâu có tầm cỡ khu vực và quốc tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh trong và ngoài nước. Phát triển bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện trung ương tại các đô thị tỉnh lỵ như: Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh. Nghiên cứu đầu tư phát triển Trung tâm kiểm soát bệnh tật vùng để đảm nhận vai trò hỗ trợ Trung tâm kiểm soát bệnh tật cho các tỉnh lân cận và có khả năng liên kết quốc tế.

- Tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường các biện pháp thanh tra, kiểm tra và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Đẩy mạnh phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, chất thải, nước thải đạt chuẩn môi trường gắn với các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

5. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại kết hợp với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo đảm an ninh kinh tế trong tình hình mới. Thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm quốc phòng giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, củng cố vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình"; phòng ngừa, vô hiệu hoá âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; chủ động phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm. Hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, tập trung trên tuyến biên giới và vùng biển, đảo; xây dựng tuyến biên giới hoà bình, hữu nghị. Xây dựng các chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới; hải đội dân quân thường trực. Tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả các khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ theo quy hoạch; hoàn thành đường tuần tra biên giới; phối hợp với Cam-pu-chia thực hiện phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền, tiếp giáp với vùng.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của vùng trong tình hình mới. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, bảo đảm ổn định an ninh chính trị, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, phục vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và đối ngoại.

- Phát huy tối đa vị thế, lợi thế về vị trí địa chính trị trong công tác đối ngoại để đẩy mạnh và không ngừng nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển kinh tế - xã hội và giao lưu quốc tế với các nước trên thế giới, nhất là các nước trong tiểu vùng sông Mê Công, các nước ASEAN; chủ động triển khai, mở rộng các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn.

6. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị của các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ thực sự trong sạch, vững mạnh. Đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu; triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Thực hiện có hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền; nâng cao đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, trong sạch, tận tuỵ, năng động, sáng tạo, có tư duy đổi mới, có tầm nhìn chiến lược, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng, ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân cả nước, nhất là các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: Ban hành Chương trình hành động triển khai Nghị quyết và xây dựng Quy hoạch vùng, địa phương; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng; điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng Đông Nam Bộ.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, chủ động phối hợp với các địa phương vùng Đông Nam Bộ để thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 154/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 110

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Nghị quyết số 154 /NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai quyết liệt, hiệu quả tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức các bộ, cơ quan trung ương và địa phương vùng Đông Nam Bộ về tầm quan trọng của việc triển khai Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị nhằm khai thác, phát huy hiệu quả, tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trong vùng nói riêng và của vùng Đông Nam Bộ nói chung, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội cả nước.

3. Phát huy vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo nguyên tắc phân công phân nhiệm rõ ràng, tập trung, dân chủ, phối hợp chặt chẽ gắn với trách nhiệm của từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong vùng Đông Nam Bộ và đảm bảo tính khả thi. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ gắn với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát nhằm phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường của các địa phương trong vùng.

4. Phấn đấu một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 8 - 8,5%. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 380 triệu đồng, tương đương 14.500 USD; tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm 41,7% trong GRDP, khu vực công nghiệp và xây dựng 45,3% (riêng công nghiệp chế biến chế tạo 33%), khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,3%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp 10,7%; tỷ trọng kinh tế số trong GRDP khoảng 30 - 35%; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 70 - 75%; 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Giai đoạn 2021 - 2030, tốc độ tăng năng suất lao động đạt khoảng 7%; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 56%.

- Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt khoảng 40 - 45%; tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức dưới 3%; đạt 32 giường bệnh và 11 bác sĩ trên 10.000 dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

- Đến năm 2030, tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 19,6%; tỷ lệ cư dân đô thị đang sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung là 100%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của nông thôn là 95%; đạt 100% tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; đạt 95% tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định; đạt 98% tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nêu trên, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị

- Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương vùng Đông Nam Bộ khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, nâng tầm tư duy và tạo sự đồng thuận, quyết tâm cao của các ngành, các cấp về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương vùng Đông Nam Bộ chủ động phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, kế

hoạch hành động thực hiện Nghị quyết với quy mô sâu rộng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và áp dụng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng để đạt hiệu quả cao nhất.

2. Phát triển nhanh, bền vững tạo bước đột phá, lan toả trong phát triển kinh tế vùng, liên vùng

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng hiện đại, lấy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm. Đi đầu trong phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số, các ngành dịch vụ cao cấp, chất lượng cao. Tập trung cơ cấu lại ngành công nghiệp theo chiều sâu, tạo đột phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển mạnh một số ngành công nghiệp: Cơ khí chế tạo, hoá dầu, sản phẩm hạ nguồn của ngành công nghiệp hoá dầu, chế biến sản phẩm từ dầu, hoá chất. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ số: Điện tử - viễn thông, công nghiệp sản xuất rô-bốt, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa, công nghiệp sản xuất phần mềm, sản phẩm số, công nghiệp an toàn thông tin mạng, công nghiệp hoá phẩm, dược phẩm, chế phẩm sinh học, sản xuất thuốc, văcxin, công nghiệp vật liệu mới, công nghiệp môi trường và các ngành công nghiệp hỗ trợ.

- Tăng cường kết nối các khu công nghiệp, khu chế xuất để hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp. Tập trung thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao, có khả năng tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển các khu công nghiệp - dịch vụ - đô thị hiện đại và các khu công nghiệp công nghệ cao. Xây dựng mới một số khu công nghệ thông tin, công nghệ số tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh và hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, công nghệ số, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo tại tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu. Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo gắn với bảo vệ môi trường; chuyển dịch nhanh những lĩnh vực công nghiệp, sản xuất sử dụng nhiều tài nguyên, ít hàm lượng giá trị gia tăng sang sử dụng công nghệ cao, thân thiện môi trường, có hàm lượng giá trị gia tăng cao.

- Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ của khu vực Đông Nam Á về tài chính, thương mại, du lịch, giao lưu quốc tế. Phát triển dịch vụ có chất lượng và giá trị gia tăng cao trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; công nghệ thông tin, công nghệ số, viễn thông; khoa học - công nghệ; du lịch; logistics... Phát triển mạnh, đồng bộ hệ thống logistics cấp quốc gia, quốc tế gắn với cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, các trục hành lang kinh tế trọng điểm và tuyến thương mại liên vùng tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, Long Thành, Nhơn Trạch (tỉnh Đồng Nai), thị xã Phú Mỹ (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), tỉnh Tây Ninh. Tập trung xây dựng trung tâm logistics hàng không gắn với cảng hàng không quốc tế Long Thành, đầu

tư phát triển hệ thống logistics cảng và cảng trung chuyển quốc tế tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế cửa khẩu quốc tế tại các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, phát triển khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo hướng công nghiệp - đô thị - thương mại - dịch vụ gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Hình thành trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, bền vững, áp dụng quy trình sản xuất an toàn; sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường; sản xuất theo chuỗi từ khâu nuôi trồng đến chế biến, tiêu thụ sản phẩm; xây dựng mã số vùng nuôi trồng sản phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc, gắn với phát triển công nghiệp, du lịch, bảo tồn đa dạng sinh học. Đổi mới phương thức quản trị, tăng cường liên kết, đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có. Phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển, rừng đặc dụng. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tại các khu di sản thiên nhiên vùng Đông Nam Bộ (các khu dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, vườn quốc gia Cần Giờ, Bù Gia Mập, Côn Đảo, Cát Tiên, Lò Gò - Xa Mát).

- Phát triển mạnh kinh tế biển, dịch vụ hậu cần cảng biển, dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí, công nghiệp hỗ trợ và các dịch vụ ngành dầu khí và du lịch biển. Phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành trung tâm kinh tế biển quốc gia, bao gồm cả cảng biển du lịch và các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, văn hoá, thể thao, các dịch vụ vui chơi giải trí chất lượng cao. Tiểu vùng trung tâm gồm Thành phố Hồ Chí Minh, khu vực phía Nam tỉnh Bình Dương và Tây Nam tỉnh Đồng Nai là trung tâm phát triển của toàn vùng; nổi bật với các thế mạnh về công nghiệp công nghệ cao và chuyên sâu, dịch vụ chất lượng cao, giáo dục - đào tạo, y tế và đầu mối giao thương với quốc tế. Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị hạt nhân, tập trung chuyển nhanh sang dịch vụ chất lượng cao, dịch vụ tài chính quốc tế. Tiểu vùng ven biển gồm khu vực Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh) và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là khu vực phát triển mạnh các ngành kinh tế biển: Cảng biển, logistics, khai thác dầu khí, hoá dầu, du lịch biển, đảo, khai thác, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản. Hình thành khu thương mại tự do gắn với cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ. Phát triển thành phố Vũng Tàu thành trung tâm du lịch chất lượng cao đẳng cấp quốc tế. Tiểu vùng phía Bắc gồm các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước và khu vực phía Bắc của các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương là khu phát triển kinh tế cửa khẩu, kho vận, mở rộng không gian phát triển công nghiệp của vùng; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, trồng cây công nghiệp, có vai trò quan trọng trong bảo vệ nguồn nước, hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học.

- Khai thác mạnh mẽ tiềm năng, lợi thế, đa dạng hóa loại hình du lịch khu vực Đông Nam Bộ (du lịch tâm linh, lịch sử truyền thống, sinh thái, du

lịch biển...), thúc đẩy liên kết, nâng cao chuỗi giá trị du lịch của vùng, hình thành các khu du lịch mang tầm quốc tế.

3. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách và đẩy mạnh phát triển liên kết vùng

- Tạo sự thống nhất cao ở tất cả các cấp, các ngành về yêu cầu cấp bách phải đẩy mạnh hợp tác, liên kết nội vùng, liên vùng, tạo không gian kinh tế thống nhất, khắc phục các điểm nghẽn, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao khả năng cạnh tranh vùng.

- Nghiên cứu xây dựng, thể chế hoá cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng và với đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, duyên hải Trung Bộ. Phát triển các trục hành lang kinh tế trọng điểm lấy Thành phố Hồ Chí Minh làm trọng tâm, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn, tham gia các chuỗi sản xuất, cung ứng khu vực cũng như toàn cầu. Tham gia tích cực các hoạt động hợp tác quốc tế trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN với các đối tác, các nước trong khu vực và các định chế quốc tế khác, nhất là các cơ chế hợp tác của tiểu vùng Mê Công nhằm thu hút nguồn lực vào các lĩnh vực ưu tiên phát triển của vùng.

- Thực hiện thí điểm phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường và tổ chức bộ máy, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng. Thí điểm một số cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế. Dành phần thích đáng ngân sách nhà nước cùng với nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, quan trọng, trọng điểm, có sức lan toả, làm nền tảng cho phát triển nhanh và bền vững. Đẩy mạnh khai thác quỹ đất hình thành từ hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông để tái đầu tư phát triển.

- Phân cấp, phân quyền cho các địa phương trong vùng đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng do trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh, thành phố, đặc biệt là các công trình giao thông đường bộ, đường sắt, hàng không để phát huy tính chủ động của các địa phương trong huy động tối đa mọi nguồn lực cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Xây dựng quy hoạch vùng và địa phương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số, đô thị thông minh. Tăng

cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi, cạnh tranh vượt trội, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Hoàn thiện thể chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án; nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian xử lý tranh chấp, thi hành án trong lĩnh vực dân sự, hành chính, đầu tư, kinh doanh, thương mại và bảo vệ người tiêu dùng.

4. Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoàn thiện kết cấu hạ tầng, đô thị

- Phát triển khoa học - công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế vùng. Chủ động, đẩy mạnh nghiên cứu phát triển công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, sinh học, tự động hoá, vật liệu mới. Nâng cao chất lượng đội ngũ nghiên cứu khoa học - công nghệ, nhất là các chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành.

- Hình thành trung tâm nghiên cứu đạt tiêu chuẩn quốc tế ở một số trường đại học; khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học thành lập doanh nghiệp khoa học - công nghệ hợp tác với doanh nghiệp để sớm chuyển giao công nghệ và kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn. Có cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ, từng bước nắm bắt và làm chủ công nghệ, phát triển các sản phẩm chủ lực. Phát triển và ứng dụng công nghệ số, công nghệ sinh học, công nghệ môi trường, thúc đẩy kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, công nghệ số; hình thành và đẩy mạnh phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai. Tập trung phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, thông minh; xây dựng hạ tầng số và hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu vùng bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin. Kết nối hiệu quả các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương trong vùng và cả nước.

- Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông. Tập trung hoàn thiện mạng lưới giao thông vận tải theo quy hoạch, trong đó tập trung phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc, đường vành đai Thành phố Hồ Chí Minh; đầu tư, nâng cấp các cảng hàng không, đặc biệt là cảng hàng không đầu mối của khu vực; tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đường thuỷ nội địa, chú trọng kết nối các trung tâm đầu mối với hành lang vận tải thuỷ chính của vùng; nâng cao năng lực của hệ thống cảng

biển; quan tâm phát triển giao thông đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến đường sắt đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh. Kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển. Tập trung xử lý căn bản ô nhiễm môi trường, quá tải hạ tầng xã hội, y tế, giáo dục, nhất là tắc nghẽn giao thông, ngập úng ở Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đến năm 2026 hoàn thành đường vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh và mở rộng Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất. Phấn đấu đến năm 2030: Hoàn thành đường vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh; tập trung nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình giao thông theo quy hoạch đã được duyệt như Biên Hoà - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành, Dầu Giây - Liên Khương, Gò Dầu - Xa Mát, Chơn Thành - Đức Hoà, Chơn Thành - Gia Nghĩa; nâng cấp, mở rộng hệ thống cao tốc, quốc lộ: Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương, Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, tuyến kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành (Quốc lộ 20B). Đầu tư hoàn thiện hệ thống đường ven biển qua tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy nhanh, hoàn thành các tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, tuyến đường sắt đô thị kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành; nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt vận tải hàng hóa Biên Hoà - Vũng Tàu kết nối với Cảng biển Cái Mép - Thị Vải; Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ. Cải tạo cơ bản đạt cấp kỹ thuật các tuyến luồng đường thuỷ nội địa; hình thành các cụm cảng phục vụ nhu cầu thu gom, giải toả hàng hoá cho các cảng biển lớn trong vùng; tiếp tục phát triển, hiện đại hoá Cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải thành cảng quốc tế trung chuyển lớn nhất, có tầm cỡ khu vực châu Á và quốc tế; xây dựng Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn thành di dời các cảng trên sông Sài Gòn, phát triển hệ thống cảng cạn theo quy hoạch; đưa vào khai thác Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1; đầu tư mở rộng Cảng hàng không Côn Đảo; sớm khôi phục, nâng cấp cảng hàng không Biên Hoà thành lưỡng dụng cấp 4E.

- Nâng cao chất lượng đô thị, bảo đảm hiện đại, thông minh, kết nối với các đô thị lớn trong khu vực và trên thế giới; xây dựng chương trình phát triển đô thị, tập trung ưu tiên đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đô thị theo các tiêu chuẩn đánh giá phân loại đô thị và định hướng kết nối các đô thị trong vùng và khu vực thế giới; hạn chế mở rộng phát triển đô thị trên diện rộng, đặc biệt tại các khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Xây dựng và phát triển các cực tăng trưởng tại các đô thị trọng điểm tại các vùng có địa hình cao trên các trục hành lang kinh tế trọng điểm, các tuyến đường vành đai quan trọng và ở khu vực ngoại vi.

- Thực hiện đồng bộ các chính sách giảm tải cho các đô thị lớn, thúc đẩy phát triển các đô thị vệ tinh; xây dựng và phát triển các cực tăng trưởng tại

các đô thị trọng điểm tại các vùng có địa hình cao trên các trục hành lang kinh tế trọng điểm, các tuyến đường vành đai quan trọng và ở khu vực ngoại vi; hình thành hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại và các công trình hạ tầng cấp vùng; duy trì và bảo vệ các vùng sinh thái, cảnh quan tự nhiên đặc trưng, nguồn nước và các hành lang xanh trong vùng.

- Thực hiện hiệu quả mô hình thành phố trực thuộc thành phố; phát triển các khu kinh tế gắn với các đô thị trọng điểm và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở khu vực đô thị động lực. Nghiên cứu chuyển đổi chức năng các khu công nghiệp, khu chế xuất khi hết thời hạn sử dụng đất, không phù hợp với quy hoạch. Tập trung xây dựng nhà ở cho người lao động có thu nhập thấp và lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất; bố trí quỹ đất để làm nhà lưu trú, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng phục vụ người lao động làm việc tại các doanh nghiệp trong khu công nghiệp. Coi nhà ở công nhân là một hạ tầng thiết yếu của các khu công nghiệp; đổi mới phương thức, mô hình quản lý và phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp. Tiếp tục có chính sách khuyến khích, ưu đãi về thuế đối với các dự án cung cấp dịch vụ xã hội đô thị ở các khu kinh tế, các vùng công nghiệp lớn.

- Hình thành vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics dọc hành lang vành đai 3, vành đai 4 và các tuyến cao tốc của vùng. Phát triển chuỗi công nghiệp - đô thị Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - Cảng Cái Mép - Thị Vải gắn với hành lang kinh tế Xuyên Á. Hạn chế tăng thêm khu công nghiệp tại các khu vực đô thị trung tâm của vùng. Phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - dịch vụ - đô thị tại thành phố mới Phú Mỹ, thành phố sân bay cửa ngõ quốc tế Long Thành và Khu liên hợp công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bình Dương.

5. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hoá - xã hội tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Đầu tư thích đáng cho phát triển văn hoá, thể dục, thể thao, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá đặc trưng của Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ gắn với phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch và phát triển các trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí chất lượng cao mang tầm khu vực và quốc tế; góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Kết hợp phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chính sách dân tộc, tôn giáo.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đi đầu trong thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện

giáo dục - đào tạo, đặc biệt là thực hiện đổi mới giáo dục phổ thông và giáo dục đại học; phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Việt - Đức và một số trường đại học lớn theo hướng trọng tâm, trọng điểm đạt trình độ tiên tiến, thuộc nhóm hàng đầu châu Á.

- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường. Có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài làm việc trong vùng. Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của khu vực ASEAN trong một số ngành, lĩnh vực có thế mạnh; các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp vùng và quốc gia.

- Tăng cường chăm sóc sức khoẻ nhân dân với hệ thống y tế chất lượng, tiếp cận được dịch vụ kỹ thuật cao, mở rộng tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế. Quan tâm đầu tư hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng. Tăng cường đầu tư phát triển các bệnh viện tuyến trung ương đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, các bệnh viện đa khoa cấp vùng, các bệnh viện, trung tâm y tế chuyên sâu có tầm cỡ khu vực và quốc tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh trong và ngoài nước. Tiếp tục duy trì, phát triển, nâng cao năng lực và đảm bảo hiệu quả hoạt động bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện trung ương tại các đô thị tỉnh lỵ như: Biên Hoà, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Tây Ninh. Nghiên cứu đầu tư phát triển Trung tâm kiểm soát bệnh tật vùng để đảm nhận vai trò hỗ trợ Trung tâm kiểm soát bệnh tật cho các tỉnh lân cận và có khả năng liên kết quốc tế.

- Tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường các biện pháp thanh tra, kiểm tra và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai và sông Sài Gòn. Đẩy mạnh phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, chất thải, nước thải đạt chuẩn môi trường gắn với các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

6. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại kết hợp với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo đảm an ninh kinh tế trong tình hình mới. Thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm quốc phòng giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình";

phòng ngừa, vô hiệu hoá âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; chủ động phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm. Hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, tập trung trên tuyến biên giới và vùng biển, đảo; xây dựng tuyến biên giới hoà bình, hữu nghị. Xây dựng các chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới; hải đội dân quân thường trực. Tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả các khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ theo quy hoạch; hoàn thành đường tuần tra biên giới; phối hợp với Cam-pu-chia thực hiện phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền, tiếp giáp với vùng.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của vùng trong tình hình mới. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, bảo đảm ổn định an ninh chính trị, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, phục vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và đối ngoại.

- Phát huy tối đa vị thế, lợi thế về vị trí địa chính trị trong công tác đối ngoại, để đẩy mạnh và không ngừng nâng cao hiệu quả hợp tác phát triển kinh tế - xã hội và giao lưu quốc tế với các nước trên thế giới, nhất là các nước tiểu vùng sông Mê Công, các nước ASEAN; chủ động triển khai, mở rộng các hoạt động giao lưu nhân dân với các nước bạn.

- Nghiên cứu thúc đẩy các hợp tác, thu hút và tranh thủ các nguồn lực với các nước trong khu vực và các đối tác phát triển của các cơ chế hợp tác phát triển tiểu vùng Mê Công, đặc biệt là trong cơ chế Mê Công - Nhật Bản, Mê Công - Hàn Quốc, Hợp tác Kinh tế tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) với mục tiêu phát triển bền vững, ứng phó biến đổi khí hậu và các hiện tượng thời tiết cực đoan vùng Đông Nam Bộ.

7. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị của các địa phương trong vùng Đông Nam Bộ thực sự trong sạch, vững mạnh. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu; triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Thực hiện có hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; xây dựng mô hình chính quyền đô thị hiện đại; nâng cao hiệu

lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền; nâng cao đạo đức cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ; kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, trong sạch, tận tuy, năng động, sáng tạo, có tư duy đổi mới, có tầm nhìn chiến lược, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đổi mới công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng, ý chí tự lực, tự cường của nhân dân trong vùng.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 31 tháng 12 năm 2022, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ, giải pháp và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà

nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp chặt chẽ với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này.



Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 154 /NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	GIAI ĐOẠN 2021 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân	%		8 - 8,5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Cơ cấu GRDP của Vùng				Bộ Kế hoạch và Đầu tư
-	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,3		
-	Công nghiệp - xây dựng	%	45,3		
	Trong đó: riêng công nghiệp chế biến chế tạo	%	33,0		
-	Dịch vụ	%	41,7		
-	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	%	10,7		
3	GRDP bình quân đầu người	triệu đồng	380		Bộ Kế hoạch và Đầu tư
4	Tỉ trọng kinh tế số trong GRDP	%	30 - 35		Bộ Thông tin và Truyền thông
5	Tỉ lệ đô thị hóa	%	70 - 75		Bộ Xây dựng
6	Tỉ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	100		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Tốc độ tăng năng suất lao động	%		7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
8	Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng	%		56	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
9	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ	%	40 - 45		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
10	Tỉ lệ thất nghiệp	%	< 3		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	GIAI ĐOẠN 2021 - 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	giường bệnh	32		Bộ Y tế
12	Số bác sỹ trên 10.000 dân	bác sỹ	11		Bộ Y tế
13	Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	>95		
14	Tỉ lệ che phủ rừng	%	19,6		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
15	Tỉ lệ cư dân đô thị đang sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung	%	100		Bộ Xây dựng
16	Tỉ lệ sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh của nông thôn	%	95		Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
17	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100		Bộ Tài nguyên và Môi trường
18	Tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định	%	95		Bộ Tài nguyên và Môi trường
19	Tỉ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định	%	98		Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục II

NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 154 /NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
I	**PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG TẠO BƯỚC ĐỘT PHÁ, LAN TỎA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG, LIÊN VÙNG**					
1	Đề án xây dựng vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu	Bộ Thông tin và Truyền Thông	Các cơ quan liên quan	2023 - 2025	Thủ tướng Chính phủ	
2	Đề án phát triển khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài theo hướng công nghiệp - đô thị - thương mại - dịch vụ gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh	UBND tỉnh Tây Ninh	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
3	Đề án phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động các khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Bình Phước	UBND tỉnh Bình Phước	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
4	Đề án trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.	UBND TP Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
5	Đề án tăng cường công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học tại các khu di sản thiên nhiên vùng Đông Nam Bộ (các khu dự trữ sinh quyển, rừng ngập mặn, rừng đặc dụng, vườn quốc gia Cần Giờ, Bù Gia Mập, Côn Đảo, Cát Tiên, Lò Gò - Xa Mát)	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
6	Đề án phát triển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thành trung tâm kinh tế biển quốc gia	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
7	Đề án nghiên cứu khu thương mại tự do gắn với cảng biển tại khu vực Cái Mép Hạ	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Các cơ quan liên quan	2023	Chính phủ	
II	**TẬP TRUNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT VÙNG**					
8	Điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng Đông Nam Bộ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Chính phủ	
9	Xây dựng thể chế, cơ chế điều phối, liên kết phát triển vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	
10	Đề án về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
11	Đề án thí điểm một số chính sách đột phá, vượt trội, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành trung tâm tài chính quốc tế của khu vực và quốc tế	UBND TP Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan	2023	Chính phủ	
12	Lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	
13	Lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	UBND các địa phương trong vùng	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
III	**PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ HOÀN THIỆN KẾT CẤU HẠ TẦNG, ĐÔ THỊ**					
14	Đề án hình thành và đẩy mạnh phát triển trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
15	Đề án hình thành trung tâm dữ liệu vùng để phục vụ phát triển các trung tâm tài chính, đáp ứng nhu cầu của khu vực và quốc tế	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
16	Đề án kết nối các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương trong vùng	UBND TP Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
17	Đề án tiếp tục phát triển, hiện đại hóa Cảng cửa ngõ quốc tế Cái Mép - Thị Vải thành cảng quốc tế trung chuyển lớn nhất cả nước và có tầm cỡ khu vực Châu Á và thế giới	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Bộ Giao thông vận tải, các cơ quan liên quan, các địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
18	Đề án nghiên cứu xây dựng cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
19	Đề án chuyển đổi chức năng khu công nghiệp, khu chế xuất khi hết thời hạn sử dụng đất, không phù hợp quy hoạch	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
20	Đề án hình thành vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics dọc hành lang vành đai 3, vành đai 4 và các tuyến cao tốc của Vùng	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
21	Đề án Phát triển chuỗi công nghiệp - đô thị Mộc Bài - Thành phố Hồ Chí Minh - cảng Cái Mép - Thị Vải gắn với hành lang kinh tế Xuyên Á.	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
22	Đề án Phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - dịch vụ - đô thị tại thành phố mới Phú Mỹ	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
23	Đề án Phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bình Dương	UBND tỉnh Bình Dương	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
24	Đề án phát triển các tổ hợp quy mô lớn về công nghiệp - dịch vụ - đô thị sân bay Long Thành	UBND tỉnh Đồng Nai	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
IV	**PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN**					
25	Đề án phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thuộc nhóm các cơ sở giáo dục đại học hàng đầu châu Á	Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	
26	Đề án phát triển một số trường đại học lớn theo hướng đạt trình độ tiên tiến của nhóm các trường hàng đầu hàng đầu trong khu vực châu Á	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023 - 2024	Thủ tướng Chính phủ	
27	Đề án Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thành nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của khu vực ASEAN trong một số ngành, lĩnh vực có thế mạnh	UBND TP Hồ Chí Minh	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
28	Đề án phát triển tỉnh Bình Dương thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia và vùng.	UBND tỉnh Bình Dương	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ	
29	Đề án phát triển tỉnh Đồng Nai thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp quốc gia và vùng	UBND tỉnh Đồng Nai	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
30	Đề án nghiên cứu đầu tư phát triển Trung tâm kiểm soát bệnh tật vùng để đảm nhận vai trò hỗ trợ Trung tâm kiểm soát bệnh tật cho các tỉnh lân cận và có khả năng liên kết quốc tế	UBND các tỉnh, thành phố trong vùng	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
31	Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai và sông Sài Gòn	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ	
V	**BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH, NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC ĐỐI NGOẠI**					
32	Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm quốc phòng giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	GHI CHÚ
33	Hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, tập trung trên tuyến biên giới và vùng biển, đảo; xây dựng tuyến biên giới hòa bình, hữu nghị	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	
34	Tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả các khu kinh tế quốc phòng trên địa bàn vùng Đông Nam Bộ theo quy hoạch; hoàn thành đường tuần tra biên giới	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	
35	Tiếp tục phối hợp với Campuchia thực hiện phân giới cắm mốc trên đất liền và thúc đẩy phân định biên giới trên biển	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ	

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG VÙNG ĐÔNG NAM BỘ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 24-NQ/TW NGÀY 07 THÁNG 10 NĂM 2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 154 /NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Xây dựng mới một số khu công nghệ thông tin tập trung tại Thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
2	Xây dựng Trung tâm logistics hàng không gắn với sân bay quốc tế Long Thành	UBND tỉnh Đồng Nai	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
3	Đầu tư phát triển hệ thống logistics cảng tại Bà Rịa - Vũng Tàu	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
4	Đầu tư phát triển hệ thống logistics cảng tại Thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
5	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2026	
6	Mở rộng cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2026	
7	Đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 Thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
8	Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu giai đoạn 1	Bộ GTVT và địa phương liên quan	NSNN	2022 - 2026	
9	Đầu tư xây dựng cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài	UBND TP Hồ Chí Minh và UBND tỉnh Tây Ninh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2027	
10	Đầu tư xây dựng cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành	UBND tỉnh Bình Dương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
11	Đầu tư xây dựng cao tốc Dầu Giây - Liên Khương	Bộ GTVT và địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
12	Đầu tư xây dựng cao tốc Gò Dầu - Xa Mát	UBND tỉnh Tây Ninh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	Tiến độ cụ thể sẽ được xác định tùy thuộc khả năng huy động nguồn vốn và nhu cầu vận tải
13	Đầu tư xây dựng cao tốc Chơn Thành - Đức Hoà	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
14	Đầu tư xây dựng cao tốc Chơn Thành - Gia Nghĩa	UBND tỉnh Bình Phước	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
15	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
16	Nâng cấp, mở rộng cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2027	
17	Đầu tư xây dựng Tuyến kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành (Quốc lộ 20B)	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
18	Đầu tư hoàn thiện tuyến đường bộ ven biển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
19	Đầu tư hoàn thiện tuyến đường bộ ven biển Thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
20	Tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	UBND TP Hồ Chí Minh	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
21	Tuyến đường sắt đô thị kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với Bình Dương, Đồng Nai	UBND TP Hồ Chí Minh và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
22	Tuyến đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành	Bộ GTVT và các địa phương liên quan (UBND TP Hồ Chí Minh; UBND tỉnh Đồng Nai)	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	Tiến độ cụ thể sẽ được xác định tùy thuộc khả năng huy động nguồn vốn và nhu cầu vận tải

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
23	Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt vận tải hàng hóa Biên Hòa - Vũng Tàu kết nối với Cảng biển Cái Mép - Thị Vải	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	Tiến độ cụ thể sẽ được xác định tùy thuộc khả năng huy động nguồn vốn và nhu cầu vận tải
24	Đầu tư tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	Bộ GTVT và các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	Tiến độ cụ thể sẽ được xác định tùy thuộc khả năng huy động nguồn vốn và nhu cầu vận tải
25	Cải tạo cơ bản đạt cấp kỹ thuật các tuyến luồng đường thủy nội địa	Các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
26	Đầu tư di dời các cảng trên sông Sài Gòn	Các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
27	Hoàn thành giai đoạn 1 Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Bộ GTVT	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
28	Đầu tư mở rộng Cảng hàng không Côn Đảo	Bộ GTVT	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
29	Nâng cấp cảng hàng không Biên Hòa thành lưỡng dụng cấp 4E	UBND tỉnh Đồng Nai	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 2353 /QĐ-BKHĐT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

- Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Căn cứ Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế Địa phương và Lãnh thổ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 3 (để t/h);
- Các đ/c Lãnh đạo Bộ (để c/đ);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ KTĐPLT (H03).

BỘ TRƯỞNG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-BKHĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhằm xác định rõ các nội dung công việc cụ thể, thời hạn, tiến độ hoàn thành, kết quả đầu ra, trách nhiệm, cơ chế phối hợp của các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Lãnh đạo Bộ căn cứ các nhiệm vụ Chính phủ giao trong Nghị quyết số 154/NQ-CP và nội dung Quyết định này, chỉ đạo các đơn vị thuộc lĩnh vực phụ trách thực hiện tốt những nhiệm vụ được giao, bảo đảm đạt mục tiêu và yêu cầu; chủ động kiểm tra việc triển khai thực hiện.

2. Trên cơ sở những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể thực hiện Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ:

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ đến từng cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị nhằm đổi mới tư duy và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết, hoàn thành trong tháng 01 năm 2023.

b) Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ và những nhiệm vụ cụ thể được giao tại Kế hoạch hành động này chủ động tổ chức triển khai thực hiện đạt kết quả cao nhất.

c) Thường xuyên trao đổi với các cơ quan, đơn vị liên quan, địa phương trong vùng Đông Nam Bộ để nắm bắt nhu cầu, khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ, nhất là về: liên kết vùng; lập quy hoạch tỉnh; huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển hạ tầng; triển khai thực hiện các dự án quan trọng, liên vùng để đề xuất các giải pháp hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời.

3. Giao Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ:

a) Là đầu mối đôn đốc các đơn vị trong Bộ triển khai các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng. Kịp thời báo cáo, đề xuất Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định các giải pháp tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết này. Trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương vùng Đông Nam Bộ báo cáo Lãnh đạo Bộ trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Xây dựng thể chế, cơ chế điều phối, liên kết phát triển vùng Đông Nam Bộ, thời gian trình quý I năm 2023.

c) Điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng Đông Nam Bộ, thời gian trình quý IV năm 2023.

4. Giao Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với Vụ Tổng hợp Kinh tế quốc dân, Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ, các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan xây dựng Đề án về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt nguồn lực ngoài nhà nước nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng Đông Nam Bộ, thời gian trình quý IV năm 2023.

5. Giao Tổng cục Thống kê chủ trì theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu kinh tế - xã hội vùng Đông Nam Bộ về: Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2030; cơ cấu GRDP của vùng đến năm 2030; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030; Tốc độ tăng năng suất lao động giai đoạn 2021 - 2030; Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng thời kỳ 2021 - 2030. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, địa phương liên quan có Báo cáo đánh giá các chỉ tiêu tại Phụ lục I của Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23/11/2022.

6. Giao Vụ Quản lý quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan:

a) Lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, thời gian trình quý IV năm 2023.

b) Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định và trình phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của các địa phương trong Vùng theo tiến độ quy định tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030; Giám sát việc thực hiện lập quy hoạch tỉnh theo quy định.

7. Giao Văn phòng Bộ:

a) Tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước hằng năm trên cơ sở xây dựng dự toán của các đơn vị để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ của Bộ tại Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị, có phương án báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định.

b) Tổng hợp, đưa các đề án, nhiệm vụ phù hợp của các đơn vị nêu trên vào Chương trình công tác của Bộ hằng năm để làm cơ sở đôn đốc, báo cáo Lãnh đạo Bộ./.









VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Tư duy mới - Tầm nhìn mới - Cơ hội mới - Giá trị mới



Vùng Đồng bằng sông Cửu Long là vùng cực Nam của Tổ quốc - một địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng gồm 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với diện tích tự nhiên khoảng 40.804 km2, chiếm 12,33% diện tích cả nước. Vùng có nhiều tiềm năng, lợi thế cho phát triển; là một trong những đồng bằng lớn nhất, phì nhiêu nhất ở Đông Nam Á và thế giới; là vùng sản xuất và xuất khẩu lương thực, thực phẩm, thuỷ hải sản và trái cây lớn nhất của cả nước; đóng góp khoảng 50% sản lượng lúa, 95% lượng gạo xuất khẩu, gần 65% sản lượng thuỷ sản nuôi trồng, 60% lượng cá cả nước và gần 70% các loại trái cây của cả nước; là khu vực có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt và nhiều vườn cây, rừng cây rộng lớn, với 4 khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia, khu bảo tồn tự nhiên được công nhận là khu Ramsar của thế giới.

Đặc biệt, đây là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hoá và cách mạng, hào hùng và rất vẻ vang; là địa bàn sinh sống, gắn bó đoàn kết lâu đời của cộng đồng các dân tộc Việt, Khơ Me, Hoa, Chăm,... với những nét văn hoá hết sức đặc thù và nền văn minh sông nước độc đáo...

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện đại, sinh thái, văn minh, phát triển nhanh và bền vững, mang đậm bản sắc văn hoá sông nước; là trung tâm kinh tế nông nghiệp xanh, sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao của quốc gia, khu vực và thế giới. Phát triển hệ thống các trung tâm đầu mối về nông nghiệp, các hành lang kinh tế và các đô thị động lực, tập trung các dịch vụ và công nghiệp đa dạng, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tầm nhìn đến năm 2045, là vùng phát triển hiện đại, nhanh và bền vững, toàn diện, sinh thái, văn minh, mang đậm bản sắc văn hoá sông nước....

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 13-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001 - 2020, những năm qua các cấp, các ngành, nhất là các địa phương trong vùng đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của vùng; tư duy về phát triển vùng đã có nhiều đổi mới; tiềm năng, lợi thế của vùng đã từng bước được khai thác hợp lý, phát huy hiệu quả.

Kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long đạt được kết quả khá toàn diện; trở thành vùng trọng điểm nông nghiệp của cả nước với nhiều sản phẩm chủ lực, nhất là lúa, tôm, cá tra, trái cây. Kinh tế tăng trưởng khá với chất lượng được cải thiện; quy mô kinh tế được mở rộng, năm 2020 đạt khoảng 970 nghìn tỉ đồng, chiếm 11,95% tổng GDP cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt mức 56,02 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; nhiều dự án công nghiệp trọng điểm về năng lượng đi vào hoạt động. Chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả quan trọng, năm 2020 60,8% số xã đạt chuẩn quốc gia. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư bằng nhiều nguồn lực, góp phần thay đổi diện mạo của vùng. Nhiều hình thức liên kết, hợp tác vùng được hình thành. Quản lý và khai thác tài nguyên, nhất là tài nguyên nước, bảo vệ môi trường được chú trọng; chủ động hơn trong thích ứng với biến đổi khí hậu. Văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ; chất lượng giáo dục - đào tạo và các chỉ tiêu y tế cơ bản được cải thiện. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 62,8%. Công tác giảm nghèo, thực hiện các chính sách xã hội đạt nhiều kết quả. Đời sống vật chất, tinh

thần của người dân trong vùng không ngừng được cải thiện. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được đẩy mạnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao. Công tác dân tộc và tôn giáo được quan tâm, đạt kết quả quan trọng. Trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững, nhất là an ninh chính trị, an ninh biên giới, bảo vệ vững chắc vùng đất, vùng trời, vùng biển của Tổ quốc. Những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của vùng thời gian qua khẳng định Nghị quyết số 21-NQ/TW đã thực sự đi vào cuộc sống.

Tuy nhiên, kinh tế - xã hội của vùng còn những hạn chế, bất cập và gặp nhiều khó khăn, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Tăng trưởng kinh tế vùng đang chậm lại. Công nghiệp, nhất là công nghiệp công nghệ cao phát triển chậm; khu công nghiệp được thành lập so với số được quy hoạch thấp nhất cả nước. Tỉ trọng xuất khẩu có xu hướng giảm, chủ yếu là xuất khẩu các sản phẩm nông - thuỷ sản giá trị gia tăng thấp. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hạn chế. Khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa trở thành động lực tăng năng suất và nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng. Suy giảm hệ sinh thái, đa dạng sinh học, ô nhiễm môi trường gia tăng; tài nguyên đất đai, tài nguyên rừng đang bị suy thoái. Hạ tầng giao thông vận tải chậm phát triển, thiếu đồng bộ, chưa phát triển đồng đều và liên kết giữa các phương thức vận tải; quy mô và năng lực vận tải thuỷ thấp nhiều so với tiềm năng, lợi thế; quy hoạch cảng biển còn nhiều bất cập, chưa có cảng đầu mối; các trung tâm logistics lớn chưa được hình thành. Hệ thống đô thị manh mún, thiếu liên kết. Hoạt động liên kết vùng, tiểu vùng chưa thực sự hiệu quả. Văn hoá - xã hội còn những bất cập, có nơi vẫn là "vùng trũng" về y tế, giáo dục của cả nước. Tỉ lệ người dân được sử dụng nước sạch thấp; đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn; giảm nghèo chưa bền vững. Công tác dân tộc, tôn giáo còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị ở một số nơi chưa đáp ứng được yêu cầu.

Hạn chế và yếu kém trên chủ yếu là do: Thiên tai, biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, thay đổi dòng chảy sông Mê Công, chặt phá rừng tác động, ảnh hưởng ngày càng nặng nề. Nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng chưa cao; tư duy về liên kết vùng chậm được đổi mới; hoạt động của Hội đồng điều phối vùng chưa hiệu quả; cơ chế điều phối, kết nối vùng còn nhiều bất cập; phân chia các tiểu vùng chưa thống nhất; thiếu hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội để quản lý, điều tiết vùng. Chưa có chính sách đủ mạnh để tạo

được bước đột phá cần thiết cho khu vực và một số địa phương trọng điểm. Chất lượng quy hoạch vùng và quy hoạch các địa phương trong vùng còn thấp, thiếu sự liên thông và kết nối giữa chiến lược - quy hoạch - kế hoạch - đầu tư. Phân cấp, phân quyền cho các địa phương chưa triệt để, thiếu sự phối hợp và kiểm tra, giám sát. Đầu tư của Trung ương cho vùng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông; cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, còn dàn trải, hiệu quả sử dụng chưa cao. Phối hợp giữa các bộ, ngành Trung ương với các địa phương chưa chặt chẽ. Năng lực của đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, có mặt còn hạn chế, tính năng động chưa cao.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Vùng đồng bằng sông Cửu Long có vai trò, vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước. Phát triển nhanh và bền vững phù hợp với vai trò, vị trí chiến lược của vùng; trở thành vùng phát triển hiện đại, sinh thái, văn minh và bền vững là nhiệm vụ xuyên suốt, trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của các địa phương trong vùng và cả nước.

- Phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia; phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia, thích ứng với biến đổi khí hậu; lấy con người là trung tâm, tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi; tôn trọng quy luật tự nhiên; phù hợp với điều kiện thực tế của vùng; chú trọng bảo vệ, tôn tạo và phát triển văn hoá - xã hội và hệ sinh thái tự nhiên. Tăng cường và đổi mới liên kết vùng, hoàn thiện thể chế, chính sách điều phối phát triển vùng hiệu quả, thúc đẩy liên kết giữa các địa phương trong vùng, giữa vùng với Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ; mở rộng kết nối với các nước trong khu vực ASEAN, đặc biệt là các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Công.

- Từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chủ yếu dựa vào sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái là trọng tâm, công nghiệp năng lượng là đột phá, dịch vụ là bệ đỡ. Phát triển nông nghiệp hàng hoá chất lượng cao, gắn với từng vùng sinh thái, thương mại, dịch vụ logistics, du

lịch sinh thái, công nghiệp chế biến và bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, với công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường, trọng tâm là công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng gió, năng lượng mặt trời, gắn với kinh tế biển, kiểm soát tài nguyên biển, phục hồi hệ sinh thái biển. Phát triển nhanh, hài hoà kinh tế các tiểu vùng, các khu vực kinh tế và loại hình doanh nghiệp, nhất là khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế hợp tác xã. Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, năng lượng, nước sạch, thuỷ lợi, giáo dục, y tế, ứng phó với biến đổi khí hậu. Hình thành một số vùng động lực, các hành lang kinh tế, các chuỗi đô thị, nhất là đô thị vùng sông nước.

- Phát triển nhanh và bền vững vùng trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên đất và nước; chủ động thích ứng với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn, bảo đảm an ninh nguồn nước; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; phát triển kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là của đồng bào dân tộc thiểu số. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc trong vùng; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng, khơi dậy khát vọng phát triển, ý chí tự lực, tự cường của nhân dân các địa phương trong vùng.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Xây dựng vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện đại, sinh thái, văn minh, phát triển nhanh và bền vững, mang đậm bản sắc văn hoá sông nước; là trung tâm kinh tế nông nghiệp xanh, sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao của quốc gia, khu vực và thế giới. Phát triển hệ thống các trung tâm đầu mối về nông nghiệp, các hành lang kinh tế và các đô thị động lực, tập trung các dịch vụ và công nghiệp đa dạng, hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh kinh tế biển, kinh tế du lịch; tăng

cường kết nối nội vùng, liên vùng, trong nước và quốc tế; chú trọng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tạo dựng môi trường sống bền vững, chất lượng sống tốt cho người dân gắn với bảo tồn các tài nguyên, hệ sinh thái; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá độc đáo, đa dạng của các dân tộc; củng cố quốc phòng và an ninh; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; xây dựng tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc; đóng góp ngày càng lớn cho đất nước.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Quy mô nền kinh tế đến năm 2030 gấp 2 - 2,5 lần so với năm 2021. Tỉ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong tổng thu nhập vùng (GRDP) khoảng 20%; công nghiệp - xây dựng khoảng 32%; dịch vụ khoảng 46%; thuế và trợ cấp khoảng 2%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 146 triệu đồng/người/năm. Tỉ lệ đô thị hoá đạt 42 - 48%; có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 30% số xã đạt chuẩn nâng cao.

- Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%; tỉ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp đạt 75 - 80%. Tỉ lệ nghèo giảm 1,5 - 2%/năm. Cơ sở giáo dục đạt chuẩn: 75% mầm non, 70% tiểu học, 80% trung học cơ sở, 90% trung học phổ thông. Đạt 30 giường bệnh viện, 10 bác sĩ, 2,8 dược sĩ đại học, 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân.

- Tỉ lệ che phủ rừng đạt 7,5%. Tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư đô thị đạt 98 - 100%, ở nông thôn đạt 70%. Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại từ đô thị và công nghiệp đạt 100%.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Vùng đồng bằng sông Cửu Long là vùng phát triển hiện đại, nhanh và bền vững, toàn diện, sinh thái, văn minh, mang đậm bản sắc văn hoá sông nước; có trình độ phát triển khá so với cả nước; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, phân bổ hợp lý và thích ứng với biến đổi khí hậu; kinh tế phát triển năng động, hiệu quả, cơ cấu phù hợp với điều kiện tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hoá và con người Nam Bộ; chất lượng cuộc sống của người dân ở mức cao; bản sắc văn hoá độc đáo, đa dạng của các dân tộc được gìn giữ và phát huy; quốc phòng và an ninh được tăng cường, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm;

tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khối đại đoàn kết các dân tộc được tăng cường.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Quán triệt sâu sắc, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của vùng và liên kết vùng. Liên kết vùng phải trở thành quan điểm chỉ đạo, chiến lược dẫn dắt sự phát triển toàn vùng và từng địa phương trong vùng. Hoàn thiện khung pháp lý cho liên kết vùng về tổ chức, bộ máy, nguồn lực và cơ chế, chính sách triển khai; nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng điều phối vùng giai đoạn 2020 - 2025; tham gia có hiệu quả các hoạt động hợp tác với các nước thuộc tiểu vùng sông Mê Công, ASEAN và các định chế quốc tế khác.

- Xây dựng quy hoạch phát triển của từng địa phương trong vùng trên cơ sở Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững, tạo cơ sở để chuyển đổi mô hình phát triển từ phân tán, nhỏ lẻ sang phát triển tập trung thông qua phát triển các chuỗi sản xuất, cụm ngành, hành lang kinh tế và chuỗi đô thị.

- Thực hiện có hiệu quả Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá và nâng cao chất lượng đô thị; phát triển chuỗi đô thị động lực của vùng bảo đảm hiện đại, thông minh và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển các khu kinh tế gắn với các đô thị trọng điểm và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở khu vực đô thị động lực. Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm phát triển vùng có dịch vụ thương mại, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hoá, du lịch, công nghiệp chế biến hiện đại; các thành phố Mỹ Tho, Tân An, Long Xuyên, Rạch Giá, Cà Mau và Sóc Trăng thành các trung tâm tổng hợp, chuyên ngành. Tập trung xây dựng Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và thế giới. Từng bước hình thành các đô thị nông - công nghiệp gắn với các trung tâm đầu mối và du lịch nông nghiệp - nông thôn; tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ và khu vực bị sạt lở; giải quyết nhà ở trên các kênh rạch và cải thiện môi trường đô thị ven sông.

- Phát triển các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị gồm: Trung tâm đầu mối tổng hợp ở thành phố Cần Thơ gắn với phát triển dịch vụ logistics ở Hậu Giang; trung tâm đầu mối ở An Giang, Đồng Tháp gắn với vùng nguyên liệu về thuỷ sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo vùng sinh thái nước ngọt; trung tâm đầu mối ở Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng gắn với vùng nguyên liệu về thuỷ sản khu vực ven biển; trung tâm đầu mối ở Tiền Giang, Bến Tre gắn với vùng nguyên liệu chính về trái cây, rau màu. Tập trung đầu tư phát triển Khu kinh tế cửa khẩu An Giang bằng nguồn vốn ngân sách; ban hành chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp thành khu kinh tế tổng hợp gồm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị và nông lâm, ngư nghiệp; trung tâm giao lưu phát triển kinh tế giữa các nước tiểu vùng sông Mê Công.

- Đầu tư xây dựng mới và hiện đại hoá hệ thống thuỷ lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái; các công trình thuỷ lợi tích hợp, hạ tầng cơ bản tại các vùng cần di dân; thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030. Phát triển nguồn điện, lưới điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực và quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia. Xây dựng các nhà máy nước quy mô vùng để cấp nước cho các khu vực khó khăn về nguồn nước. Phát triển hạ tầng bưu chính - viễn thông theo quy hoạch với công nghệ mới, đồng bộ, hiện đại. Thực hiện Chương trình kiên cố hoá trường, lớp học. Xây dựng Trung tâm huyết học - truyền máu vùng; nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ và đầu tư các trạm y tế xã, các bệnh viện tư nhân. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng các cụm, khu công nghiệp, các trung tâm logistics, chợ truyền thống, chợ đầu mối...

- Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, hoàn thiện mạng lưới giao thông vận tải, bảo đảm kết nối hài hoà, hợp lý và hiệu quả giữa các phương thức vận tải; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức, lấy đường thuỷ là trọng tâm; phát triển nhanh kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, đột phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, thông minh, gắn với phát triển các hành lang kinh tế, thúc đẩy liên kết và hội nhập hành lang kinh tế đô thị - công nghiệp từ Cần Thơ đến Long An, hành lang kinh tế dọc Sông Tiền - Sông Hậu, hành lang kinh tế ven biển từ Long An, Cà Mau đến Kiên Giang, hành lang kinh tế biên giới từ Long An đến Kiên Giang; khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức đối tác công - tư (PPP) gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương.

- Đến năm 2030, hoàn thành hệ thống đường bộ cao tốc kết nối vùng với vùng Đông Nam Bộ, hệ thống cảng biển và các cửa khẩu quốc tế gồm các tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Bắc - Nam phía Tây, Thành phố Hồ Chí Minh - Sóc Trăng, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, Hồng Ngự - Trà Vinh; nâng cấp hệ thống quốc lộ chính yếu, các cầu; đầu tư hệ thống đường ven biển qua các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang; phát triển một số trục kết nối đến các đầu mối vận tải lớn, các khu công nghiệp. Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đường thuỷ nội địa, trong đó chú trọng kết nối các trung tâm đầu mối với hành lang vận tải thuỷ chính của vùng; phát triển các cụm cảng hàng hoá, cụm cảng hành khách và hệ thống cảng chuyên dùng đường thuỷ nội địa. Hoàn thành hệ thống cảng biển theo quy hoạch, trong đó cảng Trần Đề phát triển thành cảng biển đặc biệt và cửa ngõ vùng; phát triển cảng Hòn Khoai thành bến cảng tổng hợp; nâng cấp luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào Sông Hậu, luồng hàng hải Trần Đề. Nâng cấp cảng hàng không Phú Quốc; điều chỉnh quy hoạch và đầu tư cảng hàng không Rạch Giá, Cà Mau. Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ. Đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng cảng container và các đoạn tuyến đường sau cảng, kết nối thuận lợi cảng biển với mạng giao thông quốc gia.

2. Phát triển nhanh và bền vững kinh tế vùng

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn dựa trên hệ sinh thái, phù hợp với quy luật tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hoá, con người vùng đồng bằng sông Cửu Long.

+ Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo gắn với bảo vệ rừng và bờ biển; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ thông tin.

+ Phát triển nông nghiệp hàng hoá, sinh thái, bền vững với các sản phẩm trọng tâm là thuỷ sản, trái cây và lúa gạo gắn với các cụm ngành nông, lâm, thuỷ sản, các trung tâm đầu mối; phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp dựa vào nguồn nước gồm vùng sinh thái nước ngọt, vùng sinh thái mặn - lợ, vùng chuyển tiếp ngọt - lợ; tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch gắn với xây dựng nông thôn mới và tăng cường liên kết đô thị - nông thôn.

+ Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, chú trọng dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp và nông nghiệp, trong đó phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm thương mại, dịch vụ của vùng. Phát triển du lịch đặc trưng vùng sông nước trở thành ngành mũi nhọn, gắn với bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và các giá trị văn hoá - lịch sử. Phát triển mạnh, đồng bộ hệ thống logistics của vùng, hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển Trung tâm Logistics tại Cái Cui (Cần Thơ) và mở rộng dịch vụ logistics hàng không.

+ Phát triển mạnh kinh tế biển, trong đó chú trọng phát triển du lịch, dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và năng lượng tái tạo, nuôi trồng và khai thác hải sản xa bờ, các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, tái tạo nguồn lợi thuỷ sản và bảo vệ nguồn đa dạng sinh học biển, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó phát triển Kiên Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia.

- Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, nhất là đất đai và tài nguyên nước; bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, coi đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là trung tâm trong các quyết định, cơ chế, chính sách phát triển vùng. Khai thác, sử dụng nguồn nước phù hợp với phân vùng và bảo vệ chức năng nguồn nước; kiểm soát và hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm và thí điểm công trình điều tiết dòng chảy; ban hành chính sách, cơ chế tài chính đặc thù ngành nước của vùng theo hướng quản trị thông minh; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước sông Mê Công. Chủ động kiểm soát lũ, phòng, chống sạt lở bờ sông; đầu tư hệ thống thuỷ lợi kiểm soát nguồn nước; tăng khả năng chủ động lấy nước, trữ nước, tiêu thoát và điều tiết lũ. Bảo vệ và phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và các vùng đất ngập nước quan trọng; thành lập hành lang đa dạng sinh học kết nối Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau - sân chim Đầm Dơi - Thạnh Phú - Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ; hình thành trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học tại Phú Quốc.

- Phát triển khoa học - công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế vùng. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ môi trường để phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn; hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tận dụng được các cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các hiệp định thương mại tự do song phương mà Việt Nam đã ký kết. Chú trọng đầu tư, phát triển hạ tầng số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông

tin; phát triển Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo vùng tại thành phố Cần Thơ; Khu công nghệ cao Cần Thơ thành khu công nghệ cao quốc gia.

- Hoàn thiện các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ ngân sách cho vùng; ưu tiên nguồn lực và phân kỳ phù hợp để đầu tư các công trình trọng điểm. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính; thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay, vốn tư nhân thông qua các hình thức đối tác công - tư (PPP) để phát triển hạ tầng, các ngành có lợi thế và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; thu hút có chọn lọc các dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản thiên nhiên và văn hoá - lịch sử, văn hoá sông nước, miệt vườn; văn hoá các dân tộc. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, gắn với thị trường xuất khẩu lao động và xu hướng dịch chuyển lao động trong nông nghiệp. Phát triển mạng lưới trường đại học và mở rộng các trường cao đẳng, dạy nghề, chú trọng các ngành khoa học về y tế, kỹ thuật, công nghệ và kinh tế số. Phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm giáo dục - đào tạo cấp quốc gia và vùng.

- Kết hợp phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội; có cơ chế lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường chăm sóc sức khoẻ nhân dân với hệ thống y tế chất lượng, tiếp cận được dịch vụ kỹ thuật cao, tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế mở rộng. Quan tâm đầu tư hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng. Đầu tư phát triển Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ thành trung tâm y tế chuyên sâu của vùng; hoàn chỉnh các bệnh viện đa khoa vùng tại Kiên Giang, Đồng Tháp và Tiền Giang. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; phát huy giá trị di sản văn hoá của đồng bào dân tộc thiểu số; vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ các quy định của Nhà nước trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo.

4. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

- Tăng cường quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội theo các quy hoạch, đề án, kế hoạch có tính khả thi cao, gắn với bảo đảm an ninh kinh tế trong tình hình mới. Thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm quốc phòng giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể

bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình"; phòng ngừa, vô hiệu hoá âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; chủ động phát hiện, tấn công, trấn áp các loại tội phạm. Hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, tập trung trên tuyến biên giới và vùng biển, đảo; xây dựng tuyến biên giới hoà bình, hữu nghị. Xây dựng các chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới; hải đội dân quân thường trực. Hoàn thành Khu kinh tế quốc phòng biển, đảo Tây Nam Bộ; đường tuần tra biên giới; tiếp tục thực hiện phân giới cắm mốc trên đất liền và tiến hành phân định biên giới trên biển.

5. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch số 03-KH/TW, ngày 01/12/2021 của Bộ Chính trị gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị nhằm thực hiện hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, bảo đảm kiến tạo, liêm chính, hành động. Nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của các cấp chính quyền. Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, tiên phong, gương mẫu về đạo đức và lối sống.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số, đô thị thông minh; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; khơi dậy tinh thần cống hiến của cán bộ, công chức. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Đổi mới công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân ta và các nước bạn.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân, nhất là các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: Ban hành Chương trình hành động triển khai Nghị quyết và xây dựng Quy hoạch phát triển vùng, địa phương; chỉ đạo hoàn thiện thể chế, cơ chế điều phối, liên kết phát triển vùng, tiểu vùng; điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, phối hợp với các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long để thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 78 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 112.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Kèm theo Nghị quyết số: 78 /NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ)

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai quyết liệt, hiệu quả tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức các bộ, cơ quan trung ương và địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long về tầm quan trọng của việc triển khai Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị nhằm khai thác, phát huy hiệu quả, tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trong vùng nói riêng và của vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội cả nước.

3. Phát huy vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo nguyên tắc phân công phân nhiệm rõ ràng, tập trung, dân chủ, phối hợp chặt chẽ gắn với trách nhiệm của từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và đảm bảo tính khả thi. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long gắn với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát nhằm phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường của các địa phương trong Vùng.

4. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Quy mô nền kinh tế đến năm 2030 gấp 2 - 2,5 lần so với năm 2021. Tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp trong tổng thu nhập vùng (GRDP) khoảng 20%; công

nghiệp - xây dựng khoảng 32%; dịch vụ khoảng 46%; thuế và trợ cấp khoảng 2%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 146 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 42 - 48%; có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 30% số xã đạt chuẩn nâng cao.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%; tỷ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp đạt 75 - 80%; tỷ lệ nghèo giảm 1,5 - 2%/năm. Cơ sở giáo dục đạt chuẩn: 75% mầm non, 70% tiểu học, 80% trung học cơ sở, 90% trung học phổ thông. Đạt 30 giường bệnh viện, 10 bác sĩ, 2,8 dược sĩ đại học, 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 7,5%. Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư đô thị đạt 98 - 100%, ở nông thôn đạt 70%. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại từ đô thị và công nghiệp đạt 100%.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự thống nhất, đồng thuận của xã hội trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị

- Khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, nâng tầm tư duy và tạo quyết tâm cao của các ngành, các cấp về nhiệm vụ xây dựng và phát triển phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Các bộ, cơ quan liên quan và địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long chủ động phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết với quy mô sâu rộng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng để đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tập trung, thực hiện tốt công tác hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Hoàn thiện khung pháp lý cho liên kết vùng về tổ chức, bộ máy, nguồn lực và cơ chế, chính sách triển khai. Rà soát, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật do các bộ, cơ quan trung ương, địa phương có thành viên trong Hội đồng điều phối vùng chủ trì soạn thảo, trong đó có các nội dung về liên kết vùng.

- Hoàn thiện thể chế phát triển, nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng, đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh hội nhập quốc tế và Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng điều phối vùng giai đoạn 2020 - 2025, chủ động tham mưu, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, nhiệm vụ, dự án có quy mô vùng, có tính chất liên kết vùng và phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, tập trung vào một số nhiệm vụ sau: (i) Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (ii) Danh mục các chương trình, dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng; (iii) Phương án huy động nguồn lực, phương án phân bổ vốn đầu tư đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long; kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm đối với các dự án có quy mô vùng và có tính chất liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long; (iv) Huy động các nguồn lực hỗ trợ trong nước và quốc tế khác cho hoạt động liên kết vùng; (v) Tham gia có hiệu quả các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ các cơ chế hợp tác Mê Công, ASEAN, các định chế quốc tế khác và với các nước liên quan.

- Lập, ban hành quy hoạch tỉnh của các địa phương trong Vùng phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững, tạo cơ sở để chuyển đổi mô hình phát triển từ phân tán, nhỏ lẻ sang phát triển tập trung thông qua phát triển các chuỗi sản xuất, cụm ngành, hành lang kinh tế và chuỗi đô thị.

- Thực hiện có hiệu quả Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và nâng cao chất lượng đô thị; phát triển chuỗi đô thị động lực của vùng bảo đảm hiện đại, thông minh và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển các khu kinh tế gắn với các đô thị trọng điểm và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở khu vực đô thị động lực.

- Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm phát triển vùng có dịch vụ thương mại, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa, du lịch, công nghiệp chế biến hiện đại; xây dựng các thành phố Mỹ Tho, Tân An, Long Xuyên, Rạch Giá, Cà Mau và Sóc Trăng thành các trung tâm tổng hợp, chuyên ngành.

- Tập trung xây dựng Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế, kết nối với các trung tâm kinh tế lớn trong khu vực và thế giới.

- Từng bước hình thành các đô thị nông - công nghiệp gắn với các trung tâm đầu mối và du lịch nông nghiệp - nông thôn.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ và khu vực bị sạt lở; giải quyết nhà ở trên các kênh rạch và cải thiện môi trường đô thị ven sông.

- Phát triển các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị gồm: Trung tâm đầu mối tổng hợp ở thành phố Cần Thơ gắn với phát triển dịch vụ logistics ở Hậu Giang, trung tâm đầu mối ở An Giang, Đồng Tháp gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo vùng sinh thái nước ngọt; trung tâm đầu mối ở Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản khu vực ven biển, trung tâm đầu mối ở Tiền Giang, Bến Tre gắn với vùng nguyên liệu chính về trái cây, rau màu.

- Tập trung đầu tư phát triển Khu kinh tế cửa khẩu An Giang bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác; ban hành chính sách ưu đãi để phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp thành khu kinh tế tổng hợp gồm công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, đô thị và nông lâm, ngư nghiệp, trung tâm giao lưu phát triển kinh tế giữa các nước tiểu vùng sông Mê Công.

- Đầu tư xây dựng mới và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái; các công trình thủy lợi tích hợp, hạ tầng cơ bản tại các vùng cần di dân; thực hiện Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030.

- Phát triển nguồn điện, lưới điện phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực và quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia. Xây dựng các nhà máy nước quy mô vùng để cấp nước cho các khu vực khó khăn về nguồn nước. Phát triển hạ tầng thông tin truyền thông theo quy hoạch với công nghệ mới, đồng bộ, hiện đại. Thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học. Xây dựng Trung tâm huyết học - truyền máu vùng; nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ và đầu tư các trạm y tế xã, các bệnh viện tư nhân. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng các cụm, khu công nghiệp, các trung tâm logistics, chợ truyền thống, chợ đầu mối...

- Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông, hoàn thiện mạng lưới giao thông vận tải, bảo đảm kết nối hài hòa, hợp lý và hiệu quả giữa các phương thức vận tải; chú trọng phát triển vận tải đa phương thức, lấy đường thủy là trọng tâm; phát triển nhanh kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, đột phá trong phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại, thông minh, gắn với phát triển các hành lang kinh tế, thúc đẩy liên kết và hội nhập hành lang kinh tế đô thị - công nghiệp từ Cần Thơ đến Long An, hành lang kinh tế dọc Sông Tiền - Sông Hậu, hành lang kinh tế ven biển từ Long An, Cà Mau đến Kiên Giang, hành lang kinh tế biên giới từ Long An đến Kiên Giang; khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là theo phương thức đối tác công - tư (PPP) gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương.

- Đến năm 2030, hoàn thành hệ thống đường bộ cao tốc kết nối vùng với vùng Đông Nam Bộ, hệ thống cảng biển và các cửa khẩu quốc tế gồm các tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Bắc - Nam phía Tây, Thành phố Hồ Chí Minh - Sóc Trăng, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, Hồng Ngự - Trà Vinh; nâng cấp hệ thống quốc lộ chính yếu, các cầu; đầu tư hệ thống đường ven biển qua các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang; phát triển một số trục kết nối đến các đầu mối vận tải lớn, các khu công nghiệp. Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa, trong đó chú trọng kết nối các trung tâm đầu mối với hành lang vận tải thủy chính của vùng; phát triển các cụm cảng hàng hóa, cụm cảng hành khách và hệ thống cảng chuyên dùng đường thủy nội địa. Hoàn thành hệ thống cảng biển theo quy hoạch, trong đó Cảng Trần Đề phát triển thành cảng đặc biệt và cửa ngõ vùng; phát triển cảng Hòn Khoai thành bến cảng tổng hợp; nâng cấp luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào Sông Hậu, luồng hàng hải Trần Đề. Mở rộng cảng hàng không quốc tế Phú Quốc; điều chỉnh quy hoạch và đầu tư cảng hàng không Rạch Giá, Cà Mau. Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ. Đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng cảng container và các đoạn tuyến đường sau cảng, kết nối thuận lợi cảng biển với mạng giao thông quốc gia.

3. Phát triển nhanh và bền vững kinh tế vùng

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, công nghệ số, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế ban đêm dựa trên hệ sinh thái, phù hợp với quy luật tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa, con người vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển công nghiệp xanh, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, nhất là điện gió, điện mặt trời gắn với bảo vệ rừng và bờ biển; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và viễn thông, công nghệ thông tin; phát triển công nghiệp nông thôn nhằm chế biến tinh, chế biến sâu góp phần gia tăng giá trị và nâng hàm lượng công nghệ cao trong các sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Phát triển từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, sinh thái, bền vững với các sản phẩm trọng tâm là thủy sản, trái cây và lúa gạo gắn với các cụm ngành nông, lâm, thủy sản, các trung tâm đầu mối; phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp dựa vào nguồn nước gồm vùng sinh thái nước ngọt, vùng sinh thái mặn - lợ, vùng chuyển tiếp ngọt - lợ; tập trung nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch gắn với xây dựng nông thôn mới và tăng cường liên kết đô thị - nông thôn.

- Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, chú trọng dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp và nông nghiệp, trong đó phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm thương mại, dịch vụ của vùng. Phát triển du lịch đặc trưng vùng sông nước trở thành ngành mũi nhọn, gắn với bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và các giá trị văn hóa - lịch sử. Phát triển mạnh, đồng bộ hệ thống logistics của vùng, hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển Trung tâm Logistics tại Cái Cui (Cần Thơ) và mở rộng dịch vụ logistics hàng không.

- Phát triển mạnh kinh tế biển, trong đó chú trọng phát triển du lịch, dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và năng lượng tái tạo, nuôi trồng và khai thác hải sản xa bờ, các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, tái tạo nguồn lợi thủy sản và bảo vệ nguồn đa dạng sinh học biển, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó phát triển Kiên Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia.

- Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, nhất là đất đai và tài nguyên nước; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, coi đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, là trung tâm trong các quyết định, cơ chế, chính sách phát triển vùng. Khai thác, sử dụng nguồn nước phù hợp với phân vùng và bảo vệ chức năng nguồn nước; kiểm soát và hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm và thí điểm công trình điều tiết dòng chảy; ban hành chính sách, cơ chế tài chính đặc thù ngành nước của vùng theo hướng quản trị thông minh; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước sông Mê Công và các tài nguyên liên quan. Chủ động kiểm soát lũ, phòng, chống sạt lở bờ sông; đầu tư hệ thống thủy lợi kiểm soát nguồn nước; tăng khả năng chủ động lấy nước, trữ nước, tiêu thoát và điều tiết lũ. Bảo vệ và phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và các vùng đất ngập nước quan trọng; thành lập hành lang đa dạng sinh học kết nối Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau - sân chim Đầm Dơi - Thạnh Phú - Khu dữ trữ sinh quyển Cần Giờ; hình thành trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học tại Phú Quốc.

- Phát triển khoa học - công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế vùng. Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ môi trường để phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn; hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu, tận dụng được các cơ hội từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Chú trọng đầu tư, phát triển hạ tầng số để xây dựng chính quyền số, kinh tế số và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, phát triển sản xuất thông minh. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, vườn ươm công nghệ; thành lập và phát triển Trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo vùng tại thành phố Cần Thơ; xây dựng và phát triển Khu công nghệ cao Cần Thơ thành khu công nghệ cao quốc gia.

- Tiếp tục phát triển mạnh hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, gắn kết, hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với khu vực công nghiệp và doanh nghiệp, phát huy vai trò hệ thống các điểm không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các điểm kết nối cung - cầu nhằm nâng cao chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh, tạo lập và phát triển thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của từng địa phương trong vùng.

- Tăng cường tìm kiếm công nghệ tiên tiến, thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc trong thực tiễn sản xuất, kinh doanh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, báo đảm quốc phòng, an ninh cho từng địa phương và toán vùng.

- Nghiên cứu hoàn thiện các nguyên tắc, tiêu chí phân bố ngân sách cho vùng; ưu tiên nguồn lực và phân kỳ phù hợp để đầu tư các công trình trọng điểm. Cái thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cài cách hành chính; thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay, vốn tư nhân theo phương thức đối tác công - tư (PPP) để phát triển hạ tầng, các ngánh có lợi thế và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; thu hút có chọn lọc các dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

4. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Báo tồn và phát huy giá trị các di sán thiên nhiên và văn hóa - lịch sử, văn hóa sông nước, miệt vườn; văn hóa các dân tộc. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực số gắn với ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, gắn với thị trường xuất khẩu lao động và xu hướng dịch chuyển lao động trong nông nghiệp. Thực hiện đồng bộ các giái pháp nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động, đảm bảo thích ứng với điều kiện sàn xuất mới, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển mạng lưới trường đại học và mở rộng các trường cao đẳng, dạy nghề, cơ sờ giáo dục nghề nghiệp; ưu tiên đầu tư, phát triển các trường đại học, cao đẳng chất lượng cao, đa ngành, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp; chú trọng các ngành khoa học về y tế, kỹ thuật, công nghệ và kinh tế số. Phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm giáo dục - đào tạo cấp quốc gia vá vùng.

- Kết hợp phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, xây dựng nông thôn mới giảm nghèo bền vững, tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội; có cơ chế lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Phát triển thị trường lao động, đẩy mạnh công tác thông tin, phân tích, dự báo cung - cầu lao động, kết nối hệ thống thông tin thị trường lao động giữa các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long với vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, nhất là chính sách ưu đãi người có công, giảm nghèo, trợ giúp xã hội; chăm lo đời sống người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thúc đẩy bình đẳng giới; phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới.

- Tăng cường chăm sóc sức khỏe nhân dân với hệ thống y tế chất lượng, tiếp cận được dịch vụ kỹ thuật cao, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế mở rộng. Quan tâm đầu tư hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng. Đầu tư phát triển Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ thành trung tâm y tế chuyên sâu của vùng; hoàn chỉnh các bệnh viện đa khoa vùng tại Kiên Giang, Đồng Tháp và Tiền Giang.

- Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; hỗ trợ, khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số; vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục tuyên truyền, vận động người dân tuân thủ các quy định của Nhà nước trong sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo.

- Tăng cường công tác thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội; chủ động đấu tranh, phản bác các thông tin xấu độc, tiêu cực, sai sự thật trên các nền tảng số.

5. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh

- Tăng cường quốc phòng, an ninh kết hợp với phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội theo các quy hoạch, đề án, kế hoạch có tính khả thi cao, gắn với bảo đảm an ninh kinh tế trong tình hình mới, bảo đảm an toàn, an ninh mạng trong mọi tình huống. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 13/9/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/01/2017 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm quốc phòng giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Kiện toàn tổ chức phòng thủ dân sự, chủ động, kịp thời ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh... Tăng cường xây dựng lực lượng Công an xã, thị trấn đủ sức giải quyết các vấn đề an ninh, trật tự ngay từ đầu và tại cơ sở. Phát huy vai trò người có uy tín, chức sắc tôn giáo giải quyết các vấn đề phức tạp, mâu thuẫn, tranh chấp này sinh trong nhân dân.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa mọi âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn, lật đổ, "ly khai, tự trị" của các thế lực thù địch, phản động; không để hình thành các tổ chức phản động, khủng bố lợi dụng dân tộc, tôn giáo, tự do dân chủ, nhân quyền; kiên quyết xử lý theo quy định pháp luật số cầm đầu, cốt cán, chống đối cực đoan. Chủ động nắm chắc chủ trương, chính sách của các nước đối với tiểu

vùng sông Mê Công để có biện pháp ứng phó phù hợp. Tập trung đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm xuyên quốc gia, xuyên biên giới, tội phạm hình sự, tội phạm trên lĩnh vực kinh tế, môi trường, ma túy; tăng cường công tác quản lý xuất, nhập cảnh và hoạt động của người nước ngoài tại các địa phương trong vùng. Khai thác hiệu quả nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để nghiên cứu, khai thác các phần mềm ứng dụng để quản lý nhà nước về trật tự an toàn xã hội và phân tích, tổng hợp, dự báo tình hình dân cư phục vụ việc hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng.

- Hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn, xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hạ tầng cơ sở quốc phòng, an ninh cả trên đất liền, ven biển, đảo. Đầu tư xây dựng công trình dân sinh lưỡng dụng, kết nối công trình phòng thủ dân sự, căn cứ hậu phương, hậu phương chiến lược, tập trung trên biên giới và vùng biển, đảo; xây dựng biên giới hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển, xây dựng các chốt dân quân thường trực trên biên giới; hải đội dân quân thường trực. Hoàn thành khu kinh tế quốc phòng biển, đảo Tây Nam; đường tuần tra biên giới, các công trình biên giới, tiếp tục thực hiện phân giới cắm mốc trên đất liền và tiến hành phân định biên giới trên biển, ranh giới các vùng biển với các nước.

6. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Kế hoạch số 03-KH/TW, ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 21-KL/TW về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về "đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" và Nghị quyết số 18 và 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII nhằm thực hiện hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền và sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tiếp tục thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, bảo đảm kiến tạo, liêm chính, hành động.

- Nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, thế hệ trẻ. Kiên trì, kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của cấp chính quyền.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, hướng

đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số, đô thị thông minh; đề cao trách nhiệm người đứng đầu; bảo vệ cán bộ dám đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; khơi dậy tinh thần cống hiến của cán bộ, công chức, viên chức.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Đổi mới công tác dân vận, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Xây dựng tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân ta và các nước bạn.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiêm túc triển khai thực hiện nhanh, hiệu quả, thực chất, toàn diện nhiệm vụ, giải pháp đã được đề ra tại các Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị và các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết này; chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể của bộ, ngành, địa phương mình, kịp thời xử lý vấn đề phát sinh, đề cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc giám sát, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm toàn diện trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện của bộ, ngành, địa phương mình.

b) Trước ngày 30 tháng 9 năm 2022, xây dựng, ban hành Chương trình, Kế hoạch hành động, văn bản cụ thể triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó xác định rõ, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, dự kiến kết quả đầu ra đối với từng nhiệm vụ và phân công đơn vị chủ trì thực hiện.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện, kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, đề án được giao; định kỳ hằng năm, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp chặt chẽ, quyết liệt với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này.



Phụ lục I

CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số: 78 /NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ)

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm	%	6,5 - 7	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Quy mô nền kinh tế so với năm 2020		2 - 2,5 lần	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
3	Cơ cấu GRDP của Vùng			Bộ Kế hoạch và Đầu tư
	Nông, lâm, ngư nghiệp	%	20	
	Công nghiệp - xây dựng	%	32	
	Dịch vụ	%	46	
	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	2	
4	GRDP bình quân đầu người/năm	triệu đồng	146	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
5	Tỷ lệ đô thị hóa	%	42 - 48	Bộ Xây dựng
6	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	80	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	Trong đó số xã đạt chuẩn nâng cao	%	30	
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	65	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
	Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ	%	25	
8	Tỷ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp	%	75 - 80	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
9	Tỷ lệ hộ nghèo giảm	%	1,5 - 2	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
10	Tỷ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn			Bộ Giáo dục và Đào tạo
	Mầm non	%	75	
	Tiểu học	%	70	
	Trung học cơ sở	%	80	
	Trung học phổ thông	%	90	

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	ĐẾN NĂM 2030	CƠ QUAN CHỦ TRÌ, THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ
11	Tỷ lệ trên 10.000 dân			Bộ Y tế
	Số giường bệnh	%	30	
	Số bác sỹ	%	10	
	Số dược sỹ đại đọc	%	2,8	
	Số điều dưỡng viên	%	25	
12	Tỷ lệ che phủ rừng	%	7,5	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh			Bộ Xây dựng
	Đối với dân cư đô thị	%	98 - 100	
	Đối với nông thôn	%	70	
14	Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại từ đô thị và công nghiệp	%	100	Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục II

NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 13-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số: 78 /NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
I	**TẬP TRUNG HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN VÀ ĐẨY MẠNH LIÊN KẾT VÙNG**				
1	Quyết định về hoàn thiện khung pháp lý cho liên kết vùng giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2026	Thủ tướng Chính phủ
2	Báo cáo hoạt động của Hội đồng điều phối vùng giai đoạn 2020 - 2025	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
3	Ban hành quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	13 địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
4	Báo cáo thực hiện Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng	Các cơ quan và địa phương liên quan	2025	Thủ tướng Chính phủ
5	Đề án xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm phát triển vùng có dịch vụ thương mại, y tế, khoa học - công nghệ, văn hóa, du lịch, công nghiệp chế biến hiện đại; giáo dục - đào tạo cấp quốc gia và vùng	UBND Thành phố Cần Thơ	Các cơ quan liên quan	2024	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
6	Đề án xây dựng thành phố Mỹ Tho, Tân An, Long Xuyên, Rạch Giá, Cà Mau, Sóc Trăng thành các trung tâm tổng hợp, chuyên ngành	UBND các tỉnh: Tiền Giang; Long An; An Giang; Kiên Giang; Cà Mau; Sóc Trăng	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
7	Đề án xây dựng Phú Quốc thành trung tâm dịch vụ, du lịch sinh thái chất lượng cao, du lịch biển, đảo tầm cỡ quốc gia và quốc tế	UBND tỉnh Kiên Giang	Các cơ quan và địa phương liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
8	Đề án tổng kết thực hiện Chương trình xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ và khu vực bị sạt lở	Bộ Xây dựng	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
9	Đề án phát triển các trung tâm đầu mối về nông nghiệp gắn với vùng chuyên canh, kết nối với các đô thị gồm: Trung tâm đầu mối tổng hợp ở thành phố Cần Thơ gắn với phát triển dịch vụ logistics ở Hậu Giang, trung tâm đầu mối ở An Giang, Đồng Tháp gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản nước ngọt, trái cây, lúa gạo vùng sinh thái nước ngọt; trung tâm đầu mối ở Kiên Giang, Cà Mau, Sóc Trăng gắn với vùng nguyên liệu về thủy sản khu vực ven biển, trung tâm đầu mối ở Tiền Giang, Bến Tre gắn với vùng nguyên liệu chính về trái cây, rau màu	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
10	Đề án đầu tư Khu kinh tế cửa khẩu An Giang	UBND tỉnh An Giang	Các cơ quan liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ
11	Báo cáo nghiên cứu chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp thành khu kinh tế tổng hợp	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
12	Đề án phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
13	Đề án xây dựng các nhà máy nước quy mô vùng	Bộ Xây dựng	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
14	Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù cần thiết để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức đối tác công - tư (PPP) gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
15	Báo cáo điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các cơ quan liên quan và địa phương	2023	Thủ tướng Chính phủ
16	Đề án xây dựng Trung tâm huyết học - truyền máu vùng	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan và địa phương	2024 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
II	**PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG KINH TẾ VÙNG**				

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
17	Đề án đầu tư phát triển Trung tâm Logistics tại Cái Cui (Cần Thơ) và mở rộng dịch vụ logistics hàng không	TP Cần Thơ	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ
18	Đề án phát triển Kiên Giang thành trung tâm kinh tế biển quốc gia	UBND tỉnh Kiên Giang	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ
19	Đề án thành lập hành lang đa dạng sinh học kết nối Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau - sân chim Đầm Dơi - Thạnh Phú - Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ; hình thành trung tâm nghiên cứu đa dạng sinh học tại Phú Quốc	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ
20	Đề án xây dựng và phát triển Khu công nghệ cao Cần Thơ thành khu công nghệ cao quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan và TP Cần Thơ	2023	Thủ tướng Chính phủ
III	**PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA NHÂN DÂN**				
21	Đề án phát triển Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ thành trung tâm y tế chuyên sâu của vùng; hoàn chỉnh các bệnh viện đa khoa vùng tại Kiên Giang, Đồng Tháp và Tiền Giang	Bộ Y tế	Các cơ quan liên quan và địa phương trong vùng	2023	Thủ tướng Chính phủ
IV	**BẢO ĐẢM VỮNG CHẮC QUỐC PHÒNG, AN NINH**				

TT	NHIỆM VỤ ĐỀ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	CƠ QUAN PHỐI HỢP THỰC HIỆN	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH
22	Thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm quốc phòng giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
23	Đề án hoàn thành khu kinh tế quốc phòng biển, đảo Tây Nam	Bộ Quốc phòng	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
24	Tiếp tục thực hiện phân giới cắm mốc trên đất liền và tiến hành phân định biên giới biển	Bộ Ngoại giao	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
V	**TẬP TRUNG XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ**				
25	Đề án tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn; nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền, bảo đảm kiến tạo, liêm chính, hành động	Bộ Nội vụ	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ
26	Đề án Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp cao, năng động, sáng tạo	Bộ Nội vụ	Các cơ quan liên quan và địa phương	2022 - 2030	Thủ tướng Chính phủ

Phụ lục III

NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 13-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ DO CÁC BỘ, NGÀNH THỰC HIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số : 78 /NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ)

TT	NHIỆM VỤ	CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN NGUỒN VỐN	DỰ KIẾN THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Hoàn thành hệ thống đường bộ cao tốc kết nối vùng với vùng Đông Nam Bộ, hệ thống cảng biển và các cửa khẩu quốc tế, gồm: Các tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông; Bắc - Nam phía Tây; Thành phố Hồ Chí Minh - Sóc Trăng, Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng, Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu, Hồng Ngự - Trà Vinh	Bộ Giao thông vận tải; UBND các địa phương	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
2	Đầu tư hệ thống đường ven biển qua các tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang	UBND các địa phương liên quan	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
3	Mở rộng cảng hàng không quốc tế Phú Quốc	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
4	Đầu tư cảng hàng không Rạch Giá, Cà Mau	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
5	Đầu tư phát triển Bệnh viện đa khoa Trung ương Cần Thơ thành trung tâm y tế chuyên sâu của vùng	Bộ Y tế	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
6	Nâng cấp Trung tâm kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ	UBND Thành phố Cần Thơ	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	
7	Nâng cấp luồng hàng hải cho tàu biển trọng tải lớn vào Sông Hậu, luồng hàng hải Trần Đề	Bộ Giao thông vận tải	NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác	2022 - 2030	

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 1409/QĐ-BKHĐT	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

- Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế Địa phương và Lãnh thổ, Bộ kế hoạch và Đầu tư;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về Phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 3 (để t/h);
- Các đ/c Lãnh đạo Bộ (để c/đ);
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Lưu: VT, Vụ KTĐPLT (H03).

BỘ TRƯỞNG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1909/QĐ-BKHĐT ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Việc ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhằm xác định rõ các nội dung công việc cụ thể, thời hạn, tiến độ hoàn thành, kết quả đầu ra, trách nhiệm, cơ chế phối hợp của các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể thực hiện Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ:

a) Tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ đến từng cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị nhằm đổi mới tư duy và nâng cao nhận thức về tầm quan trọng trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

b) Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ nhằm phát huy hiệu

quả, tiềm năng, lợi thế của từng địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và của cả Vùng.

c) Thường xuyên trao đổi với các cơ quan liên quan, địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long để nắm bắt nhu cầu, khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện về: liên kết vùng; lập quy hoạch tỉnh; huy động nguồn lực cho phát triển hạ tầng; triển khai thực hiện các dự án quan trọng, liên vùng để đề xuất các giải pháp hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ kịp thời.

2. Giao Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ:

a) Là đầu mối đôn đốc các đơn vị trong Bộ triển khai các nhiệm vụ được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng. Kịp thời báo cáo, đề xuất Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các giải pháp tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị quyết này. Trước ngày 25 tháng 12 hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long báo cáo Lãnh đạo Bộ trình Thủ tướng Chính phủ.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan rà soát, cập nhật hoạt động của Hội đồng điều phối vùng, báo cáo Lãnh đạo Bộ và Chủ tịch Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long sửa đổi (nếu có) trong quý IV năm 2023.

c) Chủ động tham mưu, đề xuất, báo cáo Lãnh đạo Bộ, trình Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách, chương trình, dự án có quy mô vùng, có tính chất liên kết vùng và phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Chủ động rà soát, cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật do các bộ, cơ quan trung ương, địa phương có thành viên trong Hội đồng điều phối vùng chủ trì soạn thảo, trong đó có các nội dung về liên kết vùng.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan xây dựng Báo cáo điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long, thời gian trình quý IV năm 2023.

3. Giao Tổng cục Thống kê chủ trì theo dõi đánh giá các chỉ tiêu kinh tế - xã hội về: Tốc độ tăng trưởng bình quân/năm; quy mô nền kinh tế so với năm 2020; cơ cấu GRDP của vùng; GRDP bình quân đầu người/năm; Tỷ trọng lao động khu vực phi nông nghiệp. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, địa phương liên quan có Báo cáo đánh giá các chỉ tiêu tại Phụ lục I của Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2022.

4. Giao Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan dự thảo Quyết định về hoàn thiện khung pháp lý cho liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2026 - 2030, thời gian trình quý IV năm 2026.

5. Giao Vụ Kinh tế dịch vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan xây dựng Báo cáo nghiên cứu chính sách đặc biệt để phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Tháp thành khu kinh tế tổng hợp, thời gian trình quý IV năm 2023.

6. Giao Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan đề xuất cơ chế, đặc thù cần thiết để huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức đối tác công - tư (PPP) gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương, thời gian trình quý IV năm 2023.

7. Giao Vụ Quản lý quy hoạch chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan:

a) Giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 2 năm 2022.

b) Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch tỉnh của các địa phương trong Vùng phù hợp với Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Giám sát việc thực hiện quy hoạch tỉnh theo quy định.

8. Giao Văn phòng Bộ:

a) Phối hợp với các đơn vị trong Bộ xây dựng phương án bố trí nguồn kinh phí phù hợp từ ngân sách nhà nước để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ của Bộ tại Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị, báo cáo lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định

b) Tổng hợp nhiệm vụ của các đơn vị nêu trên trong Chương trình công tác của Bộ hàng năm để làm cơ sở đôn đốc, báo cáo Lãnh đạo Bộ tiến độ và kết quả thực hiện./.









THÀNH PHỐ HÀ NỘI



Hà Nội là Thủ đô, trái tim của cả nước, trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Với diện tích 3.359,82 km^2 và dân số 8,33 triệu người chiếm 8,5% cả nước. Hà Nội có 30 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 12 quận, 17 huyện và 1 thị xã. Đảng bộ Hà Nội là Đảng bộ lớn nhất cả nước với 50 đảng bộ trực thuộc và gần 10% đảng viên của toàn Đảng, có truyền thống đoàn kết, gương mẫu, trí tuệ và bản lĩnh.

Hà Nội đã sớm trở thành một trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa ngay từ những buổi đầu của lịch sử Việt Nam. Với vai trò thủ đô, Hà Nội là nơi tập trung nhiều địa điểm văn hóa giải trí, công trình thể thao quan trọng của đất nước, đồng thời cũng là địa điểm được lựa chọn để tổ chức nhiều sự kiện chính trị và thể thao quốc tế. Đây là nơi tập trung nhiều làng nghề truyền thống, đồng thời cũng là một trong ba vùng tập trung nhiều hội lễ của miền Bắc Việt Nam. Nền ẩm thực Hà Nội với nhiều nét riêng biệt cũng là một trong những yếu tố thu hút khách du

Mục tiêu đến năm 2030: Thủ đô Hà Nội là Thành phố "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại"; trở thành trung tâm, đông lực thuc đây phat triên vung đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ va ca nươc; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thu đô cac nươc phat triên trong khu vưc. Tầm nhìn đến năm 2045: là thành phô kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, với GRDP/người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà; tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tâm thu đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 15-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Phát huy truyền thống lịch sử ngàn năm văn hiến và anh hùng, vị trí, vai trò là "Trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng đồng bằng Sông Hồng và cả nước", Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội đã nghiêm túc quán triệt, triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020 và đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kinh tế duy trì tăng trưởng khá, đạt bình quân 6,83%/năm; GRDP/người năm 2020 đạt 5.325 USD, gấp 2,3 lần năm 2010. Quy mô, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện. Hạ tầng kinh tế, xã hội được nâng lên một bước; kết quả xây dựng nông thôn mới là dấu ấn nổi bật. Sự nghiệp phát triển văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân, công tác bảo đảm an sinh xã hội, tạo việc làm, giảm nghèo bền vững đạt nhiều kết quả tích cực; chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô không ngừng được nâng lên; diện mạo của Thủ đô có nhiều đổi thay, văn minh, hiện đại hơn. Chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh tiếp tục được giữ vững; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng; vai trò, vị thế, uy tín của Thủ đô ngày càng được nâng cao ở cả trong nước và quốc tế. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị tiếp tục được quan tâm, triển khai thực hiện có hiệu quả; năng lực, phương thức lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp uỷ, tổ chức đảng các cấp, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên có chuyển biến tích cực; sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp tiếp tục được đổi mới, nâng cao chất lượng.

Bên cạnh những kết quả và thành tích đã đạt được, Hà Nội vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém cần khắc phục. Nhiều tiềm năng, lợi thế của Thủ đô vẫn chưa được đánh giá, khai thác, phát huy đầy đủ. Tăng trưởng kinh tế chưa thực sự bền vững. Chưa hoàn thành một số mục tiêu, chỉ tiêu quan trọng Nghị quyết đã đề ra. Hà Nội chưa thể hiện rõ vai trò là trung tâm, động lực tăng trưởng và phát triển của vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; năng lực cạnh tranh còn thấp, nhất là so với khu vực và thế giới. Hạ tầng kinh tế, xã hội phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu; công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, xây dựng, phát triển đô thị, trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường còn hạn chế; phát triển kinh tế, xã hội, phát triển đô thị chưa toàn diện, thiếu đồng bộ; nhiều dự án lớn chậm được triển khai, gây lãng phí nguồn lực; việc quy hoạch xây dựng các đô thị vệ tinh không đạt kế hoạch. Phát triển văn hoá, xã hội, xây dựng con người Hà Nội chưa thực sự tương xứng với vai trò, vị thế, tiềm năng và nền tảng lịch sử - văn hoá ngàn năm văn hiến của Thủ đô. Hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở còn nhiều bất cập. Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên một số địa bàn vẫn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Liên kết, hợp tác giữa Thủ đô với các địa phương trong vùng và cả nước chưa hiệu quả. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn hạn chế; việc xây dựng, củng cố tổ chức bộ máy và công tác cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, cá biệt còn có cán bộ chủ chốt bị kỷ luật, bị xử lý hình sự ảnh hưởng đến uy tín của Đảng bộ.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do công tác quán triệt, thể chế hoá, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị hiệu quả chưa cao. Nhận thức của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò và trách nhiệm của Thủ đô chưa sâu sắc, toàn diện. Năng lực, phương thức lãnh đạo, sức chiến đấu, tư duy, tầm nhìn chiến lược, ý chí và khát vọng phát triển của một số cấp uỷ, tổ chức đảng còn hạn chế; năng lực, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa ngang tầm nhiệm vụ; ý thức, thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp chưa tốt. Một số cơ chế, chính sách đặc thù chưa phù hợp với yêu cầu, đặc điểm, nhiệm vụ phát triển Thủ đô. Việc phân công, phân cấp, phối hợp giữa các bộ, ngành Trung ương đối với Thủ đô có mặt chưa hợp lý, thiếu thường xuyên, kịp thời.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Thống nhất cao trong nhận thức về vị trí, vai trò quan trọng đặc biệt và yêu cầu, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến

năm 2045; tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của Thủ đô, kết hợp với nguồn lực của cả nước và nguồn lực quốc tế, xây dựng và phát triển Thủ đô thực sự xứng đáng là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trái tim của cả nước; trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế; xây dựng Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an ninh, an toàn; phát triển nhanh, bền vững, có sức lan toả để thúc đẩy vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước cùng phát triển.

- Phát triển Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại" là nhiệm vụ chính trị quan trọng đặc biệt trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với tinh thần "Cả nước vì Hà Nội, Hà Nội vì cả nước"; là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị; là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội.

- Tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế phát triển Thủ đô toàn diện, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế; kết hợp hài hoà phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại; kết hợp hài hoà, nhuần nhuyễn giữa giữ gìn bản sắc văn hoá với phát triển kinh tế và giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, trong đó văn hoá, con người vừa là mục tiêu, vừa là nền tảng, nguồn lực, động lực để phát triển Thủ đô.

- Đẩy mạnh xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị của Thủ đô Hà Nội thực sự gương mẫu, đoàn kết, trong sạch, vững mạnh toàn diện, tiêu biểu; xây dựng đội ngũ cán bộ Hà Nội có trình độ cao, có phẩm chất đạo đức trong sáng, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ là nhân tố có ý nghĩa quyết định; xây dựng người Hà Nội hào hoa, thanh lịch, nghĩa tình, văn minh, tiêu biểu cho văn hoá, lương tri và phẩm giá con người Việt Nam.

2. Mục tiêu và tầm nhìn

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Thủ đô Hà Nội là Thành phố "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại"; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2025 cao hơn mức tăng bình quân chung của cả nước; GRDP giai đoạn 2026 - 2030 tăng 8,0 - 8,5%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 12.000 - 13.000 USD.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Thủ đô Hà Nội là thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, với GRDP/người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà; tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Thủ đô; xây dựng Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại"

- Tập trung quán triệt, tuyên truyền, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, nhân dân Thủ đô và cả nước về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng và trách nhiệm phát triển Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến, anh hùng, trung tâm đầu não chính trị - hành chính của quốc gia, trung tâm lớn về văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế và hội nhập quốc tế.

- Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, ngàn năm văn hiến, anh hùng, hoà bình, hữu nghị, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và nhân dân Hà Nội.

2. Phát triển kinh tế Thủ đô nhanh và bền vững trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để phát triển kinh tế - xã hội; phát huy hiệu quả nguồn lực trí tuệ con người, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và các mô hình kinh tế mới gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động. Hỗ trợ phát triển bền vững, đồng bộ các thị trường tài chính, tiền tệ; thị trường chứng khoán; thị trường bất động sản; thị trường khoa học và công nghệ; thị trường lao động; thị trường dịch vụ văn hoá.

- Xây dựng một số ngành, sản phẩm công nghiệp sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, giá trị gia tăng cao; phát triển các sản phẩm làng nghề, nhất là các làng nghề truyền thống và các dịch vụ đặc trưng của Thủ đô. Ưu tiên phát triển sản xuất công nghiệp - công nghệ cao và các loại dịch vụ có giá trị gia tăng cao như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, logistics; phát triển công nghiệp văn hoá, du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn, nhất là du lịch văn hoá.

- Tập trung cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao; phấn đấu trở thành địa phương đi đầu

trong phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, lịch sử truyền thống dân tộc. Ưu tiên xây dựng vành đai xanh, bảo đảm môi trường sống. Chú trọng phát triển công nghệ giống, công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch, gắn với phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực để khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của Thủ đô về văn hoá, khoa học, công nghệ. Phát huy vai trò dẫn dắt, tạo động lực của đầu tư công kết hợp với khuyến khích, phát huy các nguồn vốn từ khu vực tư nhân, khu vực đầu tư nước ngoài, các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế…; khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ đất đai, tài nguyên gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên đầu tư, phát triển các chương trình mục tiêu, dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển hạ tầng số, kinh tế số, xã hội số, hạ tầng giao thông, đô thị thông minh, hạ tầng liên kết vùng. Có cơ chế, chính sách phù hợp để xử lý, thúc đẩy các dự án chậm triển khai, nhất là các dự án được phê duyệt từ trước thời điểm điều chỉnh mở rộng địa giới hành chính Thủ đô.

- Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước, hệ thống tổ chức tín dụng và hệ thống quỹ tài chính; phát triển các thành phần kinh tế, trong đó có cơ chế phù hợp thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng của kinh tế Thủ đô. Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ, kết nối theo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp trong vùng kinh tế và cả nước cũng như trong khu vực và thế giới. Chủ động thu hút có chọn lọc đầu tư nước ngoài; ưu tiên các ngành, lĩnh vực có đóng góp tích cực cho quá trình tái cơ cấu kinh tế; thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển đặt trụ sở tại Hà Nội. Quyết liệt cải cách hành chính, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi và tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp, tạo chuyển biến rõ nét về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh trong nước và quốc tế.

3. Phát triển mạnh mẽ sự nghiệp văn hoá, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, xứng đáng là trung tâm lớn về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế. Bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô

- Tập trung phát triển văn hoá Thủ đô xứng tầm với truyền thống nghìn năm Thăng Long - Hà Nội; xây dựng Hà Nội thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh

văn hoá của cả nước, trở thành nguồn lực phát triển mới cho Thủ đô. Tập trung bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, các di tích, công trình kiến trúc có giá trị, trọng tâm là các di sản thế giới, di tích quốc gia; đầu tư xây dựng một số công trình văn hoá, thể thao mới, tiêu biểu của Thủ đô (hệ thống nhà hát, quảng trường, tượng đài, công viên, tổ hợp thể thao, trung tâm hội chợ triển lãm…). Quan tâm đầu tư đúng mức để phát triển văn hoá, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn. Tăng cường tổ chức các sự kiện văn hoá, thể thao, du lịch, triển lãm và phát triển các sản phẩm văn hoá, du lịch có thương hiệu mang tầm quốc tế.

- Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo toàn diện. Xây dựng Thủ đô Hà Nội thực sự là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao, thích ứng với quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế... Có cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo; hệ thống trường có nhiều cấp học, trường chất lượng cao; các loại hình liên kết đào tạo trong nước và quốc tế.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và khu vực với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học. Phát triển mạnh thị trường khoa học - công nghệ; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia hoạt động đổi mới công nghệ, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Có cơ chế, chính sách thu hút, phát huy trí tuệ của đội ngũ trí thức, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế vào sự nghiệp xây dựng, phát triển Thủ đô.

- Xây dựng hệ thống y tế tiên tiến, hiện đại, tập trung phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; năng lực hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, hệ thống bác sĩ gia đình, bảo đảm chăm sóc toàn diện sức khoẻ nhân dân. Huy động các nguồn lực xã hội xây dựng mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; cơ sở nghiên cứu và chuyển giao công nghệ y, dược của tư nhân và đầu tư nước ngoài; gắn phát triển du lịch với chăm sóc sức khoẻ.

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tối đa các dịch vụ xã hội thiết yếu. Thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội, phấn đấu không còn hộ nghèo theo chuẩn của Thủ đô, nâng cao phúc lợi xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách chênh lệch giàu - nghèo giữa thành thị

và nông thôn. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ trẻ em, bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ; giải quyết hiệu quả các tệ nạn xã hội.

4. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, thực hiện nghiêm việc quản lý quy hoạch; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển và quản lý đô thị; khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường

- Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, thực hiện nghiêm kỷ cương quy hoạch và quản lý quy hoạch, bảo đảm công khai, minh bạch, có tầm nhìn chiến lược, tư duy đột phá, vừa phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có, vừa tạo ra nguồn lực, không gian và động lực phát triển mới cho Thủ đô, gắn kết hài hoà, hợp lý, góp phần thúc đẩy sự phát triển của các địa phương khác trong vùng và cả nước; trọng tâm là Quy hoạch Thủ đô thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với Sông Hồng là trục xanh, cảnh quan trung tâm, phát triển đô thị hài hoà hai bên sông của Hà Nội. Nghiên cứu tăng tỉ lệ đất phát triển đô thị; xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô tại khu vực phía Bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn) và phía Tây (vùng Hoà Lạc, Xuân Mai); xây dựng đô thị thông minh trên cơ sở phát triển khu vực hai bên trục Nhật Tân - Nội Bài; tập trung triển khai quy hoạch, đầu tư xây dựng, ổn định dân cư hai bên bờ Sông Hồng và Sông Đuống; quy hoạch phát triển không gian ngầm đô thị, không gian xanh và không gian công cộng. Quy hoạch xây dựng khu vực nông thôn hài hoà, gắn với phát triển đô thị, giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống, kết nối đồng bộ với quy hoạch khu vực đô thị; khai thác hiệu quả cảnh quan thiên nhiên vùng nông thôn kết hợp với phát triển du lịch xanh.

- Tập trung đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Thủ đô một cách tổng thể, đồng bộ, hiện đại và hiệu quả; trong đó chú trọng phân bổ, ưu tiên hợp lý nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, kết hợp với đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội cho các dự án kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức đối tác công tư (PPP), gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho Thủ đô. Đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại; hoàn thành xây dựng các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc, đường vành đai, hệ thống đường kết nối nội vùng và liên vùng theo quy hoạch, đồng bộ với quy hoạch kiến trúc, cảnh quan, xây dựng đô thị văn minh, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ các dự án đường sắt đô thị; đầu tư xây dựng thêm các cầu qua Sông Hồng, Sông Đuống. Phấn đấu hoàn thành đường Vành đai 4 trước năm 2027 và chuẩn bị đầu tư, xây dựng đường Vành đai 5 trước năm 2030. Mở rộng, nâng cấp sân bay quốc tế Nội Bài; nghiên cứu, xây dựng thêm 1 sân bay quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển vùng Thủ đô và khu vực phía Bắc.

- Phát triển đô thị Hà Nội thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị phía Bắc và cả nước. Tập trung hình thành một số cực tăng trưởng mới; từng bước tạo ra chùm đô thị, các đô thị vệ tinh, mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) đi đôi với quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng và gia tăng dân số tại khu vực đô thị trung tâm. Phấn đấu đến năm 2025 có 3 - 5 huyện và đến năm 2030 có thêm 1 - 2 huyện phát triển thành quận. Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị và khai thác hiệu quả, bền vững các công trình, không gian lịch sử văn hoá tại khu vực nội đô lịch sử. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, thực hiện hiệu quả việc cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ; di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện theo quy hoạch ra khỏi khu vực nội thành; ưu tiên sử dụng quỹ đất sau di dời để xây dựng công trình công cộng, phúc lợi xã hội.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý đô thị; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, thực hiện tốt công tác quản lý đô thị, đặc biệt là trật tự xây dựng, giảm thiểu, tiến tới chấm dứt ùn tắc giao thông. Khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững nguồn lực về tài nguyên, nhất là đất đai; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tạo chuyển biến rõ nét trong công tác bảo vệ môi trường, hướng tới xây dựng Thủ đô xanh, sạch, đẹp, phát triển bền vững; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng không khí; xử lý cơ bản ô nhiễm môi trường nước các hệ thống sông, hồ; hoàn thành cải tạo môi trường Sông Nhuệ - Sông Đáy, sông Tô Lịch; các chương trình chống úng, ngập; hạ tầng xử lý rác thải, nước thải, cây xanh đô thị... theo quy hoạch.

5. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội Thủ đô trong mọi tình huống

- Thực hiện tốt nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên là bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; theo dõi sát, nắm chắc tình hình, chủ động phương án ứng phó kịp thời, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn, tạo môi trường hoà bình, ổn định, an ninh, an toàn để xây dựng, phát triển Thủ đô và đất nước. Tập trung xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

- Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh, xây dựng vững chắc thế trận lòng dân; đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ các cấp, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng - an ninh; chú trọng xây dựng các công trình có tính lưỡng dụng cao.

Thẩm định chặt chẽ các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế, đầu tư nước ngoài tại khu vực chiến lược về quốc phòng, an ninh; bảo đảm phát triển kinh tế Thủ đô với quy hoạch tổng thể bố trí thế trận quốc phòng, an ninh trong khu vực phòng thủ.

- Triển khai quyết liệt các giải pháp trong phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp, điều tra, xử lý các loại tội phạm. Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, các đối tượng cơ hội chính trị phản động. Tăng cường rà soát, triệt phá các băng, nhóm tội phạm có tổ chức; tội phạm xuyên quốc gia; tội phạm sử dụng công nghệ cao; tội phạm kinh tế, môi trường, ma tuý; tội phạm có tính côn đồ, xã hội đen…

6. Đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, hợp tác phát triển, nâng cao vị thế, uy tín của Thủ đô

- Đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; chủ động và tích cực nắm bắt cơ hội, nhất là các hiệp định thương mại thế hệ mới; củng cố các mối quan hệ truyền thống, mở rộng hợp tác với các thủ đô, thành phố trên thế giới. Tăng cường đối ngoại nhân dân; tích cực tuyên truyền, thông tin đối ngoại về Thủ đô với bạn bè quốc tế và đồng bào ta ở nước ngoài.

- Nêu cao trách nhiệm "Hà Nội vì cả nước, cùng cả nước", chủ động phối hợp với các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các địa phương trong cả nước và các tổ chức quốc tế trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô.

7. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

- Quyết liệt, kiên trì thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ; xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, liên thông, hiệu lực, hiệu quả, gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi nhiệm vụ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đi đôi với chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, giám sát việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng và cơ chế, chính sách, quy định pháp luật của Nhà nước, nhất là ở cấp cơ sở; thực hiện nghiêm quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cấp uỷ, chính quyền các cấp, cá thể hoá trách nhiệm cá nhân…

- Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có năng lực, trình độ cao, chuyên nghiệp, có bản lĩnh, phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có ý chí vươn lên, khát vọng cống hiến cho sự nghiệp phát triển Thủ đô.

Có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế; thực hiện tốt cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, vì lợi ích chung theo quy định.

- Tiếp tục đổi mới hiệu quả phương thức lãnh đạo của Đảng, năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội các cấp và các hội quần chúng; xây dựng, củng cố khối đoàn kết toàn dân, mở rộng, phát huy dân chủ trong Đảng và trong xã hội, phát huy vai trò của nhân dân vừa là trung tâm, chủ thể, vừa là đối tượng thụ hưởng các thành tựu trong quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô.

8. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về Thủ đô với cơ chế, chính sách phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới

- Trên cơ sở tổng kết, bổ sung, sửa đổi Luật Thủ đô, khẩn trương rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật với các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội cho Thủ đô; xác lập rõ vị trí, vai trò, trách nhiệm và quyền hạn, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của Hà Nội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, tạo chuyển biến rõ nét về môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, chú trọng tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi và tiết giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền cho Thủ đô trên một số lĩnh vực nhằm tạo sự chủ động, tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Thủ đô gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực; các chương trình, dự án kết nối liên vùng, liên tỉnh, phục vụ đa mục tiêu, kết nối hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực của vùng…

- Sớm tổng kết mô hình thí điểm việc thực hiện không tổ chức Hội đồng nhân dân cấp phường trên địa bàn Hà Nội, hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền Thủ đô theo hướng tinh gọn, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, liên thông, phù hợp với vai trò, vị trí và yêu cầu phát triển, quản lý Thủ đô trong giai đoạn phát triển mới.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp, các ngành, các địa phương trong cả nước, nhất là Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô Hà Nội cần quán triệt sâu sắc Nghị quyết; chủ động phối hợp, xây dựng các chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo sửa đổi Luật Thủ đô và một số luật có liên quan theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho Hà Nội, trong đó lưu ý đến việc chủ động nguồn thu, nhiệm vụ chi nhằm ưu tiên hơn nữa nguồn lực đầu tư cho phát triển, bảo đảm kinh phí thực hiện các dự án trọng điểm quốc gia trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. Chuẩn bị và trình Quốc hội xem xét, thông qua Luật Thủ đô sửa đổi. Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp cho chính quyền Thủ đô Hà Nội thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặc thù của Thủ đô, trọng tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, môi trường, dân cư, tổ chức bộ máy, biên chế… Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị và đầu tư xây dựng mới các công trình, dự án trọng điểm quốc gia về hạ tầng giao thông, thuỷ lợi, môi trường, đô thị trên địa bàn, nhất là đường Vành đai 4, Vành đai 5. Sớm điều chỉnh, phê duyệt tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; nghiên cứu tăng tỉ lệ đất phát triển đô thị và xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô. Định kỳ hằng năm, hoặc khi cần thiết, làm việc với Thủ đô Hà Nội để kiểm điểm, đánh giá tiến độ thực hiện Nghị quyết.

4. Các cấp uỷ, tổ chức đảng và hệ thống chính trị của Hà Nội triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ sự đồng thuận xã hội, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân nhằm sớm đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống.

Hà Nội có trách nhiệm chủ động phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương sớm nghiên cứu, đề xuất bổ sung, sửa đổi Luật Thủ đô, hoàn thiện các quy hoạch có liên quan đến Thủ đô, ban hành các văn bản hướng dẫn, cơ chế, chính sách để tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ phát triển hằng năm, các chương trình, dự án trọng điểm trên địa bàn. Đẩy mạnh việc liên kết, hợp tác, thúc đẩy với các địa phương trong vùng và cả nước cùng phát triển, đồng thời tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác nước ngoài.

5. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương phối hợp với Thủ đô Hà Nội xây dựng các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết; thường xuyên kiểm tra, phối hợp, giúp Hà Nội tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng và phát triển.

6. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trong cả nước, nhất là trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng Sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, tích cực phối hợp với Thủ đô Hà Nội tăng cường các hình thức liên kết, hợp tác phù hợp với nhu cầu và thế mạnh của các địa phương, tạo sự thống nhất và sức mạnh tổng hợp về kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh cho Thủ đô Hà Nội, cho mỗi địa phương, cho toàn vùng và cả nước.

7. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội tăng cường lãnh đạo, vận động các tổ chức thành viên, đoàn viên, hội viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có trách nhiệm tham gia, đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển Thủ đô.

8. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì phối hợp với Thành uỷ Hà Nội và các cơ quan liên quan hướng dẫn việc tuyên truyền và quán triệt thực hiện Nghị quyết.

9. Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; phối hợp với Thành uỷ Hà Nội định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương, các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm soát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, QHĐP (3)Q.Cường;108

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động nhằm thống nhất chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành và nhân dân Thủ đô Hà Nội về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến, trung tâm đầu não chính trị - hành chính của quốc gia, trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Thủ đô và cả nước; đến năm 2030, trở thành Thành phố có sức cạnh tranh cao trong khu vực và thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

2. Chương trình hành động phải cụ thể hóa Nghị quyết số 15-NQ/TW và quán triệt định hướng phát triển và phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; xác định các nhiệm vụ chủ yếu, thể hiện các giải pháp cụ thể và thiết thực, được tổ chức tốt để thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết số 15-NQ/TW.

3. Chương trình hành động phải thể hiện được vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô đồng thời xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ và các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô và cả nước tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án trọng điểm, quan trọng của Hà Nội; xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp cho chính quyền Thủ đô Hà

Nội thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặc thù của Thủ đô; tăng cường các hình thức liên kết, hợp tác phù hợp với nhu cầu và thế mạnh của từng địa phương và mở rộng hợp tác quốc tế.

4. Phấn đấu đạt các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đã đề ra trong Nghị quyết

a) Giai đoạn từ nay đến năm 2030:

- Thủ đô Hà Nội là thành phố "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại"; trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Thủ đô và cả nước; hội nhập quốc tế sâu rộng, có sức cạnh tranh cao với khu vực, thế giới, phấn đấu phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hàng năm giai đoạn 2021-2025 tăng khoảng 7,5% - 8,0%[1]; GRDP giai đoạn 2026-2030 tăng 8,0 - 8,5%/năm; GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt khoảng 8.300-8.500 USD, đến năm 2030 đạt khoảng 12.000 - 13.000 USD; Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đến năm 2025 đạt khoảng 17%, đến năm 2030 đạt khoảng 20%; Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đến năm 2025 đạt khoảng 30%, đến năm 2030 đạt khoảng 40%; Tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong giá trị sản xuất nông nghiệp đến năm 2025 đạt 70%, đến năm 2030 đạt 80%; Năng suất lao động tăng bình quân đến năm 2025 đạt 7,0-7,5%, đến năm 2030 đạt 7,5%; Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt khoảng 60-62%, đến năm 2030 đạt 75%; Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đến năm 2025 đạt 50-55%, đến năm 2030 đạt 100%.

b) Tầm nhìn đến năm 2045: Thủ đô Hà Nội là thành phố kết nối toàn cầu, có mức sống và chất lượng cuộc sống cao, với GRDP bình quân đầu người đạt trên 36.000 USD; kinh tế, văn hoá, xã hội phát triển toàn diện, đặc sắc và hài hoà; tiêu biểu cho cả nước; có trình độ phát triển ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các chỉ tiêu cụ thể nêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin, tạo sự đồng thuận trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW

- Các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và cả nước tập trung triển khai ngay công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết trong toàn

[1] Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020-2025) Đảng bộ thành phố Hà Nội.

thể đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý làm chuyển biến nhận thức và quyết tâm cao của các ngành, các cấp. Tiếp tục phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, ngàn năm văn hiến, anh hùng, hoà bình, hữu nghị, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và nhân dân Hà Nội.

- Công tác tuyên truyền về Nghị quyết cần được tiến hành với quy mô sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, kết hợp với việc tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố gắn với từng giai đoạn, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như những tiềm năng, lợi thế, vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của Thủ đô Hà Nội để tiếp tục tạo ra sự phát triển bứt phá mới trong những năm tới.

- Các bộ, cơ quan liên quan và tỉnh, thành phố trong cả nước chủ động phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết; tăng cường ứng dụng công nghệ truyền thông mới, áp dụng nhiều hình thức, phương thức đa dạng để phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết đạt hiệu quả cao nhất.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền đối ngoại về Thủ đô Hà Nội nói chung và mục tiêu xây dựng, phát triển Thủ đô trở thành đô thị thông minh, hiện đại, xanh, sạch, đẹp, an toàn, phát triển nhanh và bền vững; là trung tâm chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, hội nhập quốc tế.

2. Phát triển kinh tế Thủ đô nhanh và bền vững trên cơ sở tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực

a) Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học và công nghệ cao và đổi mới sáng tạo là động lực then chốt để phát triển kinh tế xã hội. Trong đó, ưu tiên phát huy hiệu quả nguồn lực trí tuệ con người, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; nâng cao tỷ lệ kinh tế số trong quy mô nền kinh tế; xây dựng và phát triển một số ngành - chuỗi sản phẩm công nghiệp, dịch vụ hiện đại, đặc trưng trở thành những trụ cột phát triển của kinh tế Thủ đô như: công nghiệp - công nghệ cao, dịch vụ tài chính - ngân hàng, logistics, phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa. Cụ thể:

- Hình thành và phát triển các mô hình kinh tế mới (kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm,...); thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phát triển thương mại điện tử và kinh tế số, đảm bảo đầy đủ quyền tự do, an toàn trong

hoạt động kinh doanh cho người dân và doanh nghiệp; trong đó việc chuyển đổi số là một nhiệm vụ quan trọng trong chỉ đạo, điều hành.

- Phát triển mạnh các loại dịch vụ trình độ chất lượng cao như: Dịch vụ tư vấn đối với khoa học - công nghệ, y tế, giáo dục - đào tạo, tài chính,... để đưa Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch mang tầm khu vực và quốc tế. Phát triển loại hình giáo dục, đào tạo, các dịch vụ y tế chuyên sâu chất lượng cao ngang tầm với các nước phát triển trong khu vực và thế giới. Phát triển nền tư pháp số để Thủ đô Hà Nội trở thành nơi giải quyết, xử lý tư pháp tốt của cả nước, khu vực và thế giới.

- Tiếp tục thực hiện việc cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng tập trung phát triển công nghiệp mũi nhọn có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao: cơ khí chế tạo; công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông, phần mềm, sản phẩm số,...; điện, điện tử; công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng, trí tuệ nhân tạo, cơ sở dữ liệu lớn (block chain); công nghệ sinh học, công nghệ y học, công nghiệp dược,..

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, xây dựng hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh giống phục vụ nhu cầu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thủ đô và các tỉnh lân cận; xây dựng nông thôn xanh, hiện đại, giàu bản sắc; xây dựng người nông dân văn minh, có kỹ năng, trình độ, là chủ thể xây dựng, thụ hưởng thành quả phát triển. Chuyển mạnh từ xây dựng các "chuỗi cung ứng nông sản" sang phát triển các "chuỗi giá trị ngành hàng". Hình thành một số khu, cụm liên kết ngành phục vụ sản xuất nông nghiệp (kho tàng, bến bãi, nhà máy chế biến, trạm trại giống...). Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến gắn với thị trường tiêu thụ nông sản chính của Thủ đô và phát triển các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số.

b) Tập trung nguồn lực để đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Thành phố một cách tổng thể, đồng bộ, hiện đại và hiệu quả, trong đó chú trọng phân bổ, ưu tiên hợp lý nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, kết hợp với đẩy mạnh công tác xã hội hóa thu hút nguồn vốn đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là phương thức đối tác công tư (PPP); thu hút và sử dụng hiệu quả hơn vốn đầu tư hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay của các nhà tài trợ, phấn đấu xây dựng và phát triển thành phố Hà Nội trở thành đô thị thông minh, hiện đại, có bản sắc, mang tính dẫn dắt, tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị phía Bắc và cả nước.

c) Phát triển mạnh các thành phần kinh tế để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô Hà Nội

- Cơ cấu lại, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo hướng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn của doanh nghiệp nhà nước trong các ngành nghề, lĩnh vực mà Nhà nước không cần nắm giữ hoặc

không giữ quyền chi phối. Tập trung xử lý dứt điểm các tổng công ty nhà nước, các dự án, công trình đầu tư của doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài.

- Phát triển đầy đủ, đồng bộ các thị trường, nhất là thị trường tài chính, tiền tệ, khoa học và công nghệ, lao động, văn hóa.

- Tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế; thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, chất lượng. Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ, kết nối theo chuỗi giá trị với các doanh nghiệp trong vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước cũng như trong khu vực và thế giới.

- Phát triển khu vực kinh tế tập thể, tạo điều kiện thuận lợi để các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển hiệu quả trong mọi lĩnh vực. Đồng thời, chú trọng phát triển kinh tế tư nhân, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân thực sự thành một động lực quan trọng, tạo đột phá trong phát triển kinh tế xã hội của thành phố, đặc biệt trong ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế như chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, du lịch, thương mại, dịch vụ logistics, ngân hàng,...

- Chủ động thu hút đầu tư trực tiếp nước có chọn lọc, ưu tiên các ngành, lĩnh vực có đóng góp tích cực cho quá trình tái cấu trúc kinh tế theo hướng bền vững, xanh, thông minh, hiện đại, đổi mới sáng tạo, đem lại giá trị gia tăng cao, khuyến khích các dự án có quy mô lớn, có hàm lượng công nghệ, công nghệ hiện đại sử dụng tiết kiệm năng lượng có khả năng lan tỏa, gắn kết, kéo theo sự phát triển của doanh nghiệp trong nước; thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển đặt trụ sở tại Hà Nội.

3. Phát triển mạnh mẽ sự nghiệp văn hóa, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh, xứng đáng là trung tâm lớn về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế. Bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô

a) Tập trung phát triển văn hóa Thủ đô xứng tầm với truyền thống nghìn năm Thăng Long - Hà Nội.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách để có nguồn lực đầu tư hợp lý phát triển văn hóa của Thủ đô. Tập trung đầu tư bảo tồn, phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quốc gia, di sản thế giới, các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa lịch sử trên địa bàn; đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa một số công trình văn hóa, thể thao mới, mang tính biểu tượng, tiêu biểu của Thủ đô (tượng đài, quảng trường, bảo tàng, nhà hát, công viên, trung tâm văn hóa, điện ảnh…)

- Triển khai chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn về phát triển văn hóa và con người Thủ đô. Đưa văn hóa và con người Hà Nội thực sự trở

thành giá trị tinh thần to lớn, nguồn lực nội sinh quan trọng quyết định sự phát triển bền vững Thủ đô.

- Phát huy hiệu quả, giá trị mô hình Hà Nội – Thành phố sáng tạo về thiết kế trong Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO, phấn đấu trở thành trung tâm hội tụ thiết kế và đổi mới ở khu vực – kinh đô sáng tạo của Đông Nam Á.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Thủ đô. Tiếp tục xây dựng Thủ đô Hà Nội tham gia vào "Mạng lưới các thành phố sáng tạo của UNESCO" trong các lĩnh vực thủ công mỹ nghệ và nghệ thuật dân gian; ẩm thực; văn học và âm nhạc…

b) Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng Thủ đô Hà Nội là trung tâm lớn, tiêu biểu của cả nước về giáo dục, đào tạo chất lượng cao đáp ứng được quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo hội nhập với khu vực và quốc tế. Tăng cường đầu tư, phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội theo hướng có trọng tâm, trọng điểm phát triển ngang tầm các đại học có chất lượng cao trong khu vực.

- Nghiên cứu xây dựng phát triển các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nguồn nhân lực tại chỗ, đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số quốc gia, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đồng thời, phát triển được đội ngũ nhân lực, các nhà quản trị có khả năng ứng dụng công nghệ và phát triển các dịch vụ hiện đại trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, logistics, bảo hiểm, công nghệ thông tin, phân phối bán lẻ, tư vấn, dịch vụ phát triển kinh doanh.

- Phấn đấu phát triển giáo dục nghề nghiệp Thủ đô đạt và vượt các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển giáo dục nghề nghiệp tại Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, trong đó đẩy mạnh đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao; hình thành các trung tâm Quốc gia, trung tâm Vùng về đào tạo và thực hành nghề chất lượng cao trên địa bàn Thủ đô.

c) Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển Thủ đô hiện đại văn minh; lấy doanh nghiệp làm trung tâm, tạo động lực phát triển mới, nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả và sức cạnh tranh của kinh tế Thủ đô.

- Xây dựng môi trường số kết nối, triển khai nền tảng kết nối để chia sẻ dữ liệu khoa học công nghệ, để khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên và thành quả nghiên cứu khoa học công nghệ.

- Thí điểm hợp tác đầu tư, hỗ trợ hình thành Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) ở một số doanh nghiệp ở một số ngành, lĩnh vực ưu tiên nhằm phát triển sản phẩm mới, mở rộng thị trường, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm;

có mức ưu đãi phù hợp đối với các doanh nghiệp thực hiện đề tài, dự án ươm tạo công nghệ, đổi mới công nghệ.

- Tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng, phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc thành Trung tâm nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo của Hà Nội và của quốc gia. Đến năm 2030, Thủ đô Hà Nội nằm trong nhóm dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, công nghệ 5G và sau 5G. Đến năm 2045, là một trong những Trung tâm nghiên cứu hàng đầu về một số lĩnh vực khoa học cơ bản (toán học, vật lý, y học,...) trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á.

- Tiếp cận và tận dụng tối đa cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để phát triển các lĩnh vực có nhiều tiềm năng và lợi thế như: nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ xử lý môi trường, y tế, công nghệ số, khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, in 3D, phát triển du lịch...

- Xây dựng chương trình trọng điểm phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm chủ lực của Thủ đô trên cơ sở các hoạt động hỗ trợ ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ, áp dụng các tiêu chuẩn hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, áp dụng chỉ dẫn địa lý, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu sản phẩm...

- Phát triển Sàn giao dịch công nghệ Hà Nội tiến tới là sàn giao dịch công nghệ quốc gia kết nối liên thông với các trung tâm công nghệ lớn của thế giới. Hình thành và phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ đánh giá, định giá công nghệ, môi giới chuyển giao công nghệ, tài sản trí tuệ. Kết nối nền tảng trực tuyến về hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo quốc gia và thành phố Hà Nội. Xây dựng bộ chỉ số đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển văn hóa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn.

- Tăng cường đầu tư, hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tìm kiếm công nghệ tiên tiến, thúc đẩy hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh Thủ đô.

d) Xây dựng hệ thống y tế tiên tiến, hiện đại, một số lĩnh vực tiệm cận các nước phát triển trên thế giới.

- Đầu tư các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa trong lĩnh vực y tế; hình thành hệ thống khám chữa bệnh theo mô hình liên kết giữa các bệnh viện, trung tâm chuyên khoa thành phố với

các trung tâm y tế cấp huyện, y tế tư nhân để nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến.

- Phát triển hệ thống y tế phổ cập, mô hình bác sỹ gia đình gắn với chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Năm 2025, hoàn thành xây dựng, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân, 100% người dân được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

đ) Gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ xã hội, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô.

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân, mở rộng đối tượng thuộc diện thụ hưởng chính sách; chủ động bố trí nguồn lực và tạo điều kiện tối đa cho người dân tiếp cận với các dịch vụ xã hội, nhất là y tế, giáo dục, dạy nghề, trợ giúp pháp lý, nhà ở,...

- Thực hiện đồng bộ các chính sách xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao phúc lợi xã hội hướng tới phát triển bền vững, thu hẹp khoảng cách giàu, nghèo giữa thành thị và nông thôn; nâng mức trợ cấp xã hội thường xuyên, trợ giúp khẩn cấp phù hợp với khả năng ngân sách thành phố.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước quyên góp, ủng hộ, tài trợ, đầu tư vào các hoạt động trợ giúp xã hội, tạo nguồn lực để nâng mức hỗ trợ đối với người cao tuổi, người nghèo, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, trợ giúp xã hội trong thiên tai dịch bệnh; các hoạt động về tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển các mô hình quản lý sau cai nghiện,...

- Thực hiện các giải pháp giải quyết việc làm, đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động, nâng cao hiệu quả hoạt động vay vốn, giải quyết việc làm; ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết các chính sách an sinh xã hội, thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động; ngăn chặn, đấu tranh, phòng ngừa các tệ nạn xã hội.

- Thực hiện tốt công tác dân tộc và các chính sách về dân tộc, tôn giáo; ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng các cơ sở, mô hình tập luyện, sân chơi, câu lạc bộ thể dục, thể thao trong nhà, ngoài trời,... Xây dựng trung tâm thể thao đóng vai trò là trung tâm thể thao trọng điểm làm chức năng trung tâm vùng đồng thời là trung tâm thể thao cấp quốc gia; bố trí đất dành cho hoạt động thể dục, thể thao duy trì ổn định từ 3,5m^2 đến 04m^2/người dân. Tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ, y sinh học thể thao hiện đại.

4. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, thực hiện nghiêm việc quản lý quy hoạch; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển và quản lý đô thị; khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường

a) Về công tác quy hoạch

- Khẩn trương hoàn thành việc lập Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Rà soát, hoàn thành điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với sông Hồng là trục xanh, cảnh quan trung tâm, phát triển đô thị hài hoà hai bên sông của Hà Nội.

- Phối hợp với các địa phương trong vùng Thủ đô Hà Nội thực hiện có hiệu quả hoặc rà soát, báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 theo hướng toàn diện hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển của Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong giai đoạn tới.

- Đẩy nhanh việc lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm giai đoạn 2021-2025 của thành phố Hà Nội, lập và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện để đảm bảo quỹ đất phù hợp, thống nhất với các quy hoạch đã được phê duyệt. Kiểm soát chặt chẽ quy trình chuyển đổi đất nông thôn thành đất đô thị theo quy hoạch và chương trình phát triển đô thị.

- Khẩn trương xây dựng và triển khai hiệu quả các quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, sông Đuống để sắp xếp ổn định dân cư hai bên sông; quy hoạch và phát triển các đô thị vệ tinh, nội đô lịch sử, trong đó trước mắt nghiên cứu xây dựng thành phố (đô thị loại II) trực thuộc Thủ đô; sớm nghiên cứu xác định và xây dựng quy hoạch phát triển các đô thị có vị trí, chức năng đặc thù, gắn với khu công nghiệp, khu chế xuất, bến cảng, sân bay,...

- Phối hợp với các bộ, ngành và các địa phương trong vùng tổ chức lập quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng ở ngoại thành phục vụ việc di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện ra khỏi khu vực nội thành; xây dựng lộ trình và biện pháp di dời phù hợp với điều kiện, địa điểm cụ thể và đặc điểm của từng cơ sở cần phải di dời, bảo đảm tính khả thi.

- Tổ chức, rà soát, điều chỉnh các đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch phát triển đô thị kết nối đồng bộ, gắn với quy hoạch xây dựng

nông thôn, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống, khai thác hiệu quả cảnh quan thiên nhiên vùng nông thôn kết hợp với phát triển du lịch xanh.

- Tổ chức lập và sớm hoàn thành các quy hoạch bảo tồn và phát huy giá trị các khu vực di sản đô thị, khu vực nội đô lịch sử; không gian văn hóa đô thị đáp ứng nhu cầu sáng tạo của người dân; quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt trên địa bàn Thành phố.

- Xây dựng hệ thống dữ liệu về quy hoạch phát triển đô thị; ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS và công nghệ số, nền tảng số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị; đảm bảo quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch, gắn với quản lý không gian hành chính đô thị.

b) Tập trung đầu tư hoàn thành các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trong đó:

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng các tuyến đường quốc lộ, đường cao tốc, đường xuyên tâm, đường vành đai, hệ thống đường kết nối nội vùng và liên vùng theo quy hoạch, đồng bộ với quy hoạch kiến trúc, cảnh quan, xây dựng đô thị văn minh hiện đại của Thủ đô; đầu tư xây dựng thêm các cầu qua sông Hồng, sông Đuống với kiến trúc đẹp hiện đại, đặc trưng cho bản sắc và tạo điểm nhấn cho Thủ đô Hà Nội; hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật; cải tạo chỉnh trang, phục hồi hệ thống sông Hồng, phát huy giá trị cảnh quan lịch sử,...; các dự án giao thông trên cao, hệ thống đường sắt đô thị trên cao và ngầm, các công trình ngầm gắn với khả năng kết nối đồng bộ giữa các hệ thống giao thông công cộng và loại hình vận tải hành khách công cộng khác; khẩn trương hoàn thành đưa vào vận hành khai thác thương mại các tuyến đường sắt đô thị.

- Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng logistics của Hà Nội trở thành điểm trung chuyển để kết nối với các quốc gia, địa phương trong cả nước về đường bộ, đường sắt, hàng không và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động logistics, hình thành, xây dựng mô hình dịch vụ logistics điện tử. Quy hoạch và xây dựng hạ tầng số đồng bộ trong quy hoạch và xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.

- Phấn đấu hoàn thành đường Vành đai 4 trước năm 2027 và chuẩn bị đầu tư, xây dựng đường Vành đai 5 trước năm 2030.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Thủ đô tại khu vực phía bắc (vùng Đông Anh, Mê Linh, Sóc Sơn) và phía Tây (vùng Hòa Lạc, Xuân Mai) và mô hình đô thị thông minh trên cơ sở phát triển khu vực hai bên trục đường Nhật Tân - Nội Bài.

c) Xây dựng phát triển và quản lý đô thị.

- Nghiên cứu tăng tỷ lệ đất phát triển đô thị phù hợp với quy hoạch, hoàn chỉnh mô hình cấu trúc phát triển Thủ đô; tập trung hình thành một số cực tăng

trưởng mới. Phấn đấu đến năm 2025, có từ 3-5 huyện phát triển thành quận; đến năm 2030 có thêm 1-2 huyện phát triển thành quận.

- Từng bước tạo ra chùm đô thị, các đô thị vệ tinh, mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD), theo các tuyến đường vành đai, tuyến đường kết nối nội vùng, liên vùng, tuyến đường sắt đô thị nhằm giảm tải cho đô thị trung tâm. Quản lý chặt chẽ việc phát triển nhà ở cao tầng và gia tăng dân số tại khu vực đô thị trung tâm.

- Xây dựng hạ tầng đô thị thông minh với ứng dụng mạng lưới kết nối số phục vụ cho quản lý và vận hành đô thị, góp phần xây dựng đô thị thông minh. Xây dựng thương hiệu đô thị để phát huy kinh tế đô thị cho một số khu vực trọng điểm.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực từ các nhà đầu tư chiến lược cho phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng theo quy hoạch đã được phê duyệt và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Thường xuyên cải tạo, chỉnh trang, phục hồi, tái thiết đô thị hiệu quả để nâng cao hiệu quả sử dụng đất; khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử các không gian công cộng trong phát triển kinh tế đô thị gắn với bảo tồn không gian lịch sử văn hóa, truyền thống và cảnh quan, xanh, sạch đẹp và khang trang tại khu vực nội đô lịch sử.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đô thị, quản lý an ninh trật tự đô thị, an toàn giao thông,...; tăng cường kỉ cương, kỷ luật và nâng cao chất lượng quản lý đô thị, trật tự xây dựng, quản lý chặt chẽ và khai thác hợp lý các không gian công cộng trong phát triển kinh tế khu vực đô thị.

d) Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với với biến đổi khí hậu.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cụ thể triển khai pháp luật về bảo vệ môi trường, đưa nội dung bảo vệ môi trường và ứng phó với với biến đổi khí hậu vào quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án,... theo hướng chủ động phòng ngừa và kiểm soát nguồn gây ô nhiễm tác động xấu đến môi trường, tạo chuyển biến rõ nét trong công tác bảo vệ môi trường để xây dựng Thủ đô xanh, sạch, đẹp phát triển bền vững; giải quyết các vấn đề môi trường "nóng" như ô nhiễm môi trường nước, ô nhiễm không khí tại đô thị, ô nhiễm tiếng ồn, công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt,… đặc biệt là đối với sông Tô Lịch.

- Xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2050. Khuyến khích và có các biện pháp hỗ trợ các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn thành phố chuyển đổi sang loại hình khu công nghiệp sinh thái hoặc xây dựng mới các khu công nghiệp sinh thái nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, năng lượng,

nâng cao tính cạnh tranh của khu công nghiệp trong thu hút đầu tư và phát triển bền vững.

- Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị, quản lý và xử lý hiệu quả các vấn đề về nhà ở đô thị, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, trật tự và an toàn giao thông, xử lý chất thải, nước thải và bảo đảm vệ sinh môi trường. Thực hiện hoàn thiện và chuẩn hóa hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu về đất đai và tài nguyên vào năm 2025.

- Rà soát các dự án đã được giao đất, cho thuê đất và dự án chưa được giao đất để kịp thời điều chỉnh dự án hoặc thu hồi nhằm tạo quỹ đất đầu tư các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, xây dựng nhà ở tái định cư, nhà ở cho người thu nhập thấp.

- Tăng cường quản lý và bảo vệ nguồn nước, môi trường các lưu vực sông, xử lý ô nhiễm khu vực cửa sông, hệ thống hồ ao; đảm bảo an ninh nguồn nước sinh hoạt, sản xuất; xử lý hệ thống nước thải kết hợp với hành lang thoát lũ và chỉnh trang xây dựng các không gian xanh đô thị nhằm từng bước khắc phục tình trạng ngập úng trên địa bàn thành phố. Tập trung hoàn thành cải tạo môi trường sông Nhuệ - Đáy, sông Tô Lịch, sông Tích, các chương trình chống úng, ngập; hạ tầng xử lý rác thải, nước thải, cây xanh đô thị,.. theo quy hoạch đô thị. Thực hiện việc lập, công bố danh mục hồ, ao không được san lấp; hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Dự báo và xây dựng kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của thành phố Hà Nội giai đoạn 2021 – 2030 và kế hoạch thực hiện Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng và triển khai mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường, hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn và ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng, thực hiện quy hoạch, kế hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng các loại tài nguyên trên địa bàn Thủ đô gắn với công tác đánh giá tác động môi trường và đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu. Khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, sử dụng các loại nguyên vật liệu mới thân thiện với môi trường để thay thế các loại vật liệu truyền thống.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giám sát các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đất đai theo hướng tăng cường thanh tra đột xuất và giảm thanh tra theo kế hoạch. Bên cạnh đó, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về môi trường của các cấp quản lý và mọi người dân để cùng thực hiện tốt Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

- Sau khi di dời các nhà máy, trường đại học, cao đẳng, trường nghề ra khỏi khu vực nội đô, giữ lại quỹ đất đã giải phóng mặt bằng quy hoạch làm công viên, vườn hoa cây xanh, bảo đảm cảnh quan và các hồ nước để tiêu thoát nước nội thành tránh ngập úng cục bộ, điều hòa lại không khí, môi trường tự nhiên của đô thị.

5. Củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

- Tiếp tục xây dựng Thủ đô Hà Nội là thành phố hòa bình; tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân thành phố. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hình thức hợp tác kinh tế có tác động, chuyển hóa chính trị, tạo sự lệ thuộc, làm suy giảm tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế. Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh xã hội, quản lý xuất, nhập cảnh... Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, vô hiệu hóa mọi âm mưu của các thế lực thù địch tác động chuyển hóa phá hoại nội bộ; đấu tranh phòng, chống "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" bảo đảm sự vững mạnh của hệ thống chính trị trên địa bàn Thủ đô; tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn thành phố; chủ động dự báo tình hình, sẵn sàng ứng phó với các tình huống xảy ra... góp phần tạo môi trường ổn định phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại của Thủ đô.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 13/9/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/01/2017 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng như hiện nay.

- Thực hiện tốt quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng, an ninh, kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô; xây dựng các công trình phòng thủ theo quy hoạch thế trận quân sự khu vực phòng thủ đúng với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của thành phố với cả nước, vừa đảm bảo quốc phòng, an ninh, vừa phục vụ sản xuất kinh doanh. Tăng cường tiềm lực, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông; tăng cường công tác phòng, chống cháy nổ; bảo đảm an ninh môi trường, tài nguyên, vệ sinh an toàn thực phẩm... trên địa bàn Thủ đô. Tiếp tục quan tâm đầu tư, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện vũ khí, trang thiết bị phục vụ công tác, chiến đấu, góp phần xây dựng lực lượng Công an thành phố Hà Nội chính quy, tinh nhuệ, hiện đại có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị; bảo đảm tính

lưỡng dụng của các công trình, vừa bảo đảm phục vụ dân sinh vừa đáp ứng yêu cầu về an ninh, quốc phòng khi có tình huống phức tạp xảy ra.

- Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng diễn ra trên địa bàn, tạo môi trường hòa bình, ổn định, an ninh và an toàn để xây dựng, phát triển Thủ đô và đất nước.

- Bảo vệ chủ quyền số quốc gia và hội nhập quốc tế; bảo vệ tuyệt đối an toàn, an ninh thông tin, xây dựng môi trường mạng an toàn, tin cậy nhằm thúc đẩy, nâng cao chất lượng, hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng, phát triển Thủ đô và đất nước.

- Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm để mọi người dân, mọi tầng lớp xã hội chung tay bảo vệ Tổ quốc; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

6. Đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, hợp tác phát triển, nâng cao vị thế, uy tín của Thủ đô

a) Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, hội nhập và hợp tác quốc tế.

- Bám sát và triển khai hiệu quả đường lối đối ngoại mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra. Đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và xác định đây là nguồn lực, động lực cho phát triển Thủ đô. Phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô là "Thành phố vì hòa bình" để tạo lợi thế cạnh tranh, thúc đẩy sự thịnh vượng, nâng cao vị thế của Thủ đô để hiện thực hóa mục tiêu đưa Hà Nội thành thành phố kết nối toàn cầu, trung tâm hội nhập quốc tế của khu vực và thế giới.

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tạo sức bật mới cho Thủ đô Hà Nội trong giai đoạn tới. Đẩy mạnh hợp tác toàn diện, mở rộng không gian liên kết kinh tế vùng nhằm tạo tiền đề vững chắc cho quan hệ đối ngoại, hội nhập, hợp tác phát triển tiếp tục được mở rộng, đảm bảo tính thiết thực, hiệu quả, nâng cao vị thế của Thủ đô trong khu vực và thế giới.

- Chủ động tham gia làm cầu nối hữu nghị giữa Việt Nam và thế giới nhằm phát huy tối đa vai trò của Thủ đô Hà Nội nói riêng và Việt Nam nói chung tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là tại Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Liên Hợp quốc, Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế trong những vấn đề quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể. Bên cạnh đó, tiếp tục thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt và hiệu quả vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Hà Nội cần chú trọng gắn kết chặt chẽ quá trình hội nhập quốc tế với việc nâng cao sức mạnh tổng hợp và tận dụng tiềm năng vốn có của Thủ đô.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và các lĩnh vực khác. Để sánh ngang với các thủ đô, thành phố lớn trong khu vực và trên thế giới, Hà Nội cần tận dụng hiệu quả cơ hội từ hội nhập quốc tế sâu rộng để làm sức bật cho Thủ đô, như tăng cường thu hút vốn FDI và phát triển kinh tế, đẩy mạnh phát triển thương mại quốc tế, tăng cường hợp tác văn hóa, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo... Qua đó, Hà Nội sẽ tiếp tục phát huy được thế mạnh và vai trò của mình là cầu nối hữu nghị quốc gia, "Thành phố vì hòa bình", "Thành phố phát triển", góp phần nâng cao vị thế của Thủ đô.

- Tăng cường hợp tác với các đô thị, các tổ chức quốc tế; chủ động tích cực tham gia hệ thống mạng lưới các đô thị xanh, thích ứng, bản sắc, bền vững và thông minh ở khu vực và quốc tế.

- Nâng cao năng lực, chất lượng hội nhập quốc tế; chủ động và tích cực nắm bắt cơ hội, thúc đẩy thực thi có hiệu quả các cam kết quốc tế, nhất là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, đi đôi với nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút các nguồn đầu tư, tài chính chất lượng, công nghệ cao; củng cố các mối quan hệ truyền thống, mở rộng hợp tác với các thủ đô, thành phố lớn trên thế giới trong các hoạt động liên kết, hợp tác về khoa học và công nghệ, xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch.

- Thành phố Hà Nội nghiên cứu, xây dựng tiêu chí thí điểm và lộ trình thực hiện các "*tiêu chí về tầm ảnh hưởng*" và *"tiêu chí đáng sống"* để phù hợp với các đô thị lớn khác trên thế giới.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để các tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài thực hiện thủ tục thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam (các trung tâm văn hóa, văn phòng đại diện của các hãng thông tín, báo chí...).

- Chủ động tham mưu, đề xuất sáng kiến đăng cai, tổ chức các sự kiện quốc tế; tích cực tham gia các sự kiện đối ngoại, hoạt động xúc tiến thương mại - đầu tư - du lịch trong và ngoài nước, các diễn đàn đa phương trong khu vực và toàn cầu.

- Vận động, thu hút viện trợ phát triển từ các đối tác phát triển, các Quỹ đầu tư, tổ chức và tập đoàn kinh tế, tài chính quốc tế tiềm năng; thu hút kiều bào có trình độ và nguồn vốn tham gia, đầu tư vào các dự án phát triển của thành phố, đặc biệt trong các lĩnh vực như phát triển đô thị xanh, thông minh, cải thiện kết cấu cơ sở hạ tầng, giao thông, giáo dục, văn hóa, du lịch.

b) Đẩy mạnh hợp tác, tăng cường liên kết vùng tạo sự thống nhất và sức mạnh tổng hợp về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh cho Thủ đô Hà Nội, cho các địa phương liên kết và cả nước

- Phát huy vai trò đầu tàu dẫn dắt, lan toả của Thủ đô, liên kết các địa phương trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ để phân công, hợp tác giữa các địa phương, hình thành chuỗi đô thị, khu công nghiệp, cụm liên kết liên ngành giữa các địa phương, khai thác các hành lang kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế của các địa phương và cả vùng.

- Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp theo Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô để thi hành các quy định của pháp luật về Thủ đô. Các địa phương trong vùng cùng với Hà Nội chủ động xây dựng các chương trình, kế hoạch hợp tác, liên kết mang lại hiệu quả cao, tạo sức lan tỏa và khai thác được tiềm năng, thế mạnh của các địa phương trong vùng.

- Phối hợp với các địa phương liên quan rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật, các cơ chế, chính sách tạo nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng liên vùng, nhất là hạ tầng giao thông liên vùng Thủ đô, cũng như phối hợp giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường của lưu vực sông Nhuệ, sông Đáy và hệ thống sông Bắc Hưng Hải.

7. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chủ động tổ chức học tập, quán triệt, thực hiện tốt các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Đảng bộ thành phố Hà Nội thật sự trong sạch, vững mạnh.

- Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác cải cách hành chính, tập trung chỉ đạo, dành nguồn lực để cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hành chính; giảm thủ tục, giảm thời gian và chi phí ở tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là các thủ tục liên quan đến người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao và tiếp tục duy trì ổn định thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của thành phố trong tốp đầu các tỉnh, thành phố cả nước.

- Nghiên cứu xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền Thủ đô theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, liên thông, hiệu lực, hiệu quả.

- Tổ chức tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phấn đấu không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài phát sinh. Thường xuyên lắng nghe, tiếp thu, giải trình ý kiến phản ánh của nhân dân; theo dõi, đôn đốc tiến độ giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, đông người, kéo dài. Tăng cường công tác thanh tra, xử lý sau thanh tra, thanh tra trách nhiệm thủ trưởng của các cấp, các ngành trong các lĩnh

vực: tiếp dân, xử lý đơn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; quản lý nhà nước về tài chính, đất đai, tài nguyên, môi trường, y tế, giáo dục; công tác thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí...

8. Hoàn thiện hệ thống pháp luật về Thủ đô với cơ chế, chính sách phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô trong giai đoạn mới

- Khẩn trương tổng kết việc thi hành Luật Thủ đô kết hợp với rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật với các cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội cho Thủ đô để đề xuất bổ sung, sửa đổi Luật Thủ đô theo hướng toàn diện hơn, tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền Thủ đô Hà Nội thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặc thù của Thủ đô, trọng tâm là các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, quản lý trật tự xây dựng, giao thông, môi trường, dân cư, tổ chức bộ máy, biên chế,... nhằm tạo sự chủ động, tăng tính tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó ưu tiên tối đa nguồn lực thực hiện các chương trình, dự án kết nối liên vùng, liên tỉnh, các dự án trọng điểm quốc gia trên địa bàn.

- Sơ kết, tổng kết việc thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Nghị quyết số 97/2019/QH14 của Quốc hội để đề xuất hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền Thủ đô theo hướng tinh gọn, liên thông, hiệu lực, hiệu quả phù hợp với vai trò, vị trí và yêu cầu phát triển, quản lý Thủ đô trong giai đoạn tới; xây dựng cơ chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, người lao động, tiền lương, thu nhập trong việc thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao trong nước và quốc tế phục vụ phát triển Thủ đô.

- Tổng kết việc thí điểm một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội để sửa đổi, bổ sung những cơ chế, chính sách đặc thù, thí điểm vượt trội cần thiết và phân cấp cho chính quyền Thủ đô Hà Nội thẩm quyền trách nhiệm giải quyết công việc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặc thù của Thủ đô trong từng thời kỳ.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và đề xuất các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền liên quan đến đẩy mạnh cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để cải thiện, tạo lập môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch, bình đẳng, tạo điều kiện thuận lợi, tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đặc biệt là kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân có điều kiện thuận lợi tiếp cận với các nguồn lực như mặt bằng, hạ tầng, vốn, thông tin, các chính sách ưu đãi,…

- Đẩy mạnh công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; chủ động thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và hiệu quả các cam kết và nghĩa vụ khác của Việt Nam khi tham gia thực hiện các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các Hiệp định

thương mại tự do thế hệ mới. Rà soát, sửa đổi bổ sung và đề xuất các văn bản quy phạm pháp luật trình cấp thẩm quyền ban hành theo đúng lộ trình đã quy định của các Hiệp định; đồng thời, phân tích, dự báo diễn biến, tình hình của chiến tranh thương mại, cạnh tranh giữa các nước lớn, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đang có chiều hướng gia tăng, tận dụng triệt để các cơ hội mang lại, hạn chế tối đa khó khăn thách thức.

- Tổ chức rà soát, xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các loại hình kinh doanh mới xuất hiện trong nền kinh tế số, xã hội số và các mô hình kinh tế mới gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động, trong xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp theo nguyên tắc thị trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách huy động tối đa mọi nguồn lực để thu hút nguồn vốn đầu tư vào phát triển các chương trình mục tiêu, dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng liên kết vùng, ưu tiên áp dụng hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng phát triển giáo dục, đào tạo, khuyến khích các loại hình liên kết đào tạo trong và ngoài nước; xây dựng các mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại, các cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ y tế, khuyến khích các loại hình liên kết giữa các cơ sở y tế công với y tế tư nhân và đầu tư nước ngoài; xây dựng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở trợ giúp xã hội, nhà ở, thiết chế văn hóa cho công nhân lao động.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ ưu đãi nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp và các cơ chế hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân đối với việc cải tạo, trùng tu bảo tồn phát huy các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử (nhà cổ, biệt thự cũ và các công trình kiến trúc có giá trị,...). Thành lập Quỹ bảo tồn khu vực nội đô lịch sử để thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử để thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử.

- Xây dựng chính sách ứng dụng công nghệ số để xây dựng chính quyền, phát triển chính quyền có mô hình hoạt động dựa trên dữ liệu và công nghệ số, để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng, nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội của Thủ đô.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ

Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp thường xuyên với thành phố Hà Nội, có cơ chế điều hành

tập trung, cụ thể để tăng cường phối hợp triển khai các nội dung Nghị quyết, trong đó tập trung vào một số nội dung cụ thể sau:

- Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 và Nghị quyết này của Chính phủ hoặc lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch hành động khác của bộ, ngành.

- Căn cứ Phụ lục kèm theo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan chức năng cùng phối hợp, hỗ trợ giúp xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thủ đô đảm bảo tiến độ, thời gian hoàn thành và chất lượng theo đúng quy định của pháp luật; tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền toàn diện hơn gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực và trách nhiệm của chính quyền địa phương cho Hà Nội.

- Tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm điểm về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị và Nghị quyết này của Chính phủ; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

- Các bộ, ngành khác có liên quan chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và các bộ, ngành, địa phương liên quan để triển khai thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 và Nghị quyết này của Chính phủ.

2. Đối với Thủ đô Hà Nội

- Tập trung khẩn trương chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát, kiểm tra, bổ sung kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để xây dựng các chương trình, cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị, trong đó trọng tâm xây dựng Thủ đô Hà Nội đi đầu cả nước hoàn thành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trở thành thành phố "Xanh - Văn hiến - Thông minh - Hiện đại", phát triển thông minh, năng động, hiệu quả, vì con người; trở thành trung tâm - động lực thúc đẩy và dẫn dắt phát triển vùng và cả nước; có sức cạnh tranh khu vực và thế giới, sánh vai thủ đô các nước phát triển cao trong khu vực.

- Chủ động phát triển quan hệ liên kết, trao đổi, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước và các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô, vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ, đặc biệt là tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh bền vững trên các lĩnh vực, khai thác, phát huy được tiềm năng, lợi thế của nhau cùng phát triển.

- Định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này của Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp theo quy định.

3. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô, vùng trung du và miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ chủ động phát triển quan hệ liên kết, hợp tác với thành phố Hà Nội trên các lĩnh vực, tạo sự gắn bó và sức mạnh chung để cùng khai thác các tiềm năng, lợi thế của nhau vì sự phát triển chung.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động, các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kịp thời đề xuất các nội dung điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tiễn, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5. Đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp chặt chẽ, quyết liệt với Ban Tuyên giáo Trung ương, các cơ quan thông tấn, báo chí, các bộ, ngành trung ương và địa phương tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết này./.

Phụ lục

NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 15-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình	Sản phẩm
I	**Hoàn thiện hệ thống pháp luật về Thủ đô**					
1	Báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, UBND TP Hà Nội và các đơn vị liên quan	2022	Chính phủ	Báo cáo
2	Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Thủ đô (sửa đổi)	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, UBND TP Hà Nội và các đơn vị liên quan	2022	Chính phủ	Hồ sơ đề nghị
3	Dự án Luật Thủ đô (sửa đổi)	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, UBND TP Hà Nội và các đơn vị liên quan	2024	Chính phủ, Quốc hội	Dự án Luật
4	Báo cáo sơ kết thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội khóa XIV	Bộ Nội vụ	UBND TP Hà Nội và các đơn vị liên quan	2023	Chính phủ	Báo cáo
5	Báo cáo tổng kết thí điểm cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hà Nội theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội khóa XIV	Bộ Tài chính	UBND TP Hà Nội và các đơn vị liên quan	2025	Chính phủ	Báo cáo

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình	Sản phẩm
II	**Phát triển văn hoá, giáo dục, KHCN, y tế; Bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội**					
1	Đề án cơ cấu lại hệ thống các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập, trong đó: Xây dựng Hà Nội trở thành Trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ hàng đầu của cả nước và khu vực; Hoàn thành xây dựng Khu công nghệ cao Hoà Lạc và các cơ sở của Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia tại Hà Nội	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan và UBND TP Hà Nội	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
2	Đề án phát triển một số viện nghiên cứu hàng đầu khu vực, trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và phát triển công nghệ tại các viện nghiên cứu, trường đại học trên địa bàn Thủ đô	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan liên quan và UBND TP Hà Nội	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
3	Đề án phát triển, nâng cao chất lượng các trường đại học, trong đó phấn đấu đến năm 2025 trên địa bàn Thủ đô có ít nhất 01 trường đại học và đến năm 2030 có ít nhất 02 trường đại học nằm trong TOP 100 trường đại học hàng đầu Châu Á	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan liên quan và UBND TP Hà Nội	2023	Thủ tướng Chính phủ	Đề án
4	Đầu tư xây dựng một số cơ sở nghiên cứu và chuyển giao công nghệ y, dược trên địa bàn Thủ đô	Bộ Y tế	Các bộ, ngành, các đơn vị liên quan	2022-2030	Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo
5	Đề án xây dựng không gian sáng tạo, Trung tâm công nghiệp văn hóa hai bên bờ sông Hồng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan liên quan và UBND TP Hà Nội	2024-2026	Thủ tướng Chính phủ	Đề án

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình	Sản phẩm
III	**Công tác quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển và quản lý đô thị, khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường**					
1	Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	UBND thành phố Hà Nội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan	Quý II/2023	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
2	Kế hoạch di dời các cơ sở giáo dục đại học ra khỏi trung tâm Thủ đô Hà Nội theo quy hoạch; đảm bảo sử dụng tối thiểu 50% quỹ đất sau di dời sử dụng vào mục đích xây dựng công trình công cộng, phúc lợi xã hội	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ ngành, UBND TP Hà Nội, các đơn vị liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
3	Kế hoạch di dời các bệnh viện ra khỏi trung tâm Thủ đô Hà Nội theo quy hoạch; đảm bảo sử dụng tối thiểu 50% quỹ đất sau di dời sử dụng vào mục đích xây dựng công trình công cộng, phúc lợi xã hội	Bộ Y tế	Các bộ ngành, UBND TP Hà Nội, các đơn vị liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
4	Kế hoạch di dời các trụ sở của bộ, ban, ngành trung ương ra khỏi trung tâm Thủ đô Hà Nội theo quy hoạch; đảm bảo sử dụng tối thiểu 50% quỹ đất sau di dời sử dụng vào mục đích xây dựng công trình công cộng, phúc lợi xã hội	Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ ngành, UBND TP Hà Nội, các đơn vị liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

TT	Nhiệm vụ, đề án, dự án	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian trình	Cấp trình	Sản phẩm
5	Nghiên cứu, xác định vị trí và các chỉ tiêu quy hoạch Cảng hàng không quốc tế thứ hai đáp ứng yêu cầu phát triển vùng Thủ đô và khu vực phía Bắc	Bộ Giao thông Vận tải	Các Bộ: Quốc phòng, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan	2026-2030	Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo
6	Thẩm định các đồ án quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng	Các cơ quan liên quan và UBND TP Hà Nội	2022-2023	Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo
7	Thẩm định nhiệm vụ và đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Xây dựng	Các cơ quan liên quan và UBND TP Hà Nội	2022-2024	Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo
IV	**Liên kết phát triển vùng**					
1	Thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng Thủ đô	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ ngành và địa phương liên quan	2022	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
2	Báo cáo tổng kết huy động và sử dụng các nguồn lực cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là dưới hình thức PPP gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương, trong đó có Thủ đô Hà Nội	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ ngành, UBND TP Hà Nội, các đơn vị liên quan	2023	Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo









THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



Thành phố Hải Phòng Nằm ở khu vực bờ biển phía Đông Bắc Việt Nam, có chiều dài bờ biển 128km, Hải Phòng là thành phố cảng quan trọng, trung tâm công nghiệp, cảng biển lớn nhất phía Bắc Việt Nam, đồng thời cũng là trung tâm kinh tế, văn hoá, y tế, giáo dục, khoa học, thương mại và công nghệ của Vùng duyên hải Bắc Bộ. Hệ thống cảng biển Hải Phòng tạo thành cụm cảng có quy mô ngày càng lớn; góp phần chủ yếu đưa, nhận hàng hoá của khu vực Bắc bộ, cũng như tham gia dịch vụ vận tải hàng hoá quốc tế. Với các lợi thế đó, Hải Phòng không chỉ đóng vai trò trung tâm kinh tế khu vực đồng bằng sông Hồng, vùng Duyên hải Bắc bộ mà còn là cửa ngõ thông thương với các nước trong khu vực và trên thế giới. Sản lượng hàng qua các cảng biển trên địa bàn chiếm 45,3% sản lượng hàng qua các cảng của nhóm cảng biển phía Bắc và 12,5% của cả nước.

Thành phố Hải Phòng gồm 15 đơn vị hành chính cấp huyện (7 quận, 8 huyện, trong đó có 2 huyện đảo) với tự nhiên rất phong phú, giàu đẹp, đa dạng và có nhiều nét độc đáo mang sắc thái của cảnh quan nhiệt đới gió mùa. Nơi đây có rừng quốc gia Cát Bà - Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới, đặc biệt phong phú về số lượng loài động thực vật, trong đó có nhiều loài được xếp vào loài quý hiếm của thế giới. Đồng thời, nơi đây còn có cả một vùng đồng bằng thuộc vùng đồng bằng tam giác châu thổ sông Hồng, tạo nên một cảnh quan nông nghiệp trồng lúa nước là nét đặc trưng của vùng du lịch ven biển Bắc Bộ và cả một vùng biển rộng với nguồn tài nguyên vô cùng phong phú, nhiều hải sản quý hiếm và bãi biển đẹp.

Mục tiêu đến năm 2030: Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hoa, hiện đại hoa; động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước; có công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững; kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi với trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không; trọng điểm dịch vụ logistics; trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế biển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao ngang tầm với các thành phố tiêu biểu ở Châu Á; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Tầm nhìn đến năm 2045: Hải Phòng trở thành thành phố có trình độ phát triển cao trong nhóm các thành phố hàng đầu Châu Á và thế giới.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 45-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 32-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, kinh tế Hải Phòng tăng trưởng khá cao, bình quân gấp 1,68 lần mức tăng chung của cả nước; năm 2017 quy mô kinh tế cao gấp 4,27 lần so với năm 2003; giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người đạt 3.694 đô la Mỹ (USD), gấp 1,54 lần bình quân chung của cả nước, tăng 5,43 lần so với năm 2003. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá; mô hình tăng trưởng chuyển mạnh từ chiều rộng sang chiều sâu; khai thác tốt tiềm năng, lợi thế, giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội; có nhiều đóng góp cho phát triển tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, liên kết vùng và phát triển kinh tế đối ngoại.

Hải Phòng đã khẳng định được là thành phố cảng, đầu mối giao thông quan trọng và cửa chính ra biển của các tỉnh phía Bắc; hệ thống cảng biển, hạ tầng giao thông được đầu tư mạnh, có bước phát triển đột phá theo hướng đồng bộ, hiện đại. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch đạt kết quả tích cực. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao. Văn hoá, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ có bước phát triển, đạt nhiều kết quả quan trọng, dần khẳng định là một trung tâm của vùng duyên hải Bắc Bộ. Chính sách an sinh xã hội được quan tâm thực hiện có hiệu quả, tỉ lệ hộ nghèo giảm rõ rệt. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được coi trọng, tạo chuyển biến tích cực và toàn diện trên các lĩnh vực; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao. Quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; thế trận quốc phòng toàn dân được củng cố vững chắc; quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế được tăng cường và mở rộng.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Nghị quyết trong thời gian qua đã bộc lộ một số hạn chế, yếu kém: Việc triển khai Nghị quyết trong những năm đầu còn lúng túng, cơ chế, chính sách cho phát triển Hải Phòng chậm được ban hành

và còn nhiều bất cập. Mục tiêu cơ bản hoàn thành công nghiệp hoá, hiện đại hoá trước năm 2020 không đạt được. Phát triển kinh tế chưa tương xứng với vị trí, tiềm năng, lợi thế. Khu vực kinh tế tư nhân phát triển chưa đáp ứng yêu cầu, kinh tế tập thể phát triển chậm, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài còn ít dự án có công nghệ hiện đại. Liên kết vùng trong phát triển kinh tế - xã hội còn mờ nhạt; quy hoạch và quản lý đô thị còn bất cập; kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ, hạ tầng giao thông, nhất là giao thông kết nối cảng biển chậm được nâng cấp. Phát triển văn hoá - xã hội, giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ chưa đạt được mục tiêu trở thành trung tâm vùng duyên hải Bắc Bộ. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị còn có mặt hạn chế; một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên thiếu gương mẫu, có biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống, giảm sút ý chí chiến đấu, quan liêu, tham nhũng, mất đoàn kết; công tác quản lý, đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu; phương thức lãnh đạo của cấp uỷ đối với hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, chưa đáp ứng kịp yêu cầu nhiệm vụ. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực chưa cao; cải cách hành chính chưa đạt kết quả như mong muốn.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Việc phổ biến, học tập, quán triệt Nghị quyết có lúc, có nơi còn bị buông lỏng, chưa thực sự tạo được sự thống nhất, quyết tâm chính trị mạnh mẽ từ Trung ương đến địa phương. Năng lực phân tích, dự báo, công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết rút kinh nghiệm còn nhiều yếu kém, thiếu thường xuyên, kịp thời; chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng các cơ chế, chính sách có tính đột phá, khả thi cao để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, huy động các nguồn lực cho thực hiện Nghị quyết. Công tác cải cách hành chính của thành phố còn chậm, kết quả chưa rõ nét. Công tác cán bộ còn nhiều hạn chế, một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; có lúc, có nơi có biểu hiện nóng vội, duy ý chí hoặc thụ động, trông chờ, ỷ lại. Liên kết vùng, đặc biệt là trong tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh chưa được đẩy mạnh, hiệu quả chưa cao, còn biểu hiện cục bộ, địa phương. Chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng và bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, giữa công nghiệp hoá, đô thị hoá và xây dựng nông thôn mới, gây bức xúc, bất ổn trong nhân dân.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng trên cơ sở khai thác hiệu quả các lợi thế, tiềm năng, mối tương quan, liên kết với các tỉnh ven biển Bắc Bộ, khu vực đồng bằng Sông Hồng, các tỉnh phía Bắc và kết nối quốc tế. Hải Phòng không chỉ là một cực phát triển quan trọng trong tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh mà còn là động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước.

- Chú ý giải quyết tốt mối quan hệ biện chứng giữa phát triển nhanh và bền vững; giữa kế thừa và phát triển; giữa phát triển theo cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó phát triển theo chiều sâu là chủ đạo, để Hải Phòng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của cả nước, sớm trở thành thành phố công nghiệp gắn với cảng biển phát triển hiện đại, thông minh, bền vững với những ngành mũi nhọn như kinh tế biển, cơ khí chế tạo, chế biến, điện tử, dịch vụ logistics, khoa học và công nghệ biển.

- Các chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng phải gắn liền với mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường, sinh thái; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, phát huy đầy đủ vai trò làm chủ của nhân dân; chú trọng chăm lo xây dựng đội ngũ công nhân Hải Phòng thực sự là lực lượng tiên phong trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đẩy mạnh cơ cấu lại ngành Nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới phù hợp với tiến trình công nghiệp hoá và đô thị hoá.

- Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách có tính đột phá, khả thi cao, phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh hấp dẫn, thuận lợi, có khả năng cạnh tranh cao, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước. Chú trọng đầu tư phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo động lực đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá thành phố Hải Phòng.

- Tăng cường năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, truyền thống cách mạng của các tầng lớp nhân dân Hải Phòng.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước; có công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững; kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi với trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không; trọng điểm dịch vụ logistics; trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế biển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao ngang tầm với các thành phố tiêu biểu ở Châu Á; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- *Đến năm 2025:* Thành phố Hải Phòng cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; đạt các tiêu chí đô thị loại I; trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại; là trọng điểm kinh tế biển của cả nước, trung tâm dịch vụ logistics quốc gia, trung tâm đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ biển của cả nước, trung tâm nghề cá, dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc; Cát Bà, Đồ Sơn cùng với Hạ Long trở thành trung tâm du lịch quốc tế. Hoàn thành việc di chuyển trung tâm hành chính thành phố sang phía Bắc Sông Cấm; xây dựng chính quyền đô thị với bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Một số chỉ tiêu cụ thể: Tỉ trọng đóng góp vào tổng sản phẩm (GDP) cả nước đạt khoảng 6,4%; tỉ trọng đóng góp vào GDP vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là 23,7%. Tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2018 - 2025 tối thiểu là 13%. GRDP bình quân/người đạt 14.740 USD. Thu ngân sách trên địa bàn đạt 180.000 đến 190.000 tỉ đồng. Đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào GRDP từ 44% - 45%. Cơ bản không còn hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia).

- *Đến năm 2030:* Trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á; trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao; trung tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ với các ngành nghề hàng hải, đại dương học, kinh tế biển. Cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại đặc biệt. Hoàn thành việc chuyển đổi 50% số huyện thành đơn vị hành chính quận. Chính quyền đô thị được xây dựng và hoàn thiện phù hợp với yêu cầu của thành phố thông minh.

Một số chỉ tiêu cụ thể: Tỉ trọng đóng góp vào GDP cả nước đạt 8,2%; đóng góp vào GDP vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ 28,3%; tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2026 - 2030 thấp nhất là 12,5%; GRDP bình quân/người đạt 29.900 USD; thu ngân sách trên địa bàn đạt 300.000 - 310.000 tỉ đồng; đóng góp của TFP vào GRDP từ 48% - 50%.

2.3. Tầm nhìn đến năm 2045: Hải Phòng trở thành thành phố có trình độ phát triển cao trong nhóm các thành phố hàng đầu Châu Á và thế giới.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trong đó các nguồn lực xã hội (cả trong nước và ngoài nước) là động lực quan trọng, các nguồn lực Nhà nước giữ vai trò định hướng dẫn dắt

- Tập trung nghiên cứu, đánh giá, phân tích các cơ chế, chính sách, kinh nghiệm, cách làm hay ở trong nước và quốc tế, đặc biệt là các cơ chế, chính

sách đang được áp dụng tại các khu thương mại tự do thành công trên thế giới, để có thể vận dụng phù hợp với điều kiện của thành phố Hải Phòng. Không ngừng cải thiện, tạo lập môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh có sức hấp dẫn, cạnh tranh cao. Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư, nhất là theo hình thức hợp tác công - tư (PPP); cải cách hành chính, đặc biệt là trong các lĩnh vực cấp phép đầu tư, tiếp cận đất đai và các nguồn lực, dịch vụ tài chính - ngân hàng, thủ tục hải quan, cải cách thuế quan, giảm tối đa chi phí logistics, minh bạch hoá công tác thanh tra, kiểm tra.

- Chủ động thực hiện các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; phân tích, dự báo diễn biến của chiến tranh thương mại, cạnh tranh giữa các nước lớn, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đang có chiều hướng gia tăng, tận dụng triệt để các cơ hội mang lại, hạn chế tối đa khó khăn, thách thức.

- Nghiên cứu thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách mới, có tính đột phá, đặc thù cho thành phố Hải Phòng, đặt trong mối tương quan hợp lý với các thành phố lớn khác trong cả nước; thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương, người đứng đầu trong một số lĩnh vực như quản lý quy hoạch, đất đai, quản lý đô thị, đầu tư, tài chính - ngân sách, tổ chức, nhân sự và tiền lương...

2. Coi trọng công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, văn minh, hiện đại, gắn kết chặt chẽ giữa đô thị hoá và xây dựng nông thôn mới; tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Căn cứ vào mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể về phát triển kinh tế - xã hội, các lợi thế, tiềm năng của thành phố Hải Phòng, các chủ trương của Trung ương, tổ chức rà soát, hoàn chỉnh quy hoạch của thành phố Hải Phòng theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ, hợp lý giữa đô thị hoá, công nghiệp hoá và xây dựng nông thôn mới với những đặc thù riêng của thành phố Hải Phòng.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý đô thị; nghiên cứu mở rộng không gian đô thị, trước hết là khu đô thị mới Bắc Sông Cấm; hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại I, hướng tới các tiêu chí của đô thị loại đặc biệt, đô thị thông minh, đô thị xanh. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển các cụm liên kết ngành công nghiệp thay cho việc xây dựng các khu công nghiệp đơn lẻ; phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn của thành phố Hải Phòng gắn với phát triển công nghiệp phụ trợ. Quy hoạch các khu logistics tập trung, đủ lớn gắn với cảng biển, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh. Phấn đấu xây dựng thành phố

Hải Phòng trở thành đô thị trung tâm cấp quốc gia, đô thị cảng biển tầm cỡ khu vực và quốc tế.

- Đặc biệt quan tâm, chú trọng công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại; đẩy mạnh liên kết vùng trong tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, các địa phương ven biển Đông Bắc, hai hành lang kinh tế giữa Việt Nam và Trung Quốc

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư xây dựng một số công trình trọng điểm như: Các bến còn lại của cảng Hải Phòng, cầu Tân Vũ - Lạch Huyện 2; các trung tâm logistics lớn gắn với cảng biển; mở rộng cảng hàng không Cát Bi; cải tạo đường thuỷ nội địa nối với một số địa phương Bắc Bộ; hoàn thiện các tuyến kết nối để nâng cao hiệu quả của đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; hoàn thành xây dựng tuyến đường cao tốc: Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình - Thanh Hoá - Nghệ An; nâng cấp các tuyến Quốc lộ 10, Quốc lộ 37; nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, nghiên cứu, khảo sát tuyến đường sắt Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình; xây dựng đảo Bạch Long Vĩ trở thành trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc.

4. Phát triển mạnh các thành phần kinh tế để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng, đặc biệt là trong các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế

- Tập trung thực hiện sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; phối hợp các cơ quan liên quan giải quyết dứt điểm việc xử lý, cơ cấu lại Tập đoàn Vinashin, Vinalines, đặc biệt là đối với các công ty con đóng trên địa bàn thành phố Hải Phòng, bảo đảm quyền lợi, tài sản của Nhà nước, đời sống, việc làm của người lao động.

- Đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tập thể, tạo điều kiện thuận lợi để các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển hiệu quả trong mọi lĩnh vực, coi đây là nền tảng phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Chú trọng phát triển kinh tế tư nhân, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đặc biệt là trong các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế.

- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chủ yếu thông qua tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, tránh việc cạnh tranh dẫn đến cắt giảm thuế, phí quá

mức, gây bất bình đẳng với các thành phần kinh tế khác, gây thất thoát ngân sách nhà nước. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn, các dự án có trình độ công nghệ cao, thân thiện với môi trường, có nghiên cứu phát triển, cam kết chuyển giao công nghệ, có khả năng lan toả, liên kết với các doanh nghiệp trong nước theo chuỗi giá trị.

5. Xây dựng, phát triển hệ thống các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trọng điểm phát triển khoa học - công nghệ biển của cả nước

Nghiên cứu xây dựng, phát triển một số cơ sở đào tạo, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao mà thành phố Hải Phòng có lợi thế, như kinh tế biển, hàng hải, vận tải biển, dịch vụ logistics, đóng tàu, cơ khí, chế biến, chế tạo, đầu tư, khai thác, nuôi trồng thuỷ, hải sản... Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm quản lý, nghiên cứu, phát triển khoa học - công nghệ biển của cả nước. Nâng cấp một số cơ quan nghiên cứu khoa học biển, y học biển, cơ sở nghiên cứu khoa học và đào tạo do các bộ quản lý trên địa bàn thành phố ngang tầm trọng điểm quốc gia. Có cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của thành phố Hải Phòng.

6. Gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

- Quán triệt và thực hiện nghiêm quan điểm phát triển bền vững, với phương châm mọi người dân đều được hưởng thành quả phát triển, không ai bị bỏ lại phía sau; mọi người dân Hải Phòng được tiếp cận bình đẳng, thuận lợi, đầy đủ với chất lượng ngày càng cao các dịch vụ công thiết yếu, đặc biệt là y tế, giáo dục, việc làm, điện, nước sạch... Quan tâm chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân hai huyện đảo. Khắc phục triệt để tình trạng quá tải bệnh viện, trường học, tình trạng nợ đọng, trục lợi bảo hiểm xã hội, tiến tới 100% người dân có bảo hiểm y tế.

- Đẩy mạnh Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Xây dựng nông thôn mới phải thực sự gắn với giảm nghèo bền vững. Huy động mọi nguồn lực của Nhà nước và xã hội để giúp người dân thoát nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo, chất lượng cuộc sống giữa thành thị và nông thôn. Làm tốt công tác an sinh xã hội, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người có công. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội còn bức xúc, xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh, hiện đại; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá của người Hải Phòng.

7. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

Nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng - an ninh phải được thể hiện xuyên suốt trong từng chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng đúng với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng - an ninh của thành phố với cả nước. Mỗi bước phát triển kinh tế là một bước góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định quốc phòng - an ninh. Ưu tiên xây dựng các công trình quốc phòng - an ninh tuyến biển, đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Đồ Sơn, Tiên Lãng, xây dựng quân cảng Nam Đồ Sơn. Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm để mọi người dân, mọi tầng lớp xã hội chung tay bảo vệ Tổ quốc; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

8. Tập trung chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở

- Tổ chức học tập, quán triệt, thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Đảng bộ thành phố Hải Phòng thật sự trong sạch, vững mạnh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị một cấp và hai cấp hành chính; nghiên cứu mô hình cơ quan quản lý cảng của các nước để đề xuất áp dụng khi điều kiện cho phép.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo phương châm "hướng về cơ sở". Phát huy đầy đủ vai trò làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt dân chủ cơ sở. Thường xuyên lắng nghe, tiếp thu, giải trình ý kiến phản ánh của nhân dân. Tổ chức tốt công tác tiếp dân, xử lý khiếu nại, tố cáo; không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài; coi đây là nhiệm vụ chỉ đạo thường xuyên và phản ánh mức độ hoàn thành trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền. Không ngừng chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, năng lực tốt, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và gắn bó mật thiết với nhân dân.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước; việc cho phép Hải Phòng thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, bảo đảm tính thống nhất, tương quan, tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và cụ thể hoá Nghị quyết của Quốc hội để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết.

3. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Hải Phòng triển khai nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ sự đồng thuận của xã hội, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm sớm đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống.

4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trong cả nước, nhất là các tỉnh uỷ, thành uỷ trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; vùng đồng bằng Sông Hồng và vùng duyên hải Bắc Bộ cần tích cực xây dựng và củng cố mối quan hệ liên kết, hợp tác với thành phố Hải Phòng, tạo không gian kinh tế thống nhất để thúc đẩy phát triển.

5. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên quan tâm, phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thành phố Hải Phòng phát triển theo tinh thần Nghị quyết.

6. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 108/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2b). 110

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 108 /NQ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ)

Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về "Xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" đã đề ra mục tiêu tổng quát: "Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; động lực phát triển của Vùng Bắc Bộ và của cả nước; có công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững; kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không; trọng điểm dịch vụ logistics; trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, kinh tế biển; trung tâm du lịch quốc tế; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao ngang tầm với các thành phố tiêu biểu ở châu Á; trật tự xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững".

Căn cứ quan điểm chủ đạo, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 45-NQ/TW, Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động nhằm thống nhất chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành và nhân dân thành phố Hải Phòng về tầm quan trọng của việc xây dựng phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hải Phòng với tốc độ nhanh, bền vững, trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; một động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước; đến năm 2030 trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại thông minh, bền vững khu vực Đông Nam Á; tầm nhìn đến năm 2045, trở thành thành phố có trình độ phát triển cao trong nhóm các thành phố hàng đầu châu Á và thế giới.

2. Chương trình hành động phải cụ thể hóa Nghị quyết số 45-NQ/TW và bám sát Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về "Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"; xác định các nhiệm vụ chủ yếu, thể hiện các giải pháp cụ thể và thiết thực, được tổ chức tốt để thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết.

3. Chương trình hành động phải thể hiện được vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Hải Phòng đồng thời xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ và các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng và Vùng duyên hải Bắc Bộ tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng, mở rộng hợp tác quốc tế, đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố với nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đã đề ra trong Nghị quyết

a) Giai đoạn từ nay đến năm 2025:

- Thành phố Hải Phòng cơ bản hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đạt các tiêu chí đô thị loại I; trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại; là trọng điểm kinh tế biển của cả nước, trung tâm dịch vụ logistics quốc gia, trung tâm đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ biển của cả nước, trung tâm nghề cá, dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc; Cát Bà, Đồ Sơn cùng với Hạ Long trở thành trung tâm du lịch quốc tế. Hoàn thành việc di chuyển trung tâm hành chính thành phố sang phía Bắc Sông Cấm; xây dựng chính quyền đô thị với bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Một số chỉ tiêu cụ thể: Phấn đấu đưa tỷ trọng đóng góp vào tổng sản phẩm (GDP) của cả nước đạt khoảng 6,4%, đóng góp vào GRDP vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là 23,7%; trong đó: tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2018 - 2025 tối thiểu là 13%, GRDP bình quân/người đạt 14.740 USD. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 180.000 đến 190.000 tỷ đồng; đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào GRDP từ 44% - 45%. Không còn hộ nghèo, trừ hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội.

b) Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030:

- Trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á; trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại bằng đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt; trung

tâm quốc tế về đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ với các ngành nghề hàng hải, đại dương học, kinh tế biển. Cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại đặc biệt. Hoàn thành và chuyển đổi 50% số huyện thành đơn vị hành chính quận. Chính quyền đô thị được xây dựng và hoàn thiện phù hợp với yêu cầu của thành phố thông minh.

- Một số chỉ tiêu cụ thể: Phấn đấu đưa tỷ trọng đóng góp vào GDP cả nước đạt 8,2%, riêng vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đóng góp 28,3%; trong đó: tốc độ tăng trưởng bình quân thấp nhất là 12,5% trong giai đoạn 2026 - 2030, GRDP bình quân/người đạt 29.900USD. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 300.000 - 310.000 tỷ đồng; đóng góp của TFP vào GRDP từ 48% - 50%

c) Tầm nhìn đến 2045: Hải Phòng trở thành thành phố có trình độ phát triển cao trong nhóm các thành phố hàng đầu châu Á và thế giới.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các chỉ tiêu cụ thể nêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết

- Các bộ, ngành và Ủy ban nhân thành phố Hải Phòng triển khai ngay công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết trong toàn thể đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý làm chuyển biến nhận thức và quyết tâm cao của các ngành, các cấp.

- Công tác tuyên truyền về Nghị quyết cần được tiến hành với quy mô sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, kết hợp với việc tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Đại hội của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố gắn với từng giai đoạn, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như những yếu tố tiềm năng, lợi thế, vị thế của Thành phố để tiếp tục tạo ra sự bứt phá mới của thành phố Hải Phòng trong những năm tới.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội trong công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết

2. Công tác hoàn thiện thể chế, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực, phát triển đô thị, quy hoạch thành phố Hải Phòng theo quy định của Luật Quy hoạch, phù hợp quy hoạch tổng thể của quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia,

quy hoạch vùng, đảm bảo gắn kết chặt chẽ, hợp lý giữa đô thị hóa, công nghiệp hóa và xây dựng nông thôn mới với những lợi thế, tiềm năng và đặc thù riêng của thành phố Hải Phòng và phù hợp với các nội dung tại Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Nghiên cứu, đánh giá, phân tích cơ chế chính sách, kinh nghiệm, cách làm hay ở trong nước và quốc tế, đặc biệt là các cơ chế, chính sách đang được áp dụng tại các khu thương mại tự do thành công trên thế giới để có thể vận dụng phù hợp với điều kiện của thành phố Hải Phòng.

- Rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cải thiện, tạo lập môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch, bình đẳng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đặc biệt là kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân có điều kiện thuận lợi tiếp cận với các nguồn lực như mặt bằng, hạ tầng, vốn, thông tin, các chính sách ưu đãi,…

- Xây dựng các cơ chế, chính sách có hiệu quả để hỗ trợ phát triển du lịch Hải Phòng, trong đó: tập trung thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch; khuyến khích, ưu đãi phát triển sản phẩm du lịch; hỗ trợ phát triển thị trường, tăng cường xúc tiến, quảng bá, liên kết hợp tác về du lịch; đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch, trong đó chú trọng nguồn nhân lực có trình độ, tay nghề cao; nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch, hướng tới phát triển bền vững.

- Nghiên cứu, đề xuất một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển trung tâm logistics trên địa bàn Hải Phòng trong quá trình từ đầu tư xây dựng đến vận hành. Đồng thời, xây dựng các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh dịch vụ logistics, góp phần hình thành các tập đoàn doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực logistics bước đầu có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp dịch vụ nước ngoài.

- Rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích mở các lớp đào tạo nghề tại doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề nghiệp, song song thực hiện liên kết giữa doanh nghiệp và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong đào tạo nghề và tạo việc làm. Đồng thời, phát triển các trường chất lượng cao, trường có nghề trọng điểm và các ngành nghề đào tạo đáp ứng nhân lực cho các ngành công nghiệp mũi nhọn, các ngành có lợi thế cạnh tranh, có giá trị gia tăng cao,…

- Xây dựng các cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nhất là cho công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ cảng biển, dịch vụ logistics, kinh tế biển, hàng hải, đóng tàu, cơ khí, chế biến, chế tạo, đầu tư, khai thác nuôi

trồng thủy sản,... và đội ngũ tri thức, các nhà khoa học trong và ngoài nước về tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Hải Phòng.

- Tổ chức rà soát, xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các loại hình kinh doanh mới xuất hiện trong nền kinh tế số, trong xu thế phát triển của cuộc cách mạnh công nghiệp theo nguyên tắc thị trường.

- Rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển liên kết vùng trong việc thu hút đầu tư kết nối hạ tầng giao thông, phát triển các ngành kinh tế, lĩnh vực trên cơ sở phát huy lợi thế là đô thị cấp quốc gia, một cực tăng trưởng quan trọng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ gắn với việc liên kết không gian ngoại vùng và nội vùng với cả nước và quốc tế, rút ngắn trình độ công nghệ với các nước phát triển, tăng cường liên kết địa phương theo cả chiều dọc và ngang, đan xen hợp tác và cạnh tranh. Xây dựng cơ chế liên kết tạo hành lang để thúc đẩy quá trình liên kết, trong đó doanh nghiệp là trung tâm, dưới sự tạo điều kiện, định hướng, đưa ra tầm nhìn của chính quyền địa phương.

- Chủ động thực hiện nghiêm túc, đầy đủ và hiệu quả các cam kết và nghĩa vụ khác của Việt Nam khi tham gia thực hiện các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Rà soát, sửa đổi bổ sung và đề xuất các văn bản quy phạm pháp luật trình cấp thẩm quyền ban hành theo đúng lộ trình đã quy định của các Hiệp định; đồng thời, phân tích, dự báo diễn biến, dự báo tình hình của chiến tranh thương mại, cạnh tranh giữa các nước lớn, chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch đang có chiều hướng gia tăng, tận dụng triệt để các cơ hội mang lại, hạn chế tối đa khó khăn thách thức.

- Rà soát, đánh giá và sửa đổi, bổ sung Nghị định số 89/2017/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hải Phòng theo hướng toàn diện hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố trong giai đoạn tới và pháp luật hiện hành, gắn với việc thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương, người đứng đầu trong một số lĩnh vực cụ thể như quy hoạch, đất đai, quản lý đô thị, đầu tư, tài chính - ngân sách, tổ chức, nhân sự và tiền lương…

- Nghiên cứu, xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết cho phép thành phố Hải Phòng thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách mới, đặc thù, có tính đột phá, khả thi cao cho thành phố Hải Phòng, đặt trong mối tương quan hợp lý với các thành phố lớn khác trong cả nước (cơ chế về tài chính - ngân sách tạo nguồn vốn đầu tư; thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị; chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức, các chuyên gia, nhà khoa học tài năng; đất đai, quyết định chủ trương đầu tư các dự án...).

- Xây dựng cơ chế, chính sách huy động tối đa mọi nguồn lực để thu hút nguồn vốn đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng trọng điểm của thành phố giai đoạn 2021 - 2030, ưu tiên áp dụng hình thức đầu tư đối tác công - tư (PPP).

- Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2030, ưu tiên thu hút đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn, các dự án có trình độ công nghệ cao, thân thiện môi trường, nghiên cứu phát triển, cam kết chuyển giao công nghệ, có khả năng lan toả, liên kết với các doanh nghiệp trong nước theo chuỗi giá trị.

- Rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về tài nguyên môi trường; đề xuất xây dựng các văn bản hướng dẫn dưới luật theo hướng ưu tiên tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, ô nhiễm chất thải rắn, tài nguyên nước; hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hệ thống quản lý tài nguyên môi trường, đất đai nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý đất đai; cải thiện môi trường nông thôn, làng nghề, kiểm soát ô nhiễm, ứng phó khắc phục sự cố môi trường biển và hải đảo.

- Xây dựng tiêu chí thí điểm để xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ Đông Nam Á, trung tâm dịch vụ logistics quốc gia, trung tâm dịch vụ logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt tốc độ cao.

- Xây dựng cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính theo hướng tạo đều kiện tối đa cho doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm xây dựng môi trường hành chính hiện đại, minh bạch, tiết kiệm để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước phù hợp với mục tiêu đến năm 2025 thành phố Hải Phòng đạt các tiêu chí đô thị loại I đô thị trung tâm cấp quốc gia, đến năm 2030 trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á.

3. Tăng cường thu hút vốn đầu tư phát triển, tập trung đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm

- Tập trung nguồn lực để tăng quy mô và hiệu quả đầu tư, hoàn thiện đồng bộ kết cấu hạ tầng. Huy động tối đa mọi nguồn lực, khuyến khích và đẩy mạnh công tác xã hội hóa thu hút nguồn vốn đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hình thức đối tác công - tư (PPP); thu hút mạnh mẽ hơn vốn đầu tư hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay của các nhà tài trợ. Tăng cường hợp tác quốc tế, xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư từ các nhà đầu tư trong nước có năng lực tài chính, nhà đầu tư nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào thành phố.

- Bảo đảm tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm để thúc đẩy phát triển kinh tế của thành phố như: Dự án hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc sông Cấm, Dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng, Dự án đầu tư 02 bến container số 3, 4 thuộc Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng, Hạ tầng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,....

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số công trình trọng điểm nhất là hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh liên kết vùng trong tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, các địa phương ven biển Bắc Bộ: Các bến container còn lại thuộc Cảng cửa ngõ Quốc tế Hải Phòng, cầu Tân Vũ - Lạch Huyện 2; các trung tâm logistics lớn gắn với cảng biển; mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cát Bi; cải tạo hệ thống đường thủy nội địa nối với một số địa phương Bắc Bộ; hoàn thiện các tuyến kết nối để nâng cao hiệu quả của đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; hoàn thành xây dựng tuyến đường cao tốc Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình -Thanh Hóa - Nghệ An; cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ 37, quốc lộ 10, quốc lộ 17B,...

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng lộ trình nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường sắt điện khí hóa khổ 1.435 mm đoạn Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; nghiên cứu khảo sát tuyến đường sắt Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định; hoàn thành việc đầu tư cảng cá động lực thuộc Trung tâm nghề các và 50% công trình thuộc quy hoạch Trung tâm nghề cá; đến năm 2025, hoàn thành đầu tư xây dựng trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc tại đảo Bạch Long Vỹ.

- Đảm bảo đầu tư đồng bộ các công trình đầu mối, hệ thống hạ tầng kỹ thuật về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn; tăng tỷ lệ cây xanh đô thị đáp ứng nhu cầu phát triển, đảm bảo chất lượng dịch vụ nâng cao đời sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn. Xây dựng hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin.

4. Phát triển mạnh các thành phần kinh tế để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng, đặc biệt là trong các ngành kinh tế mũi nhọn

- Tập trung thực hiện sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; phối hợp các cơ quan liên quan giải quyết dứt điểm việc xử lý, cơ cấu lại Vinalines, đặc biệt là đối với các công ty con đóng trên địa bàn thành phố Hải Phòng, bảo đảm quyền lợi, tài sản của Nhà nước, đời sống, việc làm người lao động.

- Đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tập thể, tạo điều kiện thuận lợi để các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển hiệu quả trong mọi lĩnh vực, coi

đây là nền tảng phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đồng thời, chú trọng phát triển kinh tế tư nhân, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân thực sự thành một động lực quan trọng, tạo đột phá trong phát triển kinh tế xã hội của thành phố, đặc biệt trong ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế như chế biến chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, du lịch, thương mại, dịch vụ logistics, ngân hàng,...

- Tiếp tục thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành công nghiệp thành phố Hải Phòng gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp và hạ tầng kết nối với bên ngoài; ưu tiên phát triển công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp sạch, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; công nghiệp có giá trị gia tăng cao... Phát triển các ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, điện tử gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố; nghiên cứu xây dựng Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Thúc đẩy công nghiệp công nghệ thông tin (công nghiệp ICT) trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật mũi nhọn, tăng trưởng nhanh và bền vững, góp phần đưa Hải Phòng trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại, bắt kịp cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Phát triển công nghệ cao: công nghệ thông tin và viễn thông công nghiệp điện tử. Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung, đẩy mạnh sản xuất, gia công phần mềm, làm chủ các công nghệ sản xuất và thiết kế phần mềm có tích hợp công nghệ cao, từng bước tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ ICT khu vực và thế giới.

- Tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng logistics của Hải Phòng kết nối với các quốc gia, địa phương trong cả nước về đường bộ, đường biển, đường sắt, hàng không và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động logistics, hình thành, xây dựng mô hình dịch vụ logistics điện tử.

- Đa dạng hóa các loại hình thương mại, dịch vụ, phát triển hạ tầng thương mại hiện đại đặc biệt là thương mại điện tử. Xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển thị trường trong nước, khai thác hiệu quả và mở rộng thị trường xuất khẩu, nhất là thị trường các nước đã ký kết FTA, CPTPP để tập trung, tạo điều kiện để xuất khẩu các nhóm mặt hàng chủ lực như điện, điện tử, dệt may, ô tô, xe máy,...

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành kinh tế mũi nhọn nhằm phát huy tối ưu các nguồn lực và tài nguyên du lịch để nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường; đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở

vật chất kỹ thuật ngành du lịch, đặc biệt tạo điều kiện xây dựng, phát triển khu du lịch Cát Bà và Đồ Sơn có cơ sở vật chất hiện đại, chất lượng cao để trở thành trung tâm du lịch quốc tế.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng tập trung, công nghệ cao, an toàn về sinh thái, đạt hiệu quả cao và tạo ra giá trị lớn trên cơ sở hình thành các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong nuôi trồng và khai thác, chế biến thủy hải sản, đảm bảo hiệu quả để hướng tới việc hình thành trung tâm nghề cá, dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc. Phát triển và cải tạo rừng theo hướng nâng cao hiệu quả đất lâm nghiệp gắn với phòng hộ và bảo vệ cảnh quan môi trường sinh thái, hướng tới một "Thành phố xanh".

- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chủ yếu thông qua tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi, tránh việc cạnh tranh dẫn đến cắt giảm thuế, phí quá mức, gây bất bình đẳng với các thành phần kinh tế khác, gây thất thoát ngân sách nhà nước. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn, các dự án có trình độ công nghệ cao, thân thiện môi trường, có nghiên cứu phát triển, cam kết chuyển giao công nghệ, có khả năng lan tỏa, liên kết với các doanh nghiệp trong nước theo chuỗi giá trị.

5. Xây dựng, phát triển đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Nghiên cứu xây dựng phát triển một số cơ sở đào tạo, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao mà thành phố Hải Phòng có lợi thế như kinh tế biển, hàng hải, vận tải biển, dịch vụ logistics, đóng tàu, cơ khí, chế biến, chế tạo, đầu tư, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản,...

- Nâng cao chất lượng giáo dục các cấp, mở rộng đào tạo hướng nghiệp, đào tạo nghề cho người lao động; đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở cho giáo dục đào tạo theo hướng đồng bộ và hiện đại, hướng tới đảm bảo các yêu cầu phù hợp với xu thế phát triển mới của thành phố. Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp và gắn kết giữa các cơ sở đào tạo với doanh nghiệp để hỗ trợ lẫn nhau trong đào tạo, nâng cao kỹ năng cho lao động trong doanh nghiệp, và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất kinh doanh.

- Chú trọng đào tạo, nâng cao phát triển nguồn nhân lực tại chỗ có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. nhất là cho công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ cảng biển, logistic; đồng thời phát triển được đội ngũ nhân lực, các nhà quản trị có khả năng ứng dụng công nghệ và phát triển các

dịch vụ hiện đại trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính, logistics, bảo hiểm, công nghệ thông tin, phân phối bán lẻ, tư vấn, dịch vụ phát triển kinh doanh.

- Phát triển nguồn nhân lực ngành y - dược, tăng cường củng cố, phát triển mạng lưới khám chữa bệnh, đào tạo và thu hút nhân lực, chuyển giao khoa học kỹ thuật, cử chuyên gia đầu ngành về y tế để hỗ trợ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân thành phố và các địa phương lân cận. Đầu tư xây dựng cơ sở khám chữa bệnh, hạ tầng y tế, đồng bộ, nâng cấp các bệnh viện của Hải Phòng nhằm nâng cao, đa dạng hóa công tác khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật y học tiên tiến hiện đại; phát huy thế mạnh về y học biển để trở thành trung tâm y tế biển hàng đầu của cả nước; ưu tiên đẩy mạnh đầu tư xây dựng, phát triển trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế, thực thi các cam kết quốc tế, nâng cao kỹ năng đối ngoại đa phương cho cán bộ địa phương, doanh nghiệp; mở rộng hợp tác, hội nhập quốc tế về đào tạo nhân lực có tay nghề cao trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng cấp độ quốc gia, quốc tế.

- Nghiên cứu xây dựng Đề án đào tạo nguồn nhân lực về khai thác thủy, hải sản và quản lý nghề cá (ưu tiên nguồn nhân lực về khai thác hải sản kiểm ngư, đăng kiểm tàu cá,dịch vụ hậu cần nghề cá) tại các trường đại học hoặc viện nghiên cứu chuyên ngành hiện có tại Thành phố (như Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Viện Nghiên cứu hải sản, Viện Y học biển, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam) để triển khai đào tạo từ năm 2025.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Tiếp tục bố trí sắp xếp luân chuyển đội ngũ cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhanh chóng hội nhập quốc tế và khu vực.

6. Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trọng điểm phát triển khoa học - công nghệ biển của cả nước:

- Hình thành các trung tâm nghiên cứu, phát triển khoa học - công nghệ biển, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học để xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học lớn của vùng Bắc Bộ.

- Đầu tư cơ sở vật chất và chất lượng đội ngũ nhà khoa học, giảng viên để phát triển một số trường đại học có chuyên ngành đào tạo về biển đạt chuẩn quốc tế, đầu tư nâng cấp, hợp tác với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước. Đồng thời, chủ động, phối hợp để rà soát, kiện toàn bộ máy tổ chức các trung tâm nghiên cứu hiện có, phát triển một số cơ quan nghiên cứu khoa học biển, y học biển, cơ sở nghiên cứu khoa học và đào tạo do các bộ quản lý trên địa bàn thành phố ngang tầm trọng điểm quốc gia, có tầm cỡ trong khu vực và quốc tế, như: Viện Tài nguyên và Môi trường biển, Viện Nghiên cứu hải sản, Viện y học biển, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam.

- Hình thành các trung tâm nghiên cứu phát triển bền vững kinh tế biển, khai thác hiệu quả tài nguyên biển, ứng dụng công nghệ mới để phát triển các ngành kinh tế biển là lợi thế của thành phố Hải Phòng, gắn liền với bảo vệ chủ quyền biển đảo, bảo đảm quốc phòng, an ninh; nghiên cứu các giải pháp bảo vệ môi trường, hệ sinh thái biển, cảnh báo thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng và nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý nước biển thành nước ngọt. Nghiên cứu xây dựng Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Xây dựng, hình thành các khu ứng dụng công nghệ, kỹ thuật cao phù hợp với thành phố Hải Phòng. Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho từng giai đoạn và bố trí kinh phí thực hiện; xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ và khuyến khích các doanh ngiệp thành lập tổ chức nghiên cứu khoa học trực thuộc để đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ.

- Thu hút, trọng dụng, đãi ngộ đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành, nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học công nghệ biển, kinh tế biển, y học biển trong và ngoài nước đến làm việc, nghiên cứu tại thành phố Hải Phòng; đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các nước phát triển trên thế giới về lĩnh vực khoa học công nghệ biển.

7. Gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ

- Triển khai thực hiện các chương trình việc làm, chú trọng tạo việc làm, đi đôi với nâng cao chất lượng việc làm, tăng thu nhập cho người lao động và coi đây là nhiệm vụ xuyên suốt đối với tất cả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Gắn kết nhu cầu về lao động giữa thành phố Hải Phòng với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và thị trường lao động cả nước; tiếp tục cải thiện môi trường lao động giảm thiểu tai nạn lao động.

- Tiếp tục phát triển thị trường xuất khẩu lao động, mở rộng thị phần lao động nhất là các thị trường lao động đòi hỏi kỹ thuật công nghệ cao, thu nhập cao; đồng thời tiếp tục phát triển thị trường lao động truyền thống có lợi thế đã và đang nhận nhiều lao động Việt Nam; tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, huấn luyện nguồn lao động có tay nghề chất lượng cao phù hợp với xu thế phát triển của khu vực và thế giới trước khi làm việc tại nước ngoài.

- Đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Xây dựng nông thôn mới phồn vinh gắn với quá trình đô thị hoá, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá nông thôn Bắc Bộ, có nền sản xuất nông nghiệp hiện đại, chất lượng cao. Đồng thời, xây dựng nông thôn mới phải thực sự gắn với giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội để tạo cơ hội, động lực cho người nghèo thông qua các chính sách trợ giúp về phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, khuyến nông và tiêu thụ sản phẩm để bảo đảm giảm nghèo bền vững, phấn đấu đến năm 2025 đạt mục tiêu không còn hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia).

- Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của thành phố Hải Phòng, đáp ứng nhu cầu của người dân và yêu cầu phát triển kinh tế, phù hợp với điều kiện hội nhập quốc tế của thành phố. Phát triển hiệu quả hệ thống thiết chế văn hoá - thông tin đồng bộ từ thành phố đến cơ sở và nâng cao công tác thông tin, tuyên truyền tới người dân đảm bảo phù hợp hệ thống báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình và các loại hình thông tin khác đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và nhu cầu nhân dân.

- Quán triệt quan điểm và thực hiện phát triển bền vững, đảm bảo mọi người dân Hải Phòng được tiếp cận bình đẳng, thuận lợi, đầy đủ với chất lượng ngày càng cao các dịch vụ công thiết yếu như y tế, giáo dục, việc làm, điện, nước sạch,... đặc biệt quan tâm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở hai huyện đảo Bạch Long Vĩ và Cát Hải.

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội, huy động sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng xã hội thực hiện các chính sách an sinh xã hội; mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức trợ cấp xã hội thường xuyên, trợ giúp khẩn cấp phù hợp với khả năng ngân sách thành phố, nâng cấp hệ thống các cơ sở trợ giúp xã hội phù hợp với xu thế phát triển mới; ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết các chính sách an sinh xã hội, thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tại nạn lao động; ngăn chặn, đấu tranh, phòng ngừa các tệ nạn xã hội.

8. Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng bảo đảm sự phát triển bền vững

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp cụ thể triển khai pháp luật về bảo vệ môi trường, đưa nội dung bảo vệ môi trường vào quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án,... theo hướng chủ động phòng ngừa và kiểm soát nguồn gây ô nhiễm tác động xấu đến môi trường; ưu tiên tiên tháo gỡ các vướng mắc trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, vấn đề ô nhiễm rác thải, tài nguyên nước, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Xây dựng, tổ chức trình phê duyệt và thực hiện có hiệu quả quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 và 2025 - 2030 phù hợp với định hướng sử dụng đất, mục tiêu phát triển kinh tế, phát triển đô thị đến năm 2030 theo quy hoạch thành phố.

- Nâng cao năng lực và hoạt động quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất thải tại thành phố và tại khu kinh tế, các khu công nghiệp, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thành phố, cải thiện chất lượng không khí ở đô thị và các khu công nghiệp, kiên quyết di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra xa khu dân cư hoặc loại bỏ các dự án sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm tới môi trường;

- Khuyến khích và có các biện pháp hỗ trợ các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố chuyển đổi từ khu công nghiệp thông thường sang khu công nghiệp sinh thái hoặc xây dựng mới các khu công nghiệp sinh thái nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, năng lượng, nâng cao tính cạnh tranh của khu công nghiệp trong thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển bền vững trong Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

- Tăng cường quản lý và bảo vệ nguồn nước, môi trường các lưu vực sông, xử lý ô nhiễm khu vực cửa biển; chú trọng bảo vệ đa dạng sinh học bảo tồn các khu vực rừng nguyên sinh, Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà, Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ. Đồng thời, xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, nhiệm vụ thường xuyên, xây dựng lộ trình thực hiện nhằm phát triển bền vững kinh tế biển theo đúng tinh thần Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và phù hợp với sự phát triển của thành phố.

- Dự báo và xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2030; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn và ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra giám sát các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đất đai theo hướng tăng cường thanh tra đột xuất và giảm thanh tra theo kế hoạch. Bên cạnh đó, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về môi trường của các cấp quản lý và mọi người dân để cùng thực hiện tốt Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

9. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội:

- Thực hiện tốt quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng, kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội của Hải Phòng; xây dựng các công trình phòng thủ theo quy hoạch thế trận quân sự khu vực phòng thủ đúng với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của thành phố với cả nước, vừa đảm bảo quốc phòng, an ninh, vừa phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Ưu tiên củng cố, cải tạo, xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh phòng thủ tuyến biên giới trên biển, đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Đồ Sơn, Tiên Lãng, xây dựng quân cảng Nam Đồ Sơn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tác chiến trong khu vực phòng thủ của thành phố.

- Xây dựng Hải Phòng trở thành thành phố an toàn, thân thiện; tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân thành phố. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hoạt động thông qua hợp tác kinh tế để tác động, chuyển hóa chính trị, tạo sự lệ thuộc, làm suy giảm tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế; tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn thành phố; giữ vững ổn định chính trị xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay; đồng thời, các lực lượng vũ trang sẵn sàng ứng phó với các tình huống xảy ra.

- Tăng cường đầu tư, cơ sở vật chất, phương tiện vũ khí, trang thiết bị phục vụ công tác, chiến đấu, góp phần xây dựng lực lượng công an thành phố Hải Phòng chính quy, tinh nhuệ, có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tăng cường công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, xây dựng môi trường mạng an toàn, tin cậy nhằm thúc đẩy, nâng cao chất lượng, hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm để mọi người dân, mọi tầng lớp xã hội chung tay bảo vệ Tổ quốc; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

10. Tập trung chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy vai trò làm chủ nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở

- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chủ động tổ chức học tập, quán triệt, thực hiện tốt các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Đảng bộ thành phố Hải Phòng thật sự trong sạch, vững mạnh.

- Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác cải cách hành chính, tập trung chỉ đạo, dành nguồn lực để cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hành chính; giảm thủ tục, giảm thời gian và chi phí ở tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là các thủ tục liên quan đến người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao và tiếp tục duy trì ổn định thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), chỉ số năng lực cạnh cấp tỉnh (PCI) của thành phố trong tốp đầu các tỉnh, thành phố cả nước.

- Nghiên cứu, thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị một cấp và hai cấp hành chính và mô hình cơ quan quản lý cảng của các nước để đề xuất áp dụng khi điều kiện cho phép phù hợp với thành phố Hải Phòng

- Tổ chức tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; phấn đấu không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài phát sinh. Thường xuyên lắng nghe, tiếp thu, giải trình ý kiến phản ánh của nhân dân; theo dõi, đôn đốc tiến độ giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, đông người, kéo dài. Tăng cường công tác thanh tra, xử lý sau thanh tra, thanh tra trách nhiệm thủ trưởng của các cấp, các ngành trong các lĩnh vực: tiếp dân, xử lý đơn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; quản lý nhà nước về tài chính, đất đai, tài nguyên, môi trường, y tế, giáo dục...

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp thường xuyên với thành phố Hải Phòng, có cơ chế điều hành tập trung, cụ thể để tăng cường sự phối kết hợp triển khai các nội dung Nghị quyết, trong đó tập trung vào một số nội dung cụ thể sau:

- Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 và Nghị quyết này của Chính phủ; giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan chức năng cùng phối hợp, hỗ trợ giúp xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, các cơ chế, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố Hải Phòng; tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền toàn diện hơn gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương cho Hải Phòng để tạo điều kiện cho thành phố phát triển nhanh hơn, đảm bảo thực hiện được mục tiêu "Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước; đến năm 2030 trở thành thành phố công nghiệp phát triển hiện đại thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á".

- Tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm điểm về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng và Nghị quyết này của Chính phủ; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

b) Phân công nhiệm vụ của các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện:

- Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo, xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện với tiến độ cụ thể để đảm bảo thời gian hoàn thành và chất lượng các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật.

- Các bộ, ngành khác có liên quan chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các bộ, ngành, địa phương liên quan để triển khai thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 và Nghị quyết này của Chính phủ.

2. Đối với thành phố Hải Phòng

- Tập trung khẩn trương chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát, kiểm tra, bổ sung kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để xây dựng các chương trình, cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 45-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị, trong đó trọng

tâm xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành thành phố công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á; trung tâm dịch vụ logistics trọng điểm quốc gia và quốc tế hiện đại; trung tâm quốc tế về đào tạo nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ gắn với biển; trung tâm du lịch quốc tế; trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc và cả nước;...

- Chủ động phát triển quan hệ liên kết, trao đổi, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước và các tỉnh, thành phố trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là thành phố Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh để tạo thành tam giác phát triển bền vững trên các lĩnh vực, khai thác, phát huy được tiềm năng, lợi thế của nhau cùng phát triển.

- Định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này của Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp theo quy định.

3. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là thành phố Hà Nội, tỉnh Quảng Ninh trong tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh chủ động phát triển quan hệ liên kết, hợp tác với thành phố Hải Phòng trên các lĩnh vực, tạo sự gắn bó và sức mạnh chung để cùng khai thác các tiềm năng, lợi thế của nhau vì sự phát triển chung.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động, các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chủ động đề xuất gửi bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 45-NQ/TW

(Kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 108 /NQ-CP ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
1	Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết 45-NQ/TW	Bộ Thông tin và Truyền thông	UBND thành phố Hải Phòng và các bộ, ngành có liên quan	Các thông tin điện tử trên website; chương trình phát thanh, truyền hình; bài viết, bài nói, ấn phẩm, số liệu; Hội thảo, chuyên đề...	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết
2	Hoàn thiện thể chế, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách				
2.1	Lập, trình thẩm định, phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 gắn với điều chỉnh hoàn thiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực theo quy định của Luật Quy hoạch, phù hợp quy hoạch tổng thể của quốc gia, quy hoạch vùng.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021
2.2	Nghiên cứu, đánh giá phân tích cơ chế chính sách, kinh nghiệm, cách làm hay trong nước và quốc tế, đặc biệt là cơ chế chính sách đang được áp dụng tại các khu thương mại tự do trên thế giới để có thể vận dụng phù hợp với điều kiện của thành phố Hải Phòng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố Hải Phòng, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
2.3	Xây dựng các cơ chế, chính sách để hỗ trợ phát triển du lịch Hải Phòng, trong đó: tập trung thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch; ưu đãi phát triển sản phẩm du lịch; phát triển thị trường, xúc tiến, quảng bá, hợp tác về du lịch; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản lý nhà nước về du lịch.	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	UBND thành phố Hải Phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021
2.4	Nghiên cứu, đề xuất một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển trung tâm logistics trên địa bàn Hải Phòng từ đầu tư xây dựng đến vận hành và hỗ trợ doanh nghiệp trong nước đầu tư, kinh doanh dịch vụ logistics để có thể cạnh tranh với các doanh nghiệp dịch vụ nước ngoài.	Bộ Công Thương	Bộ Giao thông vận tải, UBND thành phố Hải Phòng và bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021
2.5	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nhất là cho công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ cảng biển, dịch vụ logistics, kinh tế biển, hàng hải, đóng tàu, cơ khí, y tế, chế tạo, đầu tư, nuôi trồng thủy sản,... và đội ngũ tri thức, các nhà khoa học trong và ngoài nước về giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Hải Phòng.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý/2021
2.6	Rà soát, sửa đổi bổ sung và đề xuất các giải pháp khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, chú trọng Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương áp dụng với điều kiện của thành phố Hải Phòng	Bộ Công Thương	UBND thành phố Hải Phòng, Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý III/2020

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
2.7	Rà soát, đánh giá và sửa đổi, bổ sung Nghị định số 89/2017/NĐ-CP ngày 29/7/2017 của Chính phủ quy định một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hải Phòng theo hướng toàn diện hơn, phù hợp hơn với yêu cầu phát triển của thành phố gắn với việc thực hiện phân cấp, phân quyền cho địa phương.	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Hải Phòng và các bộ ngành liên quan	Nghị định của Chính phủ	Quý I/2021
2.8	Xây dựng cơ chế, chính sách huy động tối đa mọi nguồn lực để thu hút nguồn vốn đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng trọng điểm của thành phố giai đoạn 2021 - 2030, ưu tiên áp dụng hình thức đầu tư đối tác công - tư (PPP).	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý I/2022
2.9	Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2030, ưu tiên các ngành kinh tế mũi nhọn, các dự án có trình độ công nghệ cao, thân thiện môi trường, cam kết chuyển giao công nghệ, khả năng lan toả, liên kết với các doanh nghiệp trong nước theo chuỗi giá trị.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố Hải Phòng và bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý II/2021
2.10	Xây dựng tiêu chí thí điểm cho Hải Phòng trở thành thành phố công nghiệp theo hướng hiện đại, thành phố công nghiệp phát triển hiện đại, thông minh, bền vững tầm cỡ Đông Nam Á, trung tâm dịch vụ logistics quốc gia, trung tâm logistics quốc tế hiện đại bằng cả đường biển, đường hàng không, đường bộ cao tốc, đường sắt.	Bộ Công Thương	Bộ Xây dựng, các bộ, ngành và UBND thành phố Hải Phòng	Quyết định Thủ tướng Chính phủ	Quý I/2022

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
2.11	Rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, cải cách hành chính nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chính quyền điện tử nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp hướng tới chính quyền số và nền kinh tế số phù hợp với mục tiêu đến năm 2025 đạt các tiêu chí đô thị loại I đô thị trung tâm cấp quốc gia, đến năm 2030 trở thành thành phố công nghiệp thông minh, bền vững tầm cỡ khu vực Đông Nam Á.	Bộ Nội vụ	UBND thành phố Hải Phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021
2.12	Nghiên cứu, xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết cho phép thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách mới, đặc thù, có tính đột phá cho thành phố Hải Phòng.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND thành phố Hải Phòng và các bộ, ngành liên quan	Đề án báo cáo Chính phủ	2021 - 2025
3	Tăng cường thu hút vốn đầu tư phát triển, tập trung đầu tư các công trình hạ tầng trọng điểm				
3.1	Huy động vốn đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm, hoàn thiện đúng tiến độ, chất lượng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố như: Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Bắc sông Cấm, tuyến đường bộ ven biển đoạn qua địa bàn thành phố Hải Phòng, Dự án đầu tư 02 bến container số 3, 4 thuộc Cảng Hải Phòng, Hạ tầng Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải,...	UBND thành phố Hải Phòng	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Định kỳ hàng năm (từ năm 2019)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
3.2	Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng một số công trình hạ tầng giao thông trọng điểm đồng bộ, hiện đại để đẩy mạnh liên kết vùng trong tam giác phát triển Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh: Các bến container còn lại của cảng Quốc tế Hải Phòng; mở rộng cảng hàng không Cát Bi; cải tạo hệ thống đường thủy nội địa nối với một số địa phương Bắc Bộ; hoàn thành tuyến đường cao tốc đoạn Ninh Bình tới Nghệ An thuộc tuyến đường cao tốc từ Quảng Ninh đến Nghệ An; cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ 37, quốc lộ 10, quốc lộ 17B,…	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Hải Phòng, các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết
3.3	Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm như: Cầu Tân Vũ - Lạch Huyện 2; các trung tâm logistics lớn gắn với cảng biển; hoàn thiện các tuyến đường kết nối nâng cao hiệu quả tuyến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, phối hợp các địa phương đầu tư hoàn thành tuyến cao tốc từ Quảng Ninh đến Ninh Bình.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Công Thương, UBND và các bộ, ngành, địa phương liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết
3.4	Xây dựng lộ trình nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường điện khí hóa khổ 1.435 mm đoạn Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng; nghiên cứu khảo sát tuyến đường sắt Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định.	Bộ Giao thông vận tải	UBND thành phố Hải Phòng và các địa phương liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021
3.5	Đầu tư xây dựng đảo Bạch Long Vĩ trở thành trung tâm hậu cần nghề cá trên Vịnh Bắc Bộ và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND thành phố Hải Phòng	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Định kỳ hàng năm (từ năm 2019)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4	Phát triển mạnh các thành phần kinh tế để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng, đặc biệt là trong các ngành kinh tế mũi nhọn				
4.1	Thực hiện sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn thành phố, đặc biệt là tái cơ cấu lại Vinalines và các công ty con đóng trên địa bàn thành phố.	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Bộ Giao thông vận tải, UBND thành phố Hải Phòng và các bộ liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021
4.2	Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất, kỹ thuật ngành du lịch, đặc biệt đầu tư xây dựng, phát triển khu du lịch Cát Bà và Đồ Sơn có cơ sở vật chất hiện đại, chất lượng cao để trở thành trung tâm du lịch quốc tế	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021
4.3	Xây dựng khu công nghệ thông tin tập trung, đẩy mạnh sản xuất, gia công phần mềm, làm chủ các công nghệ sản xuất và thiết kế phần mềm có tích hợp công nghệ cao, từng bước tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm, dịch vụ ICT khu vực và thế giới.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Khoa học và Công nghệ	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021
5	Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa				
5.1	Nghiên cứu xây dựng phát triển một số cơ sở đào tạo, nhất là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao mà thành phố Hải Phòng có lợi thế như kinh tế biển, hàng hải, vận tải biển, dịch vụ logistics, đóng tàu, cơ khí, chế biến, chế tạo, nuôi trồng thủy, hải sản,...	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021
5.2	Đầu tư xây dựng hạ tầng y tế đồng bộ, nâng cấp các bệnh viện của Hải Phòng; phát huy thế mạnh về y học biển để trở thành trung tâm y tế biển hàng đầu của cả nước; ưu tiên đẩy mạnh đầu tư xây dựng, phát triển trường Đại học Y Dược Hải Phòng..	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Y tế và các bộ ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
5.3	Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực hội nhập quốc tế, thực thi các cam kết quốc tế, nâng cao kỹ năng đối ngoại đa phương cho cán bộ địa phương, doanh nghiệp.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Ngoại giao	Các khoá đào tạo	Giai đoạn 2021-2025
6	Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trọng điểm phát triển khoa học - công nghệ biển của cả nước				
6.1	Đề xuất hình thành các trung tâm nghiên cứu, phát triển khoa học - công nghệ biển trên địa bàn, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học để xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng khoa học lớn của vùng Bắc Bộ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Giáo dục và đào tạo, UBND thành phố Hải Phòng và bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Giai đoạn 2021 - 2025
6.2	Đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao trình độ giảng viên của một số trường đại học có chuyên ngành đào về biển đạt chuẩn quốc tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Giáo dục và Đào tạo và bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
6.3	Xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ cho từng giai đoạn, trong đó ưu tiên khuyến khích các doanh ngiệp thành lập tổ chức nghiên cứu khoa học trực thuộc để đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Khoa học và Công nghệ và bộ, ngành liên quan	Kế hoạch hành động	Quý IV/2021
6.4	Thu hút, đãi ngộ các chuyên gia, các nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học - công nghệ biển trong và ngoài nước đến làm việc, nghiên cứu tại thành phố và đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các nước phát triển trên thế giới về lĩnh vực khoa học công nghệ biển.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao và bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
6.5	Nghiên cứu xây dựng, hình thành các khu ứng dụng công nghệ, kỹ thuật cao phù hợp với thành phố Hải Phòng và Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Vùng Đồng bằng sông Hồng đặt tại thành phố Hải Phòng.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công Thương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Hải phòng và bộ ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Giai đoạn 2021 - 2025
6.6	Nghiên cứu xây dựng Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ tại Vùng Đồng bằng sông Hồng đặt tại thành phố Hải Phòng.	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố Hải phòng và bộ ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Giai đoạn 2021 - 2025
7	Gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân				
7.1	Triển khai thực hiện các chương trình việc làm, nâng cao chất lượng việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, gắn kết nhu cầu về lao động giữa thành phố Hải Phòng với vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và thị trường lao động cả nước.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các tỉnh, thành phố Vùng KTTĐ Bắc Bộ	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Định kỳ báo cáo hàng năm
7.2	Xây dựng nông thôn mới phồn vinh gắn với quá trình đô thị hoá và giảm nghèo bền vững có nền sản xuất nông nghiệp chất lượng cao hiện đại, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá của thành phố Hải Phòng, phấn đấu đến năm 2025 đạt mục tiêu không còn hộ nghèo (theo chuẩn quốc gia).	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND thành phố Hải Phòng	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Định kỳ báo cáo hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
8	Công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng bảo đảm sự phát triển bền vững				
8.1	Xây dựng, tổ chức trình thẩm định, phê duyệt và thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 và 2025 - 2030 phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và định hướng sử dụng đất trong quy hoạch thành phố giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, ngành liên quan	Nghị quyết của Chính phủ	Quý IV/2021
8.2	Xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, thường xuyên và lộ trình thực hiện nhằm phát triển bền vững kinh tế biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành trung ương Đảng về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển phù hợp với sự phát triển của thành phố.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021
8.3	Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021 - 2030 và cơ sở dữ liệu về đất đai, khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn, ứng phó biến đổi khí hậu.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch hành động	Quý II/2022
8.4	Xây dựng biện pháp hỗ trợ các khu công nghiệp trên địa bàn chuyển đổi từ khu công nghiệp thông thường sang khu công nghiệp sinh thái; hoặc xây dựng mới các khu công nghiệp sinh thái nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên, năng lượng, nâng cao tính cạnh tranh của khu công nghiệp trong thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển bền vững trong chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh và kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV/2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
9	Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội				
9.1	Xây dựng các công trình phòng thủ theo quy hoạch thế trận quân sự khu vực phòng thủ đúng với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh của thành phố với cả nước vừa đảm bảo quốc phòng - an ninh, vừa phục vụ sản xuất kinh doanh.	Bộ Quốc phòng	UBND thành phố Hải Phòng	Báo cáo Chính phủ	Trong thời gian thực hiện Nghị quyết
9.2	Xây dựng, cải tạo các công trình quốc phòng - an ninh phòng thủ tuyến biên giới trên biển, đảo Bạch Long Vĩ, Cát Hải, Đồ Sơn, Tiên Lãng, xây dựng quân cảng Nam Đồ Sơn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tác chiến trong khu vực phòng thủ của thành phố.	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành liên quan và UBND thành phố Hải Phòng	Báo cáo Chính phủ	Trong thời gian thực hiện Nghị quyết
9.3	Tăng cường đầu tư, cơ sở vật chất, phương tiện vũ khí, trang thiết bị phục vụ công tác, chiến đấu, góp phần xây dựng lực lượng công an thành phố Hải Phòng chính quy, tinh nhuệ, có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.	Bộ Công An	UBND thành phố Hải Phòng	Báo cáo Chính phủ	Định kỳ báo cáo hằng năm
10	Tập trung chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy vai trò làm chủ nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện tốt quy chế dân chủ nhân dân				
10.1	Nâng cao công tác cải cách hành chính, tập trung chỉ đạo, dành nguồn lực để cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin quản lý nhà nước; nâng cao và tiếp tục duy trì ổn định thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).	UBND thành phố Hải Phòng	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Định kỳ báo cáo hằng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
10.2	Xây dựng đề án thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị một cấp và hai cấp hành chính	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan	Đề án báo cáo Chính phủ	Quý IV/2022
10.3	Nghiên cứu mô hình cơ quan quản lý cảng của các nước để đề xuất áp dụng thí điểm cho thành phố Hải Phòng khi điều kiện cho phép.	UBND thành phố Hải Phòng	Bộ Giao thông vận tải, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong thời gian thực hiện Nghị quyết

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Nghị quyết số: 35/2021/QH15	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT

Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là Thành phố) về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch và thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo

quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i, và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

2. Thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố như sau:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định áp dụng phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án;

b) Ngân sách Thành phố được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản này để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố và không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố;

c) Việc thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố quy định tại điểm a khoản này phải tuân thủ các nguyên tắc: bảo đảm có lộ trình, phù hợp với trình độ và yêu cầu phát triển của Thành phố; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước.

Điều 4. Quản lý đất đai

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác

động của chuyển đổi mục đích sử dụng đất và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định của khác của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tại khoản 1 Điều này do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 5. Quản lý quy hoạch

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị Thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Điều 6. Thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý

Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan chính quyền, Đảng, đoàn thể do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo. Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, tài năng đặc biệt của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2024; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2026.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và được thực hiện trong 05 năm.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2021.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ









TỈNH THANH HÓA



Tỉnh Thanh Hóa nằm ở cực Bắc của khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, cầu nối giữa Bắc Bộ với Trung Bộ, cửa ngõ thông thương ra biển gần nhất của khu vực phía Tây Tây Bắc nước ta và Đông Bắc Lào. Tỉnh Thanh Hóa có diện tích tự nhiên 11.114,7 Km2, đứng thứ 5 cả nước; có 27 huyện, thị xã, thành phố (gồm 02 thành phố, 02 thị xã và 23 huyện), 559 xã, phường, thị trấn; dân số trên 3,7 triệu người, đứng thứ 3 cả nước. Là vùng đất có bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa hào hùng; con người cần cù, sáng tạo, quật cường trong chiến đấu, có khát vọng vươn lên để làm giàu cho quê hương, đất nước. Thanh Hóa có Cảng hàng không Thọ Xuân, Khu kinh tế Nghi Sơn gắn với Cảng nước sâu Nghi Sơn và 17 khu công nghiệp được quy hoạch; có vùng lãnh hải rộng lớn, bờ biển dài, nhiều bãi biển đẹp, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn nhân lực dồi dào; hệ thống giao thông thuận lợi, bao gồm đầy đủ các loại hình, với nhiều trục tuyến giao thông quan trọng quốc gia đi qua như cao tốc Bắc Nam, quốc lộ 1A, quốc lộ 10, đường Hồ Chí Minh, đường ven biển, quốc lộ 47, quốc lộ 45, quốc lộ 217, quốc lộ 15, đường sắt Bắc Nam...

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, Thanh Hóa trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, người dân có mức sống cao hơn bình quân cả nước; một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp nặng, công nghiệp năng lượng, chế biến, chế tạo; nông nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao; dịch vụ logistics, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, văn hóa và thể thao. Tầm nhìn đến năm 2045 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại; tỉnh phát triển toàn diện và kiểu mẫu của cả nước.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 58-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, XII; các nghị quyết của Trung ương; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và XVIII; Thanh Hoá đã khai thác và phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế cho phát triển, kinh tế tăng trưởng cao, đạt mức bình quân hơn 10%/năm, đứng đầu các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ và thuộc nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Năm 2019, quy mô nền kinh tế tăng 3,9 lần so với năm 2010; tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP) đạt mức 2.325 USD, tăng 2,9 lần so với năm 2010; thu ngân sách tăng nhanh; từng bước trở thành một cực tăng trưởng mới của vùng Bắc Trung Bộ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ và công nghiệp là chủ đạo, trong đó công nghiệp trở thành ngành trụ cột với hạt nhân là Khu kinh tế Nghi Sơn, du lịch hướng tới trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Là một trong những tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có số lượng xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới lớn nhất cả nước. Công tác quy hoạch và phát triển đô thị được thực hiện tốt. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông không ngừng được cải thiện, một số cơ sở hạ tầng quan trọng được hình thành như Cảng nước sâu Nghi Sơn, Cảng hàng không Thọ Xuân. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được tăng cường. Phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu được tích cực triển khai. Hợp tác quốc tế và liên kết vùng được thúc đẩy.

Văn hoá - xã hội đạt nhiều tiến bộ; giải quyết việc làm đạt kết quả tốt; an sinh xã hội được bảo đảm; thực hiện tốt công tác dân tộc, tôn giáo; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, tỉ lệ hộ nghèo giảm mạnh, nhất là ở vùng miền núi và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị luôn được quan tâm thực hiện; hoạt động của bộ máy hành chính từng bước được đổi mới theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; quốc phòng, an ninh được tăng cường, biên giới của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc.

2. Tuy nhiên, phát triển kinh tế - xã hội của Thanh Hoá thời gian qua đã bộc lộ một số hạn chế, yếu kém. Chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp, phụ thuộc nhiều vào tăng các yếu tố đầu vào; một số dự án công nghiệp hiệu quả chưa cao, gây ô nhiễm môi trường; phát triển của ngành dịch vụ chưa đa dạng, chất lượng và giá trị gia tăng chưa cao; tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm. Hệ thống đô thị phát triển chưa nhanh. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng các huyện miền núi, hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu công nghiệp chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Hoạt động đối ngoại, hợp tác, liên kết vùng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế. Văn hoá, xã hội phát triển chưa đồng đều; khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền có xu hướng gia tăng. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội một số mặt còn hạn chế, bất cập. An ninh tuyến biên giới, tuyến biển và một số địa bàn trọng điểm còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp.

3. Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Một số cấp uỷ đảng, chính quyền, lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa thực sự chủ động và sáng tạo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ; năng lực dự báo và khả năng khắc phục, giải quyết những khó khăn, vướng mắc còn hạn chế. Việc phân cấp, phân quyền gắn với quy định trách nhiệm của các ngành, các cấp chưa đủ rõ và đồng bộ. Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh chưa cao; môi trường đầu tư, kinh doanh chưa ổn định. Một số văn bản quy phạm pháp luật còn chồng chéo, bất cập; chưa có cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý phù hợp đối với một tỉnh có nhiều tiềm năng như Thanh Hoá để tạo ra động lực phát triển mới. Công tác phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương có lúc, có việc còn hạn chế, đặc biệt là trong việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của khu kinh tế động lực Nghi Sơn. Định hướng phát triển các vùng kinh tế chưa rõ; thiếu cơ chế hợp tác và liên kết vùng hiệu quả. Công tác xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp còn hạn chế. Nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn ít; chưa thu hút được nhiều dự án đầu tư có hàm lượng khoa học - công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn. Hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp chưa cao, thiếu doanh nghiệp có vai trò đầu tàu, dẫn dắt.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Thanh Hoá là tỉnh có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, có vai trò kết nối vùng đồng bằng Sông Hồng, Tây Bắc với Bắc Trung Bộ. Xây dựng và phát

triển Thanh Hoá trở thành tỉnh kiểu mẫu, trở thành một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển là trách nhiệm của tỉnh Thanh Hoá và cả nước nhằm hiện thực hoá lời căn dặn của Bác Hồ khi về thăm tỉnh Thanh Hoá[1].

- Phát huy mọi tiềm năng, lợi thế để phát triển tỉnh Thanh Hoá nhanh và bền vững với công nghiệp nặng, nông nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao là nền tảng; các ngành công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn... bảo đảm hài hoà và cân đối giữa các vùng, miền, nhất là giữa vùng đồng bằng và ven biển với vùng miền núi; giữa thành thị và nông thôn. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển nhanh với phát triển bền vững; giữa phát triển hợp lý theo chiều rộng và phát triển theo chiều sâu, trong đó phát triển theo chiều sâu là chủ đạo.

- Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học và công nghệ cao; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút nhân tài và năng lực hội nhập kinh tế quốc tế; tạo đột phá trong cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp nhằm thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là từ khu vực kinh tế tư nhân cho phát triển, nhất là phát triển cơ sở hạ tầng và những vùng, ngành, lĩnh vực kinh tế có tiềm năng, lợi thế.

- Kết hợp chặt chẽ nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Các chủ trương, chính sách, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hoá phải gắn liền với mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường sinh thái; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đẩy mạnh đô thị hoá gắn với xây dựng nông thôn mới; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân.

- Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; phát huy tinh thần đoàn kết, dân chủ. Nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân; khơi dậy và phát huy cao độ truyền thống cách mạng, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên mạnh mẽ của nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

---

[1] "Tỉnh Thanh Hoá phải trở nên một tỉnh kiểu mẫu, thì phải làm sao cho mọi mặt chính trị, kinh tế, quân sự phải là kiểu mẫu. Làm một người kiểu mẫu, một nhà kiểu mẫu, một làng kiểu mẫu, một huyện kiểu mẫu, một tỉnh kiểu mẫu. Quyết tâm làm thì sẽ thành kiểu mẫu. Một tỉnh kiểu mẫu, một nước kiểu mẫu, thì thế giới biết nước ta là một nước đáng được độc lập, thống nhất dân tộc tự do...".

2. Tầm nhìn và mục tiêu

Mục tiêu đến năm 2030

Thanh Hoá là tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại; một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước về công nghiệp năng lượng và chế biến, chế tạo; nông nghiệp giá trị gia tăng cao; dịch vụ logistics, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu và văn hoá, thể thao; một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc; nơi người dân có mức sống cao hơn bình quân cả nước, các giá trị di sản văn hoá và lịch sử được bảo tồn, phát huy; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Một số chỉ tiêu cụ thể

Giai đoạn 2021 - 2025

- Bình quân hằng năm, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 11% trở lên; tốc độ tăng năng suất lao động đạt trên 9,6%; thu ngân sách trên địa bàn tăng 10% trở lên. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 750.000 tỉ đồng trở lên. Tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm từ 1,5% trở lên.

- Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt 5.200 USD trở lên; kim ngạch xuất khẩu đạt 8 tỉ USD; tỉ lệ đô thị hoá đạt trên 40%; 17 đơn vị cấp huyện, 88% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 8% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 30%; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%; tỉ lệ che phủ rừng đạt 54%; tỉ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 98,5%, trong đó 65% dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 90%.

Giai đoạn 2026 - 2030

- Bình quân hằng năm, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 9,2% trở lên; tốc độ tăng năng suất lao động đạt trên 8,1%; thu ngân sách trên địa bàn tăng 7% trở lên. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 900.000 tỉ đồng trở lên. Tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm từ 1,5% trở lên.

- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 8.990 USD trở lên; kim ngạch xuất khẩu đạt 15 tỉ USD; tỉ lệ đô thị hoá đạt 50% trở lên; 100% đơn vị cấp huyện, 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% số xã đạt chuẩn nông

thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%; tỉ lệ che phủ rừng đạt 54,5%; tỉ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 99,5%, trong đó 75% dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 95%.

Tầm nhìn đến năm 2045

Thanh Hoá là tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại; tỉnh phát triển toàn diện và kiểu mẫu của cả nước.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Xây dựng tỉnh Thanh Hoá trở thành một cực tăng trưởng mới của khu vực và cả nước với công nghiệp nặng, nông nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao là nền tảng; các ngành công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch đô thị, quy hoạch các ngành và lĩnh vực, quy hoạch phát triển các vùng, miền. Xây dựng quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ. Quy hoạch đô thị tỉnh Thanh Hoá theo hướng phân bổ hợp lý giữa các vùng, kết nối thuận lợi với các đô thị vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; kết hợp giữa hiện đại và truyền thống, thân thiện với môi trường, dẫn dắt đổi mới sáng tạo và là động lực tăng trưởng kinh tế.

- Phát triển ngành công nghiệp theo hướng kết hợp hài hoà cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó chú trọng phát triển theo chiều sâu. Có cơ chế, chính sách đột phá để thu hút và mở rộng quy mô sản xuất các ngành công nghiệp có thế mạnh, đưa tỉnh Thanh Hoá trở thành một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước về công nghiệp nặng; trong đó trọng tâm là phát triển công nghiệp năng lượng và chế biến, chế tạo; phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế; ưu tiên thu hút một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao để tạo ra các động lực tăng trưởng mới. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, từng bước hình thành và phát triển một số cụm liên kết các ngành công nghiệp chủ lực.

- Ưu tiên phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, thông minh để hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn, chất lượng cao; hình thành và phát triển các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ.

- Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ; các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng lớn. Xây dựng trung tâm logistics cấp vùng hạng I tại Khu kinh tế Nghi Sơn. Gắn phát triển du lịch với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, dân tộc; giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội với 3 loại hình mũi nhọn gồm: Du lịch biển, du lịch sinh thái cộng đồng và du lịch di sản văn hoá, tâm linh.

- Phát triển toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm 3 vùng kinh tế - xã hội theo hướng: (1) Phát triển bền vững vùng miền núi, là vùng có vai trò bảo đảm an ninh môi trường sinh thái; an ninh nguồn nước; quốc phòng, an ninh và đại đoàn kết các dân tộc. (2) Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và trung du, là vùng đóng vai trò trung tâm với 3 cực tăng trưởng là thành phố Thanh Hoá, thị xã Bỉm Sơn và thị trấn Lam Sơn. (3) Phát triển đột phá và bền vững vùng ven biển và hải đảo với 2 cực tăng trưởng là thị xã Nghi Sơn và thành phố Sầm Sơn.

2. Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối các vùng, miền, các cực tăng trưởng, là cơ sở để tỉnh Thanh Hoá phát huy vai trò là một cực tăng trưởng mới

- Xây dựng hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại, tạo thành mạng lưới giao thông hợp lý, kết nối thuận lợi trong và ngoài tỉnh. Sớm hoàn thành và đưa vào khai thác đường nối từ trung tâm thành phố Thanh Hoá đi Cảng hàng không Thọ Xuân và các huyện phía Tây của tỉnh; đường nối Quốc lộ 47B với Quốc lộ 45 đi Ninh Bình; đầu tư các tuyến đường kết nối các tuyến giao thông trục chính với nút giao của đường cao tốc Bắc - Nam, đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hoá nhằm phát huy hiệu quả các tuyến đường này. Đầu tư nâng cấp và mở rộng, hoàn chỉnh hệ thống giao thông kết nối giữa tỉnh Thanh Hoá với các tỉnh Tây Bắc, nước bạn Lào. Nâng cấp Cảng hàng không Thọ Xuân thành Cảng hàng không quốc tế trước năm 2025. Nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn. Sớm hoàn chỉnh Cảng Nghi Sơn thành cảng 1A; đầu tư, nâng cấp, mở rộng Cảng Lễ Môn, Quảng Châu, Quảng Nham; bổ sung quy hoạch Cảng biển Lạch Sung vào quy

hoạch cảng biển quốc gia và đầu tư xây dựng đáp ứng nhu cầu khai thác cho tàu lớn hơn 5.000 tấn.

- Tiếp tục đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Nghi Sơn, sớm đưa khu này trở thành một trong những trung tâm đô thị - công nghiệp và dịch vụ ven biển trọng điểm của cả nước. Ưu tiên đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thuỷ lợi đầu mối, công trình trọng điểm. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tập đoàn, các doanh nghiệp đầu tư vào các khu, điểm du lịch. Phát triển hạ tầng số; trạm viễn thông cố định; triển khai hạ tầng mạng truy cập vô tuyến băng thông rộng thế hệ mới 5G và sau 5G. Phát triển hệ thống hạ tầng điện. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trung tâm công nghệ thông tin; khu nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

3. Thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở đột phá về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp để tỉnh Thanh Hoá trở thành một cực tăng trưởng mới

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện; nghiên cứu xây dựng, đưa vào hoạt động Hệ thống trung tâm điều hành tỉnh. Tập trung nâng cao thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX). Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư; khuyến khích xã hội hoá và đầu tư của khu vực tư nhân vào phát triển kết cấu hạ tầng theo hình thức đối tác công - tư (PPP).

- Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý đặc thù phù hợp nhằm huy động tối đa, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư các dự án trọng điểm, có quy mô lớn, ưu tiên đầu tư các tuyến đường giao thông kết nối các cực tăng trưởng. Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân; khuyến khích hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động và chuyển đổi hoạt động kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng phát triển các hình thức hợp tác, liên kết, hình thành các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

4. Phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; dịch vụ chăm sóc sức khoẻ; tạo nền tảng để trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về giáo dục và đào tạo; y tế chuyên sâu

- Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giữ vững và phát huy thành tích giáo dục mũi nhọn và vị trí trong nhóm dẫn đầu cả nước; thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng. Phát triển mạnh mạng lưới các cơ sở đào tạo, dạy nghề theo hướng xã hội hoá, huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư để xây dựng một số cơ sở đào tạo, dạy nghề đạt chuẩn quốc tế. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin. Có cơ chế, chính sách đột phá để thu hút và trọng dụng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao.

- Phát triển nhanh các dịch vụ y tế chất lượng cao, xã hội hoá đầu tư một số bệnh viện với dịch vụ chất lượng cao; phấn đấu trở thành một trong những trung tâm dịch vụ y tế kỹ thuật cao của khu vực. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở; phát triển nguồn nhân lực y tế đạt trình độ cao.

5. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hoá và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; tạo nền tảng để tỉnh Thanh Hoá trở thành một trong những trung tâm lớn về văn hoá và thể thao của khu vực và cả nước. Thực hiện tốt công tác tôn giáo và dân tộc

- Xây dựng và phát triển văn hoá, con người Thanh Hoá đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh và đất nước. Đầu tư bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá trọng điểm trên địa bàn. Tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách xã hội, chăm sóc người có công với nước; hỗ trợ những người yếu thế khắc phục khó khăn ổn định cuộc sống, vươn lên hoà nhập cộng đồng. Tăng cường đầu tư xây dựng các sân chơi, bãi tập, công trình thể thao. Xây dựng lực lượng cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài, chuyên viên kỹ thuật thuộc lĩnh vực thể thao thành tích cao đáp ứng yêu cầu

phát triển thể dục, thể thao tỉnh Thanh Hoá trở thành trung tâm mạnh và duy trì thành tích trong nhóm dẫn đầu cả nước.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng trong công tác dân tộc, tôn giáo. Tổ chức tuyên truyền đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, dân tộc; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đồng bào dân tộc, tôn giáo trong chấp hành pháp luật.

6. Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy định về quản lý tài nguyên khoáng sản; nghiên cứu ban hành chính sách sử dụng tài nguyên tái tạo. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các nhóm sản xuất công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao. Tăng cường quản lý, bảo vệ nguồn nước, môi trường các lưu vực sông, xử lý ô nhiễm khu vực cửa biển; chú trọng bảo vệ đa dạng sinh học. Xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường.

- Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững. Cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội phục vụ công tác dự báo, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thuỷ văn và giám sát biến đổi khí hậu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thuỷ văn, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

7. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước

Chủ động đề xuất phương án, lĩnh vực hợp tác trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện, đôi bên cùng có lợi để mở rộng liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Trên cơ sở lấy thành phố Thanh Hoá, Khu kinh tế Nghi Sơn, thành phố Sầm Sơn và Cảng hàng không Thọ Xuân làm trọng điểm để tăng cường sự phối hợp, gắn kết với các địa phương trong và ngoài vùng, nhất là trong xúc tiến đầu tư và thương mại, huy động và phân bổ nguồn lực, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và tạo việc làm; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng.

8. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tăng cường hợp tác và hữu nghị với các địa phương của nước bạn Lào, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội

- Gắn chặt chẽ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch thế trận quốc phòng, an ninh, khu vực phòng thủ; tăng cường củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; bố trí lồng ghép các nguồn lực bảo đảm đầu tư xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực quản lý biên giới cho lực lượng biên phòng; xây dựng và hoàn chỉnh các tuyến đường vành đai, đường tuần tra biên giới kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và vô hiệu hoá các hoạt động xâm nhập, móc nối, lôi kéo; kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Giải quyết hiệu quả các tình huống phức tạp xảy ra, không để hình thành "điểm nóng" về an ninh, trật tự, tạo môi trường an ninh, an toàn và lành mạnh để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

- Tận dụng tốt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do khu vực và liên khu vực. Tăng cường quan hệ trao đổi, hợp tác với các địa phương láng giềng của nước bạn Lào trong phát triển thương mại, giao lưu văn hoá, quản lý biên giới và chống tội phạm trên khu vực biên giới.

9. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp uỷ đảng, chính quyền

- Tăng cường xây dựng Đảng bộ đoàn kết, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; trọng tâm là xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", gắn với đẩy mạnh thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, chính quyền cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo, có tư tưởng đột phá, dám xả thân vì sự phát triển của tỉnh. Nâng cao hiệu

lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Đổi mới mạnh mẽ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: (1) Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết. (2) Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, phân cấp quản lý và tổ chức bộ máy, biên chế cho tỉnh Thanh Hoá bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước trình Quốc hội xem xét, ban hành.

2. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thanh Hoá triển khai nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ sự đồng thuận của xã hội, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm sớm đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên quan tâm, phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh Thanh Hoá phát triển theo tinh thần Nghị quyết.

4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trong cả nước, nhất là các tỉnh uỷ, thành uỷ trong vùng Bắc Trung Bộ, vùng đồng bằng Sông Hồng và vùng Tây Bắc cần tích cực xây dựng và củng cố mối quan hệ liên kết, hợp tác với tỉnh Thanh Hoá để thúc đẩy cùng nhau phát triển.

5. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Phú Trọng

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 3 tháng 02 năm 2021*

HỎA TỐC

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương, các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm soát nhân dân tối cao;
- Uỷ ban giám sát tài chính quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHĐP(2b) 111

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-CP ngày 3 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ)

Căn cứ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị, Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết với một số nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị; xác định rõ các nhiệm vụ chủ yếu, các giải pháp cụ thể và thiết thực gắn với kế hoạch tổ chức theo lộ trình phù hợp để thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết.

2. Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị phải được xây dựng trên cơ sở khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh Thanh Hóa, nhất là vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, vai trò kết nối vùng đồng bằng sông Hồng, Tây Bắc với Bắc Trung Bộ, bề dày lịch sử, truyền thống văn hóa, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên mạnh mẽ của con người Thanh Hóa trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, để phát triển nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa trở thành một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc.

3. Chương trình hành động nhằm thể hiện được vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thanh Hóa, đồng thời xác định rõ vai trò, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng liên kết phát triển, tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng,

mở rộng hợp tác quốc tế, đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đã đề ra trong Nghị quyết

a) Giai đoạn 2021 - 2025

- Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm GRDP đạt 11% trở lên; tốc độ tăng năng suất lao động đạt trên 9,6%; thu ngân sách trên địa bàn tăng 10% trở lên. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 750.000 tỷ đồng trở lên. Tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm từ 1,5% trở lên.

- Đến năm 2025, GRDP/người đạt 5.200 USD trở lên; kim ngạch xuất khẩu đạt 8 tỷ USD; tỉ lệ đô thị hóa đạt trên 40%; 17 đơn vị cấp huyện, 88% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 8% số xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu; tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 30%; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%; tỉ lệ che phủ rừng đạt 54%; tỉ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 98,5%, trong đó 65% dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 90%.

b) Giai đoạn 2026 - 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP 9,2%/năm trở lên; tốc độ tăng năng suất lao động đạt trên 8,1%/năm; thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 7%/năm trở lên. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt 900.000 tỷ đồng trở lên. Tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm từ 1,5% trở lên.

- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 8.990 USD trở lên; kim ngạch xuất khẩu đạt 15 tỷ USD; tỉ lệ đô thị hoá đạt 50% trở lên; 100% đơn vị cấp huyện, 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%; tỉ lệ che phủ rừng đạt 54,5%; tỉ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt 99,5%, trong đó 75% dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn đạt 95%.

c) Tầm nhìn đến năm 2045

Thanh Hoá là tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại; tỉnh phát triển toàn diện và kiểu mẫu của cả nước.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các chỉ tiêu cụ thể nêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa triển khai ngay công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết trong toàn thể đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý để tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và quyết tâm cao của các ngành, các cấp về nhiệm vụ xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh; không chỉ là của riêng Thanh Hóa mà còn của vùng miền Trung và cả nước.

- Công tác tuyên truyền về Nghị quyết cần được tiến hành với quy mô sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, kết hợp với việc tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Đại hội của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh gắn với từng giai đoạn, tạo nhận thức sâu sắc về những cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như những yếu tố tiềm năng, lợi thế, vị thế mới của tỉnh để tiếp tục tạo ra sự bứt phá mới trong những năm tới.

2. Hoàn thiện thể chế, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù.

- Xây dựng quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia gồm quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút và phát triển các dự án trong các ngành công nghiệp có thế mạnh, đưa tỉnh Thanh Hoá trở thành một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước về công nghiệp nặng; trong đó trọng tâm là phát triển công nghiệp năng lượng và chế biến, chế tạo, dịch vụ logistics là đột phá.

- Rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển liên kết vùng trong việc thu hút đầu tư kết nối hạ tầng giao thông, phát triển các ngành kinh tế, lĩnh vực trong đó ưu tiên nguồn lực hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn, các khu công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại; đưa Khu kinh

tế Nghi Sơn trở thành một trong những trung tâm đô thị - công nghiệp - dịch vụ trọng điểm của cả nước với các tổ hợp công nghiệp mũi nhọn như: công nghiệp lọc hóa dầu và chế biến các sản phẩm sau lọc hóa dầu, điện khí, năng lượng tái tạo, hóa chất, công nghiệp kim loại, luyện kim, công nghiệp chế biến thực phẩm… tạo động lực, sức lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực Bắc Trung Bộ, các tỉnh khu vực đồng bằng sông Hồng và cả nước nói chung.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá để thu hút, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nhất là cho các ngành công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, dịch vụ logistics, giáo dục, đào tạo, y tế chuyên sâu... và đội ngũ trí thức, các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước về tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại tỉnh Thanh Hóa.

- Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, ưu tiên thu hút đầu tư vào các ngành kinh tế mũi nhọn, các dự án có trình độ công nghệ cao, thân thiện môi trường, nghiên cứu phát triển, cam kết chuyển giao công nghệ, có khả năng lan tỏa, liên kết với các doanh nghiệp trong nước theo chuỗi giá trị.

- Rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy định về quản lý tài nguyên khoáng sản; nghiên cứu ban hành chính sách sử dụng tài nguyên tái tạo. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các nhóm sản xuất công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao; xử lý hiệu quả chất thải rắn sinh hoạt, chất thải tại các khu công nghiệp theo từng thời kỳ. Tăng cường quản lý, bảo vệ nguồn nước, môi trường các lưu vực sông, xử lý ô nhiễm khu vực cửa biển; chú trọng bảo vệ đa dạng sinh học. Xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù có tính đột phá, khả thi cao về đầu tư, tài chính, phân cấp quản lý và tổ chức bộ máy, biên chế cho tỉnh Thanh Hóa bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước trình Quốc hội xem xét, ban hành.

3. Xây dựng tỉnh Thanh Hoá trở thành một cực tăng trưởng mới của khu vực và cả nước với công nghiệp nặng, nông nghiệp quy mô lớn, hiệu quả cao là nền tảng; các ngành công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ logistics là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn.

- Phát triển ngành công nghiệp theo hướng kết hợp hài hoà cả chiều rộng và chiều sâu, trong đó trọng tâm là phát triển công nghiệp năng lượng và chế biến, chế tạo; phát triển hợp lý các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động để giải quyết việc làm, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế; ưu tiên thu hút một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao, các ngành năng lượng mới,

năng lượng tái tạo để tạo ra các động lực tăng trưởng mới. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, từng bước hình thành và phát triển một số cụm liên kết các ngành công nghiệp chủ lực.

- Cơ cấu lại công nghiệp theo hướng nâng cao trình độ công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp công nghiệp theo hướng tăng khả năng kết nối, tiếp cận thông tin, dữ liệu, sản xuất những sản phẩm mà xã hội cần nhằm tăng cơ hội kinh doanh mới và tăng khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực.

- Ưu tiên phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới; ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để đạt hiệu quả cao, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn, chất lượng cao; hình thành và phát triển các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; hình thành Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Thọ Xuân, Thanh Hóa quy mô diện tích 200 ha (theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030).

- Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ; các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, có giá trị gia tăng lớn. Xây dựng trung tâm logistics cấp vùng hạng I tại Khu kinh tế Nghi Sơn, đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành có liên quan; xây dựng Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ vùng Bắc Trung Bộ tại Thanh Hóa; phát triển khu vực Cảng hàng không Thọ Xuân trở thành thành phố sân bay văn minh, hiện đại theo xu hướng thế giới.

- Rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền bổ sung một số khu vực có tiềm năng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vào danh mục Khu du lịch quốc gia; gắn phát triển du lịch với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, dân tộc; giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội với 3 loại hình mũi nhọn gồm: Du lịch biển, du lịch sinh thái cộng đồng và du lịch di sản văn hoá, tâm linh.

- Phát triển toàn diện nhưng có trọng tâm, trọng điểm 3 vùng kinh tế - xã hội theo hướng: (l) Phát triển bền vững vùng miền núi, là vùng có vai trò bảo đảm an ninh môi trường sinh thái; an ninh nguồn nước; quốc phòng, an ninh và đại đoàn kết các dân tộc; (2) Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và trung du, là vùng đóng vai trò trung tâm với 3 cực tăng trưởng là thành phố Thanh Hoá, thị xã Bỉm Sơn và thị trấn Lam Sơn; (3) Phát triển đột phá và bền vững vùng ven biển và hải đảo với 2 cực tăng trưởng là thị xã Nghi Sơn và thành phố Sầm Sơn.

4. Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối các vùng, miền, các cực tăng trưởng.

- Xây dựng hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại, tạo thành mạng lưới giao thông hợp lý, kết nối thuận lợi trong và ngoài tỉnh. Sớm hoàn thành và đưa vào khai thác đường nối từ trung tâm thành phố Thanh Hoá đi Cảng hàng không Thọ Xuân và các huyện phía Tây của tỉnh; đường nối quốc lộ 47B với quốc lộ 45 đi Ninh Bình; đầu tư các tuyến đường kết nối các tuyến giao thông trục chính với nút giao của đường cao tốc Bắc - Nam, đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hoá và các tuyến giao thông trục chính trong Khu kinh tế Nghi Sơn; thành lập Khu kinh tế cửa khẩu Na Mèo. Tiếp tục đầu tư xây dựng đô thị theo quy hoạch được duyệt, hoàn thiện và nâng cao chất lượng các đô thị: thành phố Thanh Hóa, thị xã Nghi Sơn, đô thị Lam Sơn Sao Vàng, thị xã Bỉm Sơn và các đô thị loại IV khác (thị trấn Ngọc Lặc...).

- Đầu tư nâng cấp và mở rộng, hoàn chỉnh hệ thống giao thông kết nối giữa tỉnh Thanh Hoá với các tỉnh Tây Bắc, nước bạn Lào. Nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn. Sớm hoàn chỉnh Cảng Nghi Sơn thành cảng 1A; đầu tư, nâng cấp, mở rộng Cảng Lễ Môn, Quảng Châu, Quảng Nham; bổ sung quy hoạch Cảng biển Lạch Sung vào quy hoạch cảng biển quốc gia và đầu tư xây dựng đáp ứng nhu cầu khai thác cho tàu lớn hơn 5.000 tấn.

- Ưu tiên đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thuỷ lợi đầu mối, công trình trọng điểm. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tập đoàn, các doanh nghiệp đầu tư vào các khu, điểm du lịch. Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; trung tâm công nghệ thông tin; khu nghiên cứu, ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

- Phát triển hạ tầng số, xây dựng hạ tầng cơ sở dữ liệu của tỉnh Thanh Hóa kết nối đồng bộ, thống nhất với hạ tầng cơ sở dữ liệu vùng, quốc gia, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.

5. Phát triển mạnh các thành phần kinh tế; chú trọng phát triển kinh tế biển và ven biển, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở đột phá về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư; khuyến khích xã hội hoá và đầu tư của khu vực tư nhân vào phát triển kết cấu hạ tầng theo hình thức đối tác công - tư (PPP).

- Tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hình thành, phát triển những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, tiềm lực mạnh, có khả năng cạnh tranh trong nước, khu vực và quốc tế. Thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển, tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị toàn cầu. Khuyến khích các hộ kinh doanh mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động và chuyển đổi hoạt động kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp. Nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã theo hướng phát triển các hình thức hợp tác, liên kết, hình thành các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm.

- Rà soát, bổ sung và xây dựng mới đồng bộ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biển đảo theo hướng quản lý tổng hợp, phù hợp với hệ sinh thái biển, bảo đảm sự gắn kết hài hoà, đồng bộ giữa bảo tồn và phát triển các vùng đất liền, vùng ven bờ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa phù hợp với Quy hoạch không gian biển quốc gia, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ, pháp luật về tài nguyên biển đảo, pháp luật về đất đai.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lợi thế vùng gắn với thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển và ven biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các ngành khai thác, chế biến dầu khí; cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển, vận tải biển; khai thác, nuôi trồng và chế biến hải sản, các dịch vụ hậu cần nghề cá; du lịch biển, đảo.

6. Phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; dịch vụ chăm sóc sức khoẻ; tạo nền tảng để trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về giáo dục và đào tạo; y tế chuyên sâu.

- Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giữ vững và phát huy thành tích giáo dục mũi nhọn và vị trí trong nhóm dẫn đầu cả nước; thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng. Phát triển mạnh mạng lưới các cơ sở đào tạo, dạy nghề theo hướng xã hội hoá, huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư để xây dựng một số cơ sở đào tạo, dạy nghề đạt chuẩn quốc tế.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, tăng cường y tế cơ sở, củng cố y tế dự phòng, phát triển nguồn nhân lực y tế có trình độ, phấn đấu trở thành một trong những trung tâm dịch vụ y tế kỹ thuật cao của khu vực. Phát triển dược liệu, sản xuất dược, trang thiết bị y tế phục vụ nhu cầu trong nước và khu vực. Đẩy mạnh kết hợp du lịch với chăm sóc y tế. Khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ; ưu tiên huy động nguồn lực để triển khai các đề án, dự án nhằm thúc đẩy quá trình thành lập và phát triển Khu công nghệ cao; Khu công nghệ thông tin tập trung; Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh hóa. Xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa thành trung tâm khoa học và công nghệ, đào tạo, chăm sóc y tế hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ đối với Viện Nông nghiệp Thanh Hóa, Trường Đại học Hồng Đức, Bệnh viện đa khoa Thanh Hóa,...

7. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, thể thao và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

- Xây dựng và phát triển văn hoá, con người Thanh Hoá đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của tỉnh và đất nước. Đầu tư bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá trọng điểm trên địa bàn. Tập trung thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách hỗ trợ giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh.

- Bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa đặc sắc của địa phương, trong đó có Di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ đã được UNESCO công nhận, đồng thời tạo cơ chế để người dân và doanh nghiệp tham gia sâu hơn trong công tác bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa của địa phương.

- Thu hút đa dạng các nguồn vốn để bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa trọng điểm như: Thành Nhà Hồ, Lam Kinh, khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Bà Triệu, Đền thờ Lê Hoàn, Lăng miếu Triệu Tường, Phủ Trịnh - Nghè Vẹt; nghiên cứu, lập hồ sơ di tích khảo cổ học Hang Con Moong trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đề nghị UNESCO xem xét đưa vào danh mục di sản thế giới.

- Tăng cường đầu tư xây dựng các sân chơi, bãi tập, công trình thể thao. Đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể dục thể thao và Trung tâm đào tạo vận động viên quy mô cấp vùng tại Thanh Hóa, tạo nền tảng đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn về thể thao của khu vực và cả nước.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng trong công tác dân tộc, tôn giáo. Tổ chức tuyên truyền đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, dân tộc; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đồng bào dân tộc, tôn giáo trong chấp hành pháp luật.

8. Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu và Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững. Cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội phục vụ công tác dự báo, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thuỷ văn và giám sát biến đổi khí hậu để phục vụ công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Đầu tư xây dựng hoàn thiện, đồng bộ cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh.

9. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước.

Chủ động đề xuất phương án, lĩnh vực hợp tác trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện, đôi bên cùng có lợi để mở rộng liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước. Trên cơ sở lấy thành phố Thanh Hoá, Khu kinh tế Nghi Sơn, thành phố Sầm Sơn và Cảng hàng không Thọ Xuân làm trọng điểm để tăng cường sự phối hợp, gắn kết với các địa phương trong và ngoài vùng, nhất là trong xúc tiến đầu tư và thương mại, huy động và phân bổ nguồn lực, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và tạo việc làm; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng.

10. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Gắn chặt chẽ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch thế trận quốc phòng, an ninh, khu vực phòng thủ; tăng cường củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; bố trí lồng ghép các nguồn lực bảo đảm đầu tư xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực quản lý biên giới cho lực lượng biên phòng; xây dựng và hoàn chỉnh các tuyến đường vành đai, đường tuần tra biên giới kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và vô hiệu hoá các hoạt động xâm nhập, móc nối, lôi kéo; kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Giải quyết hiệu quả khiếu nại, tố cáo, xử lý tốt các tình huống phức tạp xảy ra, không để hình thành "điểm nóng" về an ninh, trật tự, tạo môi trường an ninh, an toàn và lành mạnh để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

- Phát huy hiệu quả vai trò của Ban Chỉ đạo công tác biên giới tỉnh trong việc quản lý biên giới đất liền và biển, đảo trên địa bàn tỉnh, góp phần đảm bảo chủ quyền, lãnh thổ đất nước.

11. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, tăng cường hợp tác và hữu nghị với các địa phương của nước bạn Lào, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế, nâng cao hiệu quả và đưa các mối quan hệ cấp địa phương đi vào chiều sâu, thực chất. Tận dụng tốt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do khu vực và liên khu vực; chú trọng đẩy mạnh hợp tác và kêu gọi đầu tư từ một số đối tác tiềm năng trong khu vực như Úc, Niu Di-lân, Xinh-ga-po, Ấn Độ, Thái Lan...

- Tăng cường quan hệ trao đổi, hợp tác với các địa phương láng giềng của nước bạn Lào trong phát triển thương mại, giao lưu văn hoá, quản lý biên giới và chống tội phạm trên khu vực biên giới.

12. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp uỷ đảng, chính quyền.

- Tăng cường xây dựng Đảng bộ đoàn kết, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; trọng tâm là xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", gắn với đẩy mạnh thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, chính quyền cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo, có tư tưởng đột phá vì sự phát triển của tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Đổi mới mạnh mẽ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng của công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Nghiên cứu, thí điểm tổ chức mô hình phân cấp chính quyền đô thị đối với tỉnh Thanh Hóa để đề xuất áp dụng khi có điều kiện phù hợp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các bộ, cơ quan trung ương

a) Các bộ, cơ quan trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa, có cơ chế điều hành tập trung, cụ thể để tăng cường sự phối kết hợp triển khai các nội dung Nghị quyết, trong đó tập trung vào một số nội dung cụ thể sau:

- Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị và Nghị quyết này của Chính phủ, chú trọng: thực hiện phân cấp, phân quyền toàn diện hơn gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương cho tỉnh Thanh Hóa; giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan chức năng cùng phối hợp, hỗ trợ giúp xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa kèm theo tiến độ cụ thể để đảm bảo thời gian hoàn thành và chất lượng các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm điểm về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị và Nghị quyết này của Chính phủ; định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

b) Phân công nhiệm vụ của các bộ, cơ quan trung ương thực hiện:

- Các bộ, cơ quan trung ương căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo, xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện với tiến độ cụ thể để đảm bảo thời gian hoàn thành và chất lượng các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật.

- Các bộ, cơ quan trung ương khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp thường xuyên với tỉnh Thanh Hóa trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết này của Chính phủ.

2. Đối với tỉnh Thanh Hóa

- Tập trung khẩn trương chỉ đạo các sở, ban, ngành và các cơ quan chuyên môn rà soát, kiểm tra, bổ sung kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để xây dựng các chương trình, cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị.

- Chủ động phát triển quan hệ liên kết, trao đổi, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước, đặc biệt gắn với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc.

- Định kỳ hằng năm, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này của Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp theo quy định.

3. Đối với các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các tỉnh, thành phố vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng miền Trung và Hà Nội, Hải Phòng,

Quảng Ninh chủ động phát triển quan hệ liên kết, hợp tác với tỉnh Thanh Hóa trên các lĩnh vực, tạo sự gắn bó và sức mạnh chung để cùng khai thác các tiềm năng, lợi thế của nhau vì sự phát triển chung.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa chủ động đề xuất gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

Phụ lục

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 58-NQ/TW NGÀY 05 THÁNG 8 NĂM 2020 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 13 /NQ-CP ngày 3 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
1	Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 58-NQ/TW.	Bộ Thông tin và Truyền thông	UBND tỉnh Thanh Hóa và các bộ, ngành có liên quan	Các thông tin điện tử trên website; chương trình phát thanh, truyền hình; bài viết, bài nói, ấn phẩm, số liệu; hội thảo, chuyên đề…	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết
2	Hoàn thiện thể chế, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù.				
2.1	Xây dựng quy hoạch tỉnh Thanh Hoá thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Năm 2021
2.2	Cơ chế, chính sách thu hút và mở rộng quy mô sản xuất các ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh Thanh Hóa, trọng tâm là phát triển công nghiệp năng lượng và chế biến, chế tạo.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Công Thương và các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
2.3	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý III năm 2021
2.4	Rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy định, chính sách về quản lý tài nguyên khoáng sản, sử dụng tài nguyên tái tạo; tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các nhóm sản xuất công nghiệp có nguy cơ ô nhiễm cao, các lưu vực sông, khu vực cửa biển; xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	UBND tỉnh Thanh Hóa	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý III năm 2021
2.5	Cơ chế thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2030, ưu tiên vào các ngành kinh tế mũi nhọn, các dự án có trình độ công nghệ cao, thân thiện môi trường.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh Thanh Hóa	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
2.6	Xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết cho phép tỉnh Thanh Hóa thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, phân cấp quản lý và tổ chức bộ máy, biên chế cho tỉnh Thanh Hóa.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh Thanh Hóa và các bộ, ngành có liên quan	Đề án báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội	Quý II năm 2021
2.7	Xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết cho phép tỉnh Thanh Hóa thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về tổ chức bộ máy, biên chế cho tỉnh Thanh Hóa.	Bộ Nội vụ	UBND tỉnh Thanh Hóa và các bộ, ngành có liên quan	Đề án báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến; gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp vào Đề án mục 2.6, trình Quốc hội	Tháng 5 năm 2021
3	Xây dựng tỉnh Thanh Hoá trở thành một cực tăng trưởng mới của khu vực và cả nước với công nghiệp nặng, nông nghiệp quy mô lớn, giá trị gia tăng cao là nền tảng; các ngành công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo và dịch vụ hậu cầu (logistics) là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn.				
3.1	Phát triển ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thông minh để hình thành các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn, chất lượng cao; hình thành và phát triển các chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
3.2	Đề án phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng lớn; xây dựng trung tâm hậu cần (logistics) cấp vùng hạng I tại Khu kinh tế Nghi Sơn.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Công Thương	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
3.3	Xây dựng Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Thanh Hóa, phối hợp chặt chẽ với các Trung tâm hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ vùng do Bộ Công Thương quản lý.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Công Thương	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
3.4	Đề án phát triển khu vực Cảng hàng không Thọ Xuân trở thành thành phố sân bay văn minh, hiện đại theo xu hướng thế giới.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Xây dựng	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
3.5	Phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa với 3 loại hình mũi nhọn gồm: Du lịch biển, du lịch sinh thái cộng đồng và du lịch di sản văn hoá, tâm linh.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
3.6	Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và trung du với 3 cực tăng trưởng là thành phố Thanh Hoá, thị xã Bỉm Sơn và thị trấn Lam Sơn; phát triển đột phá và bền vững vùng ven biển và hải đảo với 2 cực tăng trưởng là thị xã Nghi Sơn và thành phố Sầm Sơn.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
3.7	Rà soát, bổ sung một số khu vực có tiềm năng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa vào danh mục Khu du lịch quốc gia.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND tỉnh Thanh Hóa	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2022

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4	Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối các vùng, miền, các cực tăng trưởng.				
4.1	Đầu tư xây dựng và sớm hoàn thành tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thanh Hóa, đường nối quốc lộ 47B với quốc lộ 45 đi Ninh Bình, đường nối từ trung tâm thành phố Thanh Hoá đi Cảng hàng không Thọ Xuân và các huyện phía Tây của tỉnh. Tiếp tục đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Nghi Sơn. Nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn; nâng cấp, mở rộng tuyến từ Quốc lộ 1A đến nút giao liên thông đường cao tốc Bắc Nam thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn; các tuyến giao thông trục chính kết nối các khu công nghiệp phía Tây và các tuyến giao thông trục chính Khu đô thị trung tâm - Khu Kinh tế Nghi Sơn. Đầu tư, nâng cấp, mở rộng Cảng Lễ Môn, Quảng Châu, Quảng Nham.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
4.2	Đầu tư xây dựng và sớm hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam; nâng cấp và mở rộng, hoàn chỉnh hệ thống giao thông kết nối giữa tỉnh Thanh Hoá với các tỉnh Tây Bắc, nước bạn Lào.	Bộ Giao thông vận tải	UBND tỉnh Thanh Hóa và các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4.3	a) Hoàn chỉnh Cảng Nghi Sơn thành cảng 1A.	Bộ Giao thông vận tải	UBND tỉnh Thanh Hóa và các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	a) Quý IV năm 2021
	b) Bổ sung quy hoạch Cảng biển Lạch Sung vào quy hoạch cảng biển quốc gia và đầu tư xây dựng đáp ứng nhu cầu khai thác cho tàu lớn hơn 5.000 tấn.				b) 2021-2025
4.4	Thành lập Khu kinh tế cửa khẩu Na Mèo.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý III năm 2021
4.5	Ưu tiên đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp các công trình thuỷ lợi đầu mối, công trình trọng điểm.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND tỉnh Thanh Hóa và các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
4.6	Triển khai hiệu quả Chương trình xây dựng chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công Thương.	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
5	Phát triển mạnh các thành phần kinh tế; chú trọng phát triển kinh tế biển và ven biển, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.				
5.1	Đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư; khuyến khích xã hội hoá và đầu tư của khu vực tư nhân vào phát triển kết cấu hạ tầng theo hình thức đối tác công - tư (PPP).	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
5.2	Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển và ven biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong thời gian thực hiện Nghị quyết
6	Phát triển giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; dịch vụ chăm sóc sức khoẻ; tạo nền tảng để trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về giáo dục và đào tạo; y tế chuyên sâu.				
6.1	Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; giữ vững và phát huy thành tích giáo dục mũi nhọn và vị trí trong nhóm dẫn đầu cả nước; thu hẹp khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Thanh Hóa	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
6.2	Phát triển mạnh mạng lưới các cơ sở đào tạo, dạy nghề theo hướng xã hội hoá, huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư để xây dựng một số cơ sở đào tạo, dạy nghề đạt chuẩn quốc tế.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND tỉnh Thanh Hóa	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
6.3	Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng cho nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, nhất là khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, khu ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.	Bộ Khoa học và Công nghệ	UBND tỉnh Thanh Hóa	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
6.4	Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, phát triển nguồn nhân lực y tế có trình độ, phấn đấu trở thành một trong những trung tâm dịch vụ y tế kỹ thuật cao của khu vực.	Bộ Y tế	UBND tỉnh Thanh Hóa	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
7	Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, thể thao và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.				
7.1	Bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa trọng điểm như: Thành Nhà Hồ, Lam Kinh, khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Bà Triệu, Đền thờ Lê Hoàn, Lăng miếu Triệu Tường, Phủ Trịnh - Nghè Vẹt; lập hồ sơ di tích khảo cổ học Hang Con Moong đề nghị UNESCO công nhận di sản thế giới.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
7.2	Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 15 xã biên giới và xã Mường Lý (huyện Mường Lát) của tỉnh Thanh Hóa, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh giai đoạn 2021 - 2030.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Ủy ban Dân tộc, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý I năm 2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
7.3	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất; xây dựng lực lượng cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên, trọng tài, chuyên viên kỹ thuật thuộc lĩnh vực thể thao thành tích cao đáp ứng yêu cầu phát triển Thanh Hoá trở thành trung tâm thể thao mạnh và trong nhóm dẫn đầu cả nước.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
8	Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.				
8.1	Tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng, thủy văn và giám sát khí hậu, phát triển hệ thống khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ quản lý, dự báo, cảnh báo về khí tượng, thủy văn và ứng phó với biến đổi khí hậu.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
9	Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ, thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước.				
9.1	Đẩy mạnh phối hợp, gắn kết trong xúc tiến đầu tư, thương mại; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và tạo việc làm; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong thời gian thực hiện Nghị quyết

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
9.2	Rà soát, xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển liên kết vùng trong việc thu hút đầu tư kết nối hạ tầng giao thông, phát triển các ngành kinh tế với hạt nhân là Khu kinh tế Nghi Sơn, tạo kết nối, động lực phát triển kinh tế - xã hội cho vùng Bắc Trung Bộ, đồng bằng sông Hồng và Tây Bắc.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh Thanh Hóa và các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
10	Gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội và mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế.				
10.1	Gắn chặt chẽ quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch thế trận quốc phòng, an ninh, khu vực phòng thủ; tăng cường củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; bố trí lồng ghép các nguồn lực bảo đảm đầu tư xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và năng lực quản lý biên giới cho lực lượng biên phòng; xây dựng và hoàn chỉnh các tuyến đường vành đai, đường tuần tra biên giới kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội.	Bộ Quốc phòng	UBND tỉnh Thanh Hóa và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong thời gian thực hiện Nghị quyết

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
10.2	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và vô hiệu hoá các hoạt động xâm nhập, móc nối, lôi kéo; kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ. Giải quyết hiệu quả các tình huống phức tạp xảy ra, không để hình thành "điểm nóng" về an ninh, trật tự, tạo môi trường an ninh, an toàn và lành mạnh để phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.	Bộ Công an	UBND tỉnh Thanh Hóa và các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong thời gian thực hiện Nghị quyết
10.3	Tăng cường quan hệ trao đổi, hợp tác với các địa phương láng giềng của nước bạn Lào trong phát triển thương mại, giao lưu văn hoá, quản lý biên giới và chống tội phạm trên khu vực biên giới.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong thời gian thực hiện Nghị quyết
11	Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp uỷ đảng, chính quyền.				

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
11.1	Tăng cường xây dựng Đảng bộ đoàn kết, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, chính quyền cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo, có tư tưởng đột phá, dám xả thân vì sự phát triển của tỉnh. Đổi mới mạnh mẽ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.	Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thanh Hóa	Các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong thời gian thực hiện Nghị quyết
11.2	Nghiên cứu, thí điểm tổ chức mô hình phân cấp chính quyền đô thị đối với tỉnh Thanh Hóa để đề xuất áp dụng khi có điều kiện phù hợp.	UBND tỉnh Thanh Hóa	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành liên quan	Đề án báo cáo Chính phủ	Quý IV năm 2021

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghị quyết số: 37/2021/QH15	

NGHỊ QUYẾT

Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Thanh Hóa về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, lâm nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Tỉnh Thanh Hóa được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách Tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Thanh Hóa không quá 70% số tăng thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu qua Cảng biển Nghi Sơn so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (không bao gồm thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu để đầu tư hình thành tài sản cố định hoặc để sản xuất hàng hóa xuất khẩu được ngân sách trung ương hoàn thuế giá trị gia tăng) nhưng không vượt quá số tăng thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu qua Cảng biển Nghi Sơn so với số thu thực hiện năm trước và ngân sách

trung ương không hụt thu để đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoàn thành việc di dân, tái định cư trong Khu kinh tế Nghi Sơn nhằm tạo quỹ đất sạch cho việc thu hút đầu tư các dự án trọng điểm tại Khu kinh tế Nghi Sơn.

3. Ngân sách tỉnh Thanh Hóa được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý trên địa bàn Tỉnh (trừ các cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của tỉnh Thanh Hóa.

4. Thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như sau:

a) Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định áp dụng phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án;

b) Ngân sách tỉnh Thanh Hóa được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản này để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Tỉnh và không dùng để xác định số bổ sung cân đối ngân sách và số bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho ngân sách Tỉnh;

c) Việc thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản này phải tuân thủ các nguyên tắc: bảo đảm có lộ trình phù hợp với trình độ và yêu cầu phát triển của Tỉnh, tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư; không gây ra tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ, thực hiện điều tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước.

5. Tỉnh Thanh Hóa được phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Quản lý rừng, đất đai

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 ha trở lên; đất trồng lúa nước

từ 02 vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên của tỉnh Thanh Hóa và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển đổi mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, đất thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 2 Điều này do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 5. Quản lý quy hoạch

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2024; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2026.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thanh Hóa và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và được thực hiện trong 05 năm.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2021.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ









TỈNH NGHỆ AN



Nghệ An là quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là vùng đất "Địa linh, nhân kiệt" có bề dày lịch sử văn hóa và truyền thống cách mạng, gắn liền với tên tuổi nhiều nhà cách mạng tiền bối, danh nhân, chí sỹ yêu nước, có truyền thống hiếu học, cần cù, đoàn kết. Là tỉnh có diện tích tự nhiên lớn nhất và dân số lớn thứ tư cả nước; nằm ở vị trí trung tâm vùng Bắc Trung Bộ, trên tuyến giao lưu Bắc - Nam và Đông - Tây, hội tụ đầy đủ các loại hình giao thông; tai nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng; bờ biển dài 82 km, nhiều bãi biển đẹp và hấp dẫn du khách; diện tích rừng rộng lớn, độ che phủ cao, có Khu Dự trữ sinh quyển miền Tây Nghệ An được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới, lớn nhất khu vực Đông Nam Á; Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh được UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại. Những tiềm năng, lợi thế trên đã tạo điều kiện cho Nghệ An phát triển toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là nông nghiệp, kinh tế rừng; kinh tế biển, công nghiệp chế biến, chế tạo, sản xuất vật liệu xây dựng, dịch vụ thương mại, du lịch văn hóa lịch sử, nghỉ dưỡng biển và du lịch sinh thái cộng đồng.

Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước và mang đậm bản sắc văn hóa xứ Nghệ; kinh tế phát triển nhanh và bền vững; là trung tâm về thương mại, logistics, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của khu vực Bắc Trung Bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao; các giá trị văn hóa, lịch sử, hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 26-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020

I- TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 20-KL/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHOÁ IX

1- Nghệ An là quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhiều lãnh tụ xuất sắc của Đảng, Nhà nước, có truyền thống cách mạng kiên cường, có nhiều đóng góp, hy sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghệ An có diện tích tự nhiên rộng nhất nước, dân số hơn 3 triệu người, lực lượng lao động dồi dào, tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, di tích lịch sử - văn hoá lâu đời; có vị trí chiến lược quan trọng, là đầu mối giao lưu kinh tế - văn hoá Bắc - Nam, cửa ngõ sang Lào, Thái Lan và nhiều nước khác.

Mười năm qua, thực hiện Kết luận số 20-KL/TW của Bộ Chính trị khoá IX về một số chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2005 và năm 2010, trong bối cảnh vừa có thời cơ, thuận lợi, vừa có khó khăn, thách thức, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Nghệ An đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện nhiều giải pháp cụ thể, hoàn thành hầu hết những nhiệm vụ, mục tiêu đề ra. Nổi bật là :

Kinh tế tăng trưởng khá, bình quân 10 năm đạt 8,93%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tăng dần tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ trong GDP. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch được chú trọng chỉ đạo, thực hiện; kết cấu hạ tầng giao thông, thuỷ lợi, điện, bưu chính - viễn thông ngày càng phát triển. Đã hình thành được một số ngành, sản phẩm công nghiệp có lợi thế. Phát triển dịch vụ đa dạng, rộng khắp, vượt mục tiêu đề ra. Nông nghiệp phát triển ổn định, theo hướng sản xuất hàng hoá và ứng dụng công nghệ cao. Chương trình xây dựng nông thôn mới được quan tâm và đạt kết quả bước đầu quan trọng. Thành phố Vinh từng bước thực hiện được vai trò là trung tâm kinh tế, văn hoá của tỉnh và của vùng Bắc Trung Bộ. Khu vực miền tây Nghệ An có nhiều chuyển biến rõ nét về kinh tế - xã hội.

Văn hoá, giáo dục và đào tạo, y tế phát triển mạnh; thể dục, thể thao, thông tin, phát thanh, truyền hình có nhiều tiến bộ mới. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, chính sách xã hội được quan tâm thực hiện.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định; bảo đảm tốt quốc phòng, giữ vững biên giới, biển, đảo. Quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế được tăng cường và mở rộng.

Hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, hoạt động ngày càng hiệu quả. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên. Công tác quản lý của chính quyền các cấp có nhiều chuyển biến tích cực. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có nhiều đổi mới.

2- Tuy nhiên, Nghệ An vẫn là một tỉnh nghèo, thu nhập bình quân đầu người thấp, chỉ bằng 70% của cả nước, tỉ lệ hộ nghèo còn cao. Tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, chuyển dịch cơ cấu còn chậm; chất lượng, hiệu quả còn thấp; một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Kết quả thu hút đầu tư còn hạn chế, chưa có dự án lớn mang tính đột phá. Một số dự án trọng điểm chậm phát huy hiệu quả. Đa số doanh nghiệp có quy mô nhỏ, cơ cấu ngành nghề chưa hợp lý, sức cạnh tranh thấp. Một số vấn đề bức xúc thuộc lĩnh vực văn hoá, xã hội, an ninh trật tự, nhất là ở vùng đặc thù chưa được giải quyết tốt; giải quyết việc làm cho người lao động còn hạn chế. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trên một số mặt còn hạn chế. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng và chất lượng một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa cao. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị ở cơ sở có nơi còn hình thức, hiệu quả thấp.

3- Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém nêu trên là :

Nghệ An là tỉnh có diện tích lớn, dân số đông, nhiều dân tộc, tôn giáo phức tạp; khí hậu khắc nghiệt, hạn hán, bão, lũ, dịch bệnh thường xuyên xảy ra. Kinh tế của tỉnh xuất phát điểm thấp, chưa có nguồn đầu tư thoả đáng để tạo động lực phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng.

Năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp còn thiếu quyết liệt, chưa sáng tạo; từng lúc, từng nơi có tư tưởng trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ của cấp trên; đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ở một số thời điểm chưa cao.

Công tác phối hợp giữa tỉnh với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong vùng có mặt chưa cụ thể, chưa kịp thời, hiệu quả thấp.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN TỈNH NGHỆ AN ĐẾN NĂM 2020

Từ nay đến năm 2020, trên cơ sở vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, các nghị quyết của Trung ương gắn với việc thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội XVII của Đảng bộ tỉnh, Nghệ An cần tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, tăng cường đoàn kết, thống nhất, phát huy nội lực, tận dụng, thu hút mọi nguồn lực cả trong, ngoài tỉnh và nước ngoài, phấn đấu xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc vào năm 2015, tạo cơ sở để đến năm 2020 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp; là trung tâm về tài chính, thương mại, du lịch, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hoá, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung Bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát nêu trên, cần tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau đây :

1- Tập trung khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế, phát triển kinh tế nhanh, bền vững gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá phù hợp với đặc điểm, vị trí của tỉnh. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) bình quân thời kỳ 2011 - 2020 đạt 11 - 12%. GDP bình quân đầu người cuối năm 2020 đạt khoảng 2.800 - 3.500 USD.

Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư để thu hút đầu tư trong và ngoài nước, chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học - công nghệ và giá trị gia tăng cao. Phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sạch, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường. Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các ngành, doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn và với các tỉnh trong vùng Bắc Trung Bộ để sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực.

Xây dựng thành phố Vinh thành trung tâm vùng Bắc Trung Bộ về tài chính, thương mại, du lịch, khoa học - công nghệ, công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ cao, y tế, văn hoá, thể thao, giáo dục - đào tạo; cùng với Cửa Lò phát triển thành cực tăng trưởng kinh tế và mũi nhọn tăng trưởng của tỉnh.

Cùng với Thanh Hoá đẩy mạnh phát triển vùng Nam Thanh Hoá - Bắc Nghệ An, tập trung xây dựng vùng Hoàng Mai - Đông Hồi gắn với Khu kinh tế Nghi Sơn; phát triển các ngành công nghiệp động lực, như nhiệt điện, xi măng, luyện thép, cơ khí, hoá chất, cảng biển.

Cùng với Hà Tĩnh đẩy mạnh phát triển vùng Nam Nghệ An - Bắc Hà Tĩnh. Xây dựng Khu kinh tế Đông Nam thành khu kinh tế trọng điểm, đa ngành, đa chức năng, trọng tâm phát triển các ngành công nghiệp cơ khí, điện tử, công nghệ thông tin, chế tạo ô tô, thiết bị công nghệ cao, dược phẩm, chế biến nông - lâm - hải sản. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng và tạo cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư phát triển các khu công nghiệp trong Khu kinh tế.

Thực hiện tốt Chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền tây thành một trong 3 vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, gắn vùng nguyên liệu với khai thác, chế biến khoáng sản, sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp. Xây dựng Khu nông nghiệp công nghệ cao với trung tâm là Nghĩa Đàn nhằm khai thác tiềm năng nông nghiệp khu vực miền tây, tạo ra sản phẩm có chất lượng, năng suất, hiệu quả và là điển hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của vùng Bắc Trung Bộ.

Đẩy mạnh phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thuỷ, nâng cấp cửa khẩu quốc gia Thanh Thuỷ thành cửa khẩu quốc tế, trở thành đầu mối giao thương quan trọng với Lào, Thái Lan, Mi-an-ma.

2- Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn gắn với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; bổ sung cơ chế, chính sách để huy động các nguồn lực, khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, góp vốn xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ. Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các địa phương trong vùng tập trung nâng cấp hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, nâng cấp sân bay Vinh thành sân bay quốc tế, xây dựng và khai thác hiệu quả các cảng biển. Xây dựng các công trình thuỷ lợi, hệ thống đê ngăn lũ, cống ngăn mặn giữ ngọt, hệ thống cấp nước, thoát nước đô thị; xử lý chất thải; hạ tầng năng lượng, hạ tầng viễn thông.

Đối với một số dự án trọng điểm cấp vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, ngoài phần vốn hỗ trợ theo các tiêu chí, định mức quy định thì ưu tiên bố trí thêm ngân sách Trung ương để triển khai thực hiện đúng tiến độ.

3- Tăng cường đầu tư của Nhà nước gắn với nâng cao hiệu quả thực hiện chủ trương xã hội hoá, huy động các nguồn lực phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, văn hoá, thể dục - thể thao.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục; đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng các trường đại học, trường dạy nghề chất lượng cao về lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học và dạy nghề hiện có.

Phát triển hệ thống các cơ quan nghiên cứu, chuyển giao khoa học - công nghệ; thu hút các tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của các bộ, ngành Trung ương, quốc tế đặt trụ sở tại Nghệ An. Xây dựng đội ngũ trí thức đủ năng lực tham mưu, hoạch định quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ của tỉnh.

Từng bước đầu tư nâng cấp và hiện đại hoá hệ thống bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế và bệnh viện huyện, trạm y tế phường, xã, thị trấn. Xây dựng, phát triển một số cơ sở y tế ở thành phố Vinh thành trung tâm y tế kỹ thuật cao, từng bước hiện đại hoá theo hướng chuyên sâu về ung bướu, tim mạch, phụ sản, nhi..., có khả năng hỗ trợ về chuyên môn cho các tỉnh Bắc Trung Bộ.

Hoàn chỉnh quy hoạch hệ thống di tích lịch sử - văn hoá trên địa bàn tỉnh; đẩy nhanh tiến độ dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử - văn hoá Kim Liên, Khu lưu niệm cố Tổng Bí thư Lê Hồng Phong và một số di tích lịch sử - văn hoá tiêu biểu khác gắn với phát triển du lịch. Khai thác, phát huy tốt các giá trị văn hoá truyền thống.

Tiếp tục mở rộng, đa dạng hoá các hoạt động thể dục - thể thao quần chúng, thể dục - thể thao thành tích cao; đưa Nghệ An trở thành một trong những trung tâm thể thao mạnh của cả nước.

Thực hiện tốt chính sách xã hội và bảo đảm an sinh xã hội; tiếp tục hoàn thiện và thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, đào tạo nghề, đưa người đi lao động ở nước ngoài, ưu tiên người nghèo, người dân tộc thiểu số các huyện nghèo, xã nghèo, thôn bản đặc biệt khó khăn.

4- Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong mọi tình huống; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết dân tộc, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc

phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ và xây dựng thế trận an ninh nhân dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc; không để xảy ra điểm nóng, phức tạp về an ninh, trật tự, nhất là ở vùng đặc thù.

5- Tăng cường, mở rộng quan hệ đối ngoại, đẩy mạnh quá trình hội nhập quốc tế. Củng cố quan hệ với các tỉnh của nước bạn Lào chung đường biên giới. Đổi mới hoạt động thông tin đối ngoại, quảng bá hình ảnh Việt Nam và tiềm năng của Nghệ An để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Chủ động ngăn ngừa tác động tiêu cực phát sinh trong quá trình hội nhập quốc tế.

6- Tiếp tục củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng vả hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Thường xuyên chăm lo công tác xây dựng Đảng, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI về xây dựng Đảng. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước của các cấp chính quyền. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc vả các đoàn thể nhân dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

7- Đồng ý về nguyên tắc việc phân bổ biên chế, cán bộ, công chức phù hợp với số lượng tổ chức cơ sở, đảng viên, đơn vị hành chính, dân cư vả điều kiện đặc thù của Nghệ An. Giao Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định cụ thể.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An - quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh trước hết là trách nhiệm của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Nghệ An, đồng thời cũng là trách nhiệm của các cấp uỷ, tổ chức đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở Trung ương, các địa phương với tấm lòng vì quê hương và lòng kính trọng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đảng bộ, chính quyền, nhân dân Nghệ An phải phát huy mạnh hơn nữa tinh thần tích cực, chủ động, năng động, sáng tạo, khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh nguồn lực tại chỗ để xây dựng quê hương; khắc phục tư tưởng trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ của cấp trên.

Các cơ quan Trung ương phải thường xuyên phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để Nghệ An thực hiện tốt phương hướng, nhiệm vụ Bộ Chính trị đã đề ra. Các tỉnh, thành phố, nhất là các tỉnh bắc miền Trung cần tích cực củng cố, tăng cường mối quan hệ liên kết, hợp tác với Nghệ An, tạo không gian kinh tế thống nhất cùng phát triển.

2- Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, phối hợp với tỉnh Nghệ An cụ thể hoá và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu trên. Cụ thể là :

- Ban hành cơ chế, chính sách để phát triển Khu công nghiệp Hoàng Mai, Đông Hồi được hưởng ưu đãi đầu tư gắn với Khu kinh tế Nghi Sơn; hỗ trợ Nghệ An thu hút đầu tư những dự án lớn, mang tính đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, trong đó ưu tiên vào lĩnh vực công nghệ cao; xây dựng Khu nông nghiệp công nghệ cao với trung tâm tại huyện Nghĩa Đàn; hỗ trợ Nghệ An sớm trở thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm khoa học - công nghệ, công nghệ thông tin, trung tâm khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân vùng Bắc Trung Bộ.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hỗ trợ ngân sách đối với các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh đã có chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tỉnh Nghệ An phối hợp với các bộ, ngành xây dựng các đề án, dự án cụ thể, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

- Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống an toàn khu của Trung ương và hệ thống phòng thủ trên địa bàn tỉnh; đầu tư kết cấu hạ tầng đảo Ngư, đảo Mắt nhằm bảo đảm giữ vững chủ quyền biển đảo.

3- Định kỳ hằng năm, Ban Bí thư và Chính phủ làm việc với lãnh đạo tỉnh Nghệ An để kiểm tra việc tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, các kiến nghị, đề xuất của tỉnh. Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với Văn phòng Trung ương Đảng giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi, sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận :
- Tỉnh uỷ Nghệ An,
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Nghị quyết số: 36/2021/QH15	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NGHỊ QUYẾT

Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Nghệ An về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, lâm nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Tỉnh Nghệ An được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 40% số thu ngân sách Tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Nghệ An không quá 70% số tăng thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (không bao gồm thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu), nhưng không vượt quá tổng số tăng thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu so với số thu thực hiện năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu để thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng của địa phương.

3. Tỉnh Nghệ An được phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Quản lý rừng, đất đai

1. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 ha trở lên; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên trở lên của tỉnh Nghệ An và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ đầu nguồn dưới 50 ha; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

3. Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển đổi mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, đất thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định tại khoản 2 Điều này do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 5. Quản lý quy hoạch

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; sơ kết 03 năm thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2024; tổng kết thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2026; tiếp tục nghiên cứu, xây dựng bổ sung các cơ chế, chính sách khác phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế để thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết của Bộ Chính trị khi tổng kết thực hiện Nghị quyết số 26-

NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Nghệ An và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và được thực hiện trong 05 năm.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2021.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ





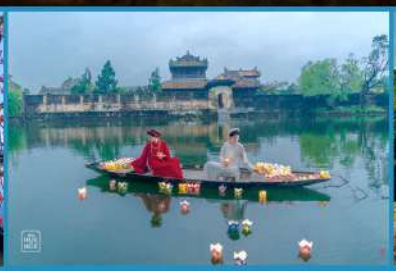



TỈNH THỪA THIÊN HUẾ



Thừa Thiên Huế là một tỉnh ở vị trí trung độ của cả nước, nằm trên trục hành lang kinh tế Đông-Tây, với đường bờ biển dài 120 km, có cảng nước sâu Chân Mây, có vịnh Lăng Cô đẹp nhất thế giới và hệ thống đầm phá Tam Giang - Cầu Hai lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc vùng động lực miền Trung, có hệ thống giao thông tương đối đồng bộ, tạo tiền đề hình thành các liên kết ngành, liên kết vùng trong công nghiệp, du lịch và với các địa phương lân cận như Đà Nẵng, Quảng Nam. Đây là một trong những trung tâm văn hoá lớn và đặc sắc của Việt Nam. Vùng đất được mệnh danh là xứ sở của di sản với 05 di sản thế giới được vinh danh, là địa phương đi đầu trong cả nước về xây dựng thành phố thông minh và thân thiện với môi trường.

Mục tiêu đến năm 2030: Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hoá, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; Đảng bộ, chính quyền và toàn hệ thống chính trị vững mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đạt mức cao.

Tầm nhìn đến năm 2045: Thừa Thiên Huế là thành phố Festival, trung tâm văn hoá, giáo dục, du lịch và y tế chuyên sâu đặc sắc của Châu Á.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 54-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau 10 năm thực hiện Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị khoá X, Thừa Thiên Huế đã có nhiều nỗ lực đổi mới tư duy, khai thác các tiềm năng, lợi thế cho phát triển. Kinh tế tăng trưởng bình quân 7,2%/năm, cao hơn mức tăng trung bình của cả nước. Năm 2018, quy mô nền kinh tế tăng gần 2 lần; thu nhập bình quân đầu người tính theo GRDP đạt mức 1.770 USD, tăng 2,2 lần so với năm 2009. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dịch vụ và công nghiệp, trong đó du lịch đang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; kinh tế biển và đầm phá đang dần trở thành động lực phát triển; tiềm năng của Vườn Quốc gia Bạch Mã bước đầu được khai thác.

Công tác quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch đạt những kết quả tích cực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư, phát triển. Hoạt động liên kết với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung được chú trọng, nhất là trong phát triển du lịch. Quần thể di tích Cố đô Huế và các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử được phục hồi, gìn giữ, tôn tạo, mang diện mạo của Cố đô lịch sử. Huế được công nhận là thành phố Festival của Việt Nam, thành phố văn hoá, du lịch ASEAN, hướng tới thành phố vườn, đô thị "di sản, văn hoá, sinh thái, cảnh quan và thân thiện với môi trường"; là trung tâm đặc sắc của cả nước về văn hoá, du lịch và y tế chuyên sâu; hướng tới trở thành trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo. Đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần của nhân dân được nâng cao; tỉ lệ hộ nghèo, hệ số bất bình đẳng về thu nhập thấp hơn mức bình quân của cả nước; an sinh xã hội được bảo đảm; công tác bảo vệ môi trường được tăng cường. Xây dựng Đảng, hệ thống chính trị luôn được quan tâm; bộ máy hành chính từng bước được đổi mới theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Tuy nhiên, việc triển khai Kết luận trong thời gian qua cũng đã bộc lộ một số hạn chế, yếu kém: Phát triển kinh tế của tỉnh chưa tương xứng với tiềm năng,

lợi thế; hệ thống đô thị phát triển chậm; kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ; công tác quy hoạch, quản lý đô thị chưa theo kịp yêu cầu phát triển, chưa thể hiện rõ bản sắc của Thừa Thiên Huế; công tác bảo tồn, tôn tạo di tích còn chậm. Cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền có mặt còn hạn chế; năng lực cạnh tranh cấp tỉnh chưa cao. Thừa Thiên Huế chưa trở thành một trong những trung tâm lớn về du lịch, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo; mục tiêu "Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương" chưa đạt được.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức về vị trí, vai trò của Thừa Thiên Huế cũng như giá trị văn hoá di sản trong một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế; chưa thấy rõ mối quan hệ gắn bó giữa kinh tế và văn hoá; chưa quan tâm gắn phát triển kinh tế với xây dựng và phát triển văn hoá; chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh chưa thật sự quyết liệt, hiệu quả chưa cao, chưa chủ động tăng cường phối hợp với các cơ quan, bộ, ngành Trung ương trong việc đề xuất, kiến nghị những cơ chế, chính sách mới, đột phá, nhất là trong phát triển kết cấu hạ tầng, quản lý đô thị, di sản, văn hoá, y tế, giáo dục và đào tạo. Một số bộ, ngành Trung ương chưa quan tâm đúng mức, chậm phối hợp với tỉnh trong việc triển khai các dự án, công trình trọng điểm, quan trọng. Chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng được yêu cầu. Sự hợp tác, liên kết phát triển kinh tế, xã hội giữa các địa phương trong vùng chưa hiệu quả.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế, với đặc trưng văn hoá, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, công nghệ thông tin và truyền thông là đột phá, công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao là nền tảng. Đây là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa cả về kinh tế - xã hội, chính trị, quốc phòng và an ninh; không chỉ là của riêng Thừa Thiên Huế mà còn của cả vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và cả nước.

- Xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế phải trên cơ sở khai thác, phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, của vùng, nhất là sự kết hợp hài hoà giữa di sản văn hoá, lịch sử đặc sắc, phong phú với cảnh quan tự nhiên, tài

nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú, vị trí cửa ngõ của hành lang kinh tế Đông - Tây và con người Huế. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái; giữa đô thị hoá với xây dựng nông thôn mới. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa kế thừa và phát triển; giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hoá; giữa bảo tồn, giữ gìn truyền thống và phát huy các giá trị di sản, trong đó bảo tồn là cốt lõi; giữa phát triển đô thị di sản và phát triển thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó phát triển thành phố trực thuộc Trung ương phải bảo đảm điều kiện thuận lợi cho bảo tồn và phát triển đô thị di sản; giữa hỗ trợ của Trung ương và nỗ lực của địa phương.

- Tập trung nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ tiên tiến, hiện đại; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp, tăng cường cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh để thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân cho phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và những ngành, lĩnh vực kinh tế có tiềm năng, lợi thế.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng; sự năng động, thông minh, sáng tạo và tự lực, tự cường của người dân Huế.

2. Mục tiêu và chỉ tiêu

2.1. Mục tiêu, tầm nhìn

- Đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế, với đặc trưng văn hoá, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh.

- Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hoá, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; Đảng bộ, chính quyền và toàn hệ thống chính trị vững mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đạt mức cao.

- Tầm nhìn đến năm 2045, Thừa Thiên Huế là thành phố Festival, trung tâm văn hoá, giáo dục, du lịch và y tế chuyên sâu đặc sắc của Châu Á.

2.2. Một số chỉ tiêu

(1) Giai đoạn 2021 - 2025

- Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo các tiêu chí đặc thù, trong đó trọng tâm là các tiêu chí về văn hoá đặc sắc và đô thị di sản. Hoàn thành việc mở rộng thành phố Huế theo quy hoạch trước năm 2022.

- Tăng trưởng GRDP 7,5 - 8,5%/năm. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 12%/năm. Thu ngân sách nhà nước tăng 12 - 13%/năm; phấn đấu cân bằng ngân sách vào năm 2025.

- Đến năm 2025, GRDP/người đạt 3.500 - 4.000 USD (theo cách tính hiện hành). Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ chiếm 53 - 54% GRDP; công nghiệp và xây dựng 31 - 32%; nông nghiệp 7 - 9%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6 - 7%. Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều còn 2 - 2,2%. Tỉ lệ đô thị hoá đạt 62 - 65%. Tỉ lệ che phủ rừng đạt 56 - 57%. Tỉ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt 100%. Tỉ lệ lao động được đào tạo đạt 65 - 70%.

(2) Giai đoạn 2026 - 2030

- Tăng trưởng GRDP 7 - 8%/năm. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 10%/năm. Thu ngân sách nhà nước tăng 13 - 15%/năm.

- Đến năm 2030, GRDP/người đạt 5.500 - 6.000 USD (theo cách tính hiện hành). Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ chiếm 54 - 56% GRDP; công nghiệp và xây dựng 33 - 34%; nông nghiệp 5 - 7%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm dưới 5 - 6%. Tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều dưới mức trung bình toàn quốc. Tỉ lệ đô thị hoá đạt 65 - 70%. Tỉ lệ che phủ rừng đạt 57%. 100% dân số sử dụng nước sạch. 100% các khu đô thị, 85% khu công nghiệp, các cụm công nghiệp và làng nghề có hệ thống xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn; 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định. Tỉ lệ lao động được đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ đạt 75 - 80%.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung mọi nguồn lực xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương với đặc trưng văn hoá, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh; là trung tâm của vùng và cả nước về văn hoá - du lịch, y tế chuyên sâu, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

- Đổi mới mạnh mẽ hơn nữa tư duy phát triển, nhất là tư duy về phát triển bền vững, về bảo tồn và phát huy các giá trị di sản; tư duy về phát huy tối đa,

hiệu quả các lợi thế, tiềm năng riêng có, từ đó tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, cộng đồng dân cư và doanh nghiệp về mô hình và phương thức phát triển đặc sắc của Thừa Thiên Huế.

- Năm 2020, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù và hoàn thiện bộ tiêu chí về thành phố trực thuộc Trung ương cho Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế; là cơ sở để tiến hành các quy trình, thủ tục trình cấp có thẩm quyền về việc thành lập thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định.

- Chăm lo phát triển văn hoá xã hội, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hoá truyền thống, xây dựng Thừa Thiên Huế thành một trung tâm văn hoá đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc và bản sắc văn hoá Huế. Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, trong đó, du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn thông qua việc nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch; ưu tiên phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, đẳng cấp quốc tế; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hiệu quả liên kết, hợp tác giữa Thừa Thiên Huế với các địa phương trong vùng; hoàn thiện kết cấu hạ tầng phát triển du lịch và dịch vụ biển.

- Tập trung xây dựng và nâng cao năng lực các thiết chế y tế trên địa bàn để trở thành trung tâm y tế chuyên sâu của cả nước. Phát triển Bệnh viện Trung ương Huế, cùng với Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế về y tế. Phát triển Trường Đại học Y Dược Huế theo mô hình "Trường - Viện" cấp quốc gia và hướng tới đạt chuẩn quốc tế. Xây dựng Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm miền Trung và tổ hợp y tế công nghệ cao phục vụ khám, chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm y tế và kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng, cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khoẻ theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Xây dựng trung tâm giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao trên cơ sở phát triển Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia, phấn đấu nằm trong tốp 300 các trường đại học hàng đầu Châu Á. Xây dựng Trường Trung học Phổ thông Quốc học Huế trở thành điểm sáng về chất lượng giáo dục trong sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam.

- Phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh theo cơ chế thị trường; hình thành khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ cao và các tổ chức nghiên cứu đủ sức giải quyết các nhiệm vụ khoa học công nghệ của vùng và quốc gia; trở thành trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ.

- Phát triển ngành công nghiệp theo hướng phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng địa bàn trong tỉnh và nhu cầu của thị trường; tập trung phát triển một

số ngành như công nghiệp hỗ trợ, năng lượng sạch, các ngành chế biến sâu, công nghệ thông tin và phần mềm, hoá dược và thiết bị y tế.

- Phát triển ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường tiêu thụ, thích ứng với biến đổi khí hậu; gắn phát triển nông nghiệp với phát triển du lịch, nhất là ở các địa bàn miền núi.

- Phát triển kinh tế biển và đầm phá trên cơ sở tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái kết hợp với phát triển nuôi trồng thuỷ sản, du lịch, dịch vụ biển, năng lượng tái tạo; gắn với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia; hình thành hệ thống khu bảo tồn biển, bảo tồn vùng nước nội địa.

- Phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi theo hướng hình thành các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ, du lịch, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững mối quan hệ hữu nghị với các tỉnh chung đường biên giới với nước bạn Lào. Khai thác bền vững và có hiệu quả tiềm năng của Vườn Quốc gia Bạch Mã theo hướng bảo tồn, phát triển bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp với phát triển du lịch sinh thái.

2. Đẩy mạnh công tác quy hoạch và quảnl ý, thực hiện quy hoạch, nhất là quy hoạch đô thị theo hướng phát triển mạnh kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và thông minh, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin, đô thị, bảo đảm sự hài hoà giữa kiến trúc với tự nhiên và đặc thù của Huế. Quy hoạch bố trí lại dân cư, sắp xếp hình thành các cụm ngành sản xuất. Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Xây dựng quy hoạch phát triển Thừa Thiên Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng. Bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ, hợp lý giữa bảo tồn và phát triển; giữa giữ gìn, phát huy các giá trị truyền thống với đổi mới, sáng tạo; giữa thành thị và nông thôn, phù hợp với tiềm năng, lợi thế và đặc thù riêng có của Thừa Thiên Huế. Quy hoạch lại không gian đô thị trung tâm theo hướng đặc thù trực thuộc Trung ương và đầu tư kết cấu hạ tầng, từng bước đạt chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương.

- Mở rộng địa giới hành chính đô thị. Hình thành đô thị trung tâm với hai trục phát triển và các đô thị động lực, gồm: Thị xã Phong Điền; thị xã Hương Trà; thị xã Hương Thuỷ; xây dựng đô thị Chân Mây. Phát triển các đô thị nghỉ

dưỡng ven biển Điền Lộc, Hải Dương, Thuận An, Vinh Xuân, Vinh Thanh, Vinh Hiền. Ứng dụng các tiện ích thông minh để quản lý đô thị trên một số lĩnh vực. Khôi phục toàn bộ các công trình di tích chính trong khu vực Đại Nội (Hoàng Thành) và các công trình văn hoá, khu phố cổ Gia Hội, Chi Lăng, Bao Vinh; bảo tồn phố cổ, đô thị cổ, nhà rường, nhà vườn, làng cổ Phước Tích.

- Hoàn thành đầu tư tuyến đường bộ ven biển, cao tốc nối các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Mở rộng các tuyến Quốc lộ 49A, Quốc lộ 49B, hầm Phước Tượng - Phú Gia; nâng cấp cảng nước sâu Chân Mây thành cảng container, cảng du lịch (đầu tư bến số 4, 5, 6, 7, 8). Xây dựng cảng chuyên dùng Điền Lộc, khu neo đậu tránh, trú bão khu vực Thuận An. Nâng công suất Cảng Hàng không quốc tế Phú Bài phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt; cải tạo tuyến đường sắt khu vực đèo Hải Vân.

- Đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông của tỉnh kết nối giữa các đô thị; ưu tiên tuyến đường Huế - Thuận An, Huế - sân bay Phú Bài, đường vành đai 3 thành phố Huế. Xây dựng cầu qua Sông Hương và hạ tầng một số bãi biển du lịch. Nâng cấp một số tuyến đường nội thị quan trọng tại thành phố Huế, thị xã Hương Thuỷ, thị xã Hương Trà, thị trấn Thuận An, Sịa và trục chính giao thông các huyện Phong Điền, Quảng Điền.

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ hoàn thành việc di dời các hộ dân trong khu vực 1 thuộc quần thể Di tích Cố đô Huế trước năm 2022; hỗ trợ nguồn lực để từng bước khôi phục lại cảnh quan, không gian cố đô, ưu tiên các công trình chính trong khu vực Đại Nội (Hoàng Thành) và các công trình văn hoá, khu phố cổ Gia Hội, Chi Lăng, Bao Vinh; bảo tồn phố cổ, đô thị cổ, nhà rường, nhà vườn, làng cổ Phước Tích.

- Đặc biệt quan tâm, chú trọng công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

3. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kinh tế tư nhân cho phát triển kết cấu hạ tầng và các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế

- Quyết liệt trong công tác cải cách hành chính, nhất là các thủ tục về tiếp cận đất đai, dịch vụ tài chính, ngân hàng, thủ tục hải quan, thuế. Ban hành chính sách thu hút đầu tư theo hướng thông thoáng, minh bạch.

- Đổi mới cơ chế quản lý, khai thác sau đầu tư để thu hút nguồn lực đầu tư từ mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là từ khu vực kinh tế tư nhân cho phát triển

kết cấu hạ tầng, phát triển chính quyền điện tử, đô thị thông minh; khởi nghiệp sáng tạo; các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế như du lịch, công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Chủ động thu hút có chọn lọc các dự án có vốn đầu tư nước ngoài. Có chính sách thúc đẩy để các hợp tác xã kiểu mới hoạt động hiệu quả, bền vững.

4. Xây dựng và ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển nhanh và bền vững Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế

- Nghiên cứu ban hành các tiêu chí đặc thù phân loại đô thị, đơn vị hành chính, mô hình đô thị phù hợp với Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế.

- Nghiên cứu thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù cho Thừa Thiên Huế nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá trên cơ sở kết hợp chặt chẽ và có hiệu quả nguồn lực Trung ương, nguồn lực địa phương và nguồn lực xã hội hoá.

- Có cơ chế, chính sách tạo đột phá trong phát triển nhanh vả bền vững Khu kinh tế Lăng Cô - Chân Mây, đầm phá Tam Giang - Cầu Hai và Vườn Quốc gia Bạch Mã trên cơ sở thu hút đa dạng cácnhà đầu tư có tiềm lực tài chính trong và ngoài nước tham gia.

- Nghiên cứu thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thừa Thiên Huế thành trung tâm y tế chuyên sâu tầm cỡ quốc tế; trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao trên cơ sở tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp và xã hội hoá các dịch vụ công.

5. Nâng cao hiệu quả liên kết phát triển vùng; mở rộng hợp tác và quan hệ đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

- Đẩy mạnh liên kết, phát huy các tiềm năng, lợi thế riêng có của Thừa Thiên Huế theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, đặc biệt trong liên kết phát triển du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, khoa học khám, chữa bệnh và giải quyết các vấn đề như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, nước biển dâng.

- Mở rộng hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ và tri thức; tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về văn hoá; quảng bá mạnh mẽ với cộng đồng quốc tế về hình ảnh của Huế, của Việt Nam gắn liền với những đặc trưng

về tiềm năng di sản, du lịch, văn hoá, lịch sử, có môi trường trong sạch, an toàn, con người thân thiện. Coi trọng và giữ vững mối quan hệ đặc biệt với các tỉnh của nước bạn Lào.

6. Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; củng cố vị thế là trung tâm văn hoá lớn và đặc sắc của cả nước

- Ban hành chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực có trọng tâm, trọng điểm, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực có lợi thế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong bối cảnh mới, nhất là yêu cầu về nghiên cứu, ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Bảo đảm mọi người dân của Thừa Thiên Huế được tiếp cận bình đẳng, thuận lợi, đầy đủ với chất lượng ngày càng cao các dịch vụ công thiết yếu. Nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới, ổn định dân cư vùng đầm phá, làng chài; hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng môi trường đậm đà bản sắc văn hoá Huế gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá, xem đây là lợi thế so sánh lâu dài thúc đẩy các ngành du lịch, dịch vụ phát triển. Gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển du lịch với phát triển văn hoá.

7. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

- Tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về "kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh" ngay từ khâu quy hoạch, kế hoạch. Chú trọng xây dựng các công trình mang tính lưỡng dụng cho kinh tế - xã hội và quốc phòng. Gắn quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn với quy hoạch xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

- Chủ động nắm chắc và xử lý tốt các vụ việc về an ninh, trật tự ngay từ khi mới phát sinh, không để xảy ra tình huống phức tạp, không để bị động, bất ngờ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác đấu

tranh và phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm về môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao, "tín dụng đen"...

8. Xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò làm chủ của nhân dân; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở

- Tổ chức học tập, quán triệt, thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng Đảng bộ tỉnh thật sự trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, đảng viên.

- Chú trọng đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý; xây dựng tổ chức, bộ máy đáp ứng yêu cầu hình thành các đô thị tương lai; quan tâm đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức ở khu vực nông thôn.

- Thực hiện và vận dụng sáng tạo các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Năm 2020, Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, ban hành Nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về "Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế; cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế", tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, ngành liên quan phối hợp với Thừa Thiên Huế xây dựng, thẩm định và trình Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Đề án về "Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế; cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế"; ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và cụ thể hoá Nghị quyết của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

3. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thừa Thiên Huế nghiêm túc, chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ sự đồng

thuận của xã hội, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm sớm đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Chuẩn bị thật kỹ Đề án về "Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế; cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế" trình Chính phủ, Uỷ ban Thường vụ Quốc hội vào năm 2020.

4. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên quan tâm, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi để Thừa Thiên Huế phát triển theo tinh thần Nghị quyết.

5. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương, nhất là các tỉnh uỷ, thành uỷ trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung cần tích cực xây dựng và củng cố mối quan hệ liên kết, hợp tác với Thừa Thiên Huế để thúc đẩy cùng nhau phát triển.

6. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 83 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương, các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2b) 110

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 83 /NQ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)

Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về "Xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" đã đề ra mục tiêu:

"Đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hoá Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh.

Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; là một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc; Đảng bộ, chính quyền và toàn hệ thống chính trị vững mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân đạt mức cao.

Tầm nhìn đến năm 2045, Thừa Thiên Huế là thành phố Festival, trung tâm văn hóa, giáo dục, du lịch và y tế chuyên sâu đặc sắc của châu Á".

Căn cứ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 54-NQ/TW, Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW phải được xây dựng trên cơ sở khai thác, phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, nhất là sự kết hợp hài hòa giữa di sản văn hóa, lịch sử đặc sắc, phong phú với cảnh quan tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú, vị trí cửa ngõ của hành lang kinh tế Đông - Tây và con người Huế; mối tương quan, liên kết với các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, các tỉnh vùng miền Trung và cả nước.

2. Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị; xác định rõ các nhiệm vụ chủ yếu, các giải pháp cụ thể và thiết thực gắn với kế hoạch tổ chức theo lộ trình phù hợp để thực hiện thắng lợi mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết.

3. Chương trình hành động nhằm thể hiện được vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, đồng thời xác định rõ vai trò, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng, mở rộng hợp tác quốc tế, đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đã đề ra trong Nghị quyết

a) Giai đoạn 2021 - 2025

- Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương theo các tiêu chí đặc thù, trong đó trọng tâm là các tiêu chí về văn hóa đặc sắc và đô thị di sản. Hoàn thành việc mở rộng thành phố Huế theo quy hoạch trước năm 2022.

- Tăng trưởng GRDP 7,5 - 8,5%/năm. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 12%/năm. Thu ngân sách nhà nước tăng 12 - 13%/năm; phấn đấu cân bằng ngân sách vào năm 2025.

- Đến năm 2025, GRDP/người đạt 3.500 - 4.000 USD (theo cách tính hiện hành). Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ chiếm 53 - 54% GRDP, công nghiệp và xây dựng 31 - 32%, nông nghiệp 7 - 9%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6 - 7%. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều còn 2 – 2,2%. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 62 - 65%. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 56 - 57%. Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch đạt 100%. Lao động được đào tạo đạt 65 - 70%.

b) Giai đoạn 2026 - 2030

- Tăng trưởng GRDP 7 - 8%/năm. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 10%/năm. Thu ngân sách nhà nước tăng 13 - 15%/năm.

- Đến năm 2030, GRDP/người đạt 5.500 - 6.000 USD (theo cách tính hiện hành). Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ chiếm 54 - 56% GRDP, công nghiệp và xây dựng 33 - 34%, nông nghiệp 5 - 7%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm

dưới 5 - 6%. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều dưới mức trung bình toàn quốc. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65 - 70%. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 57%. 100% dân số sử dụng nước sạch. 100% các khu đô thị, 85% khu công nghiệp, các cụm công nghiệp và làng nghề có hệ thống xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn. 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ đạt 75 - 80%.

Đến năm 2030, Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; là một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao.

c) Tầm nhìn đến năm 2045: Thừa Thiên Huế là thành phố Festival, trung tâm văn hóa, giáo dục, du lịch và y tế chuyên sâu đặc sắc của châu Á.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các chỉ tiêu cụ thể nêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ giải pháp sau đây:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân tỉnh Thừa Thiên Huế triển khai ngay công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết trong toàn thể đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý để chuyển biến nhận thức và quyết tâm cao của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh; không chỉ là của riêng Thừa Thiên Huế mà còn của vùng miền Trung và cả nước.

- Công tác tuyên truyền về Nghị quyết cần được tiến hành với quy mô sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, kết hợp với việc tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Đại hội của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh gắn với từng giai đoạn, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như những yếu tố tiềm năng, lợi thế, vị thế mới của tỉnh để tiếp tục tạo ra sự bứt phá của tỉnh Thừa Thiên Huế trong những năm tới.

2. Xây dựng đề án, cơ chế chính sách đặc thù; hoàn thiện thể chế, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách:

- Tổ chức lập quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, đảm bảo gắn kết chặt chẽ giữa việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa cố đô Huế với phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới với những lợi thế, tiềm năng và đặc thù riêng của tỉnh Thừa Thiên Huế, gắn với các trung tâm về văn hóa, du lịch; y tế chuyên sâu; giáo dục đào tạo; khoa học, công nghệ của Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung và phù hợp với các nội dung tại Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Về Điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Huế: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng và các bộ ngành, địa phương liên quan xây dựng Đề án điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Huế, trên cơ sở tính đến các yếu tố đặc thù của Thừa Thiên Huế, dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong quý II năm 2020.

- Về các tiêu chí phân loại đô thị, mô hình đô thị đối với Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế: Giao Bộ Xây dựng căn cứ quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu, đề xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ các tiêu chí về phân loại đô thị, mô hình đô thị đối với Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, để đưa vào các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đối với Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế trong quý II năm 2020.

- Về các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đối với Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế: Giao Bộ Nội vụ căn cứ quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, trên cơ sở các tiêu chí về phân loại đô thị, mô hình đô thị đối với Thừa Thiên Huế do Bộ Xây dựng đề xuất, chủ trì phối hợp với các bộ ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nghiên cứu, đề xuất báo cáo Thủ tướng Chính phủ các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đối với Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế trong quý II năm 2020.

- Về Đề án "Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế; cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế": Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư trên cơ các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đối với Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế do Bộ Nội vụ đề xuất, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và các bộ, ngành liên quan hoàn chỉnh Đề án "Xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế; cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển nhanh và bền vững Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế" trình Chính phủ để báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong quý III năm 2020.

- Về Đề án thành lập thành phố Thừa Thiên Huế trực thuộc trung ương: Giao Bộ Nội vụ, trên cơ sở các tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc trung ương đối với Thừa Thiên Huế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phối hợp với các bộ ngành, địa phương liên quan xây dựng Đề án trình Chính phủ vào năm 2021.

3. Tăng cường thu hút vốn đầu tư phát triển hạ tầng, tập trung đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm. Thực hiện tốt các giải pháp nhằm bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chú trọng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đầu tư phát triển hạ tầng thương mại (bao gồm hạ tầng thương mại biên giới, vùng dân tộc và hạ tầng thương mại phục vụ du lịch), đổi mới cơ chế quản lý, khai thác sau đầu tư để thu hút nguồn lực đầu tư từ mọi thành phần kinh tế... Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP); thu hút vốn đầu tư hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay của các nhà tài trợ. Chủ động thu hút có chọn lọc các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có trình độ công nghệ cao thân thiện môi trường, có nghiên cứu phát triển, cam kết chuyển giao công nghệ có khả năng lan tỏa, liên kết với các doanh nghiệp trong nước theo chuỗi giá trị theo Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị (khóa XII).

- Hoàn thành đầu tư tuyến đường bộ ven biển, cao tốc nối các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, mở rộng các tuyến QL49A, QL49B, mở rộng hầm Phước Tượng - Phú Gia; nâng công suất cảng hàng không quốc tế Phú Bài lên 9 triệu khách/năm. Cải tạo tuyến đường sắt khu vực đèo Hải Vân.

- Đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông đối nội kết nối giữa các đô thị, ưu tiên tuyến đường Huế - Thuận An, Huế - sân bay Phú Bài, đường vành đai 3 thành phố Huế, nâng cấp cảng nước sâu Chân Mây thành cảng Container, cảng du lịch (đầu tư bến số 4,5,6,7,8) và cảng chuyên dùng Điền Lộc, khu neo đậu trú bão khu vực Thuận An, xây dựng cầu qua sông Hương và hạ tầng một

số bãi biển du lịch. Nâng cấp một số tuyến đường nội thị quan trọng tại thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, thị trấn Thuận An, thị trấn Sịa và trục chính giao thông các huyện Phong Điền, Quảng Điền và Khu đô thị Chân Mây - Lăng Cô.

- Ngân sách trung ương hỗ trợ hoàn thành việc di dời các hộ dân trong khu vực 1, thuộc quần thể di tích Cố đô Huế trước năm 2022; hỗ trợ nguồn lực để từng bước khôi phục lại cảnh quan, không gian cố đô; khôi phục toàn bộ các công trình di tích chính trong khu vực Đại Nội (Hoàng Thành) và các công trình văn hóa, khu phố cổ Gia Hội, Chi Lăng, Bao Vinh; bảo tồn phố cổ, đô thị cổ, nhà rường, nhà vườn, làng cổ Phước Tích phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công.

- Đặc biệt quan tâm công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tập trung thực hiện có hiệu quả các nhóm giải pháp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng tới việc thực hiện các chính sách về công cụ kinh tế, chính sách ưu đãi của Nhà nước về bảo vệ môi trường nhằm huy động các nguồn lực, phát triển các mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, thân thiện môi trường.

4. Phát triển mạnh các thành phần kinh tế để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là trong các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế.

- Tập trung thực hiện quyết liệt trong công tác cải cách thủ tục hành chính triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, hoàn thiện hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp; ban hành chính sách thu hút đầu tư theo hướng thông thoáng, minh bạch; đổi mới cơ chế quản lý, khai thác sau đầu tư để thu hút nguồn lực đầu tư từ mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là từ khu vực kinh tế tư nhân, trong đó chú trọng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo; từng bước hoàn thiện hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của tỉnh và khu vực miền Trung; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành nghề dựa trên lợi thế, tiềm năng của tỉnh như du lịch, công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển trên cơ sở tận dụng cơ hội của cuộc Cách mạng công nghệ lần thứ 4 nhằm tái cấu trúc doanh nghiệp theo hướng bền vững, sáng tạo.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận với các chính sách của Nhà nước, tiến đến tháo gỡ các rào cản, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động sản xuất kinh

doanh trên địa bàn tỉnh; tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Có chính sách thúc đẩy để đảm bảo các hợp tác xã kiểu mới hoạt động hiệu quả, bền vững theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

5. Xây dựng Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học, công nghệ, giáo dục đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao. Tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp và xã hội hóa các dịch vụ công.

a) Xây dựng Trung tâm Văn hóa, du lịch đặc sắc của cả nước

- Đầu tư các thiết chế văn hóa đồng bộ cho thành phố di sản, văn hóa, Festival của Việt Nam; đầu tư hạ tầng phát triển du lịch, các khu vui giải trí, du lịch nghỉ dưỡng lớn.

- Hình thành và phát triển công nghiệp văn hóa[1] gắn liền với việc quảng bá thương hiệu Huế, con người Huế; xác lập được các thương hiệu sản phẩm, dịch vụ văn hóa; góp phần bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập và hợp tác quốc tế.

- Hoàn thành Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trong năm 2020.

b) Xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là Trung tâm Y tế chuyên sâu của cả nước và khu vực Đông Nam Á. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển y tế với phát triển kinh tế du lịch.

- Tập trung phát triển y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao của tỉnh Thừa Thiên Huế (Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Huế) ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, hướng tới đạt các chuẩn quốc tế. Xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm miền Trung và tổ hợp y tế công nghệ cao phục vụ khám, chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm y tế và kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng, cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Xây dựng đội ngũ chuyên gia, cán bộ y tế có trình độ cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành y tế. Mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và ứng dụng thành tựu tiên tiến, hiện đại trong khám chữa bệnh và phát triển trung tâm y tế chuyên sâu. Hoàn thiện mạng lưới y tế trên địa bàn, bao gồm các cơ

[1] Phần mềm và các trò chơi giải trí; thủ công mỹ nghệ; điện ảnh; xuất bản thời trang; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm; du lịch văn hóa, …

sở y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao và mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình; đầu tư đồng bộ để nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị, dự phòng và nâng cao sức khỏe, an toàn thực phẩm, quản lý môi trường y tế, thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế.

c) Xây dựng trung tâm giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao

- Phát triển Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia của Việt Nam, phấn đấu nằm trong tốp 300 các trường đại học hàng đầu châu Á. Xây dựng Trường Trung học phổ thông Chuyên Quốc học Huế trở thành điểm sáng về chất lượng giáo dục trong sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị giáo dục hiện đại, đồng bộ, xây dựng và tái cấu trúc Đại học Huế; mở rộng cơ chế hoạt động của đại học vùng và thực hiện lộ trình tự chủ đại học.

- Xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến, liên kết với nước ngoài gắn với thực hành, tăng cường chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh; tăng cường hợp tác, trao đổi giáo dục với các tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp 4.0 với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo lộ trình. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho các cấp học, đảm bảo tiến độ xây dựng trường chuẩn Quốc gia theo kế hoạch và hiện đại hoá cơ sở vật chất.

d) Xây dựng Trung tâm khoa học - công nghệ

- Xây dựng Trung tâm khoa học - công nghệ trên nền tảng phát triển Trung tâm Công nghệ sinh học quốc gia miền Trung đã được phê duyệt tại Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, gắn với trung tâm giáo dục - đào tạo và y tế chuyên sâu, với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ đến năm 2025 đạt trình độ tương đương khu vực ASEAN, tạo động lực tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội; triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ cho tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Phát triển khoa học - công nghệ theo cơ chế thị trường: ưu tiên huy động các nguồn lực để triển khai các đề án, dự án nhằm thúc đẩy quá trình thành lập và phát triển Khu Công nghệ cao; Khu Công nghệ thông tin tập trung Thừa Thiên Huế tham gia vào chuỗi Công viên phần mềm Quang

Trung; Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo của tỉnh; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, sàn giao dịch công nghệ và thiết bị, nguồn nhân lực trong các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm khoa học - công nghệ, trung tâm ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ.

- Xây dựng và hoàn thiện chính sách tập trung đẩy mạnh các chương trình nghiên cứu triển khai, để được các sản phẩm khoa học và công nghệ mang tầm khu vực về công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, ứng dụng công nghệ cao trong y dược và công nghệ bảo tồn, trùng tu di tích; ưu tiên hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Xác định doanh nghiệp là trung tâm của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

6. Nâng cao hiệu quả liên kết phát triển vùng, tiểu vùng; phát triển trung tâm logistics; mở rộng hợp tác và quan hệ đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy mạnh liên kết, phát huy các tiềm năng, lợi thế riêng có của Thừa Thiên Huế là cố đô duy nhất còn nguyên vẹn của Việt Nam và theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, đặc biệt trong liên kết phát triển du lịch di sản, du lịch dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, khoa học khám chữa bệnh và giải quyết các vấn đề như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, nước biển dâng; đẩy mạnh xây dựng và phát triển trung tâm logistics, góp phần mở rộng hạ tầng dịch vụ logistics.

- Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, các huyện miền núi theo hướng hình thành các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp, vùng sản xuất chuyên canh gắn với phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch sinh thái.

- Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về văn hóa, quảng bá mạnh mẽ với cộng đồng quốc tế về hình ảnh của Việt Nam, của Huế gắn liền với những đặc trưng về tiềm năng di sản, du lịch, văn hoá, lịch sử, có môi trường trong sạch, an toàn, con người thân thiện. Coi trọng và giữ vững quan hệ đặc biệt với các tỉnh của nước bạn Lào.

7. Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; củng cố vị thế là trung tâm văn hóa lớn và đặc sắc của cả nước. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

- Phát triển và thu hút nguồn nhân lực có định hướng, chiến lược lâu dài, có trọng tâm, trọng điểm theo mục tiêu nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu xã hội nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực có lợi thế đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong bối cảnh mới, đặc biệt là yêu cầu về nghiên cứu, ứng dụng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Phát triển thị trường lao động thông thoáng, thống nhất, có sự quản lý, kiểm soát, điều tiết của Nhà nước; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng phi nông nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững; đảm bảo an sinh xã hội, nhất là cho người nghèo, người dân tộc thiểu số.

- Bảo đảm mọi người dân của Thừa Thiên Huế ở thành thị cũng như ở nông thôn, ở miền biển cũng như vùng núi được tiếp cận bình đẳng, thuận lợi, đầy đủ với chất lượng ngày càng cao các dịch vụ công thiết yếu. Thực hiện hiệu quả có chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng nếp sống văn minh đô thị, bảo đảm môi trường xanh, sạch, đẹp. Xây dựng môi trường đậm đà bản sắc văn hoá Huế gắn với bảo tồn, phát huy giá trị các di sản, văn hoá, xem đây là lợi thế so sánh lâu dài thúc đẩy các ngành du lịch, dịch vụ phát triển.

- Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Thực hiện có hiệu quả chính sách dân tộc, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm an sinh xã hội, nhất là cho người nghèo, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các nhóm dễ bị tổn thương khác.

- Chú trọng đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý; xây dựng tổ chức, bộ máy đáp ứng yêu cầu hình thành các đô thị tương lai; quan tâm đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức ở khu vực nông thôn.

- Thực hiện và vận dụng sáng tạo các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân vững mạnh; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh.

8. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

- Tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về "kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh" ngay từ khâu quy hoạch, kế hoạch; chú trọng xây dựng các công trình mang tính lưỡng dụng cho kinh tế - xã hội và quốc phòng; gắn quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn với quy hoạch xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

- Bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh chính trị, chủ động đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội nhất là tội phạm ma túy, tội phạm về môi trường, tội phạm sử dụng công nghệ cao, "tín dụng đen"; nắm

chắc tình hình, kịp thời xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự ngay từ khi phát sinh, không để xảy ra tình huống phức tạp, không để bị động, bất ngờ. Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân và thế trận quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong mọi tình huống. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân xây dựng Thừa Thiên Huế vững về chính trị, giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng an ninh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ:

a) Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo:

- Chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và các bộ, ngành địa phương liên quan xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết này của Chính phủ, chú trọng: thực hiện phân cấp, phân quyền toàn diện hơn gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương cho Thừa Thiên Huế; giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan chức năng cùng phối hợp, hỗ trợ giúp xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế kèm theo tiến độ cụ thể đảm bảo thời gian hoàn thành và chất lượng các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm điểm về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết này của Chính phủ; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định.

b) Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp thường xuyên với tỉnh Thừa Thiên Huế trong triển khai thực hiện Nghị quyết; thực hiện báo cáo kết quả khi được yêu cầu.

2. Đối với tỉnh Thừa Thiên Huế:

- Tập trung khẩn trương chỉ đạo các sở, ban, ngành rà soát, kiểm tra, bổ sung kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để xây dựng các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị, trong đó trọng tâm xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành trở thành thành phố trực thuộc trung ương.

- Chủ động phát triển quan hệ liên kết, trao đổi, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng miền Trung, đặc biệt gắn với thành phố Đà Nẵng - đô thị đôi, cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung trên các lĩnh vực, tạo sự gắn bó và sức mạnh chung để cùng khai thác các tiềm năng, lợi thế của từng địa phương vì sự nghiệp phát triển của vùng, cả nước.

- Định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này của Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp theo quy định.

3. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng miền Trung, đặc biệt là gắn với thành phố Đà Nẵng - đô thị đôi, cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung chủ động phát triển quan hệ liên kết, hợp tác với tỉnh Thừa Thiên Huế trên các lĩnh vực, tạo sự gắn bó và sức mạnh chung để cùng khai thác các tiềm năng, lợi thế của từng địa phương vì sự nghiệp phát triển của vùng, cả nước.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động, các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế chủ động đề xuất gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Phụ lục

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 54-NQ/TW NGÀY 10 THÁNG 12 NĂM 2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
1	**Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết 54-NQ/TW**	Bộ Thông tin và Truyền thông	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Các thông tin điện tử trên website; các chương trình phát thanh và truyền hình; các bài viết, bài nói, ấn phẩm, số liệu; Hội thảo chuyên đề	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết
2	**Xây dựng đề án, cơ chế chính sách đặc thù; hoàn thiện thể chế, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách**				
2.1	Xây dựng và trình phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành có liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2021
2.2	Đề án và dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Huế, trên cơ sở tính đến các yếu tố đặc thù của Thừa Thiên Huế	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Bộ Nội vụ	Đề án và dự thảo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Chính phủ	Quý II năm 2020

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
2.3	Về bổ sung các tiêu chí về phân loại đô thị, mô hình đô thị đối với Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế	Bộ Xây dựng	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ ngành liên quan và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Dự thảo các tiêu chí báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quý II năm 2020
2.4	Về bổ sung các tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đối với Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế	Bộ Nội vụ	Bộ Xây dựng, các bộ ngành liên quan và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Dự thảo các tiêu chí báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quý II năm 2020
2.5	Đề án và dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế; cơ chế, chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên Huế.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ ngành liên quan và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Đề án và dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trình Chính phủ	Quý III năm 2020
2.6	Đề án thành lập thành phố Thừa Thiên Huế trực thuộc trung ương	Bộ Nội vụ	Bộ Xây dựng và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Đề án và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội trình Chính phủ	Năm 2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
3	**Thu hút vốn đầu tư phát triển hạ tầng, tập trung đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm. Thực hiện tốt các giải pháp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu**				
3.1	Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đầu tư phát triển hạ tầng thương mại; đổi mới cơ chế quản lý, khai thác sau đầu tư để thu hút nguồn lực đầu tư từ mọi thành phần kinh tế… Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP); thu hút vốn đầu tư hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay của các nhà tài trợ. Chủ động thu hút có chọn lọc các dự án có vốn đầu tư nước ngoài có trình độ công nghệ cao	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Hàng năm
3.2	Hoàn thành đầu tư tuyến đường bộ ven biển, cao tốc nối các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, mở rộng các tuyến QL49A, QL49B, mở rộng hầm Phước Tượng - Phú Gia; nâng công suất cảng hàng không quốc tế Phú Bài. Cải tạo tuyến đường sắt khu vực đèo Hải Vân	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Định kỳ hàng năm (giai đoạn 2021-2025)

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
3.3	Đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông đối nội kết nối giữa các đô thị, ưu tiên tuyến đường Huế - Thuận An, Huế - sân bay Phú Bài, đường vành đai 3 thành phố Huế, nâng cấp cảng nước sâu Chân Mây thành cảng Container, cảng du lịch (đầu tư bến số 4, 5, 6, 7, 8) và cảng chuyên dùng Điền Lộc, xây dựng khu neo đậu trú bão khu vực Thuận An; xây dựng cầu qua sông Hương và hạ tầng một số bãi biển du lịch. Nâng cấp một số tuyến đường nội thị quan trọng tại thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, thị trấn Thuận An, thị trấn Sịa và trục chính giao thông các huyện Phong Điền, Quảng Điền và Khu đô thị Chân Mây - Lăng Cô	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Định kỳ hàng năm (giai đoạn 2021 - 2025)
3.4	Ngân sách trung ương hỗ trợ hoàn thành việc di dời các hộ dân trong khu vực 1, thuộc quần thể di tích Cố đô Huế trước năm 2022	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Năm 2020 và giai đoạn 2021 - 2025
3.5	Tập trung thực hiện có hiệu quả các nhóm giải pháp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng tớii việc thực hiện các chính sách về công cụ kinh tế, chính sách ưu đãi của Nhà nước về bảo vệ môi trường nhằm huy động các nguồn lực, phát triển các mô hình tăng trưởng kinh tế bền vững, thân thiện môi trường.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
4	**Phát triển mạnh các thành phần kinh tế để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, đặc biệt là trong các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế**				
4.1	Cải cách thủ tục hành chính triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, hoàn thiện hệ thống thông tin một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh, kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia phục vụ người dân và doanh nghiệp; ban hành chính sách thu hút đầu tư theo hướng thông thoáng, minh bạch; đổi mới cơ chế quản lý, khai thác sau đầu tư để thu hút nguồn lực đầu tư từ mọi thành phần kinh tế	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Hàng năm
4.2	Hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Có chính sách thúc đẩy để đảm bảo các hợp tác xã kiểu mới hoạt động hiệu quả, bền vững theo Luật Hợp tác xã năm 2012.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Các bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Hàng năm

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
5	**Xây dựng Thừa Thiên Huế là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch và y tế chuyên sâu; một trong những trung tâm lớn của cả nước về khoa học, công nghệ, giáo dục đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao. Tăng quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp và xã hội hóa các dịch vụ công**				
5.1	**Xây dựng Trung tâm Văn hóa, du lịch đặc sắc của cả nước**				
5.1.1	Hỗ trợ nguồn lực phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và đầu tư công để từng bước khôi phục lại cảnh quan, không gian cố đô; khôi phục toàn bộ các công trình di tích chính trong khu vực Đại Nội (Hoàng Thành) và các công trình văn hóa, khu phố cổ Gia Hội, Chi Lăng, Bao Vinh; bảo tồn phố cổ, đô thị cổ, nhà rường, nhà vườn, làng cổ Phước Tích; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, các khu vui chơi giải trí, công viên văn hóa, du lịch nghỉ dưỡng lớn và các thiết chế văn hóa đồng bộ cho thành phố di sản, văn hóa, Festival của Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, cơ quan trực thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết
5.1.2	Hình thành và phát triển công nghiệp văn hóa gắn liền với việc quảng bá thương hiệu Huế, con người Huế; xác lập được các thương hiệu sản phẩm, dịch vụ văn hóa; góp phần bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình giao lưu, hội nhập và hợp tác quốc tế	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết
5.1.3	Hoàn thành Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi quần thể di tích Cố đô Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Quý IV năm 2020

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
5.2	**Xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là Trung tâm Y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao của cả nước và khu vực Đông Nam Á. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển y tế với phát triển kinh tế du lịch.**				
5.2.1	Xây dựng Bệnh viện Trung ương Huế và phát triển Trường Đại học Y Dược Huế theo mô hình "Trường - Viện" cấp Quốc gia, đạt chuẩn các bệnh viện tiên tiến khu vực Đông Nam Á, tiến tới đạt chuẩn quốc tế về y tế; Xây dựng Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm miền Trung và tổ hợp y tế công nghệ cao phục vụ khám, chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm y tế và kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng, cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo tiêu chuẩn quốc tế. Nâng cao năng lực đội ngũ chuyên gia, cán bộ y tế có trình độ cao; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành y tế.	Bộ Y tế (đối với Bệnh viện Trung ương Huế và Trung tâm Kiểm nghiệm dược phẩm miền Trung); Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với Trường Đại học Y dược Huế)	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết
5.2.2	Hoàn thiện mạng lưới y tế trên địa bàn, nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị, dự phòng của các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện dưới sự hỗ trợ của Bệnh viện Trung ương Huế, Bệnh viện trường Đại học Y Dược Huế	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Các khóa đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết
5.2.3	Xây dựng tổ hợp y tế công nghệ cao phục vụ khám, chữa bệnh, đào tạo, nghiên cứu, sản xuất các sản phẩm y tế và kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng, cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo tiêu chuẩn quốc tế	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Bộ Y tế, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
5.3	**Xây dựng trung tâm giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao**				
5.3.1	Phát triển Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia của Việt Nam, phấn đấu nằm trong tốp 300 các trường đại học hàng đầu Châu Á. Xây dựng Trường Trung học phổ thông Chuyên Quốc học Huế trở thành điểm sáng về chất lượng giáo dục trong sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2022
5.3.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị giáo dục hiện đại, đồng bộ, xây dựng và tái cấu trúc Đại học Huế; mở rộng cơ chế hoạt động của đại học vùng và thực hiện lộ trình tự chủ đại học".	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2022 - 2025
5.3.3	Xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến, liên kết với nước ngoài; phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, cách mạng công nghiệp 4.0 với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2025
5.3.4	Thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo lộ trình.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2025
5.3.5	Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các nguồn lực phát triển giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cơ sở vật chất cho các cấp học, đảm bảo tiến độ xây dựng trường chuẩn Quốc gia theo kế hoạch và hiện đại hoá cơ sở vật chất.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
5.4	**Xây dựng Trung tâm khoa học - công nghệ**				
5.4.1	Xây dựng Trung tâm khoa học - công nghệ trên nền tảng phát triển Trung tâm Công nghệ sinh học quốc gia miền Trung đã được phê duyệt tại Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, gắn với trung tâm giáo dục - đào tạo và y tế chuyên sâu, với trang thiết bị hiện đại, đồng bộ đến năm 2025 đạt trình độ tương đương khu vực ASEAN, tạo động lực tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội; triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ cho tỉnh Thừa Thiên Huế.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2025
5.4.2	Phát triển khoa học - công nghệ theo cơ chế thị trường: ưu tiên huy động các nguồn lực để triển khai các đề án, dự án nhằm thúc đẩy quá trình thành lập và phát triển Khu Công nghệ cao; Khu Công nghệ thông tin tập trung Thừa Thiên Huế tham gia vào chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung; Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, sàn giao dịch công nghệ và thiết bị, nguồn nhân lực trong các trường đại học, viện nghiên cứu, trung tâm khoa học - công nghệ, trung tâm ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ	Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với Khu Công nghệ thông tin tập trung) và Bộ Khoa học và Công nghệ (Khu Công nghệ cao)	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
5.4.3	Xây dựng và hoàn thiện chính sách tập trung đẩy mạnh các chương trình nghiên cứu triển khai, để được các sản phẩm khoa học và công nghệ mang tầm khu vực về công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, ứng dụng công nghệ cao trong y dược và công nghệ bảo tồn, trùng tu di tích; ưu tiên hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Xác định doanh nghiệp là trung tâm của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2020 - 2025
6	**Nâng cao hiệu quả liên kết phát triển vùng, tiểu vùng; phát triển trung tâm logistic; mở rộng hợp tác và quan hệ đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội**				
6.1	Đề án nâng cao hiệu quả của Thừa Thiên Huế trong liên kết phát triển vùng nhằm phát huy các tiềm năng, lợi thế riêng có của Thừa Thiên Huế là cố đô duy nhất còn nguyên vẹn của Việt Nam và theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, đặc biệt trong liên kết phát triển du lịch di sản, du lịch dịch vụ, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học, khoa học khám chữa bệnh và giải quyết các vấn đề như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, nước biển dâng; đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển trung tâm logistics.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý I năm 2021

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
6.2	Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, các huyện miền núi theo hướng hình thành các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp, vùng sản xuất chuyên canh gắn với phát triển công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch sinh thái.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	Quý I năm 2021
6.3	Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế về văn hóa, quảng bá mạnh mẽ với cộng đồng quốc tế về hình ảnh của Việt Nam, của Huế.	Bộ Ngoại giao	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
7	**Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; củng cố vị thế là trung tâm văn hóa lớn và đặc sắc của cả nước. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân**				
7.1	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển thị trường lao động; chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng phi nông nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững; đảm bảo an sinh xã hội, nhất là cho người nghèo, người dân tộc thiểu số	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
7.2	Giữ gìn bản sắc văn hoá Huế, con người Huế gắn với bảo tồn, phát huy giá trị các di sản, văn hoá thúc đẩy các ngành du lịch, dịch vụ phát triển	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
7.3	Chú trọng đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý; xây dựng tổ chức, bộ máy đáp ứng yêu cầu hình thành các đô thị tương lai; quan tâm đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức ở khu vực nông thôn.	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành, cơ quan trực thuộc Chính phủ	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
8	**Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**				
8.1	Xây dựng kế hoạch, chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội gắn với quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Công an	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và các bộ ngành liên quan	Báo cáo Thủ tướng Chính phủ	2021 - 2025
8.2	Xây dựng các công trình phòng thủ theo quy hoạch thế trận quốc phòng toàn dân và nhiệm vụ khu vực phòng thủ phù hợp với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng an ninh của tỉnh với cả nước vừa tăng cường, củng cố quốc phòng - an ninh, vừa phục vụ sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội.	Bộ Quốc phòng	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Chính phủ	2020 - 2021
8.3	Ưu tiên củng cố, cải tạo, xây dựng các công trình quốc phòng - an ninh phòng thủ tuyến biên giới của khẩu A Đớt - Tà Vàng và Hồng Vân - Cu Tai	Bộ Quốc phòng	Các Bộ, ngành liên quan và UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	Báo cáo Chính phủ	Định kỳ báo cáo hàng năm

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 38/2021/QH15

NGHỊ QUYẾT

Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Thừa Thiên Huế về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Tỉnh Thừa Thiên Huế được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 40% số thu ngân sách Tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Thừa Thiên Huế không quá 70% số tăng thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (không bao gồm thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu), nhưng không vượt quá tổng số tăng thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu so với số thu thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu để thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng của địa phương.

3. Ngân sách tỉnh Thừa Thiên Huế được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của tỉnh Thừa Thiên Huế.

4. Tỉnh Thừa Thiên Huế được phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Phí tham quan di tích

Phí thăm quan di tích trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước (sau khi trừ chi phí được trích để lại cho đơn vị sự nghiệp công lập để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ thu phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí). Ngân sách địa phương được bố trí đầu tư tương ứng số thu phí thăm quan nộp vào ngân sách nhà nước để thực hiện đầu tư trùng tu di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn. Khoản thu này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

Điều 5. Quỹ bảo tồn di sản Huế

1. Cho phép thành lập Quỹ bảo tồn di sản Huế để bổ sung nguồn lực phục vụ công tác trùng tu, bảo tồn di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Quỹ bảo tồn di sản Huế là Quỹ Quốc gia được Chính phủ thành lập và giao cho tỉnh Thừa Thiên Huế trực tiếp quản lý.

2. Quỹ bảo tồn di sản Huế được tiếp nhận từ nguồn ngân sách nhà nước của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hỗ trợ, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác. Không sử dụng ngân sách của tỉnh Thừa Thiên Huế để hỗ trợ Quỹ. Nguồn thu của Quỹ chỉ dùng để đầu tư cho trùng tu, bảo tồn, phát triển giá trị di sản Huế và đầu tư cho các công trình, hạng mục chưa được ngân sách nhà nước đầu tư hoặc đầu tư chưa đủ.

3. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ cho Quỹ bảo tồn di sản Huế thực hiện trùng tu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản Huế.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và quy chế hoạt động của

Quỹ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2024; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2026.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Thừa Thiên Huế và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và thực hiện trong 05 năm.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2021.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ









THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



Thành phố Đà Nẵng có diện tích là 1.284,88 km2, dân số là 1.221,4 nghìn người (năm 2022), gồm 8 đơn vị hành chính, trong đó có 6 quận và 2 huyện. TP. Đà Nẵng là một trong những trung tâm kinh tế lớn của khu vực miền Trung - Tây Nguyên, tập trung hơn 1/6 số doanh nghiệp hai vùng, tạo ra gần 1/13 GRDP và hơn 1/9 tổng thu ngân sách trên địa bàn 19 tỉnh miền Trung - Tây Nguyên (số liệu năm 2020). Đà Nẵng là trung tâm lớn về thương mại - dịch vụ, viễn thông, công nghệ thông tin, giáo dục và đào tạo hàng đầu của miền Trung, các chỉ tiêu bình quân về mức sống, tiếp cận y tế, giáo dục đều ở mức cao nhất toàn Vùng, nhiều chỉ tiêu nằm trong top các địa phương dẫn đầu cả nước. GRDP bình quân đầu người của thành phố Đà Nẵng cao gấp 1,4 lần so với tỉnh xếp vị thứ 02 là Khánh Hoà và đạt khoảng 70% so với thành phố Hồ Chí Minh. Đà Nẵng cũng là điểm đến du lịch hấp dẫn trong và ngoài nước. Đà Nẵng được định hình là một nút đô thị quan trọng tại miền Trung. Với hạt nhân là cảng Tiên Sa cùng với việc phát triển cảng Liên Chiểu và các trung tâm logistics sẽ là cơ sở cho mục tiêu xây dựng Đà Nẵng thành Thành phố cảng biển gắn với phát triển các cụm công nghiệp liên tỉnh.

Mục tiêu đến năm 2030: Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hóa - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ phát triển của đất nước; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên;

Tầm nhìn đến năm 2045: Thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 43-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đà Nẵng đã có bước phát triển mạnh mẽ, trở thành một thành phố năng động, sáng tạo, khai thác tốt các tiềm năng, thế mạnh. Kinh tế tăng trưởng tương đối nhanh, tốc độ tăng giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đạt khoảng 9,8%/năm, GRDP bình quân đầu người tăng 6,6 lần so với năm 2003. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng, trong đó ngành Dịch vụ dẫn đầu về tỉ trọng và tốc độ tăng trưởng; dịch vụ thương mại, thông tin và truyền thông, vận tải, logistics, tài chính, ngân hàng, giáo dục - đào tạo, y tế đều phát triển với tốc độ cao; du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, có thương hiệu, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Ngành công nghiệp duy trì mức tăng trưởng khá, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin được chú trọng phát triển. Nông nghiệp phát triển theo hướng bền vững, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Tiềm năng, thế mạnh kinh tế biển ngày càng được phát huy.

Hạ tầng kinh tế - xã hội, diện mạo đô thị thay đổi nhanh chóng và tương đối hiện đại. Chỉ số cạnh tranh, chỉ số phát triển con người được nâng lên; duy trì được vị trí tốp đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và các chỉ số về cải cách hành chính, hiệu quả quản trị và hành chính công, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin. Xây dựng nông thôn mới đạt được nhiều kết quả tích cực, hoàn thành sớm mục tiêu đề ra. Lĩnh vực văn hoá - xã hội, giáo dục, đào tạo, y tế, công tác xoá đói, giảm nghèo đạt kết quả tốt; đời sống vật chất, tinh thần của đại bộ phận nhân dân được nâng lên. Chính trị - xã hội được duy trì ổn định; quốc phòng, an ninh được củng cố; trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đà Nẵng từng bước khẳng định vai trò là đô thị lớn, đầu tàu, động lực phát triển, trung tâm kinh tế - xã hội của miền Trung - Tây Nguyên và của cả nước.

Tổ chức bộ máy cơ quan đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị từng bước được sắp xếp lại; năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên. Các Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, khoá XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai nghiêm túc, bài bản. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính đạt nhiều kết quả tích cực. Chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được nâng cao; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị quyết trong thời gian qua còn nhiều hạn chế, yếu kém. Đà Nẵng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô kinh tế của Đà Nẵng có tăng nhưng còn nhỏ, chỉ chiếm 1,55% GDP của cả nước; tốc độ tăng trưởng có xu hướng giảm sút so với trước, năng suất lao động chưa cao. Kinh tế tập thể phát triển chậm; kinh tế tư nhân còn nhiều hạn chế; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài mới chủ yếu ở lĩnh vực du lịch, dịch vụ, chưa có nhiều dự án công nghệ cao, công nghệ nguồn. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều bất cập, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, nhất là trong quy hoạch đô thị và sử dụng đất đai. Ô nhiễm môi trường gia tăng, xử lý chưa hiệu quả. Kết cấu hạ tầng còn thiếu tính đồng bộ, kết nối; chưa phát huy và thể hiện rõ nét vai trò là đô thị trung tâm, đầu tàu, động lực dẫn dắt phát triển kinh tế - xã hội miền Trung - Tây Nguyên. Sự liên kết, hợp tác của thành phố với các địa phương trong vùng và cả nước chưa thường xuyên, thiếu chủ động, hiệu quả chưa cao. Một số dự án phát triển kinh tế - xã hội chưa gắn chặt với yêu cầu củng cố quốc phòng, an ninh; tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định; công tác xoá đói, giảm nghèo chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo cao. Công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, nhất là trong công tác cán bộ, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; chưa phát huy được vai trò của tổ chức cơ sở đảng.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết ở một số ban, bộ, ngành Trung ương và Đà Nẵng chưa được quan tâm thường xuyên, thiếu quyết liệt. Một số cơ chế, chính sách đặc thù cho Đà Nẵng chậm được ban hành; một số rào cản, vướng mắc chưa được tháo gỡ kịp thời; chậm triển khai một số công trình, dự án trọng điểm; nguồn thu ngân sách còn phụ thuộc nhiều vào đất đai. Ở một số nơi, một số khâu, chất lượng hoạt động của tổ chức đảng, hệ thống chính trị còn bất cập; công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, một số giai đoạn còn yếu kém và có khuyết điểm lớn. Chất lượng cán bộ, nhất là ở cấp cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác nghiên cứu, dự báo, tổng kết thực tiễn chưa được tiến hành thường xuyên, thiếu chủ động...

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Chiến lược và các chính sách phát triển thành phố Đà Nẵng được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung - Tây Nguyên; có sự kết nối chặt chẽ với các cực tăng trưởng, các trung tâm phát triển, các thành phố lớn trong cả nước và khu vực Đông Nam Á, Châu Á - Thái Bình Dương; dựa trên việc khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng, lợi thế, nhất là về tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng kinh tế biển, vị trí địa kinh tế và địa chiến lược quan trọng của thành phố Đà Nẵng trong vùng và cả nước.

- Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng phải trên cơ sở đổi mới căn bản mô hình phát triển kinh tế, chú trọng phát triển theo chiều sâu, kết hợp với phát triển theo chiều rộng một cách hợp lý; phát huy mạnh mẽ vai trò của các thành phần kinh tế; coi nguồn lực trong nước là nền tảng và quyết định, nguồn lực nước ngoài là quan trọng. Nhận diện và phát huy tốt các động lực tăng trưởng mới, nhất là việc xây dựng chính quyền đô thị và phát triển kinh tế tư nhân, đẩy mạnh và phát huy hiệu quả kết nối, liên kết vùng, ứng dụng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

- Phát triển thành phố Đà Nẵng theo hướng đô thị sinh thái, hiện đại, thông minh, mang tầm quốc tế và có bản sắc riêng; phát triển kinh tế nhanh và bền vững, coi việc nâng chất lượng cuộc sống của người dân đạt ở mức cao là nhiệm vụ trung tâm; tập trung phát triển 3 trụ cột chính: Du lịch, công nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển; bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo, trật tự, an toàn xã hội.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ ngang tầm nhiệm vụ; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; phát huy cao độ truyền thống văn hoá, cách mạng, tinh thần tiên phong, năng động, sáng tạo, tự lực tự cường của người Đà Nẵng. Chủ trọng làm tốt công tác tư tưởng, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, vững vàng đưa thành phố phát triển đi lên nhanh và mạnh hơn, vững chắc hơn.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

- Mục tiêu tổng quát

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi

nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hoá - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ phát triển của đất nước; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên; trở thành đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, thành phố đáng sống, có tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, chính quyền tiên phong trong đổi mới và phát triển, người dân có mức sống thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước với chất lượng cuộc sống tốt, thân thiện, hạnh phúc và sáng tạo; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

- Các chỉ tiêu cụ thể:

+ Giai đoạn 2021 - 2030: Tốc độ tăng bình quân GRDP trên 12%/năm; dịch vụ 12,5 - 13,5%/năm; công nghiệp 11,5 - 12,5%/năm; nông nghiệp 4 - 5%/năm. Các lĩnh vực công nghệ cao đóng góp hơn 10% tổng sản phẩm trên địa bàn của thành phố. Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 2% của cả nước. Thu ngân sách trên địa bàn tăng trên 15%/năm. Tổng vốn đầu tư phát triển xã hội trên địa bàn bình quân tăng trên 10%/năm. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và chỉ số cải cách hành chính xếp hạng trong top 3 của cả nước.

+ Đến năm 2030: Hoàn thành xây dựng đô thị thông minh kết nối đồng bộ với các mạng lưới đô thị thông minh trong nước và khu vực ASEAN; GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 8.700 USD; tỉ trọng tổng sản phẩm trên địa bàn của Đà Nẵng so với cả nước đạt trên 2%; cơ cấu kinh tế: Ngành dịch vụ 62 - 65%, công nghiệp và xây dựng 28 - 30%, nông nghiệp 1 - 2%; quy mô dân số đạt khoảng 1,5 triệu người; giải quyết việc làm mới hằng năm trên 3,5 vạn lao động; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%; chênh lệch giữa nhóm thu nhập cao nhất và nhóm thu nhập thấp nhất không vượt quá 5,0 lần; người dân được tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, đặc biệt an toàn trước thiên tai; bảo đảm 100% nước thải nguy hại được xử lý; độ che phủ rừng đạt khoảng 45%.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Thành phố Đà Nẵng trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Về phát triển kinh tế

- Thực hiện tốt tiến trình đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Tập trung đầu tư phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo; phát triển hiện đại hoá các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ biển, du lịch, thương mại, tài chính - ngân hàng, giáo dục - đào tạo, y tế và chăm sóc sức khoẻ chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh và kết nối cao với các trung tâm dịch vụ quốc tế trong khu vực ASEAN và thế giới. Tăng cường xúc tiến đăng cai tổ chức các sự kiện mang tầm quốc tế và khu vực, đưa Đà Nẵng trở thành thành phố sự kiện, trung tâm hội nghị quốc tế.

- Có chính sách ưu tiên nguồn lực, chú trọng phát triển 5 lĩnh vực mũi nhọn của thành phố: (1) Du lịch và dịch vụ chất lượng cao gắn với bất động sản nghỉ dưỡng; (2) Cảng biển, hàng không gắn với dịch vụ logistics; (3) Công nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng đô thị sáng tạo, khởi nghiệp; (4) Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông gắn với nền kinh tế số; (5) Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao và ngư nghiệp.

- Có chính sách phát triển thành phố Đà Nẵng trở thành một trung tâm kinh tế biển, hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ logistics tại miền Trung với vai trò trung tâm của Đà Nẵng.

- Xây dựng và phát triển khu công nghệ cao của thành phố trở thành khu đô thị sáng tạo - khoa học - công nghệ đạt đẳng cấp quốc tế, có sức cạnh tranh cao. Nghiên cứu, xây dựng Trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tầm quốc gia tại thành phố Đà Nẵng với vai trò là hạt nhân khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành Nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn; chú trọng các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị kinh tế cao phục vụ đô thị và du lịch. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, đất rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo vệ môi trường, sinh thái.

- Tập trung tháo gỡ các vướng mắc, khắc phục hậu quả liên quan đến các vi phạm về quản lý đất đai theo các kết luận của cấp có thẩm quyền, bảo đảm

quyền lợi của các tổ chức và cá nhân, nguồn thu ngân sách nhà nước. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi; chủ động thu hút có chọn lọc các dự án có vốn đầu tư nước ngoài; đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư PPP, BOT, BT; có cơ chế huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước.

- Chú trọng đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối miền Trung - Tây Nguyên, phát triển hành lang kinh tế Đông Tây, Tiểu vùng Mê Công. Kết nối hệ thống giao thông thành phố Đà Nẵng với các tỉnh lân cận, khu vực và quốc tế bằng đường bộ, đường biển, đường sắt và đường hàng không. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình, dự án động lực, trọng tâm là: Xây dựng cảng Liên Chiểu, mở rộng và chuyển đổi cảng Tiên Sa, Khu đô thị Đại học Đà Nẵng, di dời ga đường sắt và phát triển đô thị, dự án phối hợp với tỉnh Quảng Nam, mở rộng cửa khẩu Đắc Ốc thành cửa khẩu quốc tế, nâng công suất cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, hành lang kinh tế Đông Tây 2 (Quốc lộ 14D), mở rộng Quốc lộ 14B, Quốc lộ 14G, khơi thông sông Cổ Cò và hệ thống hạ tầng đường thuỷ, xây dựng Khu du lịch quốc gia Sơn Trà. Khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư, phát triển hạ tầng viễn thông, phổ cập dịch vụ, phát triển dịch vụ công ích với công nghệ hiện đại, chất lượng cao, cung cấp đa dịch vụ.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch tổng thể phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 bảo đảm tính kết nối, liên kết vùng, trong đó thành phố Đà Nẵng là đô thị hạt nhân của chuỗi các đô thị Huế - Đà Nẵng - Chu Lai Kỳ Hà - Dung Quất (Vạn Tường) - Quy Nhơn; hình thành vùng đô thị Đà Nẵng, bao gồm Chân Mây (Lăng Cô) - Đà Nẵng - Điện Bàn - Hội An - Nam Hội An; quy hoạch bán đảo Sơn Trà. Rà soát lại quy hoạch phát triển không gian đô thị; quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm miền Trung theo hướng xác lập, phát huy vai trò, vị trí trung tâm của Đà Nẵng.

- Chú trọng công tác quản lý đô thị, tổ chức không gian đô thị hiện đại, hài hoà với thiên nhiên, bảo tồn và phát triển bản sắc đặc trưng của đô thị biển - sông - núi, bảo đảm các tiêu chuẩn đô thị hiện đại. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án "Xây dựng thành phố thông minh"; Đề án "Xây dựng Đà Nẵng - Thành phố môi trường", Chương trình hành động về thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Nghiên cứu mở rộng không gian và phát triển các khu đô thị mới về hướng Tây và Tây Bắc theo hướng đô thị sinh thái, đô thị

xanh; đô thị hoá gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển khu trung tâm thành phố theo hướng mô hình đô thị nén hiện đại.

- Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng trên cơ sở khai thác và phát huy các tiềm năng, thế mạnh hạt nhân của thành phố Đà Nẵng và lợi thế vùng; tạo sự thống nhất trong liên kết, phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương miền Trung - Tây Nguyên, nhất là trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện và xúc tiến, huy động nguồn lực triển khai thực hiện kế hoạch và nội dung liên kết, nâng cao sức cạnh tranh để cùng phát triển.

2. Về phát triển văn hoá, xã hội

- Xây dựng đời sống văn hoá phong phú, bản sắc, có hệ thống thiết chế văn hoá tương xứng với trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh thực thi và nâng cao hiệu quả các chính sách xã hội trên địa bàn, nhất là các chính sách xã hội giàu tính nhân văn, như Chương trình "5 không", "3 có", "4 an"[1]; hình thành các giá trị, bản sắc riêng, phù hợp với truyền thống, văn hoá người Đà Nẵng.

- Triển khai đồng bộ các chính sách bảo trợ, an sinh xã hội, bảo đảm 100% các đối tượng yếu thế được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; quan tâm vấn đề dân cư, dân số với quy mô, kết cấu phù hợp; quy hoạch lại mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội. Kiện toàn, nâng cao chất lượng hệ thống y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân trên địa bàn.

- Có cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực. Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng các yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn của thành phố. Rà soát, hoàn thiện chính sách nhập cư bảo đảm hài hoà, nhân văn, hỗ trợ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học đạt chuẩn quốc tế; thực hiện liên thông, minh bạch về thị trường lao động.

- Ưu tiên nguồn lực cho phát triển khoa học - công nghệ đạt trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực; chú trọng xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tập trung đầu tư phát triển một số ngành công nghệ cao như: Công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, vật liệu mới, tự động hoá; ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Phát triển thị trường khoa học - công nghệ theo hướng hội nhập.

---

[1] **5 không:** Không có hộ đặc biệt nghèo, không có học sinh bỏ học, không có người lang thang xin ăn, không có giết người để cướp của, không có người nghiện ma túy trong cộng đồng; **3 có:** Có nhà ở, có việc làm, có nếp sống văn hóa, văn minh đô thị; **4 an:** An ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm, an sinh xã hội.

3. Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng khu vực phòng thủ cơ bản, liên hoàn, vững chắc trên địa bàn; bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, biển, đảo, chú trọng vai trò của Đà Nẵng đối với Biển Đông; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, giữ vững ổn định chính trị và bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao tinh thần yêu nước, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; thực hiện tốt nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh của Đà Nẵng đối với khu vực miền Trung và cả nước.

4. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

- Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Quyết liệt thực hiện nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức và năng lực công tác tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Tập trung làm tốt công tác tư tưởng, xây dựng đoàn kết nội bộ, phát huy dân chủ, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo, chỉ đạo. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật trong Đảng gắn liền với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khoá XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

- Phát huy cao độ sự đồng thuận của xã hội. Đối với một số mặt nổi cộm, cần tìm mọi cách khắc phục hiệu quả; kịp thời ngăn ngừa, vô hiệu hoá các phần tử xấu, phản động lợi dụng chống phá; chủ động phát hiện các vấn đề từ xa, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

- Thực hiện quyết liệt việc sắp xếp tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, công vụ; xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường thực hiện cơ chế một cửa liên thông, kết nối điện tử trong giải quyết các thủ tục hành chính.

5. Về cơ chế, chính sách đặc thù

- Bộ Chính trị đồng ý chủ trương cần có cơ chế, chính sách đặc thù để xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng, tạo động lực cho phát triển khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Các cơ chế, chính sách đặc thù cần được nghiên cứu thấu đáo, cụ thể, bảo đảm tính tương quan, tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước; những việc đã rõ, được thực tế chứng minh là hiệu quả thì làm ngay, việc gì mới, phức tạp nhưng cấp thiết thì nghiên cứu thực hiện thí điểm.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm địa phương, người đứng đầu trên một số lĩnh vực quản lý về quy hoạch, đất đai, đô thị, đầu tư, tài chính - ngân sách, tổ chức, nhân sự và tiền lương...; nghiên cứu cơ chế điều tiết hợp lý giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương; có cơ chế đặc thù để thu hút các nhà đầu tư chiến lược.

- Đồng ý chủ trương thực hiện thí điểm xây dựng mô hình cơ quan quản lý càng thống nhất tại Đà Nẵng theo hướng tiên tiến, hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế; xây dựng và thực hiện Đề án thí điểm mô hình chính quyền đô thị phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố và quy định của pháp luật.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng các văn bản pháp luật có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước, việc cho phép thành phố Đà Nẵng thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, cơ quan liên quan xem xét, xử lý các kiến nghị, đề xuất của thành phố Đà Nẵng; ban hành cơ chế, chính sách đặc thù cụ thể cho thành phố Đà Nẵng theo thẩm quyền. Kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình khắc phục những vi phạm theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền, nhất là trên lĩnh vực đất đai.

3. Đảng bộ và nhân dân thành phố Đà Nẵng chủ động trong triển khai thực hiện Nghị quyết; phát huy cao độ sự đồng thuận của xã hội, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm đưa Nghị quyết đi ngay vào cuộc sống. Thành uỷ Đà Nẵng chỉ đạo chuẩn bị đề án kiến

nghị về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù để trình Chính phủ, Quốc hội theo quy định của pháp luật.

4. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên quan tâm, phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thành phố Đà Nẵng phát triển theo tinh thần Nghị quyết này.

5. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trong cả nước, nhất là các tỉnh uỷ, thành uỷ khu vực miền Trung - Tây Nguyên cần tích cực xây dựng và củng cố mối quan hệ liên kết, hợp tác với thành phố Đà Nẵng, tạo không gian kinh tế thống nhất để thúc đẩy phát triển Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên.

6. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Nghị quyết số: 119/2020/QH14	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT
Về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng

1. Tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng như sau:

a) Chính quyền địa phương ở thành phố Đà Nẵng là cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Chính quyền địa phương ở các quận thuộc thành phố Đà Nẵng là Ủy ban nhân dân quận.

Ủy ban nhân dân quận là cơ quan hành chính nhà nước ở quận, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Chính quyền địa phương ở các phường thuộc quận tại thành phố Đà Nẵng là Ủy ban nhân dân phường.

Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước ở phường, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận;

d) Việc tổ chức chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính khác của thành phố Đà Nẵng được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Việc thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Đà Nẵng được thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 cho đến khi Quốc hội quyết định chấm dứt việc thực hiện thí điểm.

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng

1. Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi là Hội đồng nhân dân thành phố) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, trong đó bao gồm dự toán ngân sách của chính quyền địa phương cấp dưới; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

b) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của thành phố, trong đó bao gồm kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của quận và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của phường;

c) Thông qua chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính quận, phường;

d) Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ở quận, phường; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, phường, Tòa án nhân dân quận, Viện kiểm sát nhân dân quận;

đ) Lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận. Người được lấy phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố đánh giá tín nhiệm thấp thì có thể xin từ chức. Trường hợp có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Hội đồng nhân dân thành phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Thời hạn, thời điểm, trình tự lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận được thực hiện theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân và nghị quyết của Quốc hội;

e) Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố có quyền chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chánh án Tòa án nhân dân quận, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận. Hội đồng nhân dân thành phố xem xét việc trả lời chất vấn của người bị chất vấn;

g) Bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân quận theo giới thiệu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố; miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân quận theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

2. Số lượng đại biểu, cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân thành phố được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố có không quá 02 Phó Trưởng ban là đại biểu Hội đồng

nhân dân hoạt động chuyên trách; Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Điều 3. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân thành phố) thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định các nội dung quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, quyết định giao và điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các quận, phường trực thuộc, quyết định chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách địa phương, bao gồm ngân sách quận, phường;

b) Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công thuộc quận, phường quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công;

c) Căn cứ vào quy định của Chính phủ và tình hình thực tiễn của công tác quản lý đô thị, quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;

d) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các quận trực thuộc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đảo;

b) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân quận

1. Ủy ban nhân dân quận gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và công chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận. Ủy ban nhân dân quận loại I có không quá 03 Phó Chủ tịch; quận loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân quận.

2. Ủy ban nhân dân quận làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận là người đứng đầu Ủy ban nhân dân quận, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; tuyển dụng, quản lý công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; ký các văn bản của Ủy ban nhân dân quận.

4. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân quận.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước với Ủy ban nhân dân thành phố; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền mà Luật Đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp huyện; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công và các quy hoạch trên địa bàn quận theo phân cấp quản lý.

3. Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận.

4. Chịu trách nhiệm về hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ quận đến cơ sở, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt của nền hành chính; thực hiện công tác cải cách hành chính và cải cách công vụ, công chức trong hệ thống hành chính nhà nước ở địa phương.

5. Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

6. Thực hiện nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học,

công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp, các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, quản lý dân cư và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền.

8. Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân phường, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận theo quy định của pháp luật.

9. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để quy định những vấn đề được luật, nghị quyết của Quốc hội giao và thực hiện phân cấp theo quy định tại khoản 8 Điều này. Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân phường gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và công chức khác của phường. Ủy ban nhân dân phường loại I và loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch; phường loại III có 01 Phó Chủ tịch.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân phường.

2. Ủy ban nhân dân phường làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; trực tiếp quản lý, sử dụng công chức theo quy định của Chính phủ và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận; ký các văn bản của Ủy ban nhân dân phường.

4. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân phường.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân phường có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân quận theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước với Ủy ban nhân dân quận để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền mà Luật Đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp xã; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý;

c) Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp thành lập Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền;

e) Thực hiện nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên tại địa bàn phường và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật, trừ quy định tại khoản 2 Điều 36 và Điều 63 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Ủy ban nhân dân phường không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Điều 8. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị

Trên cơ sở đồ án quy hoạch đô thị thành phố Đà Nẵng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị thành phố Đà Nẵng theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Điều 9. Quản lý tài chính - ngân sách nhà nước

1. Năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách, Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định tỷ lệ điều tiết phù hợp cho ngân sách thành phố Đà Nẵng để bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Thành phố Đà Nẵng thực hiện cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách thành phố Đà Nẵng bảo đảm đủ nguồn cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách thành phố để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố.

3. Hội đồng nhân dân thành phố quyết định áp dụng trên địa bàn thành phố:

a) Phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí;

b) Điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án.

4. Ngân sách thành phố Đà Nẵng được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách thu quy định tại khoản 3 Điều này để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố và không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách thành phố Đà Nẵng.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Ban hành các quy định để thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định tại Nghị quyết này và hướng dẫn của Chính phủ; thực hiện phân cấp, ủy quyền cụ thể cho chính quyền địa phương ở quận, phường phù hợp với tổ chức quản lý đô thị và khả năng thực tiễn của từng địa phương;

c) Thực hiện sắp xếp các cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức quận, phường theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức dôi dư theo quy định của pháp luật;

d) Sơ kết, tổng kết việc thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và cơ chế, chính sách đặc thù quy định tại Nghị quyết này, báo cáo Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với chính quyền địa phương ở thành phố Đà Nẵng cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho thành phố;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng quy định tại Nghị quyết này; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình khắc phục những vi phạm theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền, nhất là trong lĩnh vực đất đai;

c) Quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường, chế độ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, tạm đình chỉ công tác Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đảo, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; quy định việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức phường; trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận; hướng dẫn việc xử lý kiến nghị của Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả lấy phiếu tín nhiệm đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận;

d) Quy định cụ thể việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác tại quận, phường thực hiện thí điểm;

đ) Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền những vấn đề chưa phù hợp hoặc phát sinh trong quá trình thực hiện thí điểm;

e) Chậm nhất là quý IV năm 2023, Chính phủ có báo cáo sơ kết việc thực hiện thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù tại thành phố Đà Nẵng trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

Điều 12. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, phường nhiệm kỳ 2016 - 2021 kết thúc nhiệm vụ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

2. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp chưa bổ nhiệm được Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường thì Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường nhiệm kỳ 2016 - 2021

tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Nghị quyết này cho đến khi Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường mới được bổ nhiệm.

Văn bản của chính quyền địa phương ở quận, phường được ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021, nếu chưa được cơ quan có thẩm quyền thay thế hoặc bãi bỏ thì vẫn được áp dụng.

3. Các quận, phường tại thành phố Đà Nẵng được thành lập kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được áp dụng mô hình chính quyền đô thị theo quy định tại Nghị quyết này. Việc chuyển tiếp hoạt động của chính quyền địa phương tại các đơn vị hành chính này thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2020.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Nguyễn Thị Kim Ngân











TỈNH KHÁNH HÒA

Khánh Hòa có diện tích tự nhiên 5.199,6 km2, bờ biển dài nhất Việt Nam với hơn 385 km; có thềm lục địa và vùng lãnh hải rộng lớn với gần 200 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó huyện đảo Trường Sa có vị trí chiến lược quan trọng cả về quốc phòng và kinh tế - xã hội; có 03 vịnh lớn được đánh giá là những vịnh đẹp của thế giới là Vịnh Nha Trang, Vịnh Vân Phong, Vịnh Cam Ranh; có khí hậu ôn hòa; có hệ thống cảng biển, cơ sở hạ tầng giao thông kết nối thuận tiện trên các trục giao thông đường bộ quan trọng của cả nước; có các cảng biển lớn; có sân bay quốc tế Cam Ranh, là cửa ngõ giao thương quốc tế cho cả khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, lịch sử văn hóa đã tạo cho Khánh Hòa địa quân sự khá đặc biệt về quốc phòng và an ninh; là địa phương có tiềm năng rất lớn để phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, dịch vụ logistics, công nghiệp năng lượng; dịch vụ - du lịch và kinh tế biển, tạo động lực cho sự phát triển của khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và cả nước.

Mục tiêu đến năm 2030: Khánh Hoà là thành phố trực thuộc Trung ương, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khoẻ chất lượng cao.

Tầm nhìn đến năm 2045: Khánh Hoà là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 09-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau gần 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW, ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị khoá XI về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hoà đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Khánh Hoà đã khai thác và phát huy tương đối tốt các tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về biển cho phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tăng trưởng khá, giai đoạn 2012 - 2019 đạt mức bình quân hơn 7,32%/năm. Năm 2019, quy mô nền kinh tế tăng 1,76 lần so với năm 2011; tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt mức 70,07 triệu đồng, tăng 2,3 lần so với năm 2011; thu ngân sách tăng nhanh, bảo đảm tự cân đối ngân sách địa phương và có điều tiết về Trung ương. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông được chú trọng đầu tư, nâng cấp. Hệ thống đô thị ven biển được hình thành tương đối hiện đại. Khu kinh tế Vân Phong từng bước tác động tích cực đến phát triển kinh tế của tỉnh và vùng. Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khánh Hoà là trung tâm du lịch biển quốc gia, có thương hiệu quốc tế; từng bước trở thành một cực tăng trưởng trong khu vực.

Phát triển văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, công tác dân tộc, tôn giáo, an sinh xã hội, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ người dân đạt được nhiều tiến bộ. Tỉ lệ hộ nghèo đạt mức thấp; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu đạt được nhiều kết quả tích cực. Phát triển kinh tế - xã hội được kết hợp chặt chẽ với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được quan tâm; hoạt động của bộ máy hành chính được đổi mới theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, tiềm năng, lợi thế của tỉnh chưa được khai thác hợp lý, phát huy hiệu quả, chưa tạo ra sự đột phá cho phát triển. Khánh Hoà chưa đạt được các tiêu chí để trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; chưa thực sự trở thành đô thị hạt nhân, động lực phát triển, cửa ngõ chính ra Biển Đông của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Khu kinh tế Vân Phong phát triển chưa tương

xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô kinh tế còn khá nhỏ, sức chống chịu không cao. Du lịch phát triển chưa bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông chưa đồng bộ. Phát triển và quản lý đô thị còn nhiều bất cập. Kết quả hợp tác, liên kết với các địa phương khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn hạn chế.

Phát triển văn hoá - xã hội còn một số bất cập; chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu; thu nhập bình quân đầu người thấp, chênh lệch phát triển trong nội tỉnh còn cao; nguy cơ tái nghèo cao, nhất là tại những huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Một số chỉ số về bảo vệ môi trường ở mức thấp; ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động. An ninh tuyến biển và một số địa bàn trọng điểm còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, ở một số giai đoạn còn yếu kém và khuyết điểm lớn.

Hạn chế, yếu kém nêu trên là do: Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 53-KL/TW của một số bộ, ngành Trung ương và tỉnh Khánh Hoà chưa được quan tâm thường xuyên, còn thiếu chủ động, chưa sáng tạo, quyết liệt. Thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù, nhất là về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý phù hợp để tạo ra động lực mới cho phát triển. Chất lượng quy hoạch chưa cao, thiếu sự liên kết, đồng bộ, thống nhất, thậm chí xung đột, mâu thuẫn, chồng chéo giữa các quy hoạch; thiếu kết nối chiến lược - quy hoạch - kế hoạch - đầu tư. Định hướng phát triển đô thị chưa rõ nét và thiếu giải pháp tổng thể để hiện thực hoá mục tiêu xây dựng tỉnh Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông còn thấp, cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, dàn trải, hiệu quả sử dụng chưa cao. Các nguồn lực, nhất là nguồn lực đất đai chưa được quản lý và sử dụng hiệu quả. Chưa có giải pháp mang tính đột phá để thu hút các nhà đầu tư chiến lược; chưa huy động hiệu quả nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư vào tỉnh. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức; trách nhiệm nêu gương của một số cán bộ chủ chốt còn hạn chế.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ là nhiệm vụ chính trị quan trọng, có ý nghĩa nhiều mặt của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Khánh Hoà và cả nước.

- Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hoà phải trên cơ sở bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhất là về phát triển bền vững kinh tế biển; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ. Khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế cho phát triển với kinh tế biển là nền tảng; công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, dịch vụ logistics, công nghiệp năng lượng, kinh tế số là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển đột phá vùng ven biển; phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và miền núi.

- Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hoà phải dựa trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên biển; bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá, di sản truyền thống, lịch sử; phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội trên biển của cả nước; là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

- Đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Khánh Hoà là thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế về biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khoẻ chất lượng cao; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hoà và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể

3.1. Giai đoạn 2021 - 2025

- Tăng trưởng GRDP đạt mức 7,1%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 6,1%/năm. Phấn đấu thu ngân sách hằng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 354 nghìn tỉ đồng. Tỉ lệ nghèo đa chiều giảm từ 1 - 1,5%/năm.

- Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt 104 triệu đồng/người. Tỉ lệ đô thị hoá đạt 65%. Có 81,5% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10,9% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỉ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 77,97%; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%. Tỉ lệ che phủ rừng đạt 46,5%; tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 70%; tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 90% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 80%.

3.2. Giai đoạn 2026 - 2030

- Tăng trưởng GRDP đạt mức 8,8%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 7,8%/năm. Phấn đấu thu ngân sách hằng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao, từng bước tăng dần tỉ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 664 nghìn tỉ đồng.

- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 189 triệu đồng/người. Tỉ lệ đô thị hoá đạt 70%. Tỉ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 81,91%. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%. Tỉ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 46,5%; tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 100%; tỉ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 100% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 90%.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Khánh Hoà là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; là thành phố đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hoà và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; là một trong những địa phương đi đầu trong bảo vệ môi trường và việc thực hiện phát thải khí nhà kính về mức không.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy trong xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hoà trở thành đô thị trực thuộc Trung ương

- Tập trung quán triệt, tuyên truyền, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hoà trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc. Đổi mới tư duy phát triển, coi việc xây dựng Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương là mục tiêu, động lực và giải pháp đối với phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên và cả nước.

- Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Khánh Hoà vì mục tiêu xây dựng Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; là thành phố đáng sống của cả nước, khu vực và thế giới.

2. Xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch tỉnh Khánh Hoà thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Quy hoạch tỉnh Khánh Hoà phải có tầm nhìn dài hạn, bảo đảm hiệu quả tổng thể, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch khu vực Nam Trung Bộ; có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại, giữa thành thị và nông thôn; bảo tồn và phát huy bản sắc đô thị biển - đảo - sông - núi; giữ gìn bản sắc cộng đồng thân thiện, hiền hoà, thuần hậu; quy hoạch đô thị theo hướng thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Điều chỉnh không gian đô thị hợp lý, gắn với phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, miền, địa phương. Trong đó, thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch - logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hoà là đô thị công nghiệp, huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hoá truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng; huyện Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

- Phát triển các vùng kinh tế - xã hội theo hướng: (1) Phát triển đột phá 3 vùng trọng điểm là Khu vực vịnh Vân Phong, thành phố Nha Trang, khu vực vịnh Cam Ranh. (2) Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng, có vai trò hỗ trợ các vùng trọng điểm. (3) Phát triển nhanh và bền vững vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với phát huy bản sắc văn hoá, giá trị tài nguyên bản địa, có vai trò bảo đảm an ninh môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, đại đoàn kết các dân tộc.

3. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của tỉnh trên nền tảng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, theo hướng đa dạng hoá, gia tăng giá trị và hiệu quả; kinh tế xanh, tuần hoàn

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ mới, nhất là những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số;

phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh gắn với cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng đa dạng hoá, gia tăng giá trị và hiệu quả; phát triển theo hướng kinh tế xanh, tuần hoàn.

- Tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, công nghiệp năng lượng thân thiện môi trường gắn với việc khai thác hợp lý, hiệu quả tiềm năng về tài nguyên, khoáng sản biển; ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, theo hướng tăng cường liên kết theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới; ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ logistics theo hướng đa dạng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao; đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch.

- Phát triển mạnh kinh tế biển theo hướng: (1) Dịch vụ, du lịch biển chất lượng cao. (2) Khu công nghiệp, khu kinh tế gắn với phát triển các khu đô thị ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. (3) Nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, nhất là nuôi biển công nghệ cao, thân thiện với môi trường. (4) Dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng biển, vận tải biển - hàng không. (5) Kinh tế biển - đảo. (6) Thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương.

4. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại; hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; làm cơ sở để Khánh Hoà phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ chính ra Biển Đông, có vai trò trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước và quốc tế

- Phấn đấu hoàn thành và đưa vào khai thác: (1) Dự án Hầm Đèo Cả. (2) Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông qua địa bàn tỉnh Khánh Hoà gồm các đoạn: Vân Phong - Nha Trang; Nha Trang - Cam Lâm, Cam Lâm - Vĩnh Hảo. (3) Tuyến cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột (CT.24). Nâng cấp, duy tu, bảo trì 5 tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu chuyển đổi tuyến QL.1C thành đường địa phương. Đầu tư đường bộ ven biển từ Bãi Chùa đến ranh giới tỉnh Ninh Thuận; đường sắt tốc độ cao đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang; đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh. Phát triển hệ thống cảng khách thuỷ nội địa. Phát triển cảng biển loại I là cảng biển có quy mô lớn, như: Khu bến Bắc Vân Phong, Khu bến Nam Vân Phong, Khu bến Nha Trang, Khu bến Cam Ranh, Bến cảng huyện đảo Trường Sa. Đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong.

- Ưu tiên bố trí phù hợp các nguồn lực từ ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thúc đẩy thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn, trong đó có các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Chính phủ nghiên cứu giao cho tỉnh Khánh Hoà thẩm quyền triển khai một số dự án hạ tầng giao thông và hạ tầng khác bảo đảm chất lượng, tiến độ theo quy định.

- Nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước và xử lý nước thải tập trung quy mô lớn; đầu tư và nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư mới, cải tạo các công trình thuỷ lợi đầu mối, phát triển thuỷ sản như hồ chứa nước và hệ thống dẫn nước Sông Chò 1, hồ chứa nước Sông Cạn, hồ chứa nước Sông Búng, dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng cá động lực thuộc trung tâm nghề cá lớn, Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng cá huyện đảo Trường Sa.

5. Tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh trong khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước và quốc tế

- Đẩy mạnh liên kết phát triển khu vực Bắc Khánh Hoà - Nam Phú Yên và Đắk Lắk - Khánh Hoà, gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây. Lấy thành phố Nha Trang, Khu Kinh tế Vân Phong, thành phố Cam Ranh, Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và các trường đại học, viện nghiên cứu có thế mạnh về kinh tế biển, y tế dự phòng, du lịch làm nền tảng để phối hợp, gắn kết với các địa phương trong và ngoài vùng, nhất là trong xúc tiến đầu tư và thương mại, kết nối du lịch, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, huy động và phân bổ nguồn lực; đầu tư kết cấu hạ tầng, hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khoẻ.

- Tích cực, chủ động mở rộng, nâng tầm quan hệ của tỉnh với các địa phương nước ngoài, các tập đoàn kinh tế, tổ chức tài chính quốc tế nhằm phát huy tối đa nội lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

6. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp

- Xây dựng và phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến; tập trung nâng cao thứ hạng các chỉ số quản trị phát triển địa phương; đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư; khuyến khích xã hội hoá các lĩnh vực văn hoá, xã hội.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, phát triển Khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ; Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế, góp phần đưa Khánh Hoà sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; thực hiện tốt chủ trương kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo, nhất là đối với huyện đảo Trường Sa và khu vực ảnh hưởng của khu căn cứ quân sự Cam Ranh.

- Sớm có chủ trương, cơ chế giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án ngoài ngân sách sau thanh tra, kiểm tra nhằm giải phóng nguồn lực xã hội, bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Tập trung phát triển nguồn lực con người và khoa học - công nghệ, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao năng lực chăm sóc sức khoẻ nhân dân; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo

- Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề; củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học đạt chuẩn khu vực và quốc tế; phát triển các khu công nghệ cao; đầu tư kết cấu hạ tầng trung tâm ứng dụng khoa học và công nghệ, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, vườn ươm công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực các cơ sở nghiên cứu về thuỷ sản, hải dương học. Thành lập trung tâm công nghệ phần mềm, trung tâm đào tạo nhân lực công nghệ thông tin.

- Phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở và mạng lưới khám, chữa bệnh bao phủ rộng khắp, có chất lượng; đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu về y học cổ truyền, vật lý trị liệu. Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hoà trở thành bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ; hoàn thành và đưa vào hoạt động các Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Đa khoa Nha Trang, Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Khánh Hoà.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, du lịch, khoa học và công nghệ, y tế và chăm sóc sức khoẻ nhân dân; tạo nền tảng để Khánh Hoà trở thành trung tâm của khu vực và cả nước về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khoẻ chất lượng cao.

- Xây dựng và phát triển toàn diện con người Khánh Hoà đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di tích lịch sử trọng điểm của tỉnh. Tăng cường đầu tư các thiết chế văn hoá, thể dục, thể thao gắn với quy hoạch trở thành đô thị trực thuộc Trung ương. Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về lao động việc làm, an sinh xã hội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hỗ trợ người yếu thế trong xã hội; triển khai đầy đủ các chính sách trợ giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo đảm thoát nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; thực hiện tốt bình đẳng giới. Chú trọng thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, tạo sự đồng thuận giữa chính quyền với tổ chức, chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc.

8. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Lồng ghép chính sách về bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính trong các dự án phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài để thực hiện mục tiêu trở thành địa phương đi đầu trong việc đưa phát thải khí nhà kính về mức không.

- Thực hiện đánh giá tác động biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với các dự án đầu tư quan trọng, nhất là các dự án vùng ven biển, cửa sông; khu vực đồi núi có nguy cơ sạt lở, lũ, lụt và thiên tai. Ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin trong dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

9. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biển, đảo quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

- Nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng - an ninh phải được thể hiện xuyên suốt trong từng chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội; bố trí lồng ghép các nguồn lực bảo đảm đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Ưu tiên xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh tuyến biển, đảo. Tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ dân sự, du lịch biển, đảo, phát triển ngư nghiệp để xây dựng huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội trên biển của cả nước; khu vực phòng thủ vững chắc, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Chủ động nắm chắc và xử lý tốt các vụ việc về an ninh, trật tự ngay từ khi mới phát sinh, không để xảy ra tình hình phức tạp, không để bị động, bất ngờ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác đấu tranh và phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, ma tuý, tội phạm về môi trường, "tín dụng đen"...

10. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Xây dựng Đảng bộ tỉnh đoàn kết, trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; trọng tâm là ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", gắn với đẩy mạnh thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các nghị quyết, kết luận của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

- Xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, chính quyền cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất,

năng lực và uy tín; siết chặt kỷ cương, kỷ luật, đồng thời khuyến khích bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo vì sự phát triển chung của tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Đổi mới mạnh mẽ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng và hệ thống chính trị tỉnh Khánh Hoà triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ sự đồng thuận của xã hội, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm sớm đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: (1) Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. (2) Xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, trong đó có tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư… và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hoà, bảo đảm tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hoà trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trình Quốc hội khoá XV thông qua.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên quan tâm, phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh Khánh Hoà phát triển theo tinh thần Nghị quyết.

4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trong cả nước, nhất là các tỉnh uỷ, thành uỷ trong khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên cần tích cực xây dựng và củng cố mối quan hệ liên kết, hợp tác với tỉnh Khánh Hoà để thúc đẩy cùng phát triển.

5. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 42/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương, các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Uỷ ban giám sát tài chính quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: Văn thư, QHĐP(3)Đ.Minh 110

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ)

Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi là Nghị quyết số 09-NQ/TW) đã đề ra mục tiêu:

- Đến năm 2030, Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

- Tầm nhìn đến năm 2045, Khánh Hòa là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; là thành phố đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hoà và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; là một trong những địa phương đi đầu trong bảo vệ môi trường và việc thực hiện phát thải khí nhà kính về mức không.

Căn cứ quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Nghị quyết số 09-NQ/TW, Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc ban hành Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW phải được xây dựng trên cơ sở bám sát quan điểm, mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW nhằm xây dựng và phát triển Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ

quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ.

2. Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TW; xác định rõ các nhiệm vụ chủ yếu, các giải pháp cụ thể và thiết thực gắn với kế hoạch tổ chức theo lộ trình phù hợp nhằm đạt được các mục tiêu của Nghị quyết.

3. Chương trình hành động nhằm thể hiện được vai trò kiến tạo, lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Khánh Hòa, đồng thời xác định rõ vai trò, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng, mở rộng hợp tác quốc tế, đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh với nhiệm vụ củng cố quốc phòng an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, giữ vững chủ quyền quốc gia.

4. Phấn đấu đạt các chỉ tiêu cụ thể đã đề ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TW:

a) Giai đoạn 2021-2025:

- Tăng trưởng GRDP đạt mức 7,1%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 6,1%/năm. Phấn đấu thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 354 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ 1 -1,5%/năm.

- Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt 104 triệu đồng/người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65%. Có 81,5% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 40,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 10,9% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 77,97%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 46,5%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 70%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 90% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 80%.

b) Giai đoạn 2026-2030:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP đạt mức 8,8%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 7,8%/năm. Phấn đấu thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao, từng bước tăng dần tỷ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 664 nghìn tỷ đồng.

- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 189 triệu đồng/người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 70%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 81,91%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 46,5%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

là 100% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 90%.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể nêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cần chủ động xây dựng kế hoạch hành động triển khai 10 nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 09-NQ/TW, trong đó tập trung các nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của xã hội trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa triển khai ngay công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết trong toàn thể đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý để tạo chuyển biến về nhận thức và đẩy mạnh quyết tâm của các cấp, các ngành về nhiệm vụ xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, trọng tâm, có ý nghĩa về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh không chỉ là của riêng Khánh Hòa mà còn của vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước.

- Các bộ, cơ quan liên quan và tỉnh Khánh Hòa chủ động phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và áp dụng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thách thức, cũng như yếu tố tiềm năng, lợi thế, vị thế mới của tỉnh để tiếp tục tạo sự bứt phá của tỉnh Khánh Hòa trong những năm tới.

2. Chú trọng việc xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch tỉnh; hoàn thiện công tác xây dựng thể chế, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách phù hợp với các nội dung tại Nghị quyết số 09-NQ/TW.

- Lập quy hoạch tỉnh Khánh Hoà thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với tầm nhìn dài hạn, bảo đảm hiệu quả, phù hợp, thống nhất với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch không gian biển quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung; có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại, giữa thành thị và nông thôn; bảo tồn và phát huy bản sắc đô thị biển - đảo - sông - núi; giữ gìn bản sắc cộng đồng thân thiện, hiền hoà; quy hoạch đô thị theo hướng thông minh, bền vững mang bản sắc riêng và kết nối với các trung tâm du lịch trên thế giới, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Lập mới và điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phù hợp với Nghị quyết số 09-NQ/TW nhằm điều chỉnh không gian đô thị hợp lý, gắn với phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, miền, địa phương. Trong đó, thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch - logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hoà là đô thị công nghiệp, huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hoá truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng; huyện Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

- Phát triển các vùng kinh tế - xã hội trong tỉnh theo hướng tập trung: (1) Phát triển đột phá 3 vùng trọng điểm là khu vực vịnh Vân Phong, thành phố Nha Trang, khu vực vịnh Cam Ranh; (2) Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng, có vai trò hỗ trợ các vùng trọng điểm; (3) Phát triển nhanh và bền vững vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với phát huy bản sắc văn hoá, giá trị tài nguyên bản địa, có vai trò bảo đảm an ninh môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, đại đoàn kết các dân tộc.

- Tổ chức các đơn vị hành chính đô thị cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2021-2030 để đáp ứng tiêu chí và điều kiện thành lập thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

3. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của Tỉnh trên nền tảng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, theo hướng đa dạng hóa, gia tăng giá trị và hiệu quả; kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

- Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động, nâng cao sức cạnh tranh của các ngành có thế mạnh, tiềm năng, trong đó lựa chọn khoa học và công nghệ hiện đại là động lực tăng trưởng và dẫn dắt quá trình tái cơ cấu kinh tế, phát triển theo hướng kinh tế xanh, tuần hoàn. Đẩy mạnh chuyển đổi số, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế cho phát triển với kinh tế biển là nền tảng; công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, dịch vụ logistics, công nghiệp năng lượng, kinh tế số là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp theo hướng bền vững và là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế để trở thành trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao. Phát triển ngành công nghiệp hài hòa cả về chiều rộng và chiều sâu, từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu; mở rộng quy mô sản xuất các ngành công nghiệp có thế mạnh của Tỉnh tạo nền tảng để Khánh Hòa là một cực tăng trưởng của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, công nghiệp năng lượng thân thiện môi trường gắn với việc khai thác hợp lý, hiệu quả tiềm năng về tài nguyên, khoáng sản biển. Nâng cao hiệu quả phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp,

nhất là Khu kinh tế Vân Phong. Phân bố không gian công nghiệp hợp lý, đảm bảo hài hòa phát triển công nghiệp và du lịch.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng tập trung quy mô lớn, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, công nghệ số gắn với chế biến, tiêu thụ theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh và chủ động hội nhập quốc tế. Cơ cấu lại nông, lâm nghiệp, khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản gắn với công nghiệp chế biến, bảo đảm bền vững và hiệu quả cao. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và lưu thông lương thực, thực phẩm. Hoàn thiện, triển khai cơ chế, chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển ngành dịch vụ theo hướng đa dạng, có hàm lượng trí thức và công nghệ cao, trong đó chú trọng phát triển du lịch, dịch vụ logistics, kinh tế số theo hướng đổi mới sáng tạo và số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh. Hình thành các trung tâm thương mại tầm cỡ quốc gia, quốc tế; các tuyến phố thương mại, tài chính, du lịch. Đầu tư, xây dựng hệ thống kho vận, hệ thống logistics; đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh; phát triển cảng hành khách, cảng hàng hóa quy mô lớn tại Vân Phong,...

- Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, gồm: du lịch biển, đảo, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng chăm sóc sức khỏe và du lịch di sản văn hóa gắn với bảo vệ môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa; phát triển các ngành, nghề phụ trợ và liên kết các tuyến du lịch liên vùng. Phát triển Nha Trang thành đô thị du lịch; Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh là khu du lịch quốc gia; khu vực Bắc Vân Phong là đô thị du lịch biển đẳng cấp quốc tế, liên kết khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước. Đưa thương hiệu du lịch Nha Trang – Khánh Hòa trở thành điểm đến hàng đầu trên bản đồ du lịch Đông Nam Á.

- Xác định các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, nhiệm vụ thường xuyên, xây dựng lộ trình thực hiện nhằm phát triển bền vững kinh tế biển theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tập trung phát triển mạnh kinh tế biển kết hợp đảm bảo quốc phòng – an ninh, nhất là đánh bắt và nuôi trồng hải sản xa bờ; đầu tư phát triển các cảng biển, dịch vụ cảng biển, hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học – kỹ thuật, công nghệ số trong đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân trong quá trình khai thác thủy sản trên các vùng biển. Triển khai có hiệu quả các giải pháp nhằm chống khai thác hải sản bất hợp pháp, góp phần gỡ bỏ "thẻ vàng" của Ủy ban Châu Âu đối với ngành thủy sản Việt Nam.

- Nâng cao hiệu quả khai thác tài nguyên biển và kiểm soát tài nguyên biển; phát triển toàn diện kinh tế biển, đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm theo hướng: (i) Dịch vụ, du lịch biển chất lượng cao; (ii) Khu công nghiệp, khu kinh tế biển

gắn với phát triển các khu đô thị ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới; (iii) Nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, nhất là nuôi biển công nghệ cao, thân thiện với môi trường; (iv) Dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng biển, vận tải biển – hàng không; (v) Kinh tế biển – đảo; (vi) Thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương.

- Phát triển Khu kinh tế Vân Phong theo hướng: (i) Khu vực Bắc Vân Phong trở thành một trong những đô thị du lịch biển đẳng cấp quốc tế, trung tâm kinh tế biển hiện đại, cảng nước sâu gắn với khu phi thuế quan, công nghiệp công nghệ cao,...; (ii) Khu vực Nam Vân Phong trở thành trung tâm công nghiệp gắn với cảng biển, là khu vực tập trung phát triển các khu công nghiệp, công nghiệp năng lượng, đóng tàu, dịch vụ logistics, dịch vụ vận tải biển và các ngành công nghiệp phụ trợ,... cùng với các dự án khu đô thị, dịch vụ du lịch ven biển.

4. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối; tập trung nguồn lực để nghiên cứu, thực hiện một số nội dung sau:

- Hoàn thành và sớm đưa vào khai thác: (1) Dự án Hầm Đèo Cả; (2) Tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Đông qua địa bàn tỉnh Khánh Hòa gồm các đoạn: Vân Phong – Nha Trang, Nha Trang – Cam Lâm, Cam Lâm – Vĩnh Hảo; (3) Tuyến cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (CT.24). Nâng cấp, duy tu, bảo trì 5 tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu chuyển đổi tuyến QL.1C thành đường địa phương; đường sắt tốc độ cao đoạn thành phố Hồ Chí Minh – Nha Trang; đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh; phát triển hệ thống cảng khách thủy nội địa. Phát triển cảng biển Khánh Hòa theo quy hoạch là cảng biển loại I gồm các khu bến có quy mô lớn như: Khu bến Bắc Vân Phong, Khu bến Nam Vân Phong, Khu bến Nha Trang, Khu bến Cam Ranh, Bến cảng huyện đảo Trường Sa.

- Đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực giao thông quan trọng như Dự án Đường liên vùng kết nối Khánh Hòa, Ninh Thuận và Lâm Đồng, từ Yang Bay – Tà Gụ kết nối với Quốc lộ 27C và đường tỉnh ĐT.707, xã Phước Thành, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận; Tuyến đường vành đai 3 thành phố Nha Trang (đoạn Nguyễn Tất Thành đến Võ Nguyên Giáp); Hạ tầng giao thông liên vùng huyện Diên Khánh; Đường D25 và kênh thoát lũ Vĩnh Trung; Nâng cấp đường Tỉnh lộ 6; Các đoạn tuyến đường ven biển như đường Nguyễn Huệ (ĐT.651C), tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa, đầu tư đường bộ ven biển từ Bãi Chùa đến ranh giới tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Ninh Thuận; ...

- Đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong như đường giao thông trục chính khu tổng hợp Đầm Môn, hệ thống giao thông nội khu, các công trình hạ tầng điện, nước, xử lý nước thải, hạ tầng khu công nghiệp và hồ chứa nước Đồng Điền,...

- Ưu tiên bố trí phù hợp với các nguồn lực từ ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thúc đẩy thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn, trong đó có các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

- Nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước và xử lý nước thải tập trung quy mô lớn; đầu tư và nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư mới, cải tạo các công trình thủy lợi đầu mối, phát triển thủy sản như hồ chứa nước và hệ thống dẫn nước Sông Chò 1, hồ chứa nước Sông Cạn, hồ chứa nước Sông Búng, đầu tư sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Bàn, dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng cá động lực thuộc trung tâm nghề cá lớn, Trung tâm dịch vụ hầu cần nghề cá, cảng cá huyện đảo Trường Sa; các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường như: Phát triển tích hợp thích ứng – Tiểu dự án tỉnh Khánh Hòa, Xây dựng Đập ngăn mặn trên sông Cái Nha Trang,…

- Hoàn thành và đưa vào khai thác các dự án trọng điểm, dự án hạ tầng đô thị có quy mô lớn; xúc tiến, lựa chọn nhà đầu tư hạ tầng đô thị lớn theo quy định, hình thành đô thị mới theo mô hình đô thị hiện đại, sinh thái, đẳng cấp và kết nối quốc tế, tạo nền tảng để hình thành trung tâm du lịch, kinh tế mới của tỉnh và khu vực, tận dụng lợi thế sân bay Cam Ranh, Quốc lộ 1, đường bộ cao tốc Bắc Nam, đường sắt, đường biển.

- Phát triển hạ tầng số, đẩy mạnh chuyển đổi số một số ngành như: du lịch, văn hóa, y tế, giáo dục, nông nghiệp, giao thông vận tải, tài nguyên và môi trường. Ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số (hạ tầng kết nối băng thông rộng, điện toán đám mây và các nền tảng).

5. Tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh trong khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước và quốc tế.

- Đẩy mạnh liên kết phát triển khu vực Bắc Khánh Hòa - Nam Phú Yên và Đắk Lắk - Khánh Hòa, gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây. Lấy thành phố Nha Trang, Khu kinh tế Vân Phong, thành phố Cam Ranh, Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và các trường đại học, viện nghiên cứu có thế mạnh về kinh tế biển, y tế dự phòng, du lịch làm nền tảng để phối hợp, gắn kết với các địa phương trong và ngoài vùng, nhất là trong xúc tiến đầu tư và thương mại, kết nối du lịch, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, huy động và phân bổ nguồn lực, đầu tư kết cấu hạ tầng, hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe.

- Tích cực, chủ động mở rộng, nâng tầm quan hệ của Tỉnh với các địa phương nước ngoài, các tập đoàn kinh tế, tổ chức tài chính quốc tế nhằm phát huy tối đa nội lực, tiềm năng, lợi thế của Tỉnh.

6. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, phát triển Khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ; Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế, góp phần đưa Khánh Hoà sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung

ương; thực hiện tốt chủ trương kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biển, đảo, nhất là đối với huyện đảo Trường Sa và khu vực ảnh hưởng của khu căn cứ quân sự Cam Ranh.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện, đồng bộ trên các lĩnh vực nhất là lĩnh vực đô thị và phát triển đô thị; xây dựng và phát triển Chính quyền số; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đối với người dân và doanh nghiệp; tập trung nâng cao thứ hạng các chỉ số quản trị phát triển địa phương; đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư; khuyến khích xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số vào cải cách hành chính, đặc biệt là thủ tục hành chính; đơn giản hóa quy trình và thủ tục; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh phục vụ người dân và doanh nghiệp một cách nhanh chóng, hiệu quả.

- Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Khẩn trương giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án ngoài ngân sách sau thanh tra, kiểm tra nhằm giải phóng nguồn lực xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Tập trung phát triển nguồn lực con người và khoa học – công nghệ, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe nhân dân; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, đảm bảo tiến bộ công bằng xã hội; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo.

- Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện công tác giáo dục đào tạo để đẩy nhanh tiến độ xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia. Rà soát, sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập theo mục tiêu Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII). Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, ngành nghề trọng điểm để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao thích ứng với nhu cầu của thị trường lao động và nhu cầu nguồn nhân lực ở những ngành nghề mới và ngành nghề cần bổ sung theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, đa ngành để trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ; thực hiện liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của các địa phương khác; huy động nguồn vốn để đầu tư xây dựng một số cơ sở đào tạo đạt chuẩn khu vực, quốc tế. Phát triển các khu công nghệ cao; đầu tư kết cấu hạ tầng trung tâm ứng dụng khoa học và công nghệ, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, vườn ươm công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực các cơ sở nghiên cứu về thuỷ sản, hải dương học. Thành lập trung tâm công nghệ phần mềm, trung tâm đào tạo nhân lực công nghệ thông tin.

- Phát triển thị trường lao động, tăng cường kết nối cung - cầu lao động của tỉnh với các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn

nhân lực số, nguồn nhân lực có hàm lượng khoa học công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển, chú trọng phát triển nhân lực có kỹ năng nghề cao thông qua đào tạo, đào tạo lại để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Có chính sách khuyến khích, thu hút và sử dụng nhân tài, thu hút lao động có kỹ năng, trình độ cao về làm việc trong tỉnh.

- Phát triển khoa học và công nghệ để Khánh Hòa trở thành một trong những địa phương có trình độ khoa học và công nghệ thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực và cả nước ở các lĩnh vực: Hải dương học, công nghệ đại dương, công nghệ sản xuất giống thủy sản, công nghệ nuôi trồng và chế biến thủy sản, vaccine và sinh phẩm y tế, công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ vào dịch vụ du lịch. Xây dựng và triển khai chương trình đổi mới sáng tạo, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Thành lập trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương với cơ chế đặc thù về hợp tác công tư, nhằm đẩy nhanh tiến trình ứng dụng chuyển giao công nghệ đại dương phục vụ phát triển kinh tế biển và mục tiêu lưỡng dụng, theo tinh thần của Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năn 2018 của Hội nghị lần thứ Tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở và mạng lưới khám, chữa bệnh bao phủ rộng khắp, có chất lượng; đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu về y học cổ truyền, vật lý trị liệu. Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, du lịch, khoa học và công nghệ, y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân, an sinh xã hội, lao động việc làm; xây dựng cơ chế gắn kết công - tư trong ứng dụng khoa học công nghệ, chú trọng hợp tác quốc tế, thiết lập diễn đàn khoa học và công nghệ, tạo nền tảng để Khánh Hòa trở thành trung tâm của khu vực và cả nước về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

- Xây dựng và phát triển toàn diện con người Khánh Hòa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử trọng điểm của Tỉnh. Tăng cường đầu tư các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao gắn với quy hoạch trở thành đô thị trực thuộc Trung ương. Đẩy mạnh giải quyết việc làm gắn với nâng cao chất lượng việc làm và thu nhập cho người lao động thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh; chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, nâng cao tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng xã hội đồng bộ trong các khu kinh tế, khu công nghiệp (nhà ở, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa...) để đảm bảo an sinh cho người lao động. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nhất là chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, giảm nghèo bền vững, chăm sóc và trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, cứu trợ đột xuất. Thực hiện đầy đủ các quyền

của trẻ em, xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; làm tốt công tác bình đẳng giới. Chú trọng thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, tạo sự đồng thuận giữa chính quyền với tổ chức, chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc.

8. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Kiểm soát chặt chẽ tài nguyên biển và hải đảo, hoàn thiện hồ sơ phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai cấp tỉnh để tích hợp vào quy hoạch tỉnh. Tăng cường bảo vệ môi trường, cơ cấu lại kinh tế biển và ven biển nhằm bảo tồn, phát triển bền vững các hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển, đặc biệt là các rặng san hô, rừng phòng hộ ven biển.

- Thực hiện tốt Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững. Lồng ghép chính sách về bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính trong các dự án phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài để thực hiện mục tiêu trở thành địa phương đi đầu trong việc đưa phát thải khí nhà kính về mức không.

- Thực hiện đánh giá tác động biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với các dự án đầu tư quan trọng, nhất là các dự án vùng ven biển, cửa sông; khu vực đồi núi có nguy cơ sạt lở, lũ, lụt và thiên tai. Ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin trong dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

9. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biển, đảo quốc gia; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh. Nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng – an ninh phải được thể hiện xuyên suốt trong từng chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội; bố trí lồng ghép các nguồn lực bảo đảm đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

- Ưu tiên xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh tuyến biển, đảo. Tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ dân sự, du lịch biển, đảo, phát triển ngư nghiệp để xây dựng huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước; khu vực phòng thủ vững chắc, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Chủ động nắm chắc và xử lý tốt các vụ việc về an ninh, trật tự ngay từ khi mới phát sinh, không để xảy ra tình hình phức tạp, không để bị động, bất ngờ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác đấu tranh và phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, ma túy, tội phạm về môi trường, "tín dụng đen",...

xảy ra tình hình phức tạp, không để bị động, bất ngờ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác đấu tranh và phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, ma túy, tội phạm về môi trường, "tín dụng đen",...

- Đẩy mạnh kết hợp phát triển kinh tế gắn với đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Nghiêm túc thực hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước về thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu.

- Thẩm định chặt chẽ những chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế, đầu tư nước ngoài vào các khu vực chiến lược về quốc phòng, an ninh; vừa bảo đảm phù hợp phát triển kinh tế với quy hoạch tổng thể bố trí thế trận quốc phòng trong khu vực phòng thủ, vừa thực hiện đúng quy trình đề xuất từ cơ sở và cấp có thẩm quyền, chỉ được phê duyệt khi có ý kiến đồng thuận của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

10. Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng gắn với cải cách hành chính, xây dựng bộ máy chính quyền các cấp tinh gọn, năng động, hiệu lực, hiệu quả

- Thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương, nhất là các Nghị quyết về tăng cường, chỉnh đốn Đảng; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao đạo đức, năng lực thực thi công vụ, phân công, phân nhiệm rõ ràng, xử lý công việc dứt điểm, đạt hiệu quả cao nhất, không đùn đẩy, trốn tránh trách nhiệm. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và xem xét trách nhiệm của người đứng đầu.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan có liên quan:

- Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này; trong đó đẩy mạnh phân cấp, phân quyền toàn diện hơn gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương; giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan chức năng cùng phối hợp, hỗ trợ xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, đề án, cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa kèm theo tiến độ cụ thể đảm bảo thời gian hoàn thành và chất lượng các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, kiểm điểm về tình hình triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Chính phủ theo quy định.

2. Đối với tỉnh Khánh Hòa:

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình hành động của Chính phủ và Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

- Chủ động liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên để cùng khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, góp phần phát triển đồng bộ các vùng và cả nước.

- Tổ chức các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo đô thị trong giai đoạn 2022-2030.

- Định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp theo quy định.

3. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là các tỉnh, thành phố trong vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên chủ động phát triển quan hệ liên kết, hợp tác với tỉnh Khánh Hòa trên các lĩnh vực, tạo sự gắn bó và sức mạnh chung để cùng khai thác tiềm năng, lợi thế của từng địa phương vì sự nghiệp phát triển của vùng, cả nước.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này, các bộ, cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chủ động đề xuất, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Phụ lục I

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 09-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 42 /NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
I	**Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị**					
1	Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa triển khai ngay công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyếtsố 09-NQ/TW của Bộ Chính trị	Các bộ, cơ quan và địa phương có liên quan		Các thông tin điện tử trên website; chương trình phát thanh, truyền hình; bài viết, bài nói, ấn phẩm; số liệu; Hội thảo, chuyên đề…	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết	
II	**Thực hiện tốt công tác quy hoạch; xây dựng đề án, cơ chế chính sách đặc thù phù hợp nhằm hiện thực hóa các mục tiêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị**					
1	Xây dựng Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	UBND tỉnh Khánh Hòa	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, cơ quan có liên quan	Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	2022	Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
2	Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	UBND tỉnh Khánh Hòa	Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan có liên quan	Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050	2022	Thủ tướng Chính phủ
3	Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040	UBND tỉnh Khánh Hòa	Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan có liên quan	Quy hoạch chung thành phố Nha Trang đến năm 2040	2022	Thủ tướng Chính phủ
4	Quy hoạch chung đô thị mới Cam Lâm thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan có liên quan	Quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị mới	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết	Thủ tướng Chính phủ
5	Xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh Khánh Hòa, các bộ, cơ quan có liên quan	Đề án báo cáo Chính phủ trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội	2022	Chính phủ, Quốc hội

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
6	Đề án thành lập thành phố Khánh Hòa trực thuộc trung ương	Bộ Nội vụ	Bộ Xây dựng và UBND tỉnh Khánh Hòa	Đề án và dự thảo Nghị quyết của Chính phủ trình Quốc hội	Trước năm 2030	Chính phủ, Quốc hội
7	Lập quy hoạch Khu du lịch quốc gia Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, cơ quan có liên quan	Đề an trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, đồng ý chủ trương và phân công thực hiện theo các quy định pháp luật về quy hoạch.	2023	Thủ tướng Chính phủ
III	**Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của tỉnh trên nền tảng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, theo hướng đa dạng hóa, gia tăng giá trị và hiệu quả; kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn**					

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
1	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế biển, trong đó đột phá vào phát triển công nghiệp chế biến chế tạo công nghệ cao, dịch vụ logistics, công nghiệp năng lượng, kinh tế số; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn; phát triển theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Các Bộ, ngành có liên quan	Báo cáo	2022-2025	UBND tỉnh Khánh Hòa
2	Thành lập trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương với cơ chế đặc thù về hợp tác công tư, nhằm đẩy nhanh tiến trình ứng dụng chuyển giao công nghệ đại dương phục vụ phát triển kinh tế biển và mục tiêu lưỡng dụng.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Bộ Khoa học và công nghệ, Bộ Quốc phòng và các bộ, cơ quan có liên quan	Đề án	2022-2025	Thủ tướng Chính phủ
IV	**Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối**					

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
1	Nghiên cứu chuyển đổi tuyến QL.1C thành đường địa phương; đầu tư đường sắt tốc độ cao đoạn thành phố Hồ Chí Minh – Nha Trang; đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh; phát triển hệ thống cảng khách thủy nội địa. Phát triển cảng biển loại I là cảng biển có quy mô lớn, như: Khu bến Bắc Vân Phong, Khu bến Nam Vân Phong, Khu bến Nha Trang, Khu bến Cam Ranh, Bến cảng huyện đảo Trường Sa.	Bộ Giao thông Vận tải	UBND tỉnh Khánh Hòa, các bộ, cơ quan có liên quan	Báo cáo	2022-2025	Bộ Giao thông Vận tải
2	Xây dựng Đề án về phân cấp, ủy quyền cho tỉnh Khánh Hòa thẩm quyền triển khai một số dự án hạ tầng giao thông và hạ tầng khác bảo đảm chất lượng, tiến độ theo quy định.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh Khánh Hòa, Bộ Giao thông vận tải và các bộ, cơ quan có liên quan	Báo cáo	2022-2023	Chính phủ
V	**Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.**					
1	Xây dựng và phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến; tập trung nâng cao thứ hạng các chỉ số quản trị phát triển địa phương	UBND tỉnh Khánh Hòa	Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành có liên quan	Báo cáo	2021-2025	UBND tỉnh Khánh Hòa

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
2	Khẩn trương giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án ngoài ngân sách sau thanh tra, kiểm tra nhằm giải phóng nguồn lực xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh	UBND tỉnh Khánh Hòa	các bộ, cơ quan có liên quan	Báo cáo	2021-2025	UBND tỉnh Khánh Hòa
VI	**Tập trung phát triển nguồn lực con người và khoa học – công nghệ, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe nhân dân; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, đảm bảo tiến bộ công bằng xã hội; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo.**					
1	Xây dựng và triển khai chương trình đổi mới sáng tạo, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, diễn đàn khoa học và công nghệ, Trung tâm dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp	UBND tỉnh Khánh Hòa	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan có liên quan	Báo cáo	2021-2025	UBND tỉnh Khánh Hòa
2	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ	UBND tỉnh Khánh Hòa	Bộ Y tế và các bộ, cơ quan có liên quan	Đề án	2021-2025	Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
3	Đầu tư nâng cấp Trường đại học Nha Trang thành Đại học vùng	Bộ Giáo dục và Đào tạo	UBND tỉnh Khánh Hòa và các bộ, cơ quan có liên quan	Đề án	2021-2025	Thủ tướng Chính phủ
VII	**Tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh trong khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước**					
1	Đẩy mạnh liên kết phát triển khu vực Bắc Khánh Hòa - Nam Phú Yên và Đắk Lắk - Khánh Hòa, gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Các địa phương liên quan	Báo cáo	2021-2025	UBND tỉnh Khánh Hòa
VIII	**Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng**					
1	Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và Chương trình nghị sự năm 2030 vì sự phát triển bền vững.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Các Bộ, ngành liên quan	Báo cáo	2021-2025	UBND tỉnh Khánh Hòa

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
IX	**Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biển, đảo quốc gia; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.**					
1	Rà soát hoàn thiện Quy hoạch thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ vận hành theo cơ chế Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị; xây dựng các công trình phòng thủ trọng điểm theo kế hoạch	Bộ Quốc phòng	UBND tỉnh Khánh Hòa, các bộ, cơ quan có liên quan	Báo cáo	2021-2025	Chính phủ
2	Đầu tư xây dựng Khu kinh tế Quốc phòng Trường Sa theo "chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" nhằm xây dựng thế trận phòng thủ biển – đảo – bờ liên hoàn vững chắc, củng cố khả năng phòng thủ của đất nước trên hướng biển, nâng cao sức mạnh tổng hợp, bảo vệ vững chắc chủ quyền của Tổ quốc.	Bộ Quốc phòng	UBND tỉnh Khánh Hòa, các bộ, cơ quan có liên quan	Báo cáo	2021-2025	Chính phủ
3	Xây dựng và triển khai Đề án thí điểm phát triển nuôi biển công nghệ cao tại Khánh Hòa	UBND tỉnh Khánh Hòa	Bộ Nông nghiệp và PTNT, các bộ, cơ quan có liên quan	Đề án	2021-2025	Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
X	**Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng gắn với cải cách hành chính, xây dựng bộ máy chính quyền các cấp tinh gọn, năng động, hiệu lực, hiệu quả**					
1	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao đạo đức, năng lực thực thi công vụ. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín. Thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và xem xét trách nhiệm của người đứng đầu.	UBND tỉnh Khánh Hòa	Các Bộ, ngành liên quan	Báo cáo	2021-2025	UBND tỉnh Khánh Hòa

Phụ lục II

NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ DO ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 42 /NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến nguồn vốn
1	Dự án Đường liên vùng kết nối Khánh Hòa, Ninh Thuận và Lâm Đồng, từ Yang Bay – Tà Gụ kết nối với Quốc lộ 27C và đường tỉnh ĐT.707, xã Phước Thành, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
2	Tuyến đường vành đai 3 thành phố Nha Trang (đoạn Nguyễn Tất Thành đến Võ Nguyên Giáp)	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
3	Hạ tầng giao thông liên vùng huyện Diên Khánh	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
4	Đường D25 và kênh thoát lũ Vĩnh Trung	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
5	Đường Nguyễn Huệ (ĐT.651C)	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2026	NSNN và các nguồn huy động khác
6	Tuyến đường ven biển từ xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh đi thị xã Ninh Hòa	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2026	NSNN và các nguồn huy động khác
7	Đường giao thông trục chính khu tổng hợp Đầm Môn	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2026	NSNN và các nguồn huy động khác
8	Nâng cấp và làm mới đường Tỉnh lộ 6 – ĐT.651G (đoạn 2)	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2026	NSNN và các nguồn huy động khác

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến nguồn vốn
9	Đầu tư đường bộ ven biển từ Bãi Chùa đến ranh giới tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Ninh Thuận	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
10	Hoàn thiện hạ tầng giao thông Khu kinh tế Vân Phong	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
11	Hồ chứa nước Sông Cạn	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2026	NSNN và các nguồn huy động khác
12	Hồ chứa nước Sông Búng	UBND tỉnh Khánh Hòa	2023-2027	NSNN và các nguồn huy động khác
13	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đá Bàn	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2026	NSNN và các nguồn huy động khác
14	Phát triển tích hợp thích ứng – Tiểu dự án tỉnh Khánh Hòa	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
15	Đầu tư Xây dựng Đập ngăn mặn trên sông Cái Nha Trang	UBND tỉnh Khánh Hòa	2018-2022	NSNN và các nguồn huy động khác
16	Đầu tư Khu liên hợp thể thao cấp tỉnh Khánh Hòa tại xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2026	NSNN và các nguồn huy động khác
17	Bệnh viện đa khoa Nha Trang	UBND tỉnh Khánh Hòa	2019-2023	NSNN và các nguồn huy động khác
18	Bệnh viện Ung bướu	UBND tỉnh Khánh Hòa	2016-2022	NSNN và các nguồn huy động khác
19	Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	UBND tỉnh Khánh Hòa	2022-2026	NSNN và các nguồn huy động khác

Phụ lục III

NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 09-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ DO BỘ, NGÀNH THỰC HIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 42 /NQ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến nguồn vốn
1	Tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Đông qua địa bàn tỉnh Khánh Hòa gồm các đoạn: Vân Phong – Nha Trang; Nha Trang – Cam Lâm, Cam Lâm – Vĩnh Hảo	Bộ Giao thông Vận tải	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
2	Tuyến cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột (CT.24)	Bộ Giao thông Vận tải	Trước năm 2030	NSNN
3	Tuyến cao tốc Nha Trang – Liên Khương	Bộ Giao thông Vận tải	Sau năm 2030	NSNN và các nguồn huy động khác
4	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Quốc lộ 26B để kết nối đồng bộ đường cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột	Bộ Giao thông Vận tải	Trước năm 2030	NSNN và các nguồn huy động khác
5	Đường sắt tốc độ cao đoạn thành phố Hồ Chí Minh – Nha Trang	Bộ Giao thông Vận tải	Dự kiến công tác chuẩn bị trong giai đoạn 2021-2025 và thực hiện đầu tư trong giai đoạn 2026-2030	NSNN và các nguồn huy động khác

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến nguồn vốn
6	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh	Bộ Giao thông Vận tải	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết	NSNN và các nguồn huy động khác
7	Hồ chứa nước Đồng Điền	Bộ Nông nghiệp và PTNT	2026-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
8	Hệ thống dẫn nước Sông Chò 1	Bộ Nông nghiệp và PTNT	2023-2026	NSNN và các nguồn huy động khác

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Nghị quyết số: 55/2022/QH15	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ QUYẾT
Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi là Tỉnh) về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch, đất đai, môi trường; tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công; phát triển Khu kinh tế Vân Phong và phát triển kinh tế biển tại tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Tỉnh không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Tỉnh so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều

theo Luật số 59/2020/QH14 so với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

2. Tỉnh được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ tổ chức tài chính trong nước, tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho Tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách Tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Tỉnh được phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 (không áp dụng quy định tại khoản 16 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022) khi xây dựng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.

4. Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định cho phép các huyện, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh được sử dụng ngân sách các huyện, thị xã, thành phố và nguồn hợp pháp khác để hỗ trợ huyện Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 4. Quản lý quy hoạch

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân Tỉnh thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Điều 5. Quản lý đất đai

1. Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân Tỉnh do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2. Việc thực hiện chuẩn bị thu hồi đất tại Khu kinh tế Vân Phong và huyện Cam Lâm được quy định như sau:

a) Đối với dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; khu đô thị, khu dân cư nông thôn mới; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung sử dụng vốn ngoài ngân sách nhà nước thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai và có quy mô từ 300 ha trở lên, căn cứ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện, Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành danh mục các dự án được tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản này;

b) Căn cứ danh mục dự án quy định tại điểm a khoản này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai, ban hành thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Thông báo tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được gửi đến từng người sử dụng đất và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư;

c) Trên cơ sở thông báo tại điểm b khoản này, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về đất đai được phép triển khai việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành thông báo thu hồi đất.

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất.

Người sử dụng đất có trách nhiệm phối hợp với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc xác định

diện tích đất, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Sau khi lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai ban hành thông báo thu hồi đất và sử dụng kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất, tài sản gắn liền với đất được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai;

đ) Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản này và ban hành trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản này.

Điều 6. Tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

1. Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể có quy mô dự án nhóm B thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi theo quy định của pháp luật về đầu tư công, có quyền quyết định cho phép tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư của dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

2. Căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự án tổng thể.

Trường hợp điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, Hội đồng nhân dân Tỉnh thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể và điều chỉnh dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí vốn kế hoạch đầu tư công

hằng năm để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

4. Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành danh mục các dự án đầu tư công thực hiện tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công quy định tại Điều này.

Điều 7. Phát triển Khu kinh tế Vân Phong

1. Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong bao gồm:

a) Đầu tư xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư công nghệ thông tin, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực đại dương, hàng hải, công nghệ sinh học, dược liệu biển và sinh thái biển có quy mô vốn đầu tư từ 1.500 tỷ đồng trở lên;

b) Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại, tài chính có quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng trở lên;

c) Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu đô thị với quy mô diện tích đất từ 300 ha trở lên hoặc có quy mô dân số từ 50.000 người trở lên; đầu tư xây dựng và kinh doanh khách sạn, khu du lịch, nghỉ dưỡng cao cấp và vui chơi giải trí tổng hợp có sân gôn (golf) có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;

d) Đầu tư công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác, chế biến dầu khí, điện tử, khu dịch vụ chăm sóc sức khỏe có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

đ) Xây dựng và kinh doanh sân bay, đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt, dịch vụ logistics, dịch vụ hậu cần cảng biển, bến cảng, khu bến cảng, cảng tổng hợp, cảng chuyên dùng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I;

e) Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu phi thuế quan có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

2. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

3. Nhà đầu tư chiến lược phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Có vốn điều lệ từ 10.000 tỷ đồng trở lên hoặc có tổng tài sản từ 25.000 tỷ đồng trở lên khi thực hiện dự án đầu tư quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này và có kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên;

b) Có vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng trở lên khi thực hiện dự án đầu tư quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều này và có kinh nghiệm đầu tư dự án trong

lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên;

c) Có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên khi thực hiện dự án đầu tư quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này và có kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên;

d) Có vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng trở lên khi thực hiện dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và có kinh nghiệm đầu tư dự án trong lĩnh vực tương tự có tổng vốn đầu tư từ 1.000 tỷ đồng trở lên.

4. Nhà đầu tư chiến lược phải có cam kết bằng văn bản về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 2 Điều này được lựa chọn theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 7 Điều này để thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này thì được hưởng ưu đãi đầu tư và có nghĩa vụ quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều này.

6. Căn cứ Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề xuất dự án đầu tư. Đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thực hiện trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định tại khoản 12 Điều này.

7. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện dự án và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư được thực hiện như sau:

a) Căn cứ quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án quy định tại khoản 6 Điều này, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong công bố thông tin dự án, yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và điều kiện xác định nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Căn cứ nội dung thông tin được công bố quy định tại điểm a khoản này, nhà đầu tư chuẩn bị và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư bao gồm: văn bản đăng ký thực hiện dự án; hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này và các tài liệu khác có liên quan (nếu có);

c) Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án, Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tổ chức đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng

ký thực hiện dự án. Căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong quyết định việc tổ chức thực hiện theo một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e khoản này;

d) Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đã đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc có nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có 01 nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

đ) Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó chỉ có 01 nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì thực hiện chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược đó theo quy định của pháp luật về đầu tư;

e) Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm trong đó có từ 02 nhà đầu tư trở lên được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng hoặc chọn áp dụng pháp luật về đấu thầu để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số những nhà đầu tư được xác định đáp ứng điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược;

g) Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

8. Nhà đầu tư chiến lược được hưởng ưu đãi sau đây:

a) Được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) bằng 150% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D) thực tế được xác định theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Khu kinh tế Vân Phong khi đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về hải quan và thuế, trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.

9. Nhà đầu tư chiến lược có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư;

b) Ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của

Luật Đất đai; ứng trước kinh phí tối thiểu 200 tỷ đồng cho Nhà nước để thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong trong thời hạn 01 năm kể từ ngày dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại các điểm b, c và e khoản 1 Điều này. Khoản tiền ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư mà nhà đầu tư phải nộp. Mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án;

c) Thực hiện giải ngân trong thời gian không quá 05 năm đối với các dự án quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, không quá 03 năm đối với các dự án còn lại quy định tại khoản 1 Điều này kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. Trong thời gian này, nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng dự án;

d) Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao (nếu có).

10. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác đối với nhà đầu tư chiến lược thì không được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị quyết này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

11. Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng thẩm định, tác động môi trường và gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đến Ủy ban nhân dân Tỉnh. Ủy ban nhân dân Tỉnh chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về môi trường đối với các dự án quy định tại khoản này.

12. Ủy ban nhân dân Tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân bay, đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng, cảng tổng hợp, cảng chuyên dùng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I của nhà đầu tư chiến lược.

Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại khoản này được thực hiện như trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy

định của pháp luật về đầu tư. Trong quá trình thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân Tỉnh lấy ý kiến Bộ, ngành có liên quan và quyết định theo thẩm quyền.

Điều 8. Phát triển kinh tế biển tại tỉnh Khánh Hòa

1. Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển thuộc phạm vi khu vực biển do Tỉnh quản lý:

a) Trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân Tỉnh giao khu vực biển để nuôi trồng thuỷ sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho nhà đầu tư trong nước trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý;

b) Miễn tiền sử dụng khu vực biển trong 15 năm và giảm 50% tiền sử dụng khu vực biển cho thời gian còn lại đối với diện tích khu vực biển được giao để thực hiện dự án nuôi trồng thuỷ sản trên biển của tổ chức, cá nhân là nhà đầu tư trong nước có hoạt động nuôi trồng thuỷ sản trên biển ngoài 06 hải lý, khu vực nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý.

Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức là nhà đầu tư trong nước từ dự án nuôi trồng thuỷ sản trên biển ngoài 06 hải lý, khu vực nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý;

c) Miễn tiền sử dụng khu vực biển trong 15 năm đối với diện tích khu vực biển được giao để thực hiện dự án nuôi trồng thuỷ sản trên biển của tổ chức, cá nhân là nhà đầu tư trong nước có hoạt động nuôi trồng thuỷ sản trên biển từ 03 hải lý đến 06 hải lý.

Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 17%, miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của tổ chức là nhà đầu tư trong nước từ dự án nuôi trồng thuỷ sản trên biển từ 03 hải lý đến 06 hải lý;

d) Trong khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi trồng thuỷ sản trên biển, hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển;

đ) Thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế, thu nhập được hưởng ưu đãi quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổ chức, cá nhân không được hưởng ưu đãi quy định tại điểm b và điểm c khoản này trong trường hợp vi phạm các quy định về giao khu vực biển để nuôi

trồng thuỷ sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa:

a) Cho phép thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa để bổ sung nguồn lực phục vụ việc phát triển nghề cá, đầu tư cho các hạng mục, công trình hạ tầng cảng cá, cơ sở chế biến, dịch vụ hậu cần nghề cá và các công trình thiết yếu khác phòng, chống thiên tai, phục vụ dân sinh tại huyện Trường Sa chưa được ngân sách nhà nước đầu tư hoặc đầu tư chưa đủ. Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa là Quỹ quốc gia được Chính phủ thành lập và giao cho Tỉnh trực tiếp quản lý;

b) Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa được tiếp nhận hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác;

c) Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ cho Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa;

d) Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và quy chế hoạt động của Quỹ.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2025; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp giữa năm 2027.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc phân cấp, ủy quyền cho địa phương thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện có hiệu quả, đồng bộ Nghị quyết này.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội Tỉnh và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và được thực hiện trong 05 năm.

2. Đối với các dự án đầu tư công đã được quyết định chủ trương đầu tư trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể để thực hiện tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này.

3. Các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân đã thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết này trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đáp ứng các điều kiện và thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các điều này thì được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị quyết này cho thời gian hoạt động còn lại của dự án đầu tư, hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển.

4. Các dự án quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết này được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết này cho đến hết thời gian thực hiện dự án.

5. Trường hợp các dự án quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Nghị quyết này thuộc diện hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật hiện hành với mức cao hơn hoặc được hưởng hình thức ưu đãi khác so với quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục được hưởng ưu đãi đó theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Tỉnh quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ









THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK



Thành phố Buôn Ma Thuột có vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên, kết nối các trung tâm phát triển vùng Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và tam giác phát triển Lào - Việt Nam - Căm-pu-chia. Là đô thị loại I mang những đặc trưng cơ bản của một đô thị trung tâm đa chức năng, có sức lan tỏa về kinh tế và văn hóa, thành phố Buôn Ma Thuột có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của vùng Tây Nguyên và cả nước; Là vùng cao nguyên quy tụ 40 dân tộc với nền văn hóa đặc sắc của những lễ hội truyền thống, những bản trường ca hào hùng và một không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

Thành phố Buôn Ma Thuột có hệ thống giao thông đường bộ và đường hàng không thuận lợi kết nối các đô thị lớn của vùng Tây Nguyên (Pleiku, Kon Tum, Gia Nghĩa, Đà Lạt) với các trung tâm phát triển, cảng biển vùng Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và khu vực tam giác Lào - Việt Nam - Căm-pu-chia.

Mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên trên cơ sở khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của thành phố, nhất là tài nguyên thiên nhiên, các giá trị văn hóa, lịch sử, vị trí địa lý trung tâm vùng, tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam; tiếp tục duy trì tăng trưởng kinh tế cao và bền vững; huy động tối đa mọi nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị; tập trung đầu tư lên quy mô cấp vùng; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, đô thị hóa với xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để thành phố thực sự trở thành đô thị trung tâm và là cực tăng trưởng của vùng.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG * Số 67-KL/TW	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2019*

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Tại phiên họp Bộ Chính trị ngày 15/11/2019, sau khi nghe Ban Kinh tế Trung ương trình bày Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 60-KL/TW của Bộ Chính trị khoá X về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận:

1. Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Đắk Lắk và thành phố Buôn Ma Thuột đã nghiêm túc, tích cực thực hiện Kết luận số 60-KL/TW của Bộ Chính trị khoá X về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên, đã có nhiều cố gắng để khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế - xã hội; kinh tế tăng trưởng khá cao, quy mô nền kinh tế năm 2018 tăng gấp 2 lần so với năm 2010; thu nhập bình quân đầu người đạt mức 78 triệu đồng/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ và công nghiệp, trong đó dịch vụ phát triển nhanh. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch đạt kết quả tích cực; đã trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh Đắk Lắk. Vai trò đầu mối giao lưu kinh tế - xã hội giữa Tây Nguyên với miền Đông Nam Bộ, duyên hải miền Trung và trong quan hệ quốc tế đang từng bước được thực hiện. Văn hoá và xã hội có bước phát triển khá, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao; tỉ lệ hộ nghèo giảm mạnh, an sinh xã hội được bảo đảm. Công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường được chú trọng. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị luôn được quan tâm thực hiện; hoạt động của bộ máy hành chính từng bước được đổi mới theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

2. Bên cạnh những kết quả tích cực, thành phố Buôn Ma Thuột vẫn còn một số hạn chế, yếu kém: Phát triển kinh tế chưa tương xứng với vị trí, tiềm năng, lợi thế; thiếu sự kết nối trong phát triển giữa các ngành theo chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ cao. Chưa thực sự đóng vai trò là đô thị trung tâm

mang đặc sắc riêng của vùng Tây Nguyên; là cực tăng trưởng tác động lan toả tới các tỉnh trong vùng; là trung tâm giao lưu, cửa ngõ và đầu mối giao lưu buôn bán hợp tác trong khu vực tam giác Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia. Kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ, hạ tầng giao thông, nhất là giao thông kết nối với các tỉnh chậm được nâng cấp; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn chỉnh và khai thác có hiệu quả. Việc huy động các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của thành phố chưa đạt được yêu cầu đề ra. Công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững, nhất là đối với các hộ nghèo thuộc đồng bào dân tộc thiểu số. An ninh, trật tự trên một số địa bàn, lĩnh vực còn tiềm ẩn phức tạp. Cải cách hành chính, nhất là về thủ tục hành chính liên quan đến đất đai chưa đạt yêu cầu đề ra.

3. Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu. Việc đầu tư của Trung ương và tỉnh cho thành phố Buôn Ma Thuột chưa được quan tâm đúng mức, vốn đầu tư còn thấp. Cấp uỷ, chính quyền thành phố và tỉnh Đắk Lắk chậm tổng kết thực tiễn và đề xuất với Trung ương những cơ chế, chính sách mới, đột phá, phù hợp nhằm giúp thành phố tạo sự bứt phá trong phát triển để trở thành đô thị trung tâm vùng. Một số cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp, nông nghiệp còn chưa hài hoà, công tác quy hoạch chưa tốt dẫn đến việc khai thác tài nguyên chưa hợp lý, hiệu quả, làm giảm tính bền vững, ảnh hưởng tiêu cực tới phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Công tác phối hợp của tỉnh Đắk Lắk với các bộ, ngành, cơ quan Trung ương có thời điểm chưa chặt chẽ; sự liên kết, hợp tác với các địa phương trong vùng chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao. Công tác phối hợp giữa thành phố với các sở, ngành của tỉnh Đắk Lắk có lúc chưa nhịp nhàng, chặt chẽ và đồng bộ. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng, chính quyền phường, xã, phòng, ban, ngành và đội ngũ cán bộ, đảng viên còn hạn chế; công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp quần chúng nhân dân còn chưa sâu rộng, lan toả và còn hành chính hoá.

4. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

4.1. Phương hướng phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên trên cơ sở khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của thành phố, nhất là tài nguyên thiên nhiên, các giá trị văn hoá,

lịch sử, vị trí địa lý trung tâm vùng, tam giác Lào - Việt Nam - Cam-pu-chia. Tiếp tục duy trì tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp phần mềm, năng lượng sạch; phát triển dịch vụ, du lịch theo hướng xanh, sinh thái, thông minh và bản sắc riêng vùng Tây Nguyên; phát triển nông nghiệp đô thị, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao; chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đô thị; tập trung đầu tư lên quy mô cấp vùng một số lĩnh vực: Du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, đô thị hoá với xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt là của đồng bào các dân tộc thiểu số, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội; tạo nền tảng để thành phố thực sự trở thành đô thị trung tâm và là cực tăng trưởng của vùng.

- Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, tăng cường năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, truyền thống văn hoá, cách mạng, tự lực tự cường của các tầng lớp nhân dân Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và Tây Nguyên.

4.2. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Xây dựng và quản lý quy hoạch phát triển thành phố Buôn Ma Thuột đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch của tỉnh Đắk Lắk, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp với nông nghiệp và dịch vụ; giữa đô thị hoá và xây dựng nông thôn mới. Tăng cường bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai.

- Phát triển Buôn Ma Thuột thành trung tâm công nghiệp chế biến các loại nông sản thế mạnh và đặc hữu của Đắk Lắk và của Tây Nguyên; quy hoạch, xây dựng Khu công nghệ cao, tạo điều kiện tốt nhất để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư phát triển công nghiệp phần mềm. Phát triển bền vững ngành công nghiệp năng lượng tái tạo. Phát triển nông nghiệp đô thị, sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao gắn với phát triển du lịch; lựa chọn một

số sản phẩm có lợi thế để hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao, tạo chuỗi liên kết giá trị và nâng cao thu nhập cho nông dân. Xây dựng Buôn Ma Thuột thành trung tâm dịch vụ hàng đầu của Tây Nguyên, đủ điều kiện để phát triển mạnh thương mại, logistics, thu hút khách du lịch cao cấp và tổ chức các sự kiện cấp vùng, cấp quốc gia và quốc tế; phát triển mạnh các loại hình dịch vụ, nhất là các lĩnh vực dịch vụ liên quan đến cà phê; xây dựng hình ảnh "Thành phố cà phê của thế giới".

- Trung ương và tỉnh Đắk Lắk ưu tiên đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, kết nối hệ thống giao thông thành phố Buôn Ma Thuột với các tỉnh lân cận, khu vực và quốc tế bằng đường bộ, đường sắt và đường hàng không vào khu vực trung tâm đô thị. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình, dự án động lực, trọng tâm như tuyến tránh thành phố đường vành đai phía Đông; đường vành đai phía Tây 2; nâng cấp mở rộng Quốc lộ 29; xây dựng đường cao tốc Buôn Ma Thuột - Nha Trang (Khánh Hoà); cao tốc Buôn Ma Thuột - Liên Khương (Lâm Đồng); Dự án đường sắt Buôn Ma Thuột - Tuy Hoà; xây dựng các cảng cạn phục vụ vận tải đa phương thức; phát triển Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột thành cảng hàng không quốc tế; xây dựng cửa khẩu Đắk Ruê; công trình Hồ thuỷ lợi Ea Kao. Kêu gọi đầu tư các dự án phát triển du lịch Hồ Ea Kao; Dự án thoát nước mưa, nước thải trên địa bàn thành phố giai đoạn 3.

- Tăng cường phân cấp quản lý cho thành phố xứng tầm với đô thị trung tâm của vùng. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước từ các chương trình, dự án đầu tư công; rà soát, sàng lọc lại các dự án đầu tư công, tránh đầu tư dàn trải và thực hiện đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng. Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin; tạo môi trường thuận lợi để thu hút các công ty công nghệ đến đầu tư và nghiên cứu phát triển.

- Tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thuận lợi để thu hút đa dạng và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế (cả trong nước và ngoài nước) trên cơ sở nghiên cứu, đề xuất một số cơ chế, chính sách mới, đặc thù phù hợp với đặc điểm kinh tế, văn hoá, xã hội riêng có của Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk và vùng Tây Nguyên để tạo đột phá đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư vào phát triển kinh tế - xã hội thành phố, nhất là các nhà đầu tư lớn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các ngành kinh tế mũi nhọn, có lợi thế. Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Chủ động thu hút có chọn lọc các dự án có vốn đầu tư nước

ngoài có trình độ công nghệ cao, bảo đảm môi trường sinh thái và quốc phòng, an ninh.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí nâng cao, hướng đến xây dựng xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu. Chú trọng công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường, sinh thái; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và thiên tai.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động liên kết với các tỉnh Tây Nguyên, duyên hải miền Trung và khu vực tam giác phát triển Lào - Việt Nam - Cam-pu-chia thông qua các hình thức liên kết phát triển ngành, nhất là du lịch.

- Xây dựng đề án tổng thể về phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển của thành phố trong bối cảnh mới. Nâng cấp và phát triển Trường Đại học Tây Nguyên và một số trường đại học, cao đẳng khác đạt tiêu chuẩn quốc gia và khu vực. Khuyến khích hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) trong các trường đại học, cao đẳng. Nghiên cứu xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo tại thành phố Buôn Ma Thuột trực thuộc Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia. Tập trung phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, nhất là trong nông nghiệp; hình thành một số doanh nghiệp khoa học và công nghệ gắn với sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị. Chú trọng tham gia hợp tác về khoa học và công nghệ giữa các tỉnh nằm trong khu vực tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia.

- Phát triển hệ thống khám, chữa bệnh trên cơ sở kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền. Xây dựng các bệnh viện cấp vùng, nhất là tập trung đầu tư về nguồn nhân lực và trang thiết bị để phát triển Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên trở thành bệnh viện trung tâm của vùng.

- Xây dựng Khu liên hợp thể dục, thể thao Tây Nguyên đủ tiêu chuẩn thi đấu quốc tế, bao gồm cả cơ sở chuyên ngành hiện đại phục vụ đào tạo vận động viên thành tích cao và nghiên cứu khoa học.

- Triển khai đồng bộ các chính sách bảo trợ, an sinh xã hội, bảo đảm 100% các đối tượng yếu thế được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản; quan tâm vấn đề dân cư, dân số với quy mô, kết cấu phù hợp, nhất là đồng bào dân tộc; quy hoạch lại mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội, kiện toàn, nâng cao chất

lượng hệ thống y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân trên địa bàn để bảo đảm chức năng trung tâm vùng Tây Nguyên.

- Phát triển văn hoá, xã hội của thành phố theo hướng bảo tồn, duy trì và phát huy những giá trị bản sắc, truyền thống và lịch sử, nhất là văn hoá, không gian cồng chiêng Tây Nguyên trong điều kiện phát triển đô thị hiện đại; có hệ thống thiết chế văn hoá tương xứng với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, coi trọng xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần, thế trận lòng dân. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh và xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trên địa bàn; tập trung xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân thành phố vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và người dân trong thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về "kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh".

- Quán triệt và thực hiện nhất quán chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về tôn giáo. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa các cộng đồng dân cư, giữa đồng bào các dân tộc để bảo đảm môi trường đoàn kết và thống nhất cho phát triển. Kịp thời phát hiện, chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động, không để người dân bị dụ dỗ, lôi kéo tham gia vào các hoạt động phản động.

- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các cấp chính quyền; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chất lượng đội ngũ cán bộ và năng lực quản lý của chính quyền đô thị trong thời đại của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Hình thành đồng bộ và triển khai hiệu quả mô hình chính quyền điện tử; xây dựng thành phố thông minh. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ cán bộ, công chức ngang tầm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Tổ chức thực hiện

- Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng văn bản pháp luật cho phép thành phố Buôn Ma Thuột thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, bảo đảm tính thống nhất, tương quan, tương đồng với các thành phố khác trong cả nước; tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ trong thực hiện và giám sát việc thực hiện Kết luận.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành liên quan phối hợp với Tỉnh uỷ Đắk Lắk sớm xây dựng trình Quốc hội đề án cho phép thành phố Buôn Ma Thuột thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, bảo đảm tính thống nhất, tương quan, tương đồng với các thành phố khác trong cả nước. Ban hành chương trình hành động để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kết luận.

- Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Tỉnh uỷ Đắk Lắk triển khai nghiêm túc và có hiệu quả Kết luận.

- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên quan tâm, phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh Đắk Lắk và thành phố Buôn Ma Thuột thực hiện có hiệu quả Kết luận.

- Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kết luận; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

Trần Quốc Vượng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 103/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 67-KL/TW ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Kết luận số 67-KL/TW ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 67-KL/TW ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, QHĐP (2).110

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Kết luận số 67-KL/TW ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ)

Kết luận số 67-KL/TW ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra phương hướng phát triển thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên trên cơ sở khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của thành phố, nhất là tài nguyên thiên nhiên, các giá trị văn hóa, lịch sử, vị trí địa lý trung tâm vùng, tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam. Tiếp tục duy trì tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp chế biến, công nghiệp phần mềm, năng lượng sạch; phát triển dịch vụ, du lịch theo hướng xanh, sinh thái, thông minh và bản sắc riêng vùng Tây Nguyên; phát triển nông nghiệp đô thị, sinh thái, ứng dụng công nghệ cao; chú trọng ứng dụng khoa học và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Căn cứ quan điểm chủ đạo, mục tiêu, các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại Kết luận số 67-KL/TW, Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Kết luận như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa Kết luận số 67-KL/TW và thống nhất chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành và nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và tỉnh Đắk Lắk về tầm quan trọng của việc xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột với tốc độ nhanh và bền vững trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên với các giá trị văn hóa, lịch sử, vị trí địa lý là trung tâm vùng Tây Nguyên và tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

2. Chương trình hành động phải cụ thể hóa Kết luận số 67-KL/TW và xác định các nhiệm vụ chủ yếu, thể hiện các giải pháp cụ thể và thiết thực, được tổ chức tốt để thực hiện thắng lợi các phương hướng phát triển và giải pháp của Kết luận số 67-KL/TW.

3. Chương trình hành động phải thể hiện được vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo tinh thần đồng hành cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và tỉnh Đắk Lắk, đồng thời xác định các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu để Chính phủ và các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong các vùng Tây Nguyên, miền Trung và Đông Nam Bộ tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách có tính đột phá; chủ động phát triển quan hệ liên kết, hợp tác trên các lĩnh vực; huy động và phân bổ nguồn lực thực hiện các dự án quan trọng, mở rộng hợp tác quốc tế, đảm bảo kết hợp chặt chẽ giữa mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố với nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

4. Phấn đấu một số chỉ tiêu cụ thể:

a) Giai đoạn 2021 - 2025:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trên 11%/năm. Đến năm 2025, cơ cấu kinh tế ngành dịch vụ chiếm 62%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 30% trong cơ cấu kinh tế thành phố; thu nhập bình quân đầu người đạt 150 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng bình quân hằng năm 14%, giai đoạn 2020 - 2025 đạt 125.000 tỷ đồng; thu ngân sách tăng bình quân trên 15%/năm. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 77%; cơ bản không còn hộ nghèo; tỷ lệ người dân được cấp nước sạch đạt trên 80%; duy trì 100% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

b) Giai đoạn 2026 - 2030:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trên 13%/năm. Đến năm 2030, cơ cấu kinh tế ngành dịch vụ chiếm 65%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm trên 30% trong cơ cấu kinh tế thành phố; thu nhập bình quân đầu người đạt 200 triệu đồng.

- Giai đoạn 2026 - 2030, tổng số vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 240.000 tỷ đồng; thu ngân sách tăng bình quân trên 15%/năm. Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%; tỷ lệ người dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 100%; tiếp tục duy trì và nâng tỷ lệ che phủ rừng trên 3%; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý đạt trên 80%, nước thải tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh được xử lý đạt 100%; tổng lượng chất thải rắn được xử lý đạt 100%; có trên 20 bác sỹ/1 vạn dân.

c) Tầm nhìn đến năm 2045: Thành phố Buôn Ma Thuột là đô thị trung tâm và cực tăng trưởng của vùng Tây Nguyên về du lịch, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ; là đô thị xanh, sinh thái, thông minh và bản sắc riêng vùng Tây Nguyên.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Để đạt được các chỉ tiêu cụ thể nêu trên, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thực hiện Nghị quyết:

- Các bộ, ngành, Ủy ban nhân tỉnh Đắk Lắk và Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột triển khai ngay công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết trong toàn thể đội ngũ cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý làm chuyển biến nhận thức và quyết tâm cao của các ngành, các cấp.

- Công tác tuyên truyền về Nghị quyết cần được tiến hành với quy mô sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng, kết hợp với việc tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Đại hội của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố gắn với từng giai đoạn, tạo nhận thức sâu sắc về cơ hội, thuận lợi, thách thức, cũng như những yếu tố tiềm năng, lợi thế, vị thế mới của thành phố để tiếp tục tạo ra sự bứt phá mới của thành phố Buôn Ma Thuột trong những năm tới.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội trong công tác quán triệt, tuyên truyền, phổ biến thông tin và triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Hoàn thiện và xây dựng cơ chế, chính sách:

- Rà soát và xây dựng quy hoạch vùng Tây Nguyên và quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo các quy định của pháp luật về quy hoạch.

- Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực, đô thị của thành phố Buôn Ma Thuột phù hợp với quy hoạch tổng thể của quốc gia, quy hoạch vùng Tây Nguyên, quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn và quy hoạch tỉnh Đắk Lắk, đảm bảo gìn giữ giá trị văn hóa bản sắc riêng của vùng Tây Nguyên, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, gắn kết chặt chẽ, hợp lý giữa phát triển công nghiệp với nông nghiệp và dịch vụ, giữa đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới với những tiềm năng, lợi thế và đặc thù riêng của thành phố Buôn Ma Thuột.

- Nghiên cứu, đánh giá, phân tích cơ chế chính sách, kinh nghiệm, cách làm hay ở trong nước và quốc tế, đặc biệt là các cơ chế, chính sách đang được áp dụng tại các thành phố, các trung tâm phát triển thuộc các vùng, các địa phương trong cả nước để vận dụng phù hợp với điều kiện của thành phố Buôn Ma Thuột.

- Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cải thiện, tạo lập môi trường đầu tư, sản xuất, kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch, bình đẳng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đặc biệt là kinh tế tập thể và kinh tế tư nhân có điều kiện thuận lợi tiếp cận với các nguồn lực như mặt bằng, hạ tầng, thông tin lao động và thị trường.

- Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích đào tạo, dạy nghề, tạo nguồn lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật phù hợp với yêu cầu phát triển các ngành mũi nhọn có lợi thế cạnh tranh, có giá trị gia tăng cao.

- Rà soát, nghiên cứu sửa đổi và xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển liên kết vùng trong việc thu hút đầu tư kết nối hạ tầng giao thông, phát triển các ngành kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế là đô thị có vị trí trung tâm vùng Tây Nguyên và tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, tăng cường liên kết với các địa phương theo cả chiều dọc và ngang.

- Nghiên cứu thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách mới, có tính đột phá đặc thù cho thành phố Buôn Ma Thuột, bảo đảm tính thống nhất, tương quan, tương đồng với các thành phố thuộc các địa phương khác trong cả nước. Trong đó, giai đoạn trước mắt ưu tiên rà soát, bổ sung một số quy định, một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Buôn Ma Thuột phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố trong giai đoạn tới.

- Hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về tài nguyên môi trường; rà soát hoàn thiện, trình Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi và các văn bản hướng dẫn dưới luật theo hướng ưu tiên tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên thiên nhiên; hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hệ thống quản lý tài nguyên môi trường, đất đai.

- Rà soát, nghiên cứu sửa đổi và xây dựng cơ chế, chính sách về tổ chức bộ máy chính quyền, công tác cán bộ, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, ứng dụng công nghệ thông tin hướng tới xây dựng môi trường hành chính hiện đại, minh bạch, tiết kiệm.

3. Tăng cường thu hút nguồn lực, triển khai các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm:

- Tập trung nguồn lực để tăng quy mô và hiệu quả đầu tư, đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh để có sức hấp dẫn, cạnh tranh cao. Có cơ chế khuyến khích và đẩy mạnh công tác xã hội hóa thu hút nguồn vốn đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng thông tin và truyền thông, nhất là đầu tư theo phương thức đối tác công tư; thu hút mạnh mẽ hơn nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và vốn vay của các nhà tài trợ nước ngoài. Tăng cường hợp tác quốc tế, xúc tiến đầu tư, kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính, người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào thành phố.

- Bảo đảm tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm để thúc đẩy phát triển kinh tế của thành phố như Đường Đông - Tây, Dự án thoát nước mưa, nước thải trên địa bàn thành phố giai đoạn 3, các công trình thủy lợi quy mô lớn như hồ Ea Kao, hồ Ea Tam, khu công nghiệp Hòa Phú.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng một số công trình trọng điểm, nhất là hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, đẩy mạnh liên kết vùng như: Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh phía Đông, thành phố Buôn Ma Thuột, đường vành đai phía Tây 2, nâng cấp mở rộng quốc lộ 29, xây dựng các cảng cạn phục vụ vận tải đa phương thức, xây dựng cơ sở hạ tầng cửa khẩu Đắk Ruê, nâng cấp Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên, khu liên hợp thể dục, thể thao Tây Nguyên, nâng cấp trường Đại học Tây Nguyên. Kêu gọi đầu tư các dự án phát triển du lịch hồ Ea Kao, không gian cảnh quan và sân gôn hồ EaKao, các khu đô thị theo quy hoạch được duyệt.

- Đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu đầu tư xây dựng đường cao tốc Buôn Ma Thuột - Nha Trang (Khánh Hòa), cao tốc Buôn Ma Thuột - Liên Khương (Lâm Đồng), dự án đường sắt Buôn Ma Thuột - Tuy Hòa, phát triển Cảng hàng không Buôn Ma Thuột thành cảng hàng không quốc tế.

4. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư gắn với phát triển các thành phần kinh tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Buôn Ma Thuột, đặc biệt là trong các lĩnh vực có thế mạnh:

- Xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công nghiệp năng lượng tái tạo, thân thiện môi trường, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm hội nghị lớn.

- Từng bước hình thành các khu đô thị mới; nghiên cứu xây dựng một số khu đô thị mới theo hướng hiện đại, đồng bộ, phù hợp các tiêu chí đô thị loại I và triển khai đầu tư hạ tầng các khu dân cư gắn với với phát triển quỹ đất.

- Đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tập thể, tạo điều kiện thuận lợi để các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát triển hiệu quả trong mọi lĩnh vực. Đồng thời, chú trọng phát triển kinh tế tư nhân, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân thực sự thành một động lực quan trọng, tạo đột phá trong phát triển kinh tế xã hội của thành phố, đặc biệt trong các lĩnh vực có lợi thế.

- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chủ yếu thông qua tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi. Ưu tiên thu hút đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn về công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các dự án có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, gắn với nghiên cứu phát triển, cam kết chuyển giao công nghệ và có khả năng lan tỏa, liên kết với các doanh nghiệp trong nước theo chuỗi giá trị.

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình phát triển thương mại biên giới, hợp tác trong khuôn khổ tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

5. Xây dựng, phát triển nguồn nhân lực:

- Thực hiện các giải pháp phát triển giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực; rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn; tập trung đầu tư trường cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên[1] thành trường nghề chất lượng cao vào năm 2025; đa dạng các hình thức, phương pháp đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các cấp trình độ, phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện lao động và tập quán dân cư vùng Tây Nguyên; tăng cường kết nối giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp thành lập các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phấn đấu đưa thành phố Buôn Ma Thuột thành trung tâm cung ứng nhân lực chất lượng cao của vùng Tây Nguyên và trung tâm đào nhân lực cho các địa phương vùng tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

- Chú trọng đào tạo, nâng cao phát triển nguồn nhân lực tại chỗ có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, tập trung các lĩnh vực công nghiệp chế biến, nông nghiệp chất lượng cao, logistic, du lịch, văn hóa; đồng thời phát triển đội ngũ kỹ sư, các nhà quản trị có khả năng ứng dụng công nghệ và phát triển các dịch vụ hiện đại như ngân hàng, tài chính, logistics, bảo hiểm, công nghệ thông tin, phân phối bán lẻ, tư vấn, dịch vụ phát triển kinh doanh.

- Tiếp tục rà soát và thực hiện chính sách về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức gắn với xây dựng chính quyền đô thị, thực hiện cải cách hành chính. Đẩy mạnh kết nối khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu đất đai đến các phường, xã.

---

[1] trước đây là trường cao đẳng nghề thanh niên dân tộc Tây Nguyên

6. Xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành trọng điểm phát triển khoa học, công nghệ, du lịch, văn hóa của vùng Tây Nguyên:

- Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo tại thành phố Buôn Ma Thuột kết nối Trung tâm đổi mới sáng tạo Quốc gia. Xây dựng, hình thành các cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh để hỗ trợ, nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp để thu hút các lĩnh vực, ngành nghề phù hợp với định hướng phát triển của thành phố Buôn Ma Thuột, đảm bảo về môi trường; triển khai thành lập khu chức năng: logistic; công nghiệp công nghệ cao, gắn với nghiên cứu sinh học và công nghệ chế biến nông, lâm sản, với diện tích từ 200 - 300 ha tại khu vực bắc Sân bay Buôn Ma Thuột phù hợp với các quy hoạch cấp tỉnh và vùng.

- Khuyến khích hình thành các trung tâm nghiên cứu, phát triển khoa học - công nghệ trên địa bàn gắn kết với các trung tâm, các viện nghiên cứu khoa học - công nghệ nhằm đẩy mạnh nghiên cứu khoa học để xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học lớn của vùng Tây Nguyên; đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên của một số trường đại học, Đại học vùng Tây Nguyên để phát triển một số chuyên ngành về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công nghiệp phần mềm, năng lượng sạch, du lịch đạt chuẩn quốc tế.

- Xây dựng, hình thành các khu ứng dụng công nghệ, kỹ thuật cao nhất là hạ tầng công nghệ số. Đồng thời, thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu khoa học trực thuộc và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới công nghệ.

- Thu hút, trọng dụng, đãi ngộ đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học công nghệ, kinh tế trong và ngoài nước đến làm việc, nghiên cứu tại thành phố Buôn Ma Thuột; đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các nước phát triển trên thế giới về lĩnh vực khoa học công nghệ nông, lâm nghiệp, du lịch.

- Tập trung triển khai Kế hoạch phát triển du lịch Khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với phương châm phát triển du lịch "ba quốc gia, một điểm đến".

- Xây dựng và chủ động đăng cai, tổ chức các chương trình, sự kiện văn hóa, nghệ thuật, xúc tiến thương mại và hợp tác đầu tư, du lịch giữa các tỉnh vùng Tây Nguyên, miền Trung và Đông Nam Bộ, nâng cao và phát huy chương trình phát triển thương hiệu cà phê đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ, xây dựng hình ảnh của thành phố Buôn Ma Thuột là "Thành phố cà phê của thế giới". Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ, nhất là dịch vụ liên quan đến ngành cà phê, trung tâm tài chính, trung tâm logistic.

- Rà soát và hoàn thiện Chương trình Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số Thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động liên kết phát triển du lịch với các tỉnh Tây Nguyên, duyên hải miền Trung và khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam.

- Phát triển du lịch theo hướng bền vững, khai thác các giá trị tài nguyên thiên nhiên và văn hoá bản địa đặc sắc của thành phố; lập và thực hiện Kế hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột; ưu tiên phát triển loại hình du lịch cộng đồng tại buôn, làng[2] và gắn kết với các điểm du lịch tại các huyện, thị xã lân cận.

- Phát triển, hoàn thiện các thiết chế văn hóa đặc sắc của địa phương, của các dân tộc thiểu số, nhất là không gian cồng chiêng Tây Nguyên trong điều kiện phát triển đô thị hiện đại, phục vụ cộng đồng và phát triển du lịch nhằm khuyến khích, hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp văn hóa tại địa phương.

7. Gắn phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân:

- Thực hiện đồng bộ các chương trình, đề án, chính sách về giải quyết việc làm gắn với nâng cao thu nhập cho người lao động; tập trung vào các đối tượng thanh niên, sinh viên tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, lao động là người khuyết tật, lao động là người dân tộc thiểu số. Có giải pháp, chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa về đào tạo, sử dụng lao động địa phương. Tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu lao động của thành phố, tỉnh Đắk Lắk với các địa phương khác trong vùng Tây Nguyên và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Phát triển đối tượng tham gia và tổ chức thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Tiếp tục phát triển thị trường xuất khẩu lao động: mở rộng thị phần lao động, nhất là các thị trường lao động đòi hỏi kỹ thuật công nghệ cao, thu nhập cao; đồng thời tiếp tục phát triển thị trường lao động truyền thống có lợi thế đã và đang nhận nhiều lao động Việt Nam; tiếp tục đổi mới công tác đào tạo nguồn lao động có tay nghề chất lượng cao phù hợp với xu thế phát triển mới.

- Đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới đô thị văn minh". Xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội để tạo cơ hội, động lực cho người nghèo thông qua các chính sách trợ giúp về phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến nông và tiêu thụ sản phẩm; tăng cường trợ giúp của cộng đồng, nâng cao trách nhiệm và tính tự lực của các hộ nghèo để vươn lên thoát nghèo bền vững.

---

[2] Buôn Akô Dhong, phường Tân Lợi; buôn Tuôr, xã Hòa Phú; buôn Kmrơng Prõng B, xã Ea Tu.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội đã ban hành, đặc biệt là chính sách ưu đãi người có công; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, người dân tộc thiểu số...; mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng cao mức trợ cấp xã hội thường xuyên phù hợp với khả năng ngân sách của thành phố; xây dựng môi trường sống an toàn, thực hiện tốt quyền trẻ em; làm tốt công tác bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.

8. Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, tình trạng thiếu nước, khô hạn:

- Rà soát và hoàn thiện Chương trình thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu của thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2021 - 2030, tăng cường kiểm soát chặt chẽ, quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường đô thị, xử lý ô nhiễm, chú trọng quản lý khai thác nguồn nước ngầm, bảo vệ đa dạng sinh học bảo tồn các khu vực có rừng.

- Đẩy mạnh và nâng cao các giải pháp cụ thể thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, lồng ghép nội dung bảo vệ môi trường trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án,... theo hướng tăng cường thanh tra theo chương trình, kế hoạch và giảm thanh tra đột xuất, ưu tiên tháo gỡ các vướng mắc trong lĩnh vực khai thác đất đai, tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản, xử lý vấn đề ô nhiễm rác thải, tài nguyên nước.

- Xây dựng, tổ chức trình phê duyệt và thực hiện có hiệu quả quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị đến năm 2030 của thành phố.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng hoàn thiện không gian xanh công cộng, không gian xanh ven suối đô thị gắn với việc bảo tồn và quảng bá các giá trị văn hóa cộng đồng dân tộc thiểu số của các buôn đồng bào khu vực nội thành.

- Nâng cao năng lực và hoạt động quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất thải tại thành phố và tại các cụm công nghiệp, đẩy nhanh xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung thành phố.

- Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, dự báo, cảnh báo trên địa bàn thành phố.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra giám sát các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đất đai. Bên cạnh đó, tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về môi trường của các cấp quản lý và mọi người dân.

- Quy hoạch các khu công nghiệp đảm bảo đủ các cơ sở vật chất, nơi ở, sinh hoạt cho công nhân; đảm bảo các giải pháp bảo vệ môi trường tuyệt đối an toàn, di chuyển các cơ sở sản xuất công nghiệp, chăn nuôi không phù hợp với quy hoạch đô thị.

9. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội:

- Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp pháp triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trong giai đoạn 2021 - 2030; phát triển mô hình công nghiệp lưỡng dụng vừa phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế trong thời bình vừa sẵn sàng chuyển đổi phục vụ quốc phòng, an ninh trong tình huống xung đột, chiến tranh.

- Thực hiện tốt quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng, anh ninh, phân loại, xác định rõ các loại đất quốc phòng, an ninh được phát triển kinh tế; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

- Tập trung xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh theo quy hoạch thế trận quân sự, thế trận phản gián, thế trận an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh phù hợp với vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh của thành phố, vừa đảm bảo quốc phòng, an ninh vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Bảo vệ an ninh quốc gia, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, các loại đối tượng và tội phạm; chủ động nắm chắc tình hình ngay tại cơ sở, xử lý tốt các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự; không để xảy ra tình huống phức tạp, không để bị động, bất ngờ, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xã hội. Tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn.

- Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm để mọi người dân, mọi tầng lớp xã hội chung tay bảo vệ Tổ quốc; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

10. Tập trung chăm lo xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền, thực hiện tốt quy chế dân chủ nhân dân.

- Thực hiện tốt công tác dân tộc và tôn giáo, các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, chú ý nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Duy trì và giữ vững mối quan hệ đoàn kết giữa các cộng đồng dân tộc trên địa bàn.

- Nâng cao chất lượng hiệu quả công tác cải cách hành chính, tập trung chỉ đạo, dành nguồn lực thực hiện cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hành chính; giảm thủ tục, giảm thời gian và chi phí ở tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là các thủ tục liên quan đến người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước.

- Tổ chức tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; phấn đấu không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp, kéo dài phát sinh. Thường xuyên lắng nghe, tiếp thu, giải trình ý kiến phản ánh của nhân dân; theo dõi, đôn đốc tiến độ giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, đông người, kéo dài. Tăng cường công tác thanh tra, xử lý sau thanh tra, thanh tra trách nhiệm thủ trưởng của các cấp, các ngành trong các lĩnh vực: tiếp dân, xử lý đơn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng; quản lý nhà nước về tài chính, đất đai, tài nguyên, môi trường, y tế, giáo dục…

- Nghiên cứu, thí điểm tổ chức mô hình phân cấp chính quyền đô thị đối với thành phố Buôn Ma Thuột để đề xuất áp dụng khi có điều kiện phù hợp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với các bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

a) Các bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính Chính phủ căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp thường xuyên với Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, có cơ chế điều hành tập trung, cụ thể để tăng cường sự phối kết hợp triển khai các nội dung Nghị quyết, trong đó tập trung vào một số nội dung cụ thể sau:

- Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận 67-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết này của Chính phủ; giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan chức năng cùng phối hợp, hỗ trợ giúp xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, các cơ chế, chính sách phát triển ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột; tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền toàn diện hơn gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương cho thành phố Buôn Ma Thuột để tạo điều kiện cho thành phố phát triển nhanh hơn, đảm bảo thực hiện được mục tiêu xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên.

- Tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm điểm về tình hình triển khai thực hiện Kết luận 67-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết này của Chính phủ; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

b) Phân công nhiệm vụ của các bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện:

- Các bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo, xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện với tiến độ cụ thể để đảm bảo thời gian hoàn thành và chất lượng các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật.

- Các bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ khác có liên quan chủ động phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và các bộ, ngành, địa phương liên quan để triển khai thực hiện Kết luận 67-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết này của Chính phủ.

2. Đối với thành phố Buôn Ma Thuột và tỉnh Đắk Lắk:

- Tập trung khẩn trương chỉ đạo các sở, ban ngành và các cơ quan chuyên môn rà soát, kiểm tra, bổ sung kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ để xây dựng các chương trình, cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận 67-KL/TW ngày 16 tháng 12 năm 2019, trong đó trọng tâm xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành đô thị trung tâm vùng Tây Nguyên.

- Chủ động phát triển quan hệ liên kết, trao đổi, hợp tác với các tỉnh thuộc khu vực tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam và vùng Tây Nguyên, vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam để tạo thành tam giác phát triển bền vững trên các lĩnh vực, khai thác, phát huy được tiềm năng, lợi thế của nhau cùng phát triển.

- Định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết này của Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi và tổng hợp theo quy định.

3. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Các tỉnh vùng miền Trung, vùng Đông Nam Bộ và nhất là các tỉnh vùng Tây Nguyên chủ động phát triển quan hệ liên kết, hợp tác với thành phố Buôn Ma Thuột và tỉnh Đắk Lắk trên các lĩnh vực, tạo sự gắn bó và sức mạnh chung để cùng khai thác các tiềm năng, lợi thế của nhau vì sự phát triển chung.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động, các bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk chủ động đề xuất gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Phụ lục I

NHIỆM VỤ RÀ SOÁT, BỔ SUNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN KẾT LUẬN 67-KT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số ..105...../NQ-CP ngày ..09 ...tháng 7 năm 2020 của Chính phủ)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp trình
1	Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Kết luận 67-KL/TW	Bộ Thông tin và Truyền thông	UBND tỉnh Đắk Lắk, UBND TP Buôn Ma Thuột và bộ, ngành có liên quan	Các thông tin điện tử trên website; chương trình phát thanh, truyền hình; bài viết, bài nói, ấn phẩm; số liệu; Hội thảo, chuyên đề ….	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết	
2	Rà soát và hoàn thiện quy hoạch phát triển					
2.1	Xây dựng Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Tây Nguyên, các bộ, ngành có liên quan	Quy hoạch vùng Tây Nguyên	2021	Thủ tướng Chính phủ
2.2	Xây dựng Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, nghiên cứu xem xét áp dụng hình thức lựa chọn phương án thiết kế quy hoạch xây dựng thông qua đấu thầu tư vấn trong nước và thí điểm tư vấn thiết kế ngoài nước	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành liên quan	Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	2020	Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp trình
2.3	Xây dựng Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 theo Quyết định 294/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó xác định các nội dung định hướng phát triển thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm h mục 3 Điều 1 của Quyết định này	Bộ Xây dựng	UBND TP Buôn Ma Thuột, UBND tỉnh Đắk Lắk và các bộ, ngành có liên quan	Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	2022	Thủ tướng Chính phủ
3	Hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung các chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột					
3.1	Nghiên cứu xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tỉnh ủy Đắk Lắk, các bộ, ngành và địa phương có liên quan	Đề án báo cáo Chính phủ trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội	2021 - 2025	Chính phủ, Quốc hội
3.2	Xây dựng Đề án và Chương trình hành động thực hiện hoàn thiện các tiêu chuẩn của đô thị loại I là thành phố trực thuộc trung ương được quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội	UBND tỉnh Đắk Lắk	Các bộ, ngành có liên quan	Đề án và Chương trình	2021 - 2025	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp trình
3.3	Xây dựng Đề án mở rộng địa giới hành chính thành phố Buôn Ma Thuột	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Nội vụ và các bộ, ngành có liên quan	Đề án báo cáo Chính phủ	2020	Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội
3.4	Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo tại thành phố Buôn Ma Thuột kết nối Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định	2020	
4	Xây dựng các chính sách phát triển các ngành lĩnh vực để từng bước đưa thành phố Buôn Ma Thuột trở thành trung tâm về khoa học công nghệ, du lịch, văn hóa Vùng Tây Nguyên	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành có liên quan và UBND tỉnh Đắk Lắk	Các Đề án báo cáo cấp có thẩm quyền	2021-2025	
4.1	Xây dựng Đề án quản lý, khai thác, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của thành phố Buôn Ma Thuột thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị.	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Tài chính và các bộ, ngành có liên quan	Đề án	2021 - 2025	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp trình
4.2	Xây dựng Chương trình nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh Đắk Lắk và thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2021 - 2025: triển khai thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, các mô hình phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch sinh thái, duy trì và mở rộng các làng nghề truyền thống hoa cây cảnh, dệt thổ cẩm, đan lát gắn với bảo vệ môi trường sinh thái bền vững; đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại…	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chương trình	2020	Thủ tướng Chính phủ
4.3	Hoàn thiện kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp và triển khai thành lập khu chức năng: logistic; công nghiệp công nghệ cao, gắn với nghiên cứu sinh học và công nghệ chế biến nông lâm sản	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành có liên	Kế hoạch hành động	2021 - 2025	
4.4	Kế hoạch phát triển du lịch Khu vực Tam giác phát triển Lào - Việt Nam - Campuchia giai đoạn 2021 - 2025 với phương châm phát triển du lịch "ba quốc gia, một điểm đến"	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, ngành và địa phương có liên quan	Kế hoạch phát triển du lịch Khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia	2021	Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp trình
4.5	Xây dựng chương trình xúc tiến thương mại và hợp tác đầu tư, du lịch giữa các tỉnh vùng Tây Nguyên, miền Trung giai đoạn 2021 - 2025, định hướng 2030	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Công Thương và các bộ, ngành, địa phương có liên quan	Chương trình	2021 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
4.6	Rà soát và bổ sung Chương trình Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chương trình	2021 - 2025	
4.7	Xây dựng, triển khai Kế hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Kế hoạch	2021 - 2025	
4.8	Tuyên truyền, quảng bá cho thương hiệu cà phê Việt Nam chất lượng cao gắn với thương hiệu ngành, chỉ dẫn địa lý.	Bộ Công Thương	Ủy ban nhân dân các tỉnh vùng Tây Nguyên, các bộ, ngành có liên quan	Chương trình	2020	Thủ tướng Chính phủ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp trình
4.9	Xây dựng Đề án phát triển thương hiệu thành phố Buôn Ma Thuột trở thành "Thành phố cà phê của thế giới"; phát triển du lịch theo hướng sinh thái, khai thác các giá trị văn hoá địa phương gắn với các di tích quốc gia	UBND TP Buôn Ma Thuột	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh vùng Tây Nguyên, các bộ, ngành có liên quan	Đề án	2021 - 2025	Thủ tướng Chính phủ
4.10	Nghiên cứu lập Đề án xây dựng nông thôn mới thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2021 - 2025: xây dựng 8/8 xã đạt xã nông thôn mới nâng cao và ít nhất 01 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu	UBND Thành phố Buôn Ma Thuột	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh Đắk Lắk	Đề án	2021	
4.11	Rà soát, hoàn thiện Đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các địa phương có liên quan	Đề án	2020	
5	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, xây dựng chính quyền đô thị hiệu quả gắn với công tác anh sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh					

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp trình
5.1	Xây dựng Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao và thu hút nhân tài cho thành phố Buôn Ma Thuột	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Nội vụ	Chương trình	2021	
5.2	Xây dựng cơ chế đặc thù đối với thành phố Buôn Ma Thuột về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Nội vụ	Đề án	2021	
5.3	Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố; tập trung đầu tư phát triển Trường cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên thành trường chất lượng cao vào năm 2025.	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Báo cáo	2021 - 2025	
5.4	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực của tỉnh Đắk Lắk, kết nối với hệ thống dự liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực quốc gia	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành có liên quan	Báo cáo	2021 - 2025	
5.5	Xây dựng Đề án xây dựng thành phố Buôn Ma Thuột trở thành Thành phố thông minh.	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng	Đề án	2022	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp trình
5.6	Xây dựng "Chương trình chuyển đổi số cho thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2030"	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Thông tin và Truyền thông	Chương trình	2020 - 2025	
5.7	Đề án ứng dụng công nghệ số cho thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2030 đối với các lĩnh vực quản lý Nhà nước và phát triển các ngành, lĩnh vực	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề án	2020 - 2025	
5.8	Xây dựng Kế hoạch giám sát các chỉ tiêu thực hiện xây dựng đô thị tăng trưởng xanh	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Xây dựng	kế hoạch	2020	
5.9	Xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy, sáp nhập các phường, xã không đủ tiêu chí theo quy định và các cơ quan, đơn vị đảm bảo bộ máy quản lý hành chính tinh gọn	UBND tỉnh Đắk Lắk	Bộ Nội vụ	Nghị quyết	2021 - 2030	Ủy ban Thường vụ Quốc hội
5.10	Rà soát và hoàn thiện Chương trình hành động của thành phố Buôn Ma Thuột nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức gắn với xây dựng chính quyền đô thị, thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025	UBND TP Buôn Ma Thuột	UBND tỉnh Đắk Lắk, bộ ngành có liên quan	Chương trình	2020	

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp trình
5.11	Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu của thành phố Buôn Ma Thuột giai đoạn 2021 - 2030, xây dựng cơ sở dữ liệu về đất đai, khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu để phục vụ công tác quản lý Nhà nước.	UBND TP Buôn Ma Thuột	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch hành động	2022	
5.12	Rà soát và hoàn thiện Quy hoạch thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ vận hành theo cơ chế Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị; xây dựng các công trình phòng thủ trọng điểm theo kế hoạch	Bộ Quốc phòng	UBND thành phố Buôn Ma Thuột, UBND tỉnh Đắk Lắk, bộ ngành có liên quan	Báo cáo	2021 - 2025	Chính phủ
5.13	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện vũ khí, trang thiết bị phục vụ công tác, chiến đấu, góp phần xây dựng lực lượng công an thành phố Buôn Ma Thuột chính quy, tinh nhuệ, có sức chiến đấu cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới	Bộ Công an	UBND thành phố Buôn Ma Thuột, UBND tỉnh Đắk Lắk, bộ ngành có liên quan	Báo cáo	2021 - 2025	Chính phủ

Phụ lục II

NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỰC HIỆN KẾT LUẬN 67-KT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số ……103…../NQ-CP ngày …09..tháng…7.. năm 2020 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian khởi công, hoàn thành	Dự kiến nguồn vốn
I	***Vốn ngân sách địa phương quản lý (bao gồm hỗ trợ từ ngân sách Trung ương)***			
1	Đường vành đai phía Tây 2	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	2021 - 2025	NSTW hỗ trợ, nguồn vốn NSĐP và các nguồn hợp pháp khác
2	Xây dựng các cảng cạn phục vụ vận tải đa phương thức	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	2021-2030	NSTW hỗ trợ, nguồn vốn NSĐP và các nguồn hợp pháp khác
3	Xây dựng cở sở hạ tầng cửa khẩu Đắk Ruê	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	2021-2030	NSTW hỗ trợ, nguồn vốn NSĐP và các nguồn hợp pháp khác
4	Dự án thoát nước mưa, nước thải trên địa bàn thành phố giai đoạn 3	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	2021-2025	NSTW hỗ trợ, nguồn vốn NSĐP và các nguồn hợp pháp khác
II	***Huy động vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước***			
1	Triển khai đầu tư hạ tầng các khu đô thị mới, khu dân cư tạo vốn đầu tư để triển khai kêu gọi đầu tư các dự án khu thương mại dịch vụ, nhà ở xã hội; xây dựng từ 02 – 04 khu đô thị mới theo hướng hiện đại, đồng bộ, phù hợp các tiêu chí đô thị loại I	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	2021-2030	Nguồn vốn ngoài NSNN
2	Dự án phát triển du lịch hồ Ea Kao	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	2021-2030	Nguồn vốn ngoài NSNN
3	Không gian cảnh quan và sân goft hồ EaKao	Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk	2021-2030	Nguồn vốn ngoài NSNN
III	***Các Bộ, ngành đầu tư***			
1	Phát triển Bệnh viện đa khoa Vùng Tây nguyên	Bộ Y tế	2021-2025	Nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
2	Trung tâm thể thao trọng điểm vùng Tây nguyên	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2021-2025	Nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
3	Nâng cấp trường Đại học Tây nguyên	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021-2025	Nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Thời gian khởi công, hoàn thành	Dự kiến nguồn vốn
4	Khu công nghệ cao và phát triển công nghệ phần mềm	Bộ Khoa học và Công nghệ	2021-2030	Nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
5	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh Tuyến đoạn tránh phía Đông, Thành phố Buôn Ma Thuột	Bộ Giao thông Vận tải	2021-2030	Nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
6	Nâng cấp mở rộng quốc lộ 29	Bộ Giao thông Vận tải	2021-2030	Nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
7	Đường cao tốc Buôn Ma Thuột - Nha Trang (Khánh Hòa)	Bộ Giao thông Vận tải	sau 2020	Nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
8	Đường cao tốc Buôn Ma Thuột - Liên Khương (Lâm Đồng)	Bộ Giao thông Vận tải	sau 2020	Nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
9	Đường sắt Buôn Ma Thuột - Tuy Hòa	Bộ Giao thông Vận tải	sau 2020	Nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác
10	Phát triển Cảng hàng không Buôn Ma Thuột thành cảng hàng không quốc tế	Bộ Giao thông Vận tải	sau 2020	Nguồn vốn NSNN và các nguồn vốn hợp pháp khác

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghị quyết số: 72/2022/QH15	

NGHỊ QUYẾT
Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quy hoạch; ưu đãi thu hút đầu tư; ưu đãi đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Tỉnh Đắk Lắk được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các nguồn tài chính khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 40% số thu ngân sách Tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Phần dư nợ vay tăng thêm so với quy định của Luật Ngân sách nhà nước được dành toàn bộ để đầu tư các dự án trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phù hợp để thành phố Buôn Ma Thuột được hưởng và sử dụng toàn bộ phần dư nợ vay tăng thêm.

2. Tỉnh Đắk Lắk được phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số

đối với dân số của thành phố Buôn Ma Thuột theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 khi xây dựng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này. Số chi tăng thêm được bố trí cho các nhiệm vụ chi được phân cấp của thành phố Buôn Ma Thuột. Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phù hợp để thành phố Buôn Ma Thuột được hưởng và sử dụng toàn bộ phần được bổ sung tăng thêm.

Điều 4. Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

1. Dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột thuộc các lĩnh vực sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản (trừ dự án đầu tư sản xuất, bảo quản, chế biến cà phê quy định tại khoản 2 Điều này); du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái; y tế, giáo dục và đào tạo (trừ các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư theo các chính sách xã hội hóa); sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng, sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp năng lượng tái tạo; đầu tư kinh doanh trung tâm logistics, cảng cạn, kho hàng hóa được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

2. Dự án đầu tư sản xuất, bảo quản, chế biến cà phê trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 30 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

3. Thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế, thu nhập được hưởng ưu đãi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Điều 5. Quản lý quy hoạch

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị thành phố Buôn Ma Thuột đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị của thành phố Buôn Ma Thuột theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Điều 6. Ưu đãi đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt

1. Trong thời gian thực hiện Nghị quyết này, chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt làm việc tại các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố Buôn Ma Thuột được miễn thuế thu nhập cá nhân trong 05 năm đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành quy định chính sách ưu đãi về đào tạo, bồi dưỡng, môi trường làm việc, trang thiết bị làm việc, quy hoạch, bố

nhiệm, tiền lương, tiền công, chế độ phúc lợi và các chính sách khác đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt; tiêu chí xác định đối tượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt trong các lĩnh vực cần thu hút làm việc tại thành phố Buôn Ma Thuột.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với hoạt động của các doanh nghiệp, dự án đầu tư được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định tại Nghị quyết này để có các giải pháp ngăn chặn việc lợi dụng chính ưu đãi; thực hiện các giải pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh khi áp dụng các chính sách thí điểm phù hợp với vị trí chiến lược của thành phố Buôn Ma Thuột và vùng Tây Nguyên.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Chính phủ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2025; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2027.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và được thực hiện trong 05 năm.

2. Các dự án đầu tư quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này cho đến khi hết thời gian thực hiện dự án.

3. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ









THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt, lớn nhất cả nước về dân số và quy mô kinh tế; là một trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ lớn nhất của cả nước; là động lực, đầu tàu, dẫn dắt trong vai trò của một trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục - đào tạo của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước. Thành phố H có vị trí địa lý vô cùng quan trọng của cả nước và khu vực, là cửa ngõ kết nối giao thương quốc tế, là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, về quy mô thành phố chỉ chiếm 0,6% diện tích và 8,3% dân số cả nước nhưng là đầu tàu phát triển kinh tế của quốc gia, GRDP của Thành phố chiếm 23% cả nước, đóng góp 27% vào tổng thu NSNN của cả nước. Thành phố đang đứng trước thời cơ to lớn để phát triển ngang tầm các thành phố lớn trong khu vực châu Á; là nơi thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học, các định chế tài chính, các tập đoàn quốc tế đến đặt trụ sở; nơi thí điểm các cơ chế đột phá, cạnh tranh quốc tế để xây dựng Thành phố thành trung tâm tài chính quốc tế.

Mục tiêu đến năm 2030: Thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao; là thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á.

Tầm nhìn đến năm 2045: Thành phố Hồ Chí Minh phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của Châu Á; là điểm đến hấp dẫn toàn cầu; kinh tế, văn hoá phát triển đặc sắc, người dân có chất lượng cuộc sống cao; là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, cực tăng trưởng của cả nước; nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 31-NQ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá XI, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã nỗ lực phấn đấu đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng trên các lĩnh vực. Thành phố tiếp tục là động lực, đầu tàu, dẫn dắt trong vai trò của một trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, giáo dục - đào tạo của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước, là cửa ngõ quan trọng kết nối với khu vực và thế giới. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, từng bước phát triển theo chiều sâu dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Quy mô kinh tế năm 2020 so với năm 2010 tăng 2,7 lần, GRDP bình quân đầu người tăng gấp đôi. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, phát triển văn hoá, xã hội đạt nhiều kết quả quan trọng; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng nâng lên. Quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế được tăng cường và mở rộng; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đạt kết quả quan trọng, tạo chuyển biến khá tích cực. Phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội không ngừng đổi mới; khối đại đoàn kết dân tộc được tăng cường. Thành quả phát triển Thành phố Hồ Chí Minh thời gian qua đã đóng góp quan trọng vào thành tựu chung của đất nước; khẳng định vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của Thành phố trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, tiềm năng, lợi thế của Thành phố chưa được khai thác hiệu quả. Tính vượt trội, sự năng động, sáng tạo, vai trò đầu tàu, động lực, dẫn dắt đối với vùng và cả nước có chiều hướng suy giảm, kinh tế tăng trưởng chậm, năng lực cạnh tranh quốc tế còn thấp. Những hạn chế, khuyết điểm, vướng mắc chưa được giải quyết dứt điểm thì nhiều khó khăn, thách thức mới phát sinh, trở thành điểm nghẽn cản trở sự phát triển của Thành phố. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

phát triển chậm và thiếu đồng bộ; công tác quy hoạch, quản lý đô thị, sử dụng đất đai còn nhiều hạn chế, yếu kém; giao thông quá tải và ùn tắc; triều cường, ngập úng, ô nhiễm môi trường gia tăng; nhà ở, bệnh viện, trường học, hệ thống phúc lợi xã hội chưa đáp ứng nhu cầu của người dân. Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố bất ổn. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, quản lý nhà nước có mặt còn hạn chế, yếu kém.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết, tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, ý thức trách nhiệm, vì lợi ích chung của một số cấp uỷ, chính quyền và một bộ phận cán bộ, đảng viên của Thành phố chưa cao; chưa tích cực, chủ động phối hợp với các cơ quan Trung ương trong tổ chức thực hiện Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị và Nghị quyết của Quốc hội về phát triển Thành phố. Một số ban, bộ, ngành Trung ương chưa thực sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời cho Thành phố, dẫn đến một số chủ trương thực hiện chậm hoặc chưa đầy đủ, nhiều khó khăn, vướng mắc chậm được tháo gỡ, giải quyết.

II- QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại là nhiệm vụ chính trị quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị, nhất là Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thành phố với phương châm: *"Thành phố Hồ Chí Minh vì cả nước, cả nước vì Thành phố Hồ Chí Minh"*.

- Tập trung ưu tiên hoàn thiện thể chế, chính sách, điều kiện thuận lợi để tạo bước chuyển có tính đột phá trong huy động sức mạnh tổng hợp, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, vị trí chiến lược, thúc đẩy Thành phố Hồ Chí Minh phát triển nhanh, bền vững. Thành phố phải tiếp tục giữ vững vai trò là trung tâm lớn về kinh tế, văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước, có sức lan toả, thúc đẩy phát triển vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; sớm trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ, văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực Đông Nam Á và Châu Á, có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với phát triển văn hoá, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị Thành phố đoàn kết,

gương mẫu, trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, trình độ cao, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; phát huy dân chủ, đồng thuận xã hội, ý chí tự lực, tự cường, truyền thống cách mạng kiên cường, đoàn kết, nghĩa tình của Đảng bộ và Nhân dân Thành phố.

2. Mục tiêu và tầm nhìn

- *Mục tiêu đến năm 2030:* Thành phố Hồ Chí Minh trở thành thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, năng động sáng tạo, có nguồn nhân lực chất lượng cao; là thành phố dịch vụ - công nghiệp hiện đại, đầu tàu về kinh tế số, xã hội số, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, văn hoá, giáo dục, khoa học - công nghệ của cả nước, hội nhập quốc tế sâu rộng, có vị thế nổi trội trong khu vực Đông Nam Á. Tăng trưởng bình quân đạt khoảng 8 - 8,5%/năm; GRDP bình quân đầu người khoảng 14.500 USD; kinh tế số đóng góp 40% vào GRDP.

- *Tầm nhìn đến năm 2045:* Thành phố Hồ Chí Minh phát triển ngang tầm các đô thị lớn trên thế giới, trở thành trung tâm kinh tế, tài chính, dịch vụ của Châu Á; là điểm đến hấp dẫn toàn cầu; kinh tế, văn hoá phát triển đặc sắc, người dân có chất lượng cuộc sống cao; là hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ, cực tăng trưởng của cả nước; nơi thu hút các định chế tài chính và tập đoàn kinh tế quốc tế.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung phát triển kinh tế nhanh và bền vững trên cơ sở đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc tế, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực

- Cơ cấu lại tổng thể kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên nền tảng kinh tế tri thức, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và năng suất lao động cao. Quy hoạch, chuyển đổi mô hình các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu chế xuất theo hướng phát triển công nghệ cao, sáng tạo, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; lựa chọn các sản phẩm và công đoạn có giá trị gia tăng cao tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp theo hướng phát huy tiềm năng, lợi thế của Thành phố, phát triển nông nghiệp đô thị, sinh thái; xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hoá. Phát triển thành phố Thủ Đức trở thành cực tăng trưởng mới, là đô thị sáng tạo, tương tác cao, hạt nhân thúc đẩy kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tập trung xây dựng Thành phố trở thành trung tâm dịch vụ lớn của cả nước và khu vực với các ngành dịch vụ cao cấp, hiện đại; hình thành trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế; có cơ chế, chính sách, hạ tầng kỹ thuật phù hợp để sớm xây dựng thành công Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; hỗ trợ phát triển đồng bộ các thị trường; thúc đẩy kinh tế tri thức, công nghệ số trong các ngành dịch vụ như tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bất động sản, thương mại điện tử, du lịch, văn hoá, thể thao, giáo dục, y tế chất lượng cao... Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, ưu tiên các ngành và sản phẩm ứng dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Phát triển đồng bộ các khu vực kinh tế; hoàn thiện mô hình quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tiếp tục sắp xếp, đổi mới, cổ phần hoá, nâng cao chất lượng, hiệu quả và phát huy vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Thành phố; hỗ trợ khu vực kinh tế tập thể, tổ chức lại các mô hình hợp tác xã kiểu mới; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân; xây dựng một số doanh nghiệp mang tầm quốc gia và toàn cầu.

- Thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc theo hướng ưu tiên các dự án công nghệ cao, quản trị hiện đại và có tác động lan toả, kết nối chặt chẽ với kinh tế trong nước; phát triển công nghiệp hỗ trợ kết nối doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp FDI. Phát huy vai trò động lực, dẫn dắt của đầu tư công, kết hợp khơi thông nguồn vốn từ khu vực tư nhân, đầu tư nước ngoài, các nhà tài trợ và tổ chức tài chính quốc tế. Thực hiện có hiệu quả hợp tác công - tư trong huy động nguồn vốn xã hội và đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng công nghiệp, dịch vụ. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài nguyên, nhất là đất đai nhằm tạo nguồn lực đầu tư phát triển.

- Sắp xếp, cơ cấu lại hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học - công nghệ; xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo mang tầm quốc gia, thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, nhất là các công nghệ lõi, với hạt nhân là Khu Công viên phần mềm Quang Trung, Khu Công nghệ cao, các viện nghiên cứu, trường đại học. Phát triển mạnh thị trường khoa học - công nghệ; có cơ chế, chính sách vượt trội thu hút nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học hàng đầu trong nước và quốc tế; thu hút các tập đoàn đa quốc gia thành lập các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo tại Thành phố.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, đạt trình độ quốc tế ở các lĩnh vực ưu tiên.

2. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch; phát triển đô thị bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại

- Nâng cao chất lượng quy hoạch với tư duy đột phá, tầm nhìn dài hạn nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo không gian và động lực phát triển mới, ổn định, lâu dài cho Thành phố, trọng tâm là lập Quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thành phố đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060; thực hiện đồng bộ các quy hoạch: Quy hoạch phát triển không gian ngầm, không gian xanh, không gian sông nước, không gian văn hoá, đặc biệt là khu vực trung tâm Thành phố, các khu đô thị mới, xung quanh các nhà ga Metro theo mô hình phát triển đô thị gắn kết với giao thông công cộng (TOD). Thực hiện nghiêm kỷ cương quy hoạch, quản lý thực hiện quy hoạch và quản lý quy hoạch kiến trúc. Thực thi quy hoạch tích hợp ngành gắn với phương thức tạo quỹ đất, tài chính đô thị, phát triển giao thông, chính sách nhà ở, quản lý tài nguyên nước và chống ngập nước.

- Phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng đa trung tâm, kết nối vùng, đô thị xanh, đô thị thông minh, phát triển hài hoà giữa nông thôn và đô thị. Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị; kết hợp đồng bộ giữa cải tạo, chỉnh trang đô thị với phát triển đô thị mới, bảo đảm kiến trúc hài hoà, giữ gìn và phát huy các yếu tố văn hoá đặc trưng; tổ chức lại đời sống dân cư nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống trong quá trình cải tạo, chỉnh trang, phát triển đô thị. Thu hút các thành phần kinh tế tham gia phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, cải tạo nhà ở ven kênh rạch, chung cư cũ. Tiếp tục thực hiện lộ trình di dời các cơ sở công nghiệp, trường đại học, bệnh viện theo quy hoạch ra khỏi khu vực nội thành; sử dụng có hiệu quả quỹ đất sau di dời để ưu tiên xây dựng công trình công cộng, phúc lợi xã hội.

- Phát triển ngành xây dựng, thiết kế, thi công với công nghệ hiện đại, phát triển vật liệu mới, năng lượng xanh, tái tạo, thân thiện môi trường. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cải thiện chất lượng không khí, xử lý rác thải, nước thải. Đẩy mạnh phát triển mảng xanh đô thị. Đầu tư hoàn thiện hệ thống cấp nước, thoát nước, chống ngập, xử lý chất thải; quản lý nghiêm việc khai thác, sử dụng nước ngầm; củng cố hệ thống đê ven biển, cống ngăn triều, công trình thuỷ lợi ven sông phục vụ kiểm soát lũ, giải quyết cơ bản tình trạng ngập nước, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước và bảo đảm an ninh nguồn nước; bảo vệ hệ sinh thái rừng ngập mặn, Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ.

- Tập trung đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Thành phố bảo đảm tổng thể, đồng bộ và hiện đại; trong đó, chú trọng phân bổ hợp lý nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, kết hợp đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội cho các dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật, nhất là hình thức đối tác công - tư (PPP). Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng năng lượng, viễn thông đồng bộ, hiện đại; hoàn thành xây dựng các tuyến đường quốc lộ và hệ thống đường kết nối nội vùng, liên vùng theo quy hoạch; đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng các dự án trọng điểm quốc gia, nhất là tuyến vành đai 3, 4, các đường cao tốc, đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất. Xúc tiến đầu tư Cảng trung chuyển quốc tế Cần Giờ, mạng lưới đường sắt kết nối vùng Thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống giao thông công cộng có sức chở lớn, phát triển, khai thác hiệu quả mạng đường sắt đô thị, luồng tàu đường biển, đường sông, bảo đảm kết nối liên hoàn với các tỉnh Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Chủ động thúc đẩy liên kết vùng, phát huy vai trò nòng cốt, đầu tàu của Thành phố trong liên kết phát triển nhằm thực hiện các đột phá chiến lược về phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo động lực, không gian phát triển mới cho vùng Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long và các khu vực, địa phương trong cả nước.

- Tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng logistics, nâng công suất bốc dỡ và kho chứa cảng biển, đón đầu các chuỗi cung ứng; hình thành trung tâm cung ứng dịch vụ logistics tầm cỡ khu vực.

3. Phát triển mạnh mẽ văn hoá, xã hội, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khoẻ Nhân dân, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, xây dựng con người Thành phố văn minh, hiện đại, nghĩa tình, xứng đáng với Thành phố mang tên Lãnh tụ Hồ Chí Minh

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân về nhiệm vụ phát triển văn hoá, xây dựng con người trong giai đoạn mới; xây dựng Thành phố thành trung tâm lớn về văn hoá, có sức lan toả, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cả nước. Coi trọng chỉnh trang không gian, công trình văn hoá bảo đảm giữ gìn Thành phố xanh, sạch, đẹp; bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể, phi vật thể; đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, các thiết chế văn hoá, thể thao đồng bộ, ngang tầm đô thị lớn. Phát triển công nghiệp văn hoá, xây dựng thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ văn hoá, thể thao và sản phẩm du lịch mang tầm quốc tế; đầu tư trọng tâm, trọng điểm hoạt động văn hoá, thể thao

thành tích cao cùng với phát triển sâu rộng phong trào văn hoá, thể dục, thể thao quần chúng.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng Thành phố thành trung tâm lớn về giáo dục và đào tạo, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tiệm cận trình độ quốc tế, thích ứng với quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và hội nhập. Ưu tiên đầu tư ngân sách và có cơ chế, chính sách huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân. Xây dựng hệ thống y tế tiên tiến, hiện đại, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ cao, phát triển một số lĩnh vực tiếp cận trình độ công nghệ thế giới, hướng tới mục tiêu là trung tâm chăm sóc sức khoẻ khu vực ASEAN. Bảo đảm số lượng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế; tăng cường năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở, y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao; chủ động ứng phó hiệu quả các loại dịch bệnh; tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao phủ toàn dân theo phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm". Quyết tâm xây dựng việc làm bền vững, quan hệ lao động hài hoà, tiến bộ. Thực hiện đồng bộ chính sách chăm lo người có công, nâng cao đời sống gia đình chính sách; nâng cao chất lượng công tác giảm nghèo bền vững, nâng mức chuẩn nghèo của Thành phố cao gấp 2 lần so với mức chuẩn chung cả nước. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của người dân và cư dân nông thôn; tập trung phát triển nhà ở xã hội, nhất là nhà ở công nhân và người lao động nghèo.

4. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

- Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh, bố trí thế chiến lược khu vực phòng thủ, bảo đảm hợp thành thế trận liên hoàn, vững chắc, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh phù hợp với quy hoạch tổng thể của thế trận phòng thủ quốc gia; tập trung xây dựng tiềm lực chính trị - kinh tế - quốc phòng, an ninh vững mạnh. Tăng cường lãnh đạo và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng quân đội, công an chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; nghiên cứu quy hoạch phát triển một số ngành và cơ sở công nghiệp có tính lưỡng dụng, sản xuất trang thiết bị hiện đại phục vụ huấn luyện và chiến đấu; đẩy mạnh công tác động viên công nghiệp sẵn sàng phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh.

- Chăm lo xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong mọi tình huống. Chủ động nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hoá âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch,

nhất là trên không gian mạng; sẵn sàng phương án ứng phó các mối đe doạ an ninh phi truyền thống.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa xã hội, nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác phòng, chống, đấu tranh, trấn áp, kéo giảm các loại tội phạm, nhất là tội phạm hình sự, kinh tế, môi trường, ma tuý, tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, sử dụng công nghệ cao bảo đảm an ninh, an toàn cho mọi tầng lớp Nhân dân và khách du lịch đến Thành phố.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; chủ động nắm bắt cơ hội từ các hiệp định thương mại thế hệ mới; củng cố các mối quan hệ truyền thống, mở rộng hợp tác với các thành phố trên thế giới; tăng cường công tác đối ngoại nhân dân, công tác người Việt Nam ở nước ngoài, tạo môi trường quốc tế thuận lợi để phát triển.

5. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

- Tăng cường, kiên quyết, kiên trì công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị về mọi mặt; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu các cấp; xây dựng tổ chức cơ sở đảng phù hợp với mô hình đô thị; chú trọng công tác phát triển đảng viên và nâng cao chất lượng đảng viên; thường xuyên rà soát, sàng lọc và kiên quyết đưa đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, quản lý của các cấp uỷ, chính quyền; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ phẩm chất, năng lực, ngang tầm nhiệm vụ. Chăm lo quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ kế thừa; tạo môi trường thuận lợi và khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giám sát của Hội đồng nhân dân. Tăng cường sự phối hợp giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân với kiểm tra, giám sát của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và giám sát của Nhân dân. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và kiểm soát quyền lực; quyết liệt cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, tạo chuyển biến căn bản về cải thiện môi trường đầu tư, đưa Thành phố trở lại nhóm dẫn đầu các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Đổi mới, nâng cao nhận thức và hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới; thực hiện tốt chính sách tôn giáo, dân tộc. Tập trung giải quyết những vụ việc, khiếu nại, khiếu kiện tồn đọng, phức tạp kéo dài; chú trọng công tác tiếp công dân, giải quyết đúng đắn, kịp thời nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, nhất là những vấn đề bức xúc được dư luận xã hội quan tâm để tạo sự đồng thuận, thống nhất, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng và chế độ.

6. Ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy tính năng động, sáng tạo vì lợi ích chung của cán bộ Thành phố, đáp ứng yêu cầu phát triển Thành phố trong giai đoạn mới

Trên cơ sở tổng kết, tiến hành bổ sung, sửa đổi, sớm ban hành chính sách, pháp luật vượt trội, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Thành phố Hồ Chí Minh khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, huy động mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững:

- Thực hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền cho Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân Thành phố nhằm tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực: Quản lý đầu tư; tài chính - ngân sách; quản lý đô thị, tài nguyên môi trường; quản lý văn hoá và trật tự xã hội; tổ chức, bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Thí điểm chính sách mang tính đột phá để Thành phố chủ động huy động nguồn lực tài chính đầu tư cho phát triển. Giữ tỉ lệ điều tiết ngân sách Thành phố theo mức hiện nay đến hết năm 2025 và tiếp tục giữ ở mức không thấp hơn trong các năm tiếp theo, tạo điều kiện để Thành phố có nguồn lực bổ sung cho các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá chiến lược, đầu tư phát triển các dự án hạ tầng trọng điểm và nâng cao phúc lợi của người dân, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Ban hành chính sách thúc đẩy hình thành và phát triển Trung tâm Tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh; cho thí điểm cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ trong lĩnh vực tài chính và chính sách ưu đãi thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào Trung tâm Tài chính quốc tế.

- Xây dựng cơ chế đột phá thu hút nguồn lực đầu tư phát triển và thúc đẩy xã hội hoá trong các lĩnh vực: Y tế, giáo dục và đào tạo, văn hoá, thể thao; nâng cao hiệu quả các loại hình liên kết đầu tư trong các lĩnh vực này. Áp dụng thí điểm việc lựa chọn nhà đầu tư theo phương thức đối tác công - tư để triển khai thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hoá, thể thao và khoa học - công nghệ.

- Cho thực hiện cơ chế cần thiết để xử lý những dự án đầu tư, những công trình tồn đọng nhiều năm do vướng mắc về cơ chế, thủ tục.

- Tiến hành sơ kết việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị, tiếp tục hoàn thiện tổ chức, bộ máy chính quyền Thành phố tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; cho phép Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định việc giao một số nhiệm vụ theo quy định pháp luật, thuộc chức năng của các sở, ngành chuyên môn cho Uỷ ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Thủ Đức trong phạm vi địa bàn thành phố Thủ Đức; quyết định tổ chức bộ máy trực thuộc thành phố Thủ Đức, vị trí việc làm, cơ cấu số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại các phường, xã, thị trấn dựa trên hoạt động kinh tế, quy mô dân số và đặc điểm địa bàn.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh khẩn trương xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, xác định các nhiệm vụ, giải pháp thật cụ thể, gắn kết chặt chẽ với việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố. Tổ chức sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn Đảng bộ và Nhân dân nhằm quán triệt, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển Thành phố, khơi dậy lòng tự hào về truyền thống cách mạng, anh hùng, đi đầu đổi mới, năng động, sáng tạo.

Chỉ đạo chính quyền Thành phố phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành khẩn trương xây dựng, hoàn chỉnh Đề án ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14 trình Quốc hội sớm nhất.

2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo ban hành Nghị quyết của Quốc hội (thay thế Nghị quyết số 54/2017/QH14) để cho phép thí điểm cơ chế, chính sách vượt trội phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng cơ chế để cụ thể hoá thực hiện Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị; xem xét hoàn thiện thể chế, chính sách về đô thị đặc biệt, chính quyền đô thị; sửa đổi, bổ sung các luật, nghị quyết có liên quan để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện và giám sát thực hiện Nghị quyết mới.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo:

- Ban hành Chương trình hành động tổ chức thực hiện Nghị quyết; Đề án triển khai thực hiện Kết luận số 14-KL/TW, ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị, chọn Thành phố Hồ Chí Minh làm thí điểm; định kỳ hằng năm và khi cần thiết

làm việc với Thành phố Hồ Chí Minh để tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển Thành phố. Ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng giao thông theo quy hoạch cấp quốc gia và do ngân sách trung ương bảo đảm.

- Chỉ đạo các bộ, ngành phối hợp với Thành phố hoàn chỉnh Đề án ban hành Nghị quyết mới về thí điểm cơ chế, chính sách vượt trội phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trình Quốc hội; ban hành Nghị định của Chính phủ cụ thể hoá tổ chức thực hiện Nghị quyết của Quốc hội; phối hợp với Thành phố tổ chức triển khai thí điểm một số cơ chế, chính sách vượt trội; thực hiện phân cấp, phân quyền cho Thành phố trên một số lĩnh vực theo Chương trình hành động của Chính phủ; đề xuất nghiên cứu hoàn thiện thể chế pháp luật về đô thị đặc biệt và sửa đổi các luật, nghị định liên quan.

4. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên quan tâm, phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết.

5. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh uỷ, thành uỷ vùng Đông Nam Bộ, đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tăng cường mối quan hệ liên kết, hợp tác phát triển với Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan liên quan hướng dẫn tuyên truyền và quán triệt thực hiện Nghị quyết.

7. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; phối hợp với Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.









THÀNH PHỐ CẦN THƠ



Thành phố Cần Thơ có vị trí địa lý trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), đã và đang được trung ương hỗ trợ để phấn đấu trở thành trung tâm đa chức năng, có sức lan tỏa về kinh tế, văn hóa, xã hội, đóng vai trò quan trọng về quốc phòng, an ninh đối với vùng ĐBSCL. Đến cuối năm 2022, thành phố có tổng diện tích tự nhiên 1.438,96 km2; 9 đơn vị hành chính trực thuộc gồm 5 quận và 4 huyện, với 83 đơn vị hành chính cấp phường, Thị trấn, xã . Quy mô dân số là 1.252.348 người, trong đó: tỷ lệ dân cư thành thị chiếm 70,5%, dân cư nông thôn chiếm 29,5%.

Thành phố Cần Thơ đang dần khẳng định được vai trò là cửa ngõ của cả vùng hạ lưu sông Mê Công, là trung tâm kinh tế, giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, khoa học - công nghệ của vùng, đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế; là địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL và cả nước.

Mục tiêu đến năm 2030: Cần Thơ là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc văn hóa sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm của vùng về dịch vụ thương mại, du lịch, logistiscs, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao; là đô thị hạt nhân vùng đồng bằng sông Cửu Long; đời sống vật chất và tinh thần của người dân đạt mức cao; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

Tầm nhìn đến năm 2045: Cần Thơ là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long; thuộc nhóm các thành phố phát triển khá ở Châu Á.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG * Số 59-NQ/TW	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM *Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thành phố Cần Thơ đã khai thác và phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế cho phát triển; kinh tế tăng trưởng khá với chất lượng tăng trưởng được nâng lên, đạt mức bình quân 7,27%/năm, cao hơn mức trung bình cả nước. Năm 2019, quy mô nền kinh tế tăng 7 lần so với năm 2005; tổng sản phẩm bình quân đầu người (GRDP) đạt mức 88,3 triệu đồng/năm, tăng 7 lần so với năm 2005; ngân sách tự cân đối và có điều tiết về Trung ương; từng bước trở thành một trong những động lực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng dịch vụ và công nghiệp là chủ đạo, từng bước khẳng định vai trò trung tâm của vùng đồng bằng sông Cửu Long về công nghiệp và dịch vụ. Hoàn thành trước thời hạn chương trình nông thôn mới và tiếp tục xây dựng các xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

Công tác quy hoạch và phát triển đô thị được thực hiện tốt, trở thành đô thị loại I trực thuộc Trung ương với tiêu chí *"sáng, xanh, sạch, đẹp"*; hướng tới là đô thị hạt nhân của vùng đồng bằng sông Cửu Long và là 1 trong 6 đô thị trọng điểm thực hiện Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu. Kết cấu hạ tầng đô thị, đặc biệt là hạ tầng giao thông được cải thiện, kết nối mạng lưới đô thị vùng, góp phần giúp Cần Thơ thực hiện vai trò đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế. Công tác khai thác, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được tích cực triển khai; được vinh danh, nhận *"Chứng chỉ ASEAN thành phố tiềm năng để trở thành thành phố bền vững về môi trường lần thứ 3 về không khí sạch"*. Hợp tác quốc tế và liên kết vùng, đặc biệt là hợp tác phát triển vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long được

thúc đẩy, bước đầu đạt được kết quả tích cực. Văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ, từng bước khẳng định vai trò trung tâm vùng đồng bằng sông Cửu Long về văn hoá, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; tỉ lệ hộ nghèo giảm mạnh, ở mức thấp nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long và thấp hơn nhiều so với mức trung bình toàn quốc; nhiều việc làm mới được tạo ra, an sinh xã hội được bảo đảm. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị luôn được quan tâm, công tác dân tộc, tôn giáo được thực hiện tốt; hoạt động của bộ máy hành chính từng bước được đổi mới theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

2. Tuy nhiên, việc triển khai Nghị quyết trong thời gian qua đã bộc lộ một số hạn chế, yếu kém. Phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chưa thực sự là trung tâm động lực của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Cơ cấu kinh tế nội ngành chuyển dịch chậm, nhất là ngành công nghiệp; phát triển của ngành dịch vụ chưa tạo ra được sự đột phá, chưa trở thành trung tâm dịch vụ lớn, đa ngành của vùng; nông nghiệp chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế, chưa thể hiện rõ vai trò sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch đô thị còn yếu kém, thiếu bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông chưa đồng bộ, hiện đại, chất lượng chưa cao, là điểm nghẽn đối với phát triển của thành phố Cần Thơ và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thành phố Cần Thơ chưa thực sự trở thành đô thị hạt nhân liên kết và kết nối vùng. Phát triển văn hoá, xã hội còn nhiều bất cập. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị di sản còn nhiều hạn chế. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng, chống tội phạm phát triển chưa vững chắc. Chất lượng tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị chuyển biến chưa đồng đều. Hệ thống dân vận, mặt trận, đoàn thể có lúc, có nơi chậm đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động.

3. Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức và việc quán triệt về trách nhiệm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết số 45-NQ/TW của thành phố còn chưa tốt, dẫn đến việc tổ chức thực hiện Nghị quyết chưa quyết liệt, thiếu đồng bộ. Trong một số trường hợp, sự phối hợp của thành phố với các ban, bộ, ngành Trung ương chưa thường xuyên, chặt chẽ. Cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố chưa đủ mạnh để tạo ra động lực mới cho phát triển, nhất là trong thu hút đầu tư. Một số bộ, ngành Trung ương còn bị động về nguồn lực, chậm triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị

quyết và một số dự án, công trình trọng điểm, có vai trò thúc đẩy sự phát triển của thành phố Cần Thơ và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thiếu cơ chế hợp tác và liên kết vùng hiệu quả. Tiềm năng, lợi thế, nội lực của thành phố chưa được khai thác, phát huy đúng mức. Công tác xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp còn hạn chế. Nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có quy mô nhỏ, chậm đổi mới công nghệ, thiếu liên kết trong sản xuất, kinh doanh, chậm nắm bắt cơ hội thị trường; số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn ít; chưa thu hút được các nhà đầu tư chiến lược đầu tư vào thành phố.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển Cần Thơ thành thành phố trung tâm vùng, sinh thái, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa không chỉ về kinh tế - xã hội mà cả về chính trị, quốc phòng, an ninh. Đây là nhiệm vụ không chỉ của riêng Cần Thơ mà còn là nhiệm vụ của cả vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, trong đó xác định nguồn lực nội tại của Cần Thơ là chủ lực, nguồn lực Trung ương có vai trò hỗ trợ, thúc đẩy nhanh sự phát triển của Cần Thơ.

- Xây dựng và phát triển Cần Thơ phải trên cơ sở khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của thành phố, của vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhất là vai trò trung tâm vùng, vị trí cửa ngõ của vùng hạ lưu sông Mê Công; cảng biển và cảng hàng không quốc tế; tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên đất và nước; di sản văn hoá, lịch sử đặc sắc, nhất là của đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; coi biến đổi khí hậu vừa là thách thức, vừa là cơ hội để thành phố thể hiện vai trò trung tâm vùng, dẫn dắt và có tác động lan toả tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương khác trong vùng. Phát triển nhanh và bền vững thành phố Cần Thơ trên cơ sở phát triển công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, dịch vụ giá trị gia tăng cao, cung cấp đầu vào, đầu ra cho chuỗi giá trị hàng hoá và dịch vụ của toàn vùng; xác định công nghiệp chế biến nông sản, thuỷ sản là mũi nhọn của ngành công nghiệp. Cần Thơ không chỉ là một cực tăng trưởng của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, mà còn đóng vai trò kết nối nước ta với các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng.

- Tập trung nghiên cứu và ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới, nhất là công nghệ của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút nhân tài và năng lực hội nhập quốc tế của địa phương và doanh nghiệp; xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của mọi thành phần kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân cho phát triển, đặc biệt là phát triển hạ tầng giao thông, đô thị và những vùng, ngành, lĩnh vực kinh tế có tiềm năng, lợi thế.

- Phát triển kinh tế của địa phương, nhất là trong thu hút các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cần bảo đảm quốc phòng, an ninh theo tinh thần Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị, tránh để bị động, bất ngờ; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, đô thị hoá với xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Tăng cường năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, truyền thống văn hoá, cách mạng của người dân Cần Thơ.

2. Tầm nhìn và mục tiêu

Mục tiêu đến năm 2030

Cần Thơ là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc văn hoá sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm của vùng về dịch vụ thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hoá, thể thao; là đô thị hạt nhân vùng đồng bằng sông Cửu Long; đời sống vật chất và tinh thần của người dân đạt mức cao; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

Một số chỉ tiêu cụ thể

Giai đoạn 2021 - 2025

Tăng trưởng GRDP đạt mức 7,5 - 8%/năm. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 10 - 12,5%/năm. Phấn đấu tổng thu ngân sách nhà nước hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu dự toán Trung ương giao. Tốc độ đổi mới công nghệ máy móc, thiết bị đạt 12 - 13%/năm.

Đến năm 2025, GRDP/người đạt 6.200 - 6.800 USD. Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ chiếm 54,17 - 54,73% GRDP, công nghiệp và xây dựng chiếm

33,71 - 33,99%, nông nghiệp chiếm 5,61 - 5,9%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,94 - 5,95%. Tổng sản phẩm công nghệ cao so với tổng giá trị sản phẩm đạt 35 - 40%.

Có 24 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỉ lệ dân số được cung cấp nước sạch đạt 97%, trong đó đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 94%. Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn ở đô thị đạt 100%. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95%. Tỉ lệ hộ nghèo ở mức dưới 0,5%. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 80 - 85%. Tỉ lệ đô thị hoá đạt 76%.

Giai đoạn 2026 - 2030

Tăng trưởng GRDP tăng 7 - 7,5%/năm. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 9 - 11,5%/năm. Phấn đấu tổng thu ngân sách nhà nước hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu dự toán Trung ương giao. Tốc độ đổi mới công nghệ máy móc, thiết bị đạt trên 15%/năm.

Đến năm 2030, GRDP/người đạt 9.400 - 11.000 USD. Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ chiếm 56,49 - 56,71% GRDP, công nghiệp và xây dựng chiếm 34,02 - 34,28%, nông nghiệp chiếm 3,42 - 4%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5 - 5,59%. Tổng sản phẩm công nghệ cao so với tổng giá trị sản phẩm đạt khoảng 45 - 50%.

100% số hộ được cung cấp đầy đủ nước sạch. Hầu hết chất thải rắn được thu gom và xử lý. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100%. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 85 - 90%. Về cơ bản không còn hộ nghèo. Tỉ lệ đô thị hoá đạt 80%.

Tầm nhìn đến năm 2045

Cần Thơ là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long; thuộc nhóm các thành phố phát triển khá ở Châu Á.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tạo sự thống nhất cao về nhận thức từ Trung ương tới địa phương, từ doanh nghiệp đến người dân về vai trò trung tâm của thành phố

Cụ thể hoá vai trò trung tâm vùng của thành phố trong định hướng, quy hoạch, chiến lược và chính sách phát triển thành phố, phát triển vùng và phát triển của từng địa phương trong vùng, cũng như trong các chương trình hành động với đầy đủ các nguồn lực và cơ chế phát triển phù hợp với vai trò trung tâm vùng của thành phố.

2. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch đô thị trên cơ sở phát huy ở mức cao nhất các tiềm năng, lợi thế không chỉ của thành phố mà của cả vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Xây dựng quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long. Quy hoạch đô thị theo hướng đô thị sông nước sinh thái, văn minh và hiện đại; đô thị hạt nhân của vùng đồng bằng sông Cửu Long, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái. Mở rộng không gian và chức năng đô thị. Thí điểm xây dựng đô thị thông minh và mô hình quản trị đô thị ở một số quận trong giai đoạn 2020 - 2025, nhân rộng ra toàn thành phố sau năm 2025.

- Phát triển ngành công nghiệp theo hướng công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp công nghệ thông tin. Phát triển ngành nông nghiệp theo hướng gia tăng giá trị nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với du lịch, đô thị và thị trường tiêu thụ; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển nông nghiệp với xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu. Phát triển ngành dịch vụ theo hướng đa dạng, giá trị gia tăng cao, trong đó du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; dịch vụ hỗ trợ phát triển công nghiệp và nông nghiệp của thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng và liên vùng; là cơ sở để thành phố phát huy vai trò trung tâm, động lực phát triển vùng; là đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế

- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; xây dựng khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin; khai thác và vận hành hiệu quả Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc; thu hút đầu tư Khu công nghiệp hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản. Phát triển hạ tầng cho phát triển kinh tế số, công nghệ thông tin, viễn thông và các dạng năng lượng điện mới, năng lượng tái tạo.

Phát triển hệ thống thuỷ lợi bảo đảm tưới, tiêu và bảo vệ sản xuất nông nghiệp khi triều cường. Xây dựng trung tâm phát triển thuỷ sản vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Cần Thơ. Hiện đại hoá cơ sở hạ tầng thương mại. Thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm logistics hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, đặc biệt là trung tâm logistics phục vụ nhóm hàng nông - thuỷ sản. Phát triển Cảng Cái Cui thành cảng biển quốc tế, bảo đảm thực hiện tốt vai trò

là động lực phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long, tạo tiền đề quan trọng để hình thành hệ thống logistics đồng bộ liên hoàn với cả nước. Đẩy nhanh việc xây dựng trung tâm logistics hàng không tại sân bay Cần Thơ nhằm nâng cao lưu lượng hàng hoá thông qua đường hàng không.

- Hoàn thành các dự án trọng điểm như tuyến cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, cầu Mỹ Thuận 2, các dự án thành phần của Dự án kết nối trung tâm đồng bằng Mê Công; từng bước hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ, tuyến cao tốc trục dọc, trục ngang, kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long nói chung và Cần Thơ nói riêng; hoàn chỉnh giai đoạn 2 của dự án đầu tư xây dựng luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào Sông Hậu, đáp ứng cho tàu có trọng tải từ 10.000 - 20.000 tấn vào các cảng của thành phố Cần Thơ; hoàn chỉnh giai đoạn 2 của Dự án nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo; nghiên cứu triển khai nạo vét, cải tạo kênh mương Khai Đốc Phủ Hiền kết nối giữa Sông Tiền và Sông Hậu; triển khai dự án phát triển các hành lang đường thuỷ và logistics khu vực phía Nam; đầu tư phát triển Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ đáp ứng nhu cầu phát triển, phù hợp với quy hoạch mạng cảng hàng không quốc gia giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; nghiên cứu phương án đầu tư tuyến đường sắt kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với Cần Thơ.

4. Thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư từ mọi thành phần kinh tế cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là cho phát triển cơ sở hạ tầng và các ngành kinh tế có tiềm năng, lợi thế

- Tập trung nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội lớn, quan trọng, thiết yếu, tạo động lực phát triển thành phố và có tác động lan toả ra toàn vùng. Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp với năng lực của thành phố và có tính tương đồng với các thành phố trực thuộc Trung ương khác trong cả nước; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo đột phá trong thu hút nguồn vốn từ khu vực tư nhân cho phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế. Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), nhất là đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông.

- Thu hút có chọn lọc các dự án có vốn đầu tư nước ngoài có trình độ công nghệ cao, bảo đảm quốc phòng, an ninh, môi trường sinh thái. Chủ động triển khai và khai thác có hiệu quả các thỏa thuận tại các hiệp định thương mại tự do (FTA), nhất là các FTA thế hệ mới và các FTA của ASEAN với các đối tác lớn. Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, tạo điều kiện hình thành các

doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, viễn thông. Phát triển mô hình kinh tế tập thể, hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao.

5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, dịch vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố và vùng đồng bằng sông Cửu Long, khẳng định vị thế là trung tâm giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế chuyên sâu của vùng

- Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới cơ sở giáo dục từ mầm non đến đại học. Đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu xã hội, chú trọng đào tạo các nghề trọng điểm đạt trình độ các nước khu vực ASEAN và thế giới. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức của thành phố. Tăng cường tự chủ và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các trường đại học.

- Đầu tư, hỗ trợ thành lập các trung tâm ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; nâng cao năng lực các trung tâm ứng dụng, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, các viện nghiên cứu chuyên ngành. Hình thành sàn giao dịch công nghệ, kết nối Cần Thơ với các trung tâm trong nước và quốc tế. Phát triển các nhóm nghiên cứu đổi mới sáng tạo, các tổ chức tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp; các doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao, đẩy mạnh hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ.

- Hoàn thiện hệ thống y tế; hiện đại hoá thiết bị các bệnh viện; đầu tư nâng cấp đạt chuẩn quốc gia, quốc tế các trung tâm y tế.

- Nghiên cứu phát triển các mô hình liên kết, hợp tác, trong đó tập trung nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, viện nghiên cứu trên toàn thành phố. Nghiên cứu phương án hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, nhằm cải thiện công nghệ, nâng cao trình độ nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế địa phương.

6. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hoá và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; khẳng định vị thế là trung tâm văn hoá, du lịch và thể thao của vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thực hiện tốt công tác tôn giáo và dân tộc

- Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá của người dân, xây dựng con người Cần Thơ *"Trí tuệ, năng động, nhân ái, hào hiệp, thanh lịch"*. Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hoá vật thể, phi vật thể, gắn với phát triển du lịch. Triển khai xây dựng và hoàn thành Dự án khu hành chính cấp tỉnh, trung tâm văn hoá Tây Đô của thành phố.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trên cơ sở phát huy các tiềm năng, lợi thế sẵn có, tăng cường liên kết, hợp tác trong và ngoài vùng; đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ; thu hút đầu tư vào các khu du lịch quy mô lớn, hiện đại.

- Mở rộng và đa dạng hoá các hoạt động thể thao quần chúng, cùng với việc đầu tư phát triển các môn thể thao mũi nhọn, thành tích cao; thúc đẩy xã hội hoá, thu hút nguồn lực đầu tư xây dựng các thiết chế thể thao đạt tiêu chuẩn cấp vùng.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách trợ giúp thường xuyên và đột xuất đối với các đối tượng yếu thế trong xã hội. Lồng ghép các chương trình, đề án, kế hoạch của Chính phủ và thành phố để huy động nguồn lực, đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào có đạo; tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được Nhà nước công nhận, đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái; hướng tới là trung tâm ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, nhất là tài nguyên nước bằng các giải pháp công trình kết hợp phi công trình; hạn chế tối đa việc khai thác nước ngầm; kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải, rác thải, khí thải tại các khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư. Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý chất thải rắn, chất thải y tế, chất thải độc hại.

- Chủ động phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành phố để xây dựng Cần Thơ trở thành trung tâm ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng; thực hiện tốt Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

8. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước; hợp tác giữa các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; phát huy vai trò trung tâm, trở thành hạt nhân liên kết của vùng; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

- Chủ động đề xuất phương án, lĩnh vực hợp tác phù hợp theo nguyên tắc tự nguyện, tôn trọng lẫn nhau và đôi bên cùng có lợi trên cơ sở phát huy

vai trò trung tâm của thành phố và tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác giữa các trường đại học, các tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ, các nhà khoa học hoạt động trên địa bàn thành phố với các trường đại học, các tổ chức nghiên cứu khoa học - công nghệ, các nhà khoa học trong, ngoài vùng và ở nước ngoài, cũng như với các doanh nghiệp và người nông dân trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ.

- Xây dựng trung tâm thu thập và xử lý thông tin hiện đại, ứng dụng công nghệ mới về vùng đồng bằng sông Cửu Long, phục vụ mục tiêu phát triển và quản lý vùng. Tận dụng tốt cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do khu vực và liên khu vực.

9. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh

- Kết hợp chặt chẽ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố với việc xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh vững chắc trong khu vực phòng thủ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh; việc đầu tư xây dựng các chiến lược, dự án, công trình phát triển kinh tế - xã hội phải bảo đảm tính lưỡng dụng, sẵn sàng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi cần thiết.

- Đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong từng giai đoạn cụ thể. Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hoá, tư tưởng, thông tin, an ninh mạng và an ninh xã hội. Xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn tội phạm; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, ổn định.

10. Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh

- Thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các nghị quyết của Trung ương, nhất là các nghị quyết về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, tiên phong, gương mẫu trong công tác, đạo đức và lối sống.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền; xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, phục vụ tốt các yêu cầu của nhân dân và doanh nghiệp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đề cao đạo đức công vụ; xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của hệ thống dân vận; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: (1) Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết. (2) Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý cho thành phố Cần Thơ, bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước trình Quốc hội xem xét, ban hành.

2. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố Cần Thơ triển khai nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ sự đồng thuận của xã hội, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm sớm đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên quan tâm, phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thành phố Cần Thơ phát triển theo tinh thần Nghị quyết.

4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trong cả nước, nhất là các tỉnh uỷ, thành uỷ vùng đồng bằng sông Cửu Long cần tích cực xây dựng và củng cố mối quan hệ liên kết, hợp tác với thành phố Cần Thơ để thúc đẩy cùng nhau phát triển.

5. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

Nơi nhận:
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 98 /NQ-CP	*Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Trên cơ sở kết quả Phiếu lấy ý kiến của các thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu báo cáo, tính khả thi, sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư công trung hạn và các quy định pháp luật có liên quan của các nhiệm vụ, dự án tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương, các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm soát nhân dân tối cao;
- Ủy ban giám sát tài chính quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, QHĐP (2) S.Tùng. 109

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ
Thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 5 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Chính phủ ban hành Chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Việc xây dựng và ban hành Chương trình hành động của Chính phủ nhằm thống nhất trong công tác chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức quán triệt, triển khai, tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành và nhân dân thành phố Cần Thơ về tầm quan trọng của việc triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã nêu tại Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị nhằm khai thác, phát huy hiệu quả, tiềm năng, lợi thế của thành phố Cần Thơ.

3. Phát huy vai trò kiến tạo, điều phối của Chính phủ theo nguyên tắc phân công phân nhiệm rõ ràng, tập trung, dân chủ, phối hợp chặt chẽ gắn với trách nhiệm của từng Bộ, ngành, địa phương và đảm bảo tính khả thi. Đẩy mạnh việc phân cấp, phân quyền cho các bộ, ngành và thành phố Cần Thơ gắn với công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát nhằm phát huy mạnh mẽ tinh thần chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường của Thành phố.

4. Phấn đấu một số chỉ tiêu chủ yếu:

a) Giai đoạn 2021 - 2025:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 5 năm đạt mức 7,5 - 8%/năm. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 10 - 12,5%/năm. Phấn đấu tổng thu ngân sách nhà nước hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu dự toán Trung ương giao. Tốc độ đổi mới công nghệ máy móc, thiết bị đạt 12 - 13%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân hằng năm từ 11 - 15%.

- Đến năm 2025, GRDP/người đạt 6.200 - 6.800 USD. Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ chiếm 54,17 - 54,73% GRDP, công nghiệp và xây dựng chiếm 33,71 - 33,99%, nông nghiệp chiếm 5,61 - 5,9%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,94 - 5,95%. Tổng sản phẩm công nghệ cao so với tổng giá trị sản phẩm đạt 35 - 40%. Giá trị năng suất lao động xã hội đạt 297,18 triệu đồng/lao động/năm.

- Có 24 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 8 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỉ lệ dân số được cung cấp nước sạch đạt 97%, trong đó đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 94%. Tỉ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn ở đô thị đạt 100%. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân đạt 95%. Tỉ lệ hộ nghèo ở mức dưới 0,5%. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 80 - 85%. Tỉ lệ đô thị hóa đạt 76%.

b) Giai đoạn 2026 - 2030:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân 5 năm đạt mức 7 - 7,5%/năm. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 9 - 11,5%/năm. Phấn đấu tổng thu ngân sách hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu dự toán Trung ương giao. Tốc độ đổi mới công nghệ máy móc, thiết bị đạt trên 15%/năm.

- Đến năm 2030, GRDP/người đạt 9.400-11.000 USD. Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ chiếm 56,49 - 56,71%, công nghiệp và xây dựng chiếm 34,02 - 34,28%, nông nghiệp chiếm 3,42 - 4%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5 - 5,59%. Tổng sản phẩm công nghệ cao so với tổng giá trị sản phẩm đạt khoảng 45-50%.

- 100% số hộ được cung cấp đầy đủ nước sạch. Hầu hết chất thải rắn được thu gom và xử lý. Tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100%. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 85 - 90%. Về cơ bản không còn hộ nghèo. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 80%.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

Để đạt được các chỉ tiêu cụ thể nêu trên, các Bộ, ngành và thành phố Cần Thơ chủ động xây dựng kế hoạch hành động triển khai 10 nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị; tập trung 07 nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Công tác quán triệt, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của xã hội trong xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị

- Các bộ, cơ quan liên quan và thành phố Cần Thơ khẩn trương triển khai công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung của Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, nâng tầm tư duy và tạo quyết tâm cao của các ngành, các cấp về nhiệm vụ xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ trong thời gian tới.

- Các bộ, cơ quan liên quan và thành phố Cần Thơ chủ động phối hợp tốt với các cơ quan thông tấn, báo chí để tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết với quy mô sâu rộng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

và áp dụng nhiều hình thức, phương thức truyền thông đa dạng, kết hợp với việc tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ XIV.

2. Thực hiện tốt công tác quy hoạch và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm để phát huy vai trò là trung tâm, cực tăng trưởng của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước

- Lập quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo phù hợp với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xây dựng các phương án phát triển các ngành, lĩnh vực theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghiệp công nghệ thông tin; phát triển ngành dịch vụ theo hướng đa dạng và đem lại giá trị gia tăng cao, trong đó du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và chú trọng phát triển dịch vụ hỗ trợ, logistics; phát triển ngành nông nghiệp hiệu quả cao thông qua ứng dụng công nghệ cao, gia tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với phát triển du lịch, thị trường tiêu thụ, tạo lập thương hiệu nông sản và xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

- Điều chỉnh Đồ án quy hoạch chung thành phố Cần Thơ theo hướng đô thị sông nước, sinh thái, văn minh và hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và là đô thị hạt nhân của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Phát triển các đô thị vệ tinh tại các huyện: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai; khu đô thị sinh thái huyện Phong Điền; đô thị truyền thống quận Ninh Kiều; đô thị hiện đại tại các quận: Cái Răng, Bình Thủy, Thốt Nốt; thực hiện thí điểm xây dựng đô thị thông minh và mô hình quản trị đô thị ở một số quận trong giai đoạn 2021 - 2025, từng bước nhân rộng ra toàn Thành phố sau năm 2025.

- Đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế tập thể, ưu tiên phát triển các hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao; thực hiện các chính sách tập trung đất đai và mở rộng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn theo chuỗi giá trị; nghiên cứu áp dụng một số thành tựu điển hình về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nước và quốc tế.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối; tập trung nguồn lực để nghiên cứu, thực hiện một số nội dung sau:

- Hoàn thành các dự án trọng điểm kết nối nội vùng và liên vùng như: Tuyến cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ - Cà Mau, các tuyến Sóc Trăng - Cần Thơ - Châu Đốc, Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, cầu Mỹ Thuận 2 và cầu Cần Thơ 2. Nghiên cứu việc triển khai tuyến đường sắt kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với Cần Thơ và Cà Mau. Từng bước hoàn chỉnh các tuyến giao thông trọng điểm của Thành phố: Đường vành đai phía tây thành phố Cần Thơ kết nối Quốc lộ 91 và Quốc lộ 61C; Tuyến đường nối Quốc lộ 91 với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang;

Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn Trà Nóc - Bình Thủy) và tuyến đường nối thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang và thành phố Cần Thơ (Quốc lộ 61C).

- Hoàn chỉnh giai đoạn 2 của dự án đầu tư xây dựng luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu, đáp ứng cho tàu có tải trọng từ 10.000 tấn đầu tải, 20.000 tấn giảm tải vào các cảng của thành phố Cần Thơ; hoàn chỉnh giai đoạn 2 của dự án nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo; nghiên cứu tình hình sạt lở, lưu lượng nước lũ và xâm nhập mặn trên sông Hậu trong quá trình nghiên cứu tổng thể tình hình của Vùng và triển khai nạo vét, cải tạo kênh Mương Khai - Đốc Phủ Hiền kết nối giữa sông Tiền và sông Hậu, triển khai dự án phát triển các hành lang vận tải đường thủy và logistics khu vực phía Nam.

- Tiếp tục đầu tư phát triển Cảng Cái Cui thành cảng biển quốc tế có thể tiếp nhận được tàu trọng tải lớn, phù hợp với tuyến luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu; nghiên cứu nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ đáp ứng nhu cầu phát triển, phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nghiên cứu thành lập mới các khu công nghiệp dọc theo các trục giao thông phía Tây Nam của Thành phố, trên địa bàn quận Thốt Nốt và các huyện: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai và Phong Điền; chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cơ sở hạ tầng và quỹ đất để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư, khai thác có hiệu quả các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc, Khu công nghiệp hữu nghị Việt Nam - Nhật Bản.

- Phát triển hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế số, công nghệ thông tin, viễn thông và các dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và phát triển Trung tâm điện lực Ô Môn thành Trung tâm năng lượng vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Nghiên cứu xây dựng Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc tế cấp Vùng và Trung tâm thu thập và xử lý thông tin hiện đại cấp Vùng tại thành phố Cần Thơ.

- Nâng cấp, cải tạo và đầu tư đồng bộ các hệ thống thủy lợi và cấp nước, hệ thống kè chống sạt lở phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Nâng cấp Viện nghiên cứu lúa đồng bằng sông Cửu Long thành Trung tâm nghiên cứu giống lúa, phấn đấu đạt trình độ của các nước khu vực ASEAN; nghiên cứu, đề xuất xây dựng Trung tâm phát triển thủy sản Cần Thơ gắn với vùng nuôi trồng thủy sản đồng bằng sông Cửu Long. Phát triển cơ sở hạ tầng các vùng sản xuất giống vật nuôi, cây trồng chủ lực.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực nghiệm tiên tiến cho các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn, trong đó tập trung nguồn lực đầu tư, nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Y Dược, Trường Cao đẳng Nghề thành phố Cần Thơ; ưu tiên Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

- Đầu tư, hỗ trợ thành lập các trung tâm ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, khoa học và công nghệ.

- Triển khai xây dựng và hoàn thành Dự án khu hành chính Thành phố, Trung tâm văn hóa Tây Đô.

4. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế, đặc biệt là trong các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế

- Nghiên cứu, đánh giá các cơ chế chính sách, kinh nghiệm, cách làm hay ở trong nước và quốc tế, đặc biệt là các cơ chế, chính sách về đầu tư, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý tài chính, huy động nguồn lực đang được áp dụng tại các thành phố, các trung tâm phát triển thuộc các vùng trong cả nước để đề xuất với cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp quản lý phù hợp với điều kiện thực tiễn và xu hướng phát triển của thành phố Cần Thơ, bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước.

- Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư để phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông kết nối nội vùng và liên vùng, kết nối với cảng biển, cảng hàng không và các khu công nghiệp, khu công nghệ cao; thực hiện các dự án cung cấp nước sạch, nước thô vùng đồng bằng sông Cửu Long và các dự án khác của Thành phố Cần Thơ.

- Tập trung nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư nhằm khai thác hiệu quả quỹ đất phục vụ cho việc thu hút các dự án đầu tư lớn sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách.

- Xúc tiến thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công nghiệp áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, thân thiện với môi trường và công nghệ thông tin, năng lượng tái tạo. Chủ động thực thi và tận dụng hiệu quả các cam kết tại các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các hiệp định thương mại trong nhóm các nước ASEAN.

- Xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp năng động, sáng tạo, tạo điều kiện hình thành các doanh nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, viễn thông.

5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học và công nghệ, các lĩnh vực xã hội, môi trường và bảo đảm quốc phòng an ninh; khẳng định vị thế là trung tâm giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế chuyên sâu của vùng đồng bằng sông Cửu Long; thực hiện tốt công tác tôn giáo, dân tộc

- Triển khai đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở một số lĩnh vực ưu tiên về y tế chuyên sâu, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục đào tạo. Đẩy mạnh đào tạo các ngành nghề trọng điểm đạt trình độ các nước khu vực ASEAN. Tiếp tục thực hiện lộ trình tự chủ của các cơ sở giáo dục – đào tạo và dạy nghề công lập. Nâng cao năng lực các trung tâm ứng dụng, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, các viện nghiên cứu chuyên ngành.

- Xây dựng Chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế, bồi dưỡng nâng cao và thu hút nhân tài, từng bước hình thành đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao của Thành phố.

- Nâng cao chất lượng đời sống văn hoá của người dân, xây dựng con người Cần Thơ "Trí tuệ, năng động, nhân ái, hào hiệp, thanh lịch".

- Bảo tồn và phát huy hiệu quả các di tích lịch sử, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, làng nghề, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển du lịch; xây dựng các sản phẩm du lịch mới và đặc thù, hợp tác phát triển chuỗi du lịch theo dòng sông Mê Công.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội; quan tâm chăm lo đời sống, hỗ trợ sinh kế bền vững cho các đối tượng yếu thế trong xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đô thị văn minh, nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp về bảo vệ môi trường và xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành Trung tâm ứng phó với biến đổi khí hậu của Vùng, là hạt nhân triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong việc thẩm định, giám sát các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế, đầu tư nước ngoài vào địa bàn chiến lược, trọng điểm, những khu vực xung yếu về an ninh, quốc phòng.

- Bảo vệ an ninh quốc gia, ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, các loại tội phạm; chủ động nắm chắc tình hình ngay tại cơ sở, xử lý tốt các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự; không để xảy ra tình huống phức tạp, bất ngờ; giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống các loại tội phạm. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn.

- Xây dựng chiến lược tổng thể kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trong giai đoạn 2021 - 2030 bảo đảm ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; phát triển mô hình công nghiệp lưỡng dụng vừa phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế vừa sẵn sàng chuyển đổi phục vụ quốc phòng, an ninh khi cần thiết.

6. Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước

- Rà soát, nghiên cứu sửa đổi và hoàn thiện các cơ chế, chính sách phát triển liên kết nội vùng và liên vùng, nhất là với Thành phố Hồ Chí Minh trong phát triển hạ tầng giao thông kết nối và các ngành kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của Thành phố.

- Đẩy mạnh liên kết, phát huy lợi thế riêng biệt, sẵn có của thành phố Cần Thơ và các tỉnh, thành phố trong Vùng, đặc biệt về giáo dục - đào tạo, y tế, giao thông

vận tải, logistics, công nghiệp chế biến và nghiên cứu khoa học - công nghệ.

- Nghiên cứu hình thành các trung tâm của Vùng về cung ứng dịch vụ logistics tập trung, đồng bộ về các dịch vụ bến bãi, kho vận để kết nối và phục vụ nhu cầu của các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt; xây dựng và phát triển Cần Thơ trở thành trung tâm logistics nông - thủy sản của Vùng; chú trọng nghiên cứu phương án đầu tư, phát triển trung tâm logistics hàng không (khu phi thuế quan và logistics tại Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ) và khu logistics cảng Cái Cui.

- Thúc đẩy hoạt động kết nối cung cầu công nghệ, triển lãm trưng bày thành tựu khoa học công nghệ, hội chợ công nghệ quy mô cấp Vùng. Nghiên cứu thành lập sàn giao dịch công nghệ, kết nối thành phố Cần Thơ với các trung tâm trong nước và quốc tế.

7. Thực hiện tốt công tác xây dựng Đảng gắn với cải cách hành chính, xây dựng bộ máy chính quyền các cấp tinh gọn, năng động, hiệu lực, hiệu quả

- Thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương, nhất là các Nghị quyết về tăng cường, chỉnh đốn Đảng; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao đạo đức, năng lực thực thi công vụ, phân công, phân nhiệm rõ ràng, xử lý công việc dứt điểm, đạt hiệu quả cao nhất, không đùn đẩy, trốn tránh trách nhiệm. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, đề cao trách nhiệm cá nhân và khuyến khích tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phấn đấu nằm trong "Nhóm địa phương có chất lượng điều hành rất tốt"; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong nội bộ khối các cơ quan hành chính nhà nước, hướng đến chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; bố trí nguồn lực thực hiện cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hành chính theo hướng giảm thủ tục, giảm thời gian và chi phí.

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và xem xét trách nhiệm của người đứng đầu.

- Nghiên cứu, đề xuất thí điểm thực hiện mô hình chính quyền đô thị đối với thành phố Cần Thơ khi có điều kiện phù hợp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Đối với các bộ, cơ quan có liên quan:

- Xây dựng và ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này; trong đó đẩy mạnh phân cấp, phân quyền toàn diện hơn gắn với trách nhiệm của chính quyền địa phương.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, kiểm điểm về tình hình triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Chính phủ theo quy định.

2. Đối với thành phố Cần Thơ:

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch để cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

- Chủ động nghiên cứu thực hiện thí điểm một số mô hình, quy định đối với các trường hợp phát sinh trong thực tiễn quản lý nhà nước trên địa bàn, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ động liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước, nhất là trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, vùng Kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Cửu Long và với vùng Kinh tế trọng điểm Phía Nam, Thành phố Hồ Chí Minh để cùng khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, góp phần phát triển đồng bộ các vùng và cả nước.

- Định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp theo quy định.

3. Trân trọng đề nghị các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp chặt chẽ với cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tăng cường giám sát thực thi công vụ, phản biện xã hội và đóng góp ý kiến, góp phần tạo đồng thuận xã hội trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết này, các bộ, cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ chủ động đề xuất, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp và báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

Phụ lục I

MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 59-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số 98 /NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
1	Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị	Các bộ, cơ quan và địa phương có liên quan		Các thông tin điện tử trên website; chương trình phát thanh, truyền hình; bài viết, bài nói, ấn phẩm; số liệu; Hội thảo, chuyên đề ….	Trong quá trình thực hiện Nghị quyết	
2	Nghiên cứu xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù và phân cấp quản lý cho thành phố Cần Thơ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND TP Cần Thơ, các bộ, cơ quan có liên quan	Đề án báo cáo Chính phủ trước khi trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội	2021-2022	Chính phủ, Quốc hội

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
3	Rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện Nghị định số 103/2018/NQ-CP ngày 07/8/2018 của Chính phủ quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Cần Thơ	UBND TP Cần Thơ	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan có liên quan	Báo cáo đánh giá	2021	Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
4	Nghiên cứu Đề án Trung tâm đổi mới sáng tạo tại thành phố Cần Thơ kết nối Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia	UBND TP Cần Thơ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định	2021-2022	Thủ tướng Chính phủ
5	Xây dựng Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050	UBND TP Cần Thơ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, cơ quan có liên quan	Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	2021-2022	Thủ tướng Chính phủ
6	Đề án "Xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025"	UBND TP Cần Thơ	Bộ Xây dựng, Bộ Thông tin và Truyền thông	Đề án	2021-2025	UBND TP Cần Thơ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
7	Đề án thí điểm xây dựng tổ chức mô hình phân cấp chính quyền đô thị và Mô hình quản trị đô thị ở một số quận trong giai đoạn 2021 - 2025	UBND TP Cần Thơ	Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan có liên quan	Đề án	2021-2025	UBND TP Cần Thơ
8	Xây dựng Đề án quản lý, khai thác, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của thành phố Cần Thơ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị.	UBND TP Cần Thơ	Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan	Đề án	2021-2022	UBND TP Cần Thơ
9	Triển khai thực hiện xây dựng Khu công nghệ thông tin tập trung tại thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 09/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ	UBND TP Cần Thơ	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan liên quan và các địa phương Vùng đồng bằng sông Cửu Long	Khu công nghệ thông tin tập trung	2021-2025	UBND TP Cần Thơ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
10	Hình thành Trung tâm nghiên cứu giống lúa Khu vực ASEAN (nâng cấp Viện nghiên cứu lúa đồng bằng sông Cửu Long)	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	UBND TP Cần Thơ và các bộ, cơ quan có liên quan	Trung tâm	2021-2025	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
11	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực của thành phố Cần Thơ, kết nối với hệ thống dữ liệu, thông tin dự báo nhu cầu nhân lực quốc gia	UBND TP Cần Thơ	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các bộ, cơ quan có liên quan	Báo cáo	2021-2025	UBND TP Cần Thơ
12	Xây dựng Đề án phát triển du lịch thành phố Cần Thơ theo hướng sinh thái, khai thác các giá trị văn hoá địa phương gắn với các di tích quốc gia và xây dựng người Cần Thơ "trí tuệ - năng động - nhân ái - hào hiệp - thanh lịch"	UBND TP Cần Thơ	Các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long, các bộ, cơ quan có liên quan	Đề án	2021-2025	UBND TP Cần Thơ

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
13	Nghiên cứu, xây dựng Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc tế cấp Vùng	UBND TP Cần Thơ	Bộ, cơ quan có liên quan	Trung tâm	2021-2025	UBND TP Cần Thơ
14	Nghiên cứu, xây dựng Đề án y tế thông minh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ	UBND TP Cần Thơ	Bộ Y tế và các bộ, cơ quan có liên quan	Đề án	2021-2025	UBND TP Cần Thơ
15	Tổng kết, đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, từ đó hoàn thiện và thực hiện hiệu quả hơn nữa các nhiệm vụ này theo hướng phát triển dịch vụ logistics phù hợp với tiềm năng, lợi thế của Thành phố	Bộ Công thương	UBND TP Cần Thơ và các bộ, cơ quan có liên quan	Báo cáo tổng kết	2021-2022	Bộ Công Thương

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cấp phê duyệt
16	Xây dựng Chương trình chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ số cho thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021 - 2030	UBND TP Cần Thơ	Bộ Thông tin và Truyền thông	Chương trình	2021-2025	UBND TP Cần Thơ
17	Xây dựng Kế hoạch giám sát các chỉ tiêu thực hiện xây dựng đô thị tăng trưởng xanh	UBND TP Cần Thơ	Bộ Xây dựng	Kế hoạch	2022	UBND TP Cần Thơ
18	Xây dựng kế hoạch hành động thích ứng với biến đổi khí hậu của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2030.	UBND TP Cần Thơ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Kế hoạch hành động	2021-2022	UBND TP Cần Thơ
19	Điều tra, khảo sát và xây dựng bản đồ nhạy cảm, khu vực có nguy cơ gây sự cố môi trường	Bộ Tài nguyên và Môi trường	UBND TP Cần Thơ	Cơ sở dữ liệu và Bản đồ	2022-2024	Bộ Tài nguyên và Môi trường
20	Rà soát và hoàn thiện Quy hoạch thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ vận hành theo cơ chế Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị; xây dựng các công trình phòng thủ trọng điểm theo kế hoạch	Bộ Quốc phòng	UBND TP Cần Thơ, bộ, cơ quan có liên quan	Báo cáo	2021-2025	Chính phủ

Phụ lục II

NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 59-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ DO CÁC ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 98 /NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến nguồn vốn
1	Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị	UBND TP Cần Thơ	2015-2021	NSNN và các nguồn huy động khác
2	Bệnh viện Ung Bướu TP. Cần Thơ quy mô 500 giường	UBND TP Cần Thơ	2018-2022	NSNN và các nguồn huy động khác
3	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (đoạn nối Quốc lộ 91 và Quốc lộ 61C)	UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nối thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang (Quốc lộ 61C)	UBND tỉnh Hậu Giang	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
5	Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 923	UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
6	Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 917	UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
7	Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2)	UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
8	Đường tỉnh 921	UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
9	Đường kết nối quận Ô Môn, huyện Thới Lai thành phố Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	UBND TP Cần Thơ và UBND tỉnh Kiên Giang	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến nguồn vốn
10	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (đoạn nối đường Nam Sông Hậu và Quốc lộ 61C; đoạn nối Quốc lộ 91 và tuyến Lộ Tẻ -Rạch Sỏi)	UBND TP Cần Thơ	2026-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
11	Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ km0-km7)	UBND TP Cần Thơ	2021-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
12	Kè chống sạt lở sông Trà Nóc, phường Trà An (từ cầu Trà Nóc đến cầu Xẻo Mây), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
13	Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rích đến rạch Tầm Vu), phường Thới Hòa, Thới An quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu)	UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
14	Nạo vét hệ thống kênh cấp 2 Ô Môn - Xà No	UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
15	Nâng cấp, xây dựng mở rộng Bệnh viện huyết học truyền máu thành phố Cần Thơ	UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
16	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ	UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
17	Khu hành chính thành phố Cần Thơ	UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
18	Trung tâm văn hóa Tây Đô	UBND TP Cần Thơ	2021-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
19	Nâng cấp Trung tâm ứng dụng tiến bộ KHKT và Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	UBND TP Cần Thơ	2021-2030	NSNN và các nguồn huy động khác

Phụ lục III

NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ DỰ ÁN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 59-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ DO CÁC BỘ, NGÀNH THỰC HIỆN

(Kèm theo Nghị quyết số 98 /NQ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến nguồn vốn
1	Tuyến cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ và cầu Mỹ Thuận 2	Bộ Giao Thông vận tải	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
2	Tuyến cao tốc Cần Thơ - Bạc Liêu	Bộ Giao Thông vận tải	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
3	Tuyến cao tốc Sóc Trăng - Cần Thơ - Châu Đốc	Bộ Giao Thông vận tải	2021-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
4	Nâng cấp tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi thành đường cao tốc	Bộ Giao Thông vận tải	2025-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
5	Tuyến đường vào khu công nghiệp phía Nam và cảng Cái Cui (đoạn từ Ngã Năm cầu Cần Thơ đến cảng Cái Cui)	Bộ Giao Thông vận tải	2021-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
6	Dự án cầu Cần Thơ 2	Bộ Giao Thông vận tải	sau 2030	NSNN và các nguồn huy động khác
7	Nâng cấp, mở rộng đường Nam Sông Hậu	Bộ Giao Thông vận tải	2021-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
8	Nghiên cứu đề xuất thực hiện tuyến đường sắt kết nối thành phố Cần Thơ với Thành phố Hồ Chí Minh.	Bộ Giao Thông vận tải	sau 2025	NSNN và các nguồn huy động khác

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Dự kiến thời gian thực hiện	Dự kiến nguồn vốn
9	Nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ	Bộ Giao Thông vận tải	2021-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
10	Dự án nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo (giai đoạn 2)	Bộ Giao Thông vận tải	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
11	Dự án nạo vét, cải tạo kênh Mương Khai - Đốc Phủ Hiền	Bộ Giao Thông vận tải	2021-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
12	Triển khai giai đoạn hoàn chỉnh Dự án đầu tư xây dựng luồng cho tàu biển lớn vào sông Hậu	Bộ Giao Thông vận tải	2021-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
13	Nâng cấp, cải tạo và đầu tư đồng bộ các hệ thống thủy lợi lớn, liên tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2021-2025	NSNN và các nguồn huy động khác
14	Nâng cấp trường Đại học Cần Thơ thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu, ứng dụng khoa học của thành phố Cần Thơ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long (các giai đoạn)	Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND TP Cần Thơ	2021-2025	NSNN, nguồn vốn ODA và các nguồn huy động khác
15	Nghiên cứu, xây dựng Trung tâm y tế chuyên sâu – kỹ thuật cao đạt chuẩn quốc tế tại thành phố Cần Thơ	Bộ Y tế	2021-2030	NSNN và các nguồn huy động khác
16	Dự án nâng cấp Trường đại học Y dược Cần Thơ thành trường trọng điểm quốc gia	Bộ Y tế	2021-2030	NSNN và các nguồn huy động khác

QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghị quyết số: 95/2022/QH15	

NGHỊ QUYẾT

Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Cần Thơ

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với thành phố Cần Thơ (sau đây gọi là Thành phố) về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch; thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý; chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ và Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Cần Thơ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội.

2. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Thành phố được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ vay về cho Thành phố vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách Thành phố hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Thành phố không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i, và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

3. Thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố như sau:

a) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định áp dụng phí, lệ phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí, lệ phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí, lệ phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ án phí, lệ phí Tòa án;

b) Ngân sách Thành phố được hưởng 100% số thu tăng thêm từ các khoản thu do việc điều chỉnh chính sách phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản này để đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ chi khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố và không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố;

c) Việc thí điểm thực hiện chính sách phí, lệ phí trên địa bàn Thành phố quy định tại điểm a khoản này phải tuân thủ các nguyên tắc: bảo đảm có lộ trình, phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của Thành phố; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngành, nghề ưu đãi đầu tư; không gây ra tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với một số hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn Thành phố; bảo đảm công khai, minh bạch, cải cách hành chính nhà nước.

Điều 4. Quản lý đất đai

1. Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với quy mô dưới 500 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Việc ủy quyền phải quy định rõ trách nhiệm của người ủy quyền và cơ quan được ủy quyền, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, tránh tiêu cực, thất thoát, lãng phí.

2. Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa quy định tại khoản 1 Điều này phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân Thành phố quy định tại khoản 1 Điều này do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 5. Quản lý quy hoạch

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị Thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Điều 6. Thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức thuộc Thành phố quản lý

Thành phố thực hiện cơ chế tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương theo quy định. Sau khi ngân sách Thành phố bảo đảm đủ nguồn thực hiện cải cách tiền lương và các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của cấp có thẩm quyền, Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách Thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể do Thành phố quản lý theo hiệu quả công việc với mức không quá 0,8 lần mức lương ngạch bậc, chức vụ hoặc mức lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ lãnh đạo. Mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, những trí thức có trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cao của Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định.

Việc sử dụng nguồn cải cách tiền lương chi thu nhập tăng thêm quy định tại Điều này chỉ được thực hiện khi Thành phố tự cân đối được ngân sách.

Điều 7. Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ

1. Các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ theo phương thức xã hội hóa, đáp ứng các điều kiện: bảo đảm chuẩn tắc luồng

hàng hải cho tàu có trọng tải từ 10.000 tấn trở lên ra vào các cảng của Thành phố và có quy mô vốn từ 500 tỷ đồng trở lên được áp dụng hình thức ưu đãi đầu tư sau đây:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An – Cần Thơ được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế, thu nhập được hưởng ưu đãi quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Miễn tiền thuê đất trong 15 năm và giảm 50% tiền thuê đất cho thời gian còn lại đối với diện tích đất được thuê để đổ chất nạo vét của dự án.

2. Việc thực hiện các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Cần Thơ

1. Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Cần Thơ (sau đây gọi là Trung tâm) là khu vực có ranh giới địa lý xác định được Thủ tướng Chính phủ thành lập phù hợp với các quy hoạch có liên quan, để thu hút dự án đầu tư trong các lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, sản xuất, chế biến và cung ứng dịch vụ, xuất khẩu nông sản, thủy sản.

Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Trung tâm.

2. Doanh nghiệp có dự án đầu tư tại Trung tâm được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của Trung tâm khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục;

b) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp nối mạng với cơ quan hải quan;

c) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng;

d) Có hệ thống kiểm soát nội bộ;

đ) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán.

3. Dự án đầu tư tại Trung tâm được áp dụng hình thức ưu đãi đầu tư sau đây:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư tại Trung tâm được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 15 năm, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thời gian bắt đầu hưởng ưu đãi, điều kiện áp dụng ưu đãi thuế, thu nhập được hưởng ưu đãi quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

b) Miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất; sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản, được miễn tiền thuê đất 15 năm và giảm 50% tiền thuê đất trong 07 năm tiếp theo.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này; sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2024; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2026.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Cần Thơ và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2022 và được thực hiện trong 05 năm.

2. Các dự án quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này được ký kết hợp đồng triển khai dự án trong thời gian Nghị quyết này có hiệu thi hành, được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này cho đến hết thời gian thực hiện dự án; các doanh nghiệp thực hiện các dự án này cần thực hiện đúng cam kết hợp đồng theo quy định pháp luật và không được chuyển nhượng dự án. Trường hợp dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm luồng hàng hải Định An - Cần Thơ đã được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này, quá trình thực hiện không đáp ứng các điều kiện hoặc không tiếp tục triển khai phương thức xã hội hóa quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị quyết này thì không tiếp tục được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này.

Các dự án đầu tư quy định tại Điều 8 của Nghị quyết này được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực thi hành được hưởng ưu đãi đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 8 của Nghị quyết này.

3. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ nhất thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ